

GUILLAUME MUSSO

Cuộc sống
bị mất
của các
Nhà
văn

Phúc Chi Nhi dịch







Tặng Nathan



LỜI MỞ ĐẦU

Bí ẩn Nathan Fawles

(báo Le Soir - ngày 4 tháng Ba 2017)

Văng bóng trên văn đàn suốt gần hai chục năm qua, tác giả cuốn Lorelei Strange huyền thoại vẫn thực sự mê hoặc độc giả ở mọi lứa tuổi. Sau khi lui về ở ẩn trên một hòn đảo thuộc Địa Trung Hải, nhà văn nhất quyết từ chối mọi lời mời mọc của giới truyền thông. Sau đây là cuộc điều tra về kẻ ẩn cư trên đảo Beaumont.

Người ta gọi đó là hiệu ứng Streisand: càng tìm cách che giấu bao nhiêu, bạn càng thu hút sự tò mò bấy nhiêu. Kể từ khi đột ngột rút khỏi thế giới văn chương vào năm ba mươi lăm tuổi, Nathan Fawles là nạn nhân của cơ chế tai ác này. Cuộc sống của nhà văn người Mỹ lai Pháp này như được một vầng hào quang huyền ảo bao quanh và làm nảy sinh hàng loạt chuyện ngòi lê đôi mách cùng những lời đồn thổi suốt hai thập kỷ qua.

Fawles sinh năm 1964 tại New York, cha là người Mỹ, mẹ là người Pháp, tuổi thơ của ông diễn ra trọn vẹn tại Paris và ông chỉ quay trở lại Mỹ để hoàn thành việc học, trước tiên là tại Học viện Phillips, sau đó là tại Đại học Yale. Tốt nghiệp chuyên ngành Luật và Khoa học Chính trị nhưng sau đó ông lại dốc hết sức mình cho sự nghiệp nhân đạo, với vài năm làm việc trên thực địa cho tổ chức Hành động chống lại nạn đói và Bác sĩ không biên giới, nhất là tại Salvador, Armenia và Kurdistan.

Văn sĩ thành công

Năm 1993, Nathan Fawles quay trở lại New York và xuất bản cuốn tiểu thuyết đầu tay mang tên *Lorelei Strange*, hành trình đầu đời của một nữ

thiếu niên bị giam giữ trong bệnh viện tâm thần. Thành công không đến ngay tức khắc, nhưng chỉ sau vài tháng, nhờ những thông tin truyền miệng - đặc biệt trong giới độc giả trẻ - cuốn tiểu thuyết đã vươn lên đứng đầu danh sách sách bán chạy. Hai năm sau, với cuốn sách thứ hai nhan đề *Một thành phố nhỏ ở Mỹ*, cuốn tiểu thuyết hợp xướng uyên bác dày ngót ngàn trang, Nathan Fawles đã đoạt giải Pulitzer và nổi lên như một trong những giọng văn độc đáo nhất của văn đàn Mỹ. Cuối năm 1997, lần đầu tiên tiểu thuyết gia khiến giới văn chương sửng sốt. Sau khi định cư ở Paris, ông xuất bản cuốn sách mới của mình trực tiếp bằng tiếng Pháp. *Những kẻ bị sét đánh* là một câu chuyện tình đau thương đến xé lòng, nhưng cũng là một suy tưởng về nỗi đau trước cái chết, cuộc sống nội tâm và quyền năng của viết lách. Chính vào dịp này, công chúng Pháp đã thực sự khám phá ra ông, đặc biệt khi ông tham gia một ấn bản đặc biệt của *Nội hàm văn hóa* cùng Salman Rushdie, Umberto Eco và Mario Vargas Llosa. Chương trình hồi tháng Mười một năm 1998 này chính là hoạt động truyền thông áp chót của ông. Quả nhiên, bảy tháng sau, khi vừa bước sang tuổi ba mươi lăm, Fawles đã thông báo việc mình quyết định ngừng viết hẳn trong cuộc trả lời phỏng vấn đầy sắc bén với hãng thông tấn AFP.

Kẻ ẩn cư trên đảo Beaumont

Kể từ ngày đó, nhà văn vẫn giữ vững quan điểm của mình. Sống trong căn nhà riêng tại đảo Beaumont, Fawles không còn công bố bất kỳ bản thảo nào dù ngắn nhất, cũng không đồng ý trả lời phỏng vấn bất cứ phóng viên nào. Ông còn từ chối mọi đề xuất chuyển thể các tiểu thuyết của mình sang lĩnh vực điện ảnh hoặc truyền hình (mới đây Netflix và Amazon tiếp tục thất bại trong phi vụ này, bất chấp những đề xuất tài chính vô cùng hấp dẫn, theo như lời họ).

Chẳng mấy chốc là tròn hai chục năm, sự im lặng chát chúa của “kẻ ẩn cư trên đảo Beaumont” không ngừng nuôi dưỡng những ảo tưởng. Tại sao Nathan Fawles lại chọn cách tự nguyện rời xa thế giới như vậy khi mới ba mươi lăm tuổi, lại đang ở tột đỉnh vinh quang?

“Làm gì có bí ẩn Nathan Fawles, Jasper Van Wyck, người bấy lâu vẫn là đại diện của nhà văn cam đoan. Chẳng có bí mật nào để khám phá đâu. Đơn giản là Nathan đã chuyển sang làm việc khác. Anh ấy đã ngừng hẳn việc viết lách và đoạn tuyệt với giới xuất bản.” Khi được hỏi về cuộc sống thường nhật của nhà văn, Van Wyck vẫn tỏ ra mập mờ: “Theo như tôi được biết, Nathan đang chuyên chú vào những mối quan tâm riêng.”

Để sống hạnh phúc, hãy sống ẩn mình

Để chặn đứng mọi trông mong của độc giả, người đại diện này nói rõ rằng tác giả “không còn viết một dòng nào nữa từ hai chục năm nay” và tỏ ra dứt khoát: “Nếu Lorelei Strange thường xuyên được so sánh với *Bắt trẻ đồng xanh*, thì Fawles lại không như Salinger: trong nhà anh ấy không có két sắt chứa đầy bản thảo. Cũng sẽ không bao giờ có cuốn tiểu thuyết mới nào ký tên Nathan Fawles. Ngay cả sau khi anh ấy qua đời. Đó là điều chắc chắn.”

Một lời cảnh báo chẳng đời nào làm nản lòng những kẻ tò mò tìm hiểu thêm. Năm tháng trôi qua, nhiều độc giả lẫn phóng viên đã lên đường tìm tới tận đảo Beaumont để lảng vảng rình mò quanh nhà Fawles. Họ luôn thấy cửa nhà im im đóng. Dân trên đảo dường như cũng sinh nghi. Không có gì đáng ngạc nhiên tại một nơi mà thậm chí từ trước khi nhà văn chuyển tới sinh sống, câu châm ngôn *Để sống hạnh phúc, hãy sống ẩn mình* đã được nâng tầm thành khẩu hiệu. “Tòa thị chính không chia sẻ danh tính cư dân, bất kể nổi tiếng hay không,” viên trợ giúp thị trưởng chỉ nhấn mạnh như vậy. Hiếm người dân đảo nào đồng ý nói về nhà văn. Những người chấp nhận trả lời chúng tôi coi sự hiện diện của tác giả cuốn Lorelei Strange trên đất của họ là chuyện rất đổi bình thường. “Nathan Fawles không ở ru rú trong nhà mà cũng chẳng co rúm người, Yvonne Sicard, vợ của bác sĩ duy nhất trên đảo, cam đoan. Chúng tôi thường xuyên gặp ông ấy ngồi sau vô lăng chiếc Mini Moke khi tới Ed’s Corner, siêu thị duy nhất của thành phố, để mua sắm.” Nhà văn cũng thường xuyên tới quán rượu trên đảo, “nhất là khi có buổi tiếp phát các trận đấu của đội Olympique Marseille,” chủ quán rượu nói rõ. Một trong những khách quen của quán

nhận xét “Nathan không phải kiểu người cục cằn thô lỗ như báo chí đôi khi miêu tả. Đó đúng ra là một tay đáng mến thông thạo bộ môn túc cầu và chuộng rượu whisky Nhật.” Chủ đề trò chuyện duy nhất có thể khiến nhà văn nổi cáu: “Nếu anh cố gắng mắc nối tới những cuốn sách Fawles viết hoặc tới văn chương, rốt cuộc ông ấy sẽ rời khỏi phòng.”

Một khoảng trống trong văn chương

Về phần các đồng nghiệp của Fawles, ta thấy nhiều người phục tùng ông vô điều kiện. Thí dụ như Tom Boyd, vốn luôn dành cho ông lòng ngưỡng mộ vô bờ bến. “Tôi nợ Fawles một vài trong số cảm xúc đẹp nhất có được từ việc đọc nên hiển nhiên, ông ấy thuộc số những nhà văn mà tôi mắc nợ.” tác giả *Bộ ba thiên sứ* cả quyết. Lại thêm ý kiến của Thomas Degalais cho rằng Fawles đang xây dựng ba cuốn sách hết sức khác biệt thành một tác phẩm độc đáo sẽ làm nên lịch sử. “Dĩ nhiên, tôi cũng như tất cả mọi người đều tiếc nuối khi ông ấy rút khỏi văn đàn, tiểu thuyết gia người Pháp bày tỏ. Thời đại chúng ta thấy nhớ giọng văn ông ấy. Tôi mong Nathan quay lại đấu trường bằng cách viết một cuốn tiểu thuyết mới, nhưng tôi nghĩ chuyện đó sẽ không đời nào xảy ra.”

Quả nhiên, có thể là vậy, nhưng đừng quên rằng Fawles đã chọn câu nói sau trong *Vua Lear* làm tiểu dẫn cho cuốn tiểu thuyết sau cùng của mình: “Chính những ngôi sao, những ngôi sao trên cao với vợ kia, đang chi phối cuộc sống của chúng ta.”

Jean-Michel Dubois

NHÀ VĂN KHÔNG VIẾT NỮA

Nhà xuất bản Calmann-Lévy

Số 21 phố Montparnasse

75006 Paris

Số định danh: 379529

Ông Raphaël Bataille

Số 75 đại lộ Aristide-Briand

92120 Montrouge

Paris, ngày 28 tháng Năm năm 2018

Thưa ông,

Chúng tôi đã nhận được bản thảo *Sự rụt rè của những đỉnh cao* của ông, và xin cảm ơn ông vì đã tin tưởng Nhà xuất bản chúng tôi.

Bản thảo của ông đã được ban thẩm định của chúng tôi nghiên cứu kỹ lưỡng nhưng thật đáng tiếc, bản thảo không phù hợp với dạng tác phẩm mà chúng tôi hiện đang tìm kiếm.

Chúng tôi chúc ông sớm tìm ra một nhà xuất bản cho bản thảo này.

Trân trọng,

Ban thư ký văn học

TB: bản thảo của ông vẫn được lưu tại chỗ chúng tôi trong vòng một tháng nữa. Vậy trong trường hợp muốn nhận lại bản thảo này qua đường bưu điện, làm ơn gửi cho chúng tôi một phong bì dán sẵn tem.

1

Phẩm chất hàng đầu của một nhà văn

Phẩm chất hàng đầu của một nhà văn,

đó là sở hữu một cặp mắt rấn chắc.

Dany LAFERRIERE

Thứ Ba ngày 11 tháng chín năm 2018

1.

Gió thổi khiến những cánh buồm đập thành phạch dưới vòm trời chói chang. Quá một giờ chiều đôi chút, chiếc thuyền buồm đã rời bờ biển xứ Var và lúc này đang lướt với vận tốc năm hải lý trên giờ nhằm hướng đảo Beaumont. Tôi ngồi cạnh người lái, gần phòng điều khiển, ngậy ngất với bầu không khí ngoài khơi đây hứa hẹn, mãi miết ngắm làn bụi vàng rực lấp lánh trên Địa Trung Hải.

Vừa sáng nay thôi, tôi bỏ lại căn hộ một phòng của mình ở Paris để bắt chuyến tàu TGV lúc 6 giờ tới Avignon. Tại thành phố của các Giáo hoàng, tôi bắt xe buýt tới tận Hyères, rồi bắt taxi đến bến cảng nhỏ thuộc Saint-Julien-les- Roses, bến cảng duy nhất có phà tới đảo Beaumont. Vì một lần muộn tàu không biết lần thứ bao nhiêu của hãng Đường Sắt Quốc gia Pháp, tôi đã tới muộn năm phút và trễ chuyến phà duy nhất lúc giữa ngày. Trong lúc tôi kéo va li lang thang trên bến cảng, thuyền trưởng của một chiếc thuyền buồm kiểu Hà Lan đang chuẩn bị lên đường ra đảo đón khách đã rộng lòng hào tâm mời tôi cùng đi.

Tôi vừa tròn hai mươi tư tuổi và cuộc sống riêng đang ở vào một thời điểm phức tạp. Hai năm trước, tuy tốt nghiệp một trường thương mại tại Paris nhưng tôi không tìm công việc liên quan đến chuyên ngành mình được đào tạo. Tôi chỉ theo học chuyên ngành đó để cha mẹ yên tâm chứ bản thân không muốn một cuộc sống suốt ngày dính đến quản trị, marketing hay tài chính. Hai năm trở lại đây, tuy phải loay hoay xoay xở bằng những công việc lặt vặt để trang trải tiền thuê nhà nhưng tôi vẫn dốc toàn bộ năng lượng sáng tạo cho việc hoàn thành cuốn tiểu thuyết *Sự rụt rè của những đỉnh cao*, vừa bị chùng chục nhà xuất bản từ chối. Tôi đã ghim tất cả những thư từ chối đó lên tấm bảng treo bên trên bàn viết. Mỗi lần găm một cây ghim lên bề mặt gỗ bàn, tôi lại có cảm giác đang cắm nó vào tim mình, bởi đam mê dành cho viết văn lớn bao nhiêu thì nỗi muộn phiền trong tôi cũng chùng chật bấy nhiêu.

May mắn thay, tâm trạng buồn bã ấy không bao giờ kéo dài quá lâu. Cho đến thời điểm hiện tại, tôi vẫn luôn thuyết phục được bản thân rằng những thất bại này chỉ là một trạm chờ dẫn tới thành công. Để vững tin, tôi bám víu vào những tấm gương lừng lẫy. Stephen King vẫn thường nhắc đi nhắc lại rằng ba mươi nhà xuất bản đã từ chối *Carrie*. Phần nửa các nhà xuất bản tại London từng thấy tập đầu tiên của *Harry Potter* “lê thê dài dòng đối với trẻ em”. Trước khi trở thành cuốn tiểu thuyết khoa học viễn tưởng bán chạy nhất thế giới. *Xứ cát* của Frank Herbert đã bị loại khoảng hai chục lần. Về phần Francis Scott Fitzgerald, hình như ông đã dùng một trăm hai mươi hai lá thư từ chối các truyện ngắn mà ông gửi đăng tạp chí để giăng khắp bốn mặt tường thư phòng riêng.

2.

Nhưng phương pháp Coué⁽¹⁾ này bắt đầu bộc lộ giới hạn. Bất chấp toàn bộ ý chí cá nhân, tôi vẫn khó lòng viết lách trở lại. Không phải hội chứng trang giấy trắng hay việc thiếu ý tưởng khiến tôi tê liệt. Mà chính là cái cảm giác hết sức nguy hại rằng mình không còn tiến bộ được trong viết lách. Cảm giác không rõ mình đang đi tới đâu. Có lẽ tôi cần một cách nhìn nhận mới mẻ về công việc của mình. Một sự hiện diện vừa bao dung vừa

không khoan nhượng. Hồi đầu năm, tôi đã đăng ký một khóa *Creative Writing* do một nhà xuất bản uy tín tổ chức. Tuy nuôi nhiều hy vọng với trại sáng tác này, tôi vẫn nhanh chóng vỡ mộng. Nhà văn dẫn dắt trại sáng tác - Bernard Dufy, một tiểu thuyết gia từng có thời hoàng kim hồi thập niên 1990 - tự giới thiệu về bản thân như *một thợ kim hoàn về văn phong* - theo đúng câu từ của ông ta. “Toàn bộ tác phẩm của các bạn phải dựa trên ngôn ngữ chứ không phải dựa trên câu chuyện, ông ta lúc nào cũng lái nhai như vậy. Câu chuyện ở đó chỉ nhằm phục vụ ngôn ngữ. Một cuốn sách không thể có mục đích nào khác ngoài nghiên cứu về hình thức, nhịp điệu, sự hài hòa. Tính độc đáo khả dĩ duy nhất nằm chính ở đó, bởi lẽ, kể từ Shakespeare, mọi câu chuyện đều đã được viết ra rồi.”

Khoản tiền 1.000 euro mà tôi tiêu tốn cho bài học viết lách này - trong ba buổi mỗi buổi bốn giờ đồng hồ - đã khiến tôi phát cáu và nhẩn tui. Có lẽ Dufy nói đúng, nhưng cá nhân tôi nghĩ chính xác điều ngược lại: văn phong không phải một mục đích tự thân. Phẩm chất hàng đầu của một nhà văn là biết lôi cuốn độc giả bằng một câu chuyện hay. Một câu chuyện có khả năng bắt độc giả khỏi cuộc sống riêng để phóng chiếu họ vào giữa sự riêng tư và sự thật về các nhân vật. Văn phong chỉ là phương tiện phân bố câu chuyện và giúp câu chuyện trở nên cuốn hút. Thực ra, tôi hoàn toàn không quan tâm đến lời khuyên của một nhà văn thuộc trường phái kinh viện như Dufy. Có lẽ lời khuyên duy nhất tôi muốn tiếp nhận, lời khuyên duy nhất đủ tầm quan trọng đối với tôi là lời khuyên từ thần tượng bấy lâu của tôi: Nathan Fawles, nhà văn tôi ưa thích nhất.

Tôi khám phá ra những cuốn sách của ông vào cuối thời niên thiếu, khi Fawles đã gác bút từ lâu. *Những kẻ bị sét đánh*, cuốn tiểu thuyết thứ ba của ông, là do Diane Laborie, cô bạn gái năm cuối trung học, tặng cho tôi làm quà chia tay. Cuốn tiểu thuyết ấy đã khiến tôi rúng động nhiều hơn việc mất đi một tình yêu chưa hẳn đúng nghĩa tình yêu. Tôi đã đọc luôn cả hai cuốn tiểu thuyết đầu tay của ông: *Lorelei Strange* và *Một thành phố nhỏ ở Mỹ*. Kể từ đó, tôi không còn đọc được gì gây kích thích như thế nữa.

Tôi thấy dường như bằng lối viết độc đáo của riêng ông, Fawles đang trực tiếp nói chuyện với tôi. Những cuốn tiểu thuyết của ông linh hoạt, sống động, mãnh liệt. Vốn chưa từng coi ai là thần tượng, ấy thế mà tôi đã đọc đi đọc lại những cuốn sách ông viết, bởi chúng nói cho tôi nghe về chính tôi, về mối quan hệ với những người khác, về những gian truân khi lèo lái đời mình, vì tính dễ tổn thương của con người và cuộc sống bấp bênh của chúng ta. Chúng tiếp thêm cho tôi sức mạnh và nhân khao khát viết trong tôi lên gấp bội.

Những năm tiếp theo sau khi Nathan Fawles gác bút, các tác giả khác đã cố gắng lựa theo phong cách của ông, mô phỏng thế giới của ông, bê nguyên xi cách ông xây dựng một câu chuyện hay bắt chước năng lực cảm giác ở ông. Nhưng đối với tôi, không ai có thể bén gót ông. Chỉ có một Nathan Fawles duy nhất. Dù mến mộ ông hay không, người ta vẫn buộc phải thừa nhận rằng Fawles là một tác giả đặc biệt. Dù tình cờ đọc khi không biết tên các giả, cũng chỉ cần lướt qua một trang trong số các cuốn sách của ông là đủ để biết rằng chính ông đã viết nên trang sách ấy. Và tôi vẫn luôn nghĩ dấu hiệu đích thực của tài năng nằm ở đó.

Tôi cũng vậy, tôi phân tích kỹ lưỡng các tiểu thuyết của ông để thử tìm ra những bí mật, rồi tôi nuôi tham vọng được tiếp xúc với ông. Mặc dù không chút hy vọng về cơ may nhận được hồi âm đầu chỉ một lần, tôi vẫn nhiều bận viết cho ông thông qua nhà xuất bản của ông tại Pháp cũng như người đại diện của ông tại Mỹ. Tôi cũng đã gửi cho ông bản thảo của tôi.

Thế rồi, cách đây mười ngày, trên bản tin gửi đi từ trang web chính thức của đảo Beaumont, tôi phát hiện ra một thông báo tuyển dụng. *La Rose Écarlate*²⁾ hiệu sách nhỏ trên đảo, cần tuyển một nhân viên. Tôi đã trực tiếp ứng tuyển bằng cách gửi mail cho chủ hiệu sách, và ngay ngày hôm ấy, Grégoire Audibert, chủ hiệu sách, đã gọi Facetime cho tôi để thông báo rằng ông chấp nhận hồ sơ ứng tuyển của tôi. Đây chỉ là vị trí làm tạm trong ba tháng. Mức lương không cao, nhưng Audibert đảm bảo cho tôi chỗ ở và hai bữa ăn mỗi ngày tại *Fort de Café*, một trong những nhà hàng gần quảng trường làng.

Tôi mừng vì có được công việc này, theo những gì tôi ngỡ hiểu được qua lời ông chủ hiệu sách, tôi sẽ có thời gian viết lách trong một khung cảnh gợi nhiều cảm hứng. Và điều này thì tôi dám chắc, công việc mới sẽ mang đến cho tôi cơ hội gặp gỡ Nathan Fawles.

3.

Một thao tác của người lái khiến chiếc thuyền buồm giảm tốc độ.

- Đắt liền, thẳng phía trước! ông ta hét lên, đoạn hất cầm về phía hòn đảo nổi bật phía chân trời.

Nằm cách bờ biển xứ Var bốn mươi lăm phút đi tàu, đảo Beaumont trông giống một mảnh trăng lưỡi liềm. Một cung tròn chừng mười lăm cây số bề dài và sáu cây số bề rộng. Hòn đảo luôn được giới thiệu như một hộp nữ trang hoang dã và được bảo tồn. Một trong những viên ngọc của Địa Trung Hải, nơi xen kẽ nào những vũng vịnh nhỏ nước màu lam ngọc, nào những vũng bờ đá, rừng thông và bãi biển cát mịn. Côte d'Azur vĩnh cửu, không khách du lịch, không bê tông hay ô nhiễm.

Mười ngày trở lại đây, tôi dành toàn bộ thời gian tra cứu tài liệu thu thập được về hòn đảo. Kể từ 1955, Beaumont thuộc về một gia đình bí ẩn gồm các nhà công nghiệp người Ý, gia đình Gallinari, bước sang đầu thập niên 1960, họ đã đầu tư những khoản tiền khổng lồ vào việc quy hoạch hòn đảo, tiến hành những công trình dẫn nước và đào đắp đất quy mô lớn, đồng thời gây dựng từ con số 0 một trong những bến cảng du thuyền đầu tiên trên bờ biển này.

Theo năm tháng, hòn đảo vẫn tiếp tục phát triển theo một đường lối rõ ràng: không bao giờ hy sinh hạnh phúc của dân đảo vì một tính hiện đại mạo xưng. Và đối với dân đảo, mỗi đe dọa có hai khuôn mặt được xác định rõ: bọn đầu cơ và du khách.

Để hạn chế việc xây cất, Hội đồng đảo đã thông qua một quy tắc đơn giản: cố định tổng số công tơ nước. Một chiến lược sao chép những gì thành phố nhỏ Bolinas thuộc bang California đã làm từ lâu. Kết quả, từ ba mươi năm nay, dân số luôn xấp xỉ một ngàn năm trăm người. Ở Beaumont không có văn phòng môi giới bất động sản: một phần tài sản được chuyển

giao trong nội bộ gia đình, và phần còn lại qua chỉ định bổ sung; Du lịch trên đảo được kìm hãm nhờ chế độ kiểm soát đầy cảnh giác việc kết nối với lục địa. Giữa mùa cao điểm cũng như giữa mùa đông, một con tàu duy nhất - con tàu *Táo Bạo* trứ danh, mà người ta tạm gọi là “phà” - thực hiện mỗi ngày ba chuyến khứ hồi, lúc 8 giờ, 12h30 và 19 giờ từ bến Beaumont về bến Saint-Julien-les-Roses, chỉ vậy thôi chứ không hơn. Mọi thứ được tiến hành theo kiểu cũ: không giữ chỗ trước và luôn ưu tiên cư dân.

Nói cho chính xác, Beaumont không thù nghịch với việc du khách tìm đến, nhưng ở đó không có gì được dự kiến dành cho họ. Hòn đảo có cả thủy ba quán cà phê, hai nhà hàng và một quán rượu. Không có khách sạn và phòng trọ trong nhà dân cũng rất hiếm. Nhưng càng khuyến can mọi người đừng đến thì nơi chốn này càng nhuốm thêm màu huyền bí và trở thành một địa điểm nổi tiếng. Bên cạnh dân địa phương sinh sống quanh năm trên đảo còn có các cư dân giàu sụ sở hữu tại đây những nhà nghỉ cuối tuần. Qua nhiều thập kỷ, các nhà công nghiệp và một số nghệ sĩ vẫn mê mẩn khung cảnh hấp dẫn điền viên và thanh bình này. Một chủ doanh nghiệp công nghệ cao và đôi ba nhân vật nổi tiếng trong ngành công nghiệp rượu vang đã thành công trong việc mua lại các biệt thự. Nhưng, bất kể nổi tiếng ra sao hay giàu có đến mức nào, mọi người đều tỏ ra kín đáo. Cộng đồng dân đảo không hẹp hòi trong việc dung nạp các thành viên mới, với điều kiện các thành viên này chấp nhận những giá trị từ cổ chí kim đã tạo nên hồn phách Beaumont. Và chàng, những người mới đến này thường tỏ ra quyết liệt hơn cả trong việc bảo vệ hòn đảo đã tiếp nhận họ.

Cái cộng đồng khép kín ấy dù sao cũng gây ra nhiều chỉ trích - thậm chí gây phẫn nộ cho những ai bị loại trừ khỏi đó. Đầu thập niên 1980, chính phủ xã hội chủ nghĩa đã chớm có ý định chuộc lại Beaumont - chính thức là để xếp hạng địa điểm, nhưng trên thực tế là để chấm dứt tình trạng bất tuân thủ của đảo. Tiếp theo đó, một làn sóng phản đối ồ ạt đã buộc chính phủ phải rút lui. Kể từ thời kỳ đó, chính quyền đành chấp nhận một điều: đảo Beaumont là một nơi đặc biệt. Và đúng là nó tồn tại, cách bờ biển xứ Var

vải sợi cáp, một thiên đường nhỏ được tắm đấm bởi những làn nước trong vắt như pha lê. Một mảnh Pháp không hẳn là Pháp.

4.

Đặt chân lên đất liền, tôi kéo va li trên bến tàu lát gạch. Cảng du thuyền không lớn lắm, nhưng được quy hoạch hợp lý, náo nhiệt và đầy quyến rũ. Thành phố nhỏ trải rộng xung quanh vịnh, có phần giống một giảng đường bậc thang: các tầng nhà rực rỡ màu sắc lấp lánh dưới vòm trời ánh thép. Ánh sáng chói lóa và cách bố trí của chúng nhắc tôi nhớ tới hòn đảo Hydra ở Hy Lạp mà thời niên thiếu tôi đã cùng cha mẹ tham quan, nhưng lát sau, trong lúc lang thang tản bộ qua các ngõ hẻm hẹp và dốc, tôi lại thấy như mình đang ở nước Ý của thập niên 1960. Sau nữa, khi đã lên cao, lần đầu tiên tôi nhìn thấy bãi biển cùng những cồn cát trắng, và tôi nghĩ đến những khoảng cát mênh mông ở Massachusetts. Trong lần tiếp xúc đầu tiên với hòn đảo - trong khi bánh vali kêu vang lên trên nền đá lát của những trục đường lớn dẫn tới trung tâm thành phố tôi hiểu rằng tính chất đặc biệt và ma lực của Beaumont nằm ngay trong tập hợp khó nắm bắt này. Beaumont là một chốn muôn hình vạn trạng như tắc kè hoa, một địa điểm độc nhất vô nhị và không thể xếp hạng mà muốn phân tích hay giải thích cũng đành vô vọng.

Tôi nhanh chóng tới được quảng trường trung tâm. Lần này, với dáng dấp một ngôi làng xứ Provence, nơi đây dường như bước ra từ một cuốn tiểu thuyết của Giono. Quảng trường Martyrs là trung tâm đầu não của Beaumont. Một bãi đất rộng rợp bóng cây, viền quanh là một tháp đồng hồ, một đài tưởng niệm vong linh những người đã khuất, một đài phun nước róc rách và một sân chơi bi sắt.

Nép dưới những lùm nho, hai nhà hàng của đảo nằm sát vách nhau: *Un Saint Jean Hiver*⁽³⁾ và *Fort de Café*⁽⁴⁾. Nơi sân hiên quán thứ hai, tôi nhận ra vóc dáng gầy đét của Grégoire Audibert đang ăn nốt món atisô tốt tiêu. Nom ông giống một thầy giáo tiểu học trường phái cũ: chòm râu cằm muối tiêu, áo gi lê ngắn, áo vest dài bằng vải lanh nhàu nhĩ.

Ông chủ hiệu sách cũng đã nhận ra tôi, liền trang trọng mời tôi ngồi cùng bàn, gọi cho tôi một ly nước chanh như thể tôi mới mười hai tuổi.

- Tôi chẳng thà báo cho cậu biết ngay: đến cuối năm tôi sẽ đóng cửa hiệu sách, ông thông báo cho tôi không hề rào trước đón sau.

- Thế là thế nào?

- Chính vì lý do này mà tôi tìm một nhân viên đấy: để sắp xếp sách vở, đôi chút về kế toán và một cuộc kiểm kê vĩ đại sau cùng.

- Ông xác định đóng hẳn cửa hiệu sao?

Ông gật đầu đoạn dùng miếng bánh mì vét nốt chút dầu ô liu còn sót lại.

- Nhưng tại sao chứ?

- Không cầm cự được nữa chứ sao. Hoạt động chỗ tôi sụt giảm liên tục theo năm tháng và sẽ không ổn thỏa hơn được. Rốt cuộc, cậu thừa biết tình hình rồi đấy: chính quyền công lạng lẽ để những gã khổng lồ Mạng, vốn không trả thuế má gì cho nước Pháp, mặc sức phát triển hưng thịnh.

Ông chủ hiệu sách thở dài, trầm ngâm tư lự vài giây rồi nói thêm, nửa cam chịu số phận nửa, khiêu khích:

- Với lại, chúng ta hãy thực tế lên: tại sao phải tự chuốc khổ vào thân để tới một hiệu sách trong khi cậu có thể đặt giao một cuốn sách tới tận nhà mình chỉ bằng ba nhát bấm trên iPhone kia chứ!

- Có đầy lý do mà! Ông đã thử tìm người mua lại hiệu sách chưa?

Audibert nhún vai.

- Chẳng ai buồn quan tâm đến chuyện đó đâu. Ngày nay, chẳng gì sinh lời kém như sách vở. Tiệm của tôi không phải hiệu sách đầu tiên đóng cửa, càng không phải hiệu sách cuối cùng.

Ông dốc phần rượu vang còn lại trong chiếc bình nhỏ vào ly rồi uống một hơi cạn sạch.

- Để tôi dẫn cậu đi thăm *La Rose Écarlate*, ông nói đoạn gấp khăn ăn lại rồi đứng dậy.

Tôi theo bước ông băng qua quảng trường đến tận hiệu sách. Quầy kính trông thảm đạm muốn chết, trên đó bày những cuốn sách hần đã phủ bụi từ nhiều tháng nay. Audibert đẩy cửa rồi tránh sang một bên để nhường lối cho tôi.

Khung cảnh bên trong hiệu sách cũng thảm thê không kém. Màn trướng giăng mắc khiến nơi đây không còn chút ánh sáng. Các tầng giá bằng gỗ hồ đào dĩ nhiên trông rất đẹp, nhưng trên đó chỉ trưng những cuốn sách tham khảo vô cùng kinh điển, sắc sảo, thậm chí là bày cho oai. Văn hóa với những gì kinh viện nhất của nó. Giống như đang bắt đầu xác định tính cách nhân vật, trong một thoáng, tôi hình dung Audibert sẽ lên cơn trụy tim nếu người ta buộc ông phải bán sách khoa học giả tưởng, kỳ ảo hay manga.

- Tôi sẽ cho cậu xem phòng riêng của cậu, ông nói rồi chỉ một cầu thang gỗ ở cuối tiệm.

Ông chủ hiệu sách có căn hộ riêng trên tầng hai. Chỗ của tôi là ở tầng ba: căn hộ một phòng áp mái trải hết chiều dài. Khi mở những ô cửa lừng kêu kẻo kệt, tôi vừa ngạc nhiên vừa vui sướng vì phát hiện thấy một ban công sân thượng trông ra quảng trường. Tầm nhìn ra biển đẹp đến ngoạn mục vực dậy tinh thần tôi đôi chút. Một mê cung những ngõ hẻm uốn lượn giữa những công trình màu hoàng thổ xây bằng đá đã phủ đầy rêu mốc trước khi dẫn ra đến bờ biển.

Xếp dọn đồ đạc xong, tôi xuống hiệu sách gặp Audibert để biết ông thực sự chờ đợi gì ở tôi.

- Wifi hoạt động không ổn lắm, ông vừa cảnh báo vừa bật chiếc máy tính để bàn cũ kỹ. Phải thường xuyên khởi động lại modem để trên gác.

Trong lúc chờ chiếc máy tính thức dậy, ông chủ hiệu sách cắm một bếp điện nhỏ rồi đổ đầy bình chứa của chiếc ấm pha cà phê moka.

- Một tách cà phê nhé?

- Rất sẵn lòng ạ.

Trong khi ông pha cho chúng tôi hai tách cà phê, tôi tha thần đi khắp hiệu sách. Trên tấm bảng gỗ bản đăng sau bàn viết có ghim những trang

nhất cũ kỹ của tờ Livres Hebdo ra từ thời Romain Gary vẫn còn viết (tôi chỉ nói hơi quá một chút thôi...). Tôi những muốn mở toang mấy tấm rèm, gỡ những tấm thảm màu tía sờn mòn, cải tổ lại toàn bộ các kệ giá và bàn trưng bày sách.

Như thế đọc được suy nghĩ của tôi, Audibert lên tiếng:

- *La Rose Ecarlate* có từ năm 1967. Bây giờ hiệu sách trông vớ vẫn thế thôi chứ ngày xưa, đây là một tổ chức đúng nghĩa. Nhiều tác giả, cả người Pháp lẫn ngoại quốc, từng tới đây giao lưu hoặc ký tặng sách.

Ông lấy từ ngăn kéo ra một cuốn sổ mạ vàng bìa da rồi đưa cho tôi như muốn giục tôi lật xem. Nhìn những bức ảnh chụp, quả nhiên tôi nhận ra Michel Tournier, J.M.G. Le Clézio, Françoise Sagan, Jean d'Ormesson, John Irving, John Le Carré và... Nathan Fawles.

- Ông sẽ đóng cửa hiệu sách thật ư?

- Không luyến tiếc, ông khẳng định. Mọi người không còn đọc sách nữa, là vậy đấy.

Tôi chỉnh lại:

- Có lẽ mọi người đọc kiểu khác chẳng, nhưng họ vẫn đọc mà.

Audibert vặn nút tắt bếp để ngắt tiếng rít của chiếc ấm pha cà phê kiểu Ý.

- Rất cuộc, cậu hiểu ý tôi muốn nói gì rồi đấy. Tôi không nói với cậu về giải trí mà về văn học đích thực.

Dĩ nhiên rồi, cái thứ “văn học đích thực” trứ danh ấy... Với những người như Audibert, luôn có một thời điểm để cụm từ này - hoặc cụm “nhà văn đích thực” - lại được mang ra tranh luận. Thế mà tôi chưa từng cho bất cứ ai cái quyền bảo tôi nên đọc cái gì hay không. Vì tôi thấy dường như cái cung cách tự phong cho mình chức thẩm phán để quyết định cái gì là văn học và cái gì không này thật tự phụ vô chừng.

- Cậu có biết nhiều độc giả đúng nghĩa xung quanh mình không? Ông chủ hiệu sách bỗng hăng lên. Tôi đang nói với cậu về những độc giả thông tuệ

dành một khoảng thời gian đáng kể cho việc đọc những cuốn sách nghiêm túc ấy.

Không đợi tôi trả lời, ông tiếp tục bốc hỏa:

- Nói thẳng giữa chúng ta với nhau nhé, ở Pháp còn lại bao nhiêu độc giả đúng nghĩa đây? Mười nghìn? Năm nghìn? Có lẽ ít hơn đấy.

- Tôi thấy ông hơi bi quan.

- Không đâu, không hề! Cần phải thừa nhận chuyện này: chúng ta đang bước vào một hoang mạc văn học. Ngày nay, tất cả mọi người đều muốn trở thành nhà văn và không còn ai đọc sách nữa.

Để thoát khỏi cuộc trò chuyện, tôi chỉ cho ông thấy bức ảnh chụp Fawles dán trong album.

- Nathan Fawles này, ông quen ông ấy sao?

Audibert nhú mày, môi bĩu ra vẻ nghi hoặc.

- Đồi chút. Rốt cuộc, nếu chỉ chừng ấy thôi đã là quen biết Nathan Fawles...

Ông rót cho tôi một tách cà phê đậm đặc như mực viết.

- Fawles tới đây vào năm 1995 hay 1996 gì đó để ký tặng sách, đó là lần đầu tiên ông ấy đặt chân lên đảo. Ông ấy đã lập tức phải lòng nó. Thậm chí chính tôi đã giúp ông ấy mua nhà, căn biệt thự Nam Thập Tự. Nhưng sau đó, mối quan hệ giữa chúng tôi trở nên gần như không tồn tại.

- Thi thoảng ông ấy vẫn tới hiệu sách chứ ạ?

- Không, không bao giờ.

- Nếu tôi tới gặp Fawles, ông có nghĩ ông ấy sẽ đồng ý ký tặng tôi một cuốn sách không?

Audibert lắc đầu thờ dãi:

- Tôi thực lòng khuyên cậu quên cái ý tưởng đó đi: đấy là cách tốt nhất để cậu lãnh một phát súng.

PHÒNG VẤN NATHAN FAWLES DO HÃNG THÔNG TẤN AFP
THỰC HIỆN

AFP - ngày 12 tháng Sáu năm 1999 (trích đoạn)

Anh khẳng định với chúng tôi rằng ở tuổi ba mươi lăm, đang tột đỉnh vinh quang, thì anh đặt dấu chấm hết cho sự nghiệp tiểu thuyết gia của mình sao?

Đúng thế, tôi đã hoàn toàn kết thúc sự nghiệp ấy rồi. Tôi viết văn nghiêm túc từ mười năm nay. Suốt mười năm đó sáng nào tôi cũng ngồi rịt trên ghế, mắt dán vào bàn phím. Tôi không muốn cuộc sống đó nữa.

Anh đã quyết định dứt khoát?

Đúng vậy. Nghệ thuật thì dài mà cuộc đời thì ngắn.

Thế mà vừa năm ngoái, anh vẫn thông báo mình đang viết một cuốn tiểu thuyết mới có nhan đề tạm là *Một mùa hè hết khả chiến bại...*

Dự án đó không vượt qua được giai đoạn phác thảo và tôi đã từ bỏ luôn rồi.

Anh nhắn nhủ điều gì đến đông đảo độc giả đang chờ đợi tác phẩm tiếp theo của anh?

Nhắn rằng họ hãy thôi chờ đợi. Tôi sẽ không viết sách nữa. Họ hãy đọc các tác giả khác. Có thiếu gì đâu.

Viết văn có khó không?

Có, nhưng chắc chắn không khó bằng nhiều công việc khác. Điểm phức tạp và cội nguồn âu lo nằm ở phương diện phi lý của việc viết: không phải vì bạn đã viết ba cuốn tiểu thuyết thì bạn sẽ biết viết cuốn thứ tư. Không có phương pháp, quy tắc, lộ trình có định hướng. Mỗi lần bạn bắt tay vào viết một cuốn tiểu thuyết mới, luôn là một cú nhảy vào nơi chưa biết.

Chính xác thì anh biết làm gì ngoài viết văn?

Có vẻ như tôi nấu món ragu bê rất ngon.

Anh có nghĩ những cuốn tiểu thuyết của mình sẽ được truyền lại cho đời sau không?

Tôi rất hy vọng là không.

Văn học có thể đóng vai trò gì trong xã hội đương đại?

Tôi chưa bao giờ tự đặt ra cho mình câu hỏi này và hôm nay tôi cũng không có ý định bắt đầu làm vậy.

Anh cũng đã quyết định sẽ không trả lời phỏng vấn nữa?

Tôi đã trả lời phỏng vấn quá nhiều rồi... Đây là một sự trui rèn xuyên tạc không có ý nghĩa gì nhiều, ngoại trừ việc quảng bá. Thường xuyên nhất - nếu không muốn nói là lúc nào cũng vậy -, những lời lẽ của bạn được thuật lại một cách thiếu chính xác, bị cắt xén, lệch hẳn khỏi ngữ cảnh. Tôi đã tìm kiếm trong vô vọng mà không vừa lòng chút nào với việc “giải thích” các tiểu thuyết mình viết, và càng không hài lòng với việc trả lời những câu hỏi liên quan đến ưu tiên chính trị hay cuộc sống riêng tư của bản thân.

Thế nhưng biết về tiểu sử của các nhà văn mà ta ngưỡng mộ lại cho phép hiểu đúng hơn những gì họ viết...

Đồng quan điểm với Margaret Atwood, tôi nghĩ rằng muốn gặp gỡ một nhà văn vì ta yêu thích cuốn sách anh ta viết cũng giống như muốn gặp một con ngỗng vì ta yêu thích món gan ngỗng.

Nhưng không phải chính đáng sao nếu muốn hỏi một nhà văn về ý nghĩa công việc của anh ta?

Không, việc này không chính đáng. Mọi quan hệ duy nhất với nhà văn có thể chấp nhận được, đó là đọc anh ta.

2

Học cách viết

Nghệ nhà văn khiến nghiệp nài ngựa hiện ra như một vị trí ổn định.

John STEINBECK

Một tuần sau

Thứ Ba ngày 18 tháng chín năm 2018

1.

Đầu cúi thấp, hai bàn tay quặp chặt ghi đông, tôi đạp dẫn những cú pê đan cuối cùng để lên tới đỉnh ở đầu Đông hòn đảo. Tôi đổ mồ hôi hột. Chiếc xe đạp tôi thuê dường như nặng cả tấn và chiếc ba lô tôi đeo như cửa vào vai tôi.

Tôi không cần đợi lâu, đến lượt tôi phải lòng Beaumont. Đã tám ngày kể từ khi sống ở đây, tôi tranh thủ những lúc rảnh rỗi để khảo sát khắp đảo và tập quen địa hình.

Hiện tại, tôi gần như thuộc lòng bờ biển phía Bắc của Beaumont, ở đó có bến cảng, phố chính và những bãi biển đẹp nhất. Lỗ nhõn toàn vách và mỏm đá, bờ biển phía Nam khó tiếp cận hơn, hoang dã hơn, nhưng đẹp không kém. Tôi mới chỉ mạo hiểm lai vãng tới đó một lần duy nhất, trên bán đảo Sainte-Sophie, để nhìn thấy tu viện cùng tên, nơi vẫn còn sinh sống chừng hai chục tu sĩ dòng thánh Benedict.

Ở phía ngược lại, mũi Safranier nơi lúc này tôi đang tới không nằm trên Strada Principale⁽⁵⁾ con đường dài chừng bốn chục cây số chạy vòng quanh

đảo. Để đến được đây, phải vượt qua bãi biển cuối cùng ở phía Bắc - bãi Vịnh Bạc - rồi đi tiếp hai cây số nữa trên con đường đất hẹp nằm giữa rừng thông.

Theo những lời chỉ dẫn mà tôi lượm lặt được trong tuần, lối vào khu đất của Nathan Fawles nằm ở cuối con đường vốn rất hợp với cái tên ngộ nghĩnh là đường mòn của những nhà thực vật học này. Khi rốt cuộc cũng tới nơi, tôi chỉ thấy một cánh cổng nhôm lồng khít trong bức tường bao cao ngất bằng phiến thạch. Không có hộp thư cũng chẳng có bất kỳ ghi chú nào về tên chủ sở hữu. Về lý thuyết, ngôi nhà mang tên *Nam Thập Tự*, nhưng cái tên này chẳng được thể hiện ở bất cứ đâu. Duy chỉ có vài tấm biển nồng nhiệt chào đón bạn: *Nhà riêng, Cấm vào, Chó dữ, Khu vực có camera giám sát...* Thậm chí còn chẳng có cách nào để bấm chuông hay thông báo về sự hiện diện của mình. Thông điệp hết sức rõ ràng: “*Bất kể bạn là ai, bạn cũng không được chào đón.*”

Tôi bỏ xe đạp lại rồi men theo chân tường bao. Đến một lúc, khu rừng nhường chỗ cho một khoảng cây bụi um tùm những thạch thảo, sim và oải hương dại. Sau năm trăm mét, tôi ra tới một vách đá dốc thẳng xuống biển.

Bất chấp nguy cơ ngã tan xương, tôi trượt trên những mỏm đá cho tới khi tìm thấy một điểm tựa. Tôi khó nhọc đi dọc một vách đá mà rốt cuộc tôi cũng có thể vấp chân bước qua ở chỗ vách bớt dốc hơn. Vượt qua chướng ngại ấy, tôi tiếp tục đi theo bờ biển chừng năm chục mét nữa, rồi sau khi vòng qua một khối đá, rốt cuộc tôi cũng trông thấy nó: nhà của Nathan Fawles.

Được xây trên sườn vách đá, căn biệt thự như được tạc trong đá. Theo truyền thống vĩ đại của kiến trúc hiện đại, đó là một hình hộp được kê sọc bằng những tấm lát bê tông cốt thép để thô kiểu tháo ván khuôn. Ba tầng nhà sừng sững, các sân hiên được xây bên sườn nhà và đảm bảo lưu thông bằng một cầu thang đá dẫn thẳng ra biển. Khối móng nhà dường như liền với vách đá. Nhà được bố trí một loạt cửa sổ kính liền, giống như trên một chiếc tàu chở khách. Cánh cửa chính vừa cao vừa rộng giúp người ta đoán

ra nó được dùng làm kho chứa tàu. Phía trước nhà là một ụ nổi bằng gỗ, cuối ụ có buộc một chiếc thuyền máy vỏ gỗ bóng loáng.

Trong khi tiếp tục thận trọng tiến lên trên các mỏm đá, tôi ngờ trông thấy một bóng người đang di chuyển trên sân hiên. Có thể nào đó chính là Fawles không nhỉ? Tôi khum tay che phía trên mắt để cố nhìn cho rõ bóng người. Đó là bóng một người đàn ông đang... tì một khẩu súng trên vai.

2.

Tôi vừa kịp lao vào nấp đằng sau một mỏm đá thì một phát súng vang rền không trung. Phía sau tôi, cách chừng bốn năm mét, tác động của viên đạn làm bắn ra những manh vớ sắc nhọn nổ lộp độp bên tai tôi. Tôi ở đó, là đi chừng hơn một phút. Tim đập thình thịch. Toàn bộ cơ thể tôi run rẩy và một tia mồ hôi chảy dọc sống lưng. Audibert không nói dối. Fawles đã hoàn toàn phát điên và thẳng tay nã đạn vào những vị khách không mời dám lai vãng tới lãnh địa của ông. Tôi vẫn nằm ẹp xuống đất; không dám thở nữa. Sau hành động cảnh báo đầu tiên này, tiếng gọi của lý trí thét bảo tôi nên vắt chân lên cổ mà cháo chạy ngay lập tức. Tuy nhiên, tôi quyết định không chùn bước. Trái lại, tôi nhòm dậy và lại tiếp tục tiến về phía ngôi nhà. Lúc này Fawles đã xuống tầng dưới, trên phiến đá lát được đắp vun nhô cao hơn hẳn các mỏm đá. Phát đạn thứ hai trúng một thân cây đã bị gió quật đổ. Súc gỗ nổ tung thành những chùm gỗ chết sượng qua mặt tôi. Tôi chưa bao giờ sợ đến thế. Tôi ngoan cố, gần như bất chấp bản thân, vẫn cứ nhảy từ mỏm đá này sang mỏm đá khác. Nathan Fawles, tác giả những cuốn tiểu thuyết mà tôi xiết bao mến mộ, không thể là một kẻ sát nhân tiềm tàng được. Để thức tỉnh tôi hiệu quả hơn, phát đạn thứ ba làm bụi bay tung lên chỉ cách đôi giày Converse tôi đi năm mươi phân.

Chẳng bao lâu, tôi chỉ còn cách Fawles vài mét.

- Biến đi! Người đang xâm phạm lãnh địa riêng đấy! ông lớn tiếng từ trên phiến đá.

- Đó không phải là lý do để nã súng vào tôi như vậy!

- Với ta thì đó chính là lý do!

Mặt trời rọi thẳng vào mắt tôi. Bóng Fawles nổi bật trong ánh ngược sáng, không thể nhìn thấy rõ mặt ông. Tầm vóc trung bình nhưng hình thể rắn chắc, ông đội mũ cói rộng vành và đeo kính râm ánh phản chiếu phớt xanh. Nhất là, ông vẫn chĩa súng về phía tôi, sẵn sàng nhả đạn.

- Người đến đây làm quái gì thế?

- Tôi đến gặp ông, ông Fawles ạ.

Tôi cởi ba lô đang đeo ra để lấy ra tập bản thảo *Sự rụt rè của những đỉnh cao*.

- Tôi tên là Raphaël Bataille, Tôi đã viết một cuốn tiểu thuyết. Tôi mong ông đọc nó rồi góp ý giúp tôi.

- Ta cóc quan tâm đến cuốn tiểu thuyết của người. Và chẳng điều gì cho phép người tìm tới nhà ta quấy rầy cả.

- Tôi quá sức tôn trọng ông, đâu thể quấy rầy ông được.

- Thế nhưng đó lại là điều người đang làm đấy. Nếu thực sự tôn trọng ta thì hãy tôn trọng cả quyền không bị làm phiền của ta đi.

Một con chó tuyệt đẹp - giống golden retriever lông vàng óng - chạy tới chỗ Fawles đang đứng trên sân hiên rồi sủa về phía tôi.

- Tại sao người vẫn tiếp tục tiến bước trong khi ta đang nhắm bắn người nhỉ?

- Tôi biết là ông sẽ không giết tôi đâu.

- Tại sao?

- Vì ông đã viết *Lorelei Strange* và *Những kẻ bị sét đánh*. Vẫn lóa mắt vì sắp bóng, tôi nghe thấy ông cười gằn.

- Nếu người tin rằng các nhà văn sở hữu những phẩm chất đạo đức mà họ gán cho các nhân vật của mình thì người thực sự ngây thơ. Thậm chí còn hơi ngu ngốc.

- Ông nghe này, tôi chỉ muốn nghe lời khuyên của ông thôi. Để cải thiện trình độ viết lách của mình.

- Những lời khuyên ư? Nhưng chẳng bao giờ có lời khuyên nào khiến một nhà văn tốt hơn cả! Nếu có được ba xu óc phán đoán thì có lẽ người đã ngộ ra điều ấy.

- Quan tâm đến người khác đôi chút cũng không gây hại cho ai mà.

- Chẳng ai có thể *dạy người* viết cả. Đó là thứ mà người phải tự mình học lấy.

Vẻ trầm ngâm, Fawles bốt đề phòng trong giây lát, xoa đầu con chó trước khi nói tiếp:

- Được rồi, nếu muốn một lời khuyên thì người có nó rồi đấy. Giờ thì xéo đi.

- Tôi có thể để bản thảo của tôi lại cho ông được không? tôi hỏi đoạn lấy từ trong ba lô ra tập giấy rời đã được đóng thành quyển.

- Không, ta sẽ không đọc đâu. Không có chút cơ may nào đâu.

- Chết tiệt thật, ông chẳng rộng lượng chút nào!

- Vẫn với cái giá đó, tuy nhiên ta sẽ cho người một lời khuyên khác: hãy làm gì khác với cuộc đời mình chứ đừng mong trở thành nhà văn.

- Bố mẹ tôi lúc nào chẳng nói với tôi như thế.

- Chà chà, điều đó chứng tỏ họ đỡ ngốc hơn người.

3.

Một cơn gió bỗng kéo thốc một con sóng tới tận mỏm đá nơi tôi đang đứng. Để tránh nó, tôi leo lên một cụm đá khác, điều này khiến tôi càng lại gần nhà văn hơn. Ông lại giương khẩu súng nạp đạn kiểu bơm đang kẹp dưới vai lên. Một khẩu Remington Wingmaster còng kíp có rãnh, như đôi khi ta vẫn thấy trong các phim cổ, dù khẩu súng đã được định dạng là súng săn.

- Mà người tên gì ấy nhỉ? ông hỏi khi con sóng đá ào qua.

- Raphaël, Raphaël Bataille.

- Và người bao nhiêu tuổi?

- Hai mươi tư ạ.

- Người muốn viết văn từ khi nào thế?

- Vốn dĩ xưa nay rồi ạ. Tôi chỉ quan tâm đến việc đó thôi.

Tranh thủ lúc ông chú ý, tôi bắt đầu một màn độc thoại hùng giải thích từ ngày bé, việc đọc sách và viết văn đã là những chiếc phao cứu sinh giúp tôi chịu đựng sự tầm thường và phi lý của thế giới như thế nào. Nhờ sách vở, tôi đã tự xây cho mình một thành trì bên trong ra sao, cái thành trì mà...

- Người còn lái nhải những điều sáo rỗng đó lâu không? ông ngắt lời tôi.

- Đó không phải là những điều sáo rỗng, tôi tự ái phản đối rồi cất lại tập bản thảo vào ba lô.

- Giá như hôm nay bằng tuổi người, ta sẽ có những tham vọng khác chứ không muốn trở thành nhà văn.

- Tại sao vậy?

- Bởi lẽ cuộc sống của một nhà văn là thứ kém mê hoặc nhất trần đời, Fawles thờ dài. Người sống một đời như xác sống, cô độc và tách biệt với những người khác. Cả ngày người mặc nguyên bộ pyjama và hủy hoại đôi mắt mình trước một màn hình, chén pizza nguội ngắt trong lúc trò chuyện với những nhân vật tưởng tượng rồi cuộc sẽ khiến người phát điên. Người mất nhiều đêm đổ mồ hôi sôi nước mắt để viết ra một câu mà ba phần tư lượng độc giả ít ỏi của người thậm chí còn không để ý. Làm nhà văn là thế đấy.

- Suy cho cùng, đâu phải chỉ có thế...

Fawles tiếp tục nói như thế không nghe thấy gì:

- Và điều tệ hại nhất, đó là rốt cuộc người trở nên nghiện cuộc sống thoải tha đó bởi lẽ người ảo tưởng rằng với cây bút và bàn phím của mình, người đang trở thành một đấng tạo hóa, có thể vá víu thực tại.

- Với ông, nói ra điều này thì dễ thôi. Ông có mọi thứ rồi mà.

- Ta có cái gì chứ?

- Hàng triệu độc giả, danh tiếng, tiền bạc, những giải thưởng văn chương, những cô gái sẵn sàng lên giường cùng ông.

- Nói thẳng nhé, nếu người viết vì tiền hay vì gái thì hãy chọn một hoạt động khác đi.

- Ông hiểu tôi muốn nói gì mà.

- Không. Và thậm chí ta còn không biết tại sao ta lại đôi co với người.

- Tôi để lại cho ông bản thảo của tôi.

Fawles phản đối, nhưng không để mất thời gian, tôi quăng ba lô về phía sân hiên nơi ông đang đứng.

Bị bất ngờ, nhà văn cố né người để tránh va chạm. Bàn chân phải bị trượt lồi ông ngã xuống một tảng đá.

Ông cố nén một tiếng kêu, tìm cách đứng dậy ngay và buột miệng rủa:

- Thối tả thật. Mất cá chân của ta!

- Tôi ngại quá. Tôi sẽ giúp ông.

- Chớ lại gần! Nếu muốn giúp ta, người hãy biến đi càng xa càng tốt và đừng bao giờ quay trở lại!

Ông nhặt lại vũ khí rồi ngắm bắn tôi. Lần này, tôi không còn nghi ngờ khả năng Fawles xử bắn tôi tại trận nữa. Tôi quay ngoắt rồi chạy trốn, trượt trên những móm đá, dùng hết tay này đến tay kia bám vấu, không mấy quan tâm đến việc giữ gìn thể diện nữa, hòng thoát khỏi trận lồi đình của nhà văn.

Vừa rời đi, tôi vừa thắc mắc làm thế nào mà ngày hôm nay Nathan Fawles lại có thể trình bày bài diễn văn bất đắc chí đó. Tôi từng đọc nhiều bài phỏng vấn ông thời điểm trước năm 1999. Trước khi rút khỏi văn đàn, Fawles luôn sẵn sàng xuất hiện trên các phương tiện truyền thông. Ông vẫn luôn dùng những lời lẽ ân cần, thể hiện tình yêu với việc đọc và viết. Điều gì có thể khiến cho ông thay đổi như vậy?

Tại sao một người đàn ông đang ở tột đỉnh vinh quang lại đột ngột buông bỏ tất cả những gì mình thích làm, tất cả những gì xây dựng nên và nuôi dưỡng bản thân ông ta, để tự giam mình trong nỗi cô đơn? Trong cuộc sống của Fawles, điều gì đã đảo lộn đến mức ông từ bỏ tất cả những thứ đó? Một cơn trầm cảm nặng? Một cái tang? Một căn bệnh? Trước giờ chưa ai trả lời

được những câu hỏi này. Điều gì đó mách bảo tôi rằng, nếu có thể khám phá bí ẩn Nathan Fawles, tôi cũng sẽ thực hiện được ước mơ xuất bản một cuốn sách.

Quay trở lại khu rừng, tôi cưỡi lên xe đạp để tìm lại đường về thành phố. Ngày của tôi xem ra đã trôi qua hiệu quả. Có lẽ Fawles không đưa ra bài học về viết văn như tôi hằng mong đợi, nhưng ông còn làm tốt hơn thế: ông đã mang đến cho tôi một đề tài tiểu thuyết tuyệt vời và năng lượng mà tôi cần để bắt đầu viết nó.

Danh sách đồ cần mua của các nhà văn

Tôi không thuộc đám nhà văn tồi luôn khẳng định chỉ viết cho bản thân. Tất cả những gì một tác giả viết cho bản thân, đó là các danh sách đồ cần mua, mà họ có thể vứt đi khi đã mua xong. Những thứ còn lại (...) đều là thông điệp gửi tới ai đó khác.

Umberto ECO

Ba tuần sau

Thứ Hai ngày 8 tháng Mười năm 2018

1.

Nathan Fawles đang bồn chồn không yên.

Nửa năm nửa ngồi trên ghế bành với bàn chân bó bột thẳng đuồn đặt trên trường kỷ lót vải bông, ông cảm thấy bối rối. Con chó của ông, Bronco - sinh vật duy nhất quan trọng với ông trên đời -, đã biệt tăm từ hai ngày nay. Thi thoảng chú chó giống golden retriever vẫn biến mất, nhưng chỉ một đến hai giờ đồng hồ chứ chưa bao giờ hơn. Không còn nghi ngờ gì nữa: chú ta đã gặp phải chuyện gì đó. Một vụ tai nạn, một vết thương, một vụ bắt cóc.

Đêm hôm trước, Nathan đã gọi điện cho Jasper Van Wyck, tay đại diện người New York - mối liên hệ chính của ông với thế giới và thứ gần giống với một người bạn nhất -, để xin một lời khuyên. Jasper đề xuất gọi cho tất cả những người bán hàng tại Beaumont. Ông ta cũng đã yêu cầu một trong các thành viên thuộc ê kíp của mình soạn một tờ bướm treo thưởng 1.000

euro cho ai tìm lại được chú chó, rồi gửi tờ bướm đó qua thư điện tử cho toàn ê kíp. Giờ thì chỉ còn phải chờ đợi và chấp tay cầu nguyện nữa thôi.

Nathan thở dài nhìn mắt cá chân bó bột. Ông thêm một ly whisky dẫu còn chưa đến 11 giờ trưa. Chỉ tại thằng nhóc Raphaël Bataille ngu ngốc đó mà ông phải ru rú trong nhà đã hai mươi ngày nay. Ban đầu, ông cứ nghĩ chỉ bị bong gân nhẹ và ông sẽ khỏi với một túi đá chườm trên khớp cùng vài viên paracetamol. Nhưng hôm sau ngày thằng nhóc đột nhập, khi thức dậy, ông đã hiểu rằng mọi việc sẽ phức tạp hơn rất nhiều. Không chỉ mắt cá chân của ông chẳng hết sưng mà ông còn không lê nổi bước nào mà không rú lên vì đau.

Ông buộc phải quyết định gọi cho Jean-Louis Sicard, vị bác sĩ duy nhất ở Beaumont. Một kẻ kỳ quặc suốt ba mươi năm nay vẫn đi khắp hang cùng ngõ hẻm trên đảo bằng chiếc xe gắn máy cũ kỹ. Chẩn đoán của Sicard không mấy lạc quan. Các dây chằng ở mắt cá chân bị đứt, lớp bao khớp bị rách và một sợi gân bị tổn thương nặng.

Sicard lệnh cho ông nghỉ ngơi hoàn toàn. Nhất là bác sĩ đã bó bột chân ông lên tận đầu gối và từ ba tuần nay, chỗ bó ấy khiến ông hoàn toàn phát điên.

Fawles chống nạng đi vòng vòng như một con sư tử bị nhốt trong chuồng, và ông phải ngốn thuốc chống đông máu để phòng ngừa. May thay, chưa đầy hai mươi tư giờ nữa, ông sẽ được giải thoát. Sáng nay, từ tình mơ, chính ông, người vốn hiếm khi dùng điện thoại, đã phải miễn cưỡng gọi cho vị bác sĩ già để chắc chắn rằng ông ta không quên cuộc hẹn giữa họ. Fawles thậm chí còn có gắng mời Sicard đến trong ngày, nhưng nỗ lực của ông đã thất bại.

2.

Tiếng chuông điện thoại gắn tường kéo Fawles ra khỏi cơn ngủ lịm. Nhà vẫn không có điện thoại di động hay địa chỉ mail, cả máy tính cá nhân cũng không, chỉ đúng một chiếc điện thoại có ống nghe cũ kỹ bằng nhựa bakelite gắn cố định vào một cột gỗ chịu lực phân tách không gian giữa phòng khách và phòng bếp. Fawles chỉ sử dụng chiếc điện thoại này để gọi đi, ông

không bao giờ đích thân trả lời các cuộc gọi đến mà để hộp thư thoại ở tầng trên hoạt động. Tuy nhiên, hôm nay, việc chú chó mất tích đã khiến ông vi phạm những thói quen của mình. Ông đứng dậy rồi chống nạng lê ra tận chỗ treo điện thoại.

Là Jasper Van Wyck.

- Tôi có một tin tuyệt vời đây, Nathan: người ta tìm thấy Bronco rồi!

Fawles cảm thấy nhẹ nhõm vô cùng tận.

- Nó ổn chứ?

- Rất ổn, người đại diện của ông cam đoan.

- Người ta tìm thấy nó ở đâu vậy?

- Một cô gái đã nhìn thấy nó trên đường, về phía bán đảo Sainte-Sophie, và đưa nó về tiệm *Ed's Corner*.

- Anh đã bảo Ed dẫn Bronco về cho tôi chưa?

- Cô gái nài nỉ muốn tự mình làm việc đó.

Nathan cảm thấy sộc lên mùi gài bẫy. Bán đảo nam tận đầu kia Beaumont, ở hướng ngược lại với mũi Safranier. Biết đâu người phụ nữ này bắt cóc con chó hòng tiếp cận ông thì sao nhỉ? Hồi đầu thập niên 1980, nữ phóng viên Betty Eppes đã đánh lừa Salinger bằng cách nói dối danh tính bản thân và biến cuộc trò chuyện tầm thường mà cô ta có được với ông thành một bài phỏng vấn rồi chào bán cho các tờ báo ở Mỹ.

- Người phụ nữ này chính xác là ai vậy?

- Mathilde Monney. Một người Thụy Sĩ, tôi nghĩ vậy, đang nghỉ hè trên đảo. Cô ta thuê *bed & breakfast* gần tu viện dòng thánh Benedict. Cô ta là phóng viên của tờ *Thời đại* tại Genève.

Fawles thở dài. Hẳn không thể là cô chủ tiệm hoa, bà chủ hàng thịt, không thể là một nữ y tá hay một cô nàng phi công thương mại... Mà cứ phải là *một nữ phóng viên*.

- Bỏ qua đi, Jasper, tôi có dự cảm chẳng lành với vụ này.

Ông nắm chặt tay rồi dấn vào cây cột gỗ. Ông cần con chó, và Bronco cần ông, nhưng ông không thể lái ô tô đi đón nó được. Đây không phải lý do để mắc bẫy. *Nữ phóng viên của tờ Thời đại...* Ông nhớ đến một nam phóng viên của tờ báo này xưa kia từng phỏng vấn ông tại New York. Một gã ra cái vẻ am hiểu nhưng thực tình chẳng biết chút gì về tiểu thuyết. Có lẽ đó là những kẻ tệ hại nhất: lũ phóng viên phê bình sách của bạn như đúng rồi trong khi chẳng hiểu gì về nó.

- Có lẽ việc cô ta là phóng viên chỉ đơn giản là một sự tình cờ, Jasper gợi ý.

- Một sự tình cờ ư? Anh ngốc thật hay anh coi thường tôi đấy?

- Nghe này, không có gì phải lo lắng cả, Nathan ạ. Anh chấp nhận cho cô ta đến *Nam Tháp Tự*, anh nhận lại con chó rồi lập tức đuổi cô ta ra ngoài.

Một tay cầm ống nghe, Fawles xoa mắt bằng tay kia để cho mình thêm vài giây suy nghĩ. Ông cảm thấy mình dễ bị tổn thương với cái mắt cá chân bó bột và ghét cái cảm giác phải trải qua một tình huống mà ông không làm chủ được.

- Thôi được, tuy thế ông vẫn nhượng bộ. Anh gọi lại cho cô ta đi, gọi lại cho cái cô Mathilde Monney đó. Nói cô ta hãy qua vào đầu giờ chiều rồi chỉ đường để cô ta tới đây.

3.

Buổi trưa. Tôi vừa bán được một cuốn manga *Khu phố xa xăm*, kiệt tác của Taniguchi, sau hai mươi phút hùng biện và tôi vẫn nở nụ cười trên môi. Trong vòng chưa đầy một tháng, tôi đã khiến hiệu sách thay đổi. Đây không phải sự lột xác hoàn toàn mà là một loạt thay đổi đáng kể: không gian sáng sủa và thoáng đãng hơn, sự đón tiếp niềm nở và bớt phần cau có. Thậm chí tôi còn moi được từ Audibert quyền đặt mua vài cuốn sách tham khảo khuyến khích trốn thoát nhiều hơn suy tưởng. Những dấu hiệu nhỏ đều đi theo cùng một hướng: chữ nghĩa *cũng* có thể là một thú vui.

Tôi phải thừa nhận ông chủ hiệu sách đã có công để tôi được tự do hành động. Ông để tôi được yên ổn tuyệt đối và không thường xuyên có mặt

trong cửa tiệm, chỉ rời khỏi căn hộ riêng trên tầng hai để ra quảng trường uống vài ly. Trong lúc miệt mài tính toán, tôi nhận ra ông đã bôi đen bức tranh toàn cảnh. Tình cảnh của hiệu sách còn xa mới tới mức thảm họa. Audibert là chủ sở hữu ngôi nhà và giống như nhiều người buôn bán ở Beaumont, ông nhận một khoản trợ cấp hào phóng từ Công ty cổ phần Gallinari, chủ nhân hòn đảo. Với đôi chút thiện chí và không ít năng động, ta có thể trả lại cho hiệu sách toàn bộ sự hiển hách và thậm chí mời các tác giả quay trở lại đây, tôi đang mơ như vậy.

- Raphaël?

Peter McFarlane, chủ tiệm bánh trên quảng trường, vừa thò đầu vào hiệu sách. Đó là một người Scotland dễ mến hai mươi lăm năm về trước đã rời một hòn đảo này để tới một hòn đảo khác. Tiệm bánh của ông nổi tiếng nhờ món bánh hành và bánh hoa cam kem tươi. Nó mang tên Bread Pit⁽⁶⁾ nhằm tôn vinh một truyền thống có phần tức cười và khác xa phương diện sang chảnh của Beaumont, một truyền thống mà dường như ai nấy đều hết sức gắn bó: đặt cho mỗi cửa hàng một cái tên dựa trên quy tắc chơi chữ. Chỉ duy có vài kẻ tẻ nhạt như Ed mới không chịu làm theo cách này.

- Cậu sang dùng rượu khai vị không? Peter rủ tôi.

Ngày nào cũng có ai đó mời tôi dự nghi lễ uống rượu khai vị. Chính ngộ là mọi người ngồi vào bàn trên các sân hiên để nhấm nháp rượu anis hay một ly Terra dei Pini, loại vang trắng làm nên niềm tự hào của đảo. Ban đầu, tôi thấy vụ này dân dã quá, nhưng rồi tôi nhập cuộc hết sức nhanh chóng. Mọi người ở Beaumont ai nấy đều quen biết nhau. Dù đi đâu, bạn cũng luôn gặp một gương mặt thân quen để chuyện trò dăm câu ba điều. Mọi người thông thả sống và trò chuyện cùng nhau, và đối với tôi, kẻ đã quen sống trong sự buồn tẻ vô vị, hung hăng và ô nhiễm của Paris, thì đây là thứ gì đó mới mẻ.

Tôi ngồi cùng bàn với Peter trên sân hiên quán *Fleurs du Malt*⁽⁷⁾ Ra về dừng dừng, tôi nhìn những gương mặt xung quanh mình để tìm một cô gái tóc vàng. Một khách hàng của hiệu sách mà tôi gặp hôm trước. Tên cô là Mathilde Monney. Cô đang nghỉ hè tại Beaumont, thuê phòng trong một

ngôi nhà gần tu viện dòng thánh Benedict. Cô đã mua cả ba cuốn tiểu thuyết của Nathan Fawles trong hiệu sách của tôi, mặc dù cô khẳng định là đã đọc cả rồi. Thông minh, hài hước, rạng rỡ. Chúng tôi đã thảo luận hai mươi phút và tôi vẫn ngất ngây chưa hồi tỉnh được. Kể từ đó, ý nghĩ gặp lại cô cứ phi nước kiệu trong đầu tôi.

Điểm đen duy nhất của những tuần gần đây, đó là tôi viết ít. Dự án của tôi về bí ẩn Nathan Fawles- mà tôi đã đặt tên là *Cuộc sống bí mật của các nhà văn* - hầu như không tiến triển. Tôi thiếu chất liệu và đề tài vượt quá khả năng của tôi. Tôi đã gửi nhiều thư điện tử cho Jasper Van Wyck, người đại diện của Fawles, và dĩ nhiên không nhận được chút hồi âm nào, tôi cũng hỏi han dân đảo, nhưng không ai cung cấp thêm thông tin gì ngoài những điều tôi đã biết.

- Câu chuyện khủng điên này là gì vậy? Audibert hỏi khi đến chỗ chúng tôi, tay cầm một ly vang hồng.

Ông chủ hiệu sách có vẻ lo lắng. Từ mười phút nay, một tin đồn điên rồ lan truyền khắp quảng trường nơi càng lúc càng nhiều người đổ về. Hai người đi dạo dân Hà Lan vừa phát hiện một cái xác tại bãi biển Tristana, bãi biển độc nhất vô nhị của bờ biển phía Tây Nam hòn đảo. Nơi đó tuyệt đẹp, nhưng nguy hiểm. Năm 1990 đã có hai thiếu niên thiệt mạng trong lúc chơi gần các vách đá. Tai nạn ấy khiến dân đảo chấn thương tâm lý. Ngoài những nhóm nhỏ đang thảo luận sôi nổi, tôi nhận ra Ange Agostini, một trong những cảnh sát viên của thành phố, đang rời quảng trường. Theo bản năng, tôi đi theo ông qua những ngõ nhỏ và bắt kịp ông đúng lúc ông đến chỗ chiếc xe ba bánh đỗ gần bến cảng.

- Ông đến bãi biển Tristana phải không? Tôi đi cùng được chứ?

Agostini ngoái nhìn, hơi ngạc nhiên khi thấy tôi đi theo. Đó là một người đàn ông cao lớn, hói đầu. Một người dân đảo Corse dễ mến, fan cứng của tiểu thuyết trinh thám và anh em nhà Cohen, tôi đã giúp ông khám phá những tác phẩm của Simenon mà tôi thích nhất: *Những kẻ tự sát*, *Người đàn ông nhìn những chuyến tàu qua*, *Căn phòng màu xanh...*

- Nếu cậu muốn thì lên xe đi, người đàn ông đảo Corse nhún vai đáp.

Với tốc độ chừng ba mươi đến bốn mươi cây số giờ, chiếc xe ba bánh hiệu Piaggio bò lết trên Strada Principale. Agostini có vẻ lo lắng. Những tin nhắn ông nhận được trên điện thoại di động rất đáng ngại và khiến người ta nghĩ rằng đây là án mạng thì đúng hơn là tai nạn.

- Thật không tưởng tượng nổi, ông lăm bằm, không thể có án mạng ở Beaumont được.

Tôi hiểu ý ông. Ở Beaumont không có tội phạm thực sự. Gần như không có vụ tấn công nào và cực ít trộm cắp. Cảm giác an toàn đến mức mọi người thường để chìa khóa cắm nguyên trên cửa ra vào hay để xe nôi cùng em bé bên ngoài các cửa hàng. Cảnh sát địa phương chỉ có chừng bốn năm người và phần chính trong công việc của họ là trò chuyện với dân chúng, đi tuần và thông báo về những chuông báo động bị hỏng.

4.

Con đường khó nhọc men theo bờ biển nơi địa hình hiểm trở. Phải mất hơn hai mươi phút, chiếc xe ba bánh mới tới được bãi biển Tristana. Ở một khúc quanh, đôi khi người ta đoán biết hơn là nhìn thấy những căn biệt thự rộng lớn màu trắng khuất sau hàng héc ta rừng thông.

Rồi cảnh vật bỗng nhiên thay đổi hẳn để nhường chỗ cho một bình nguyên hoang vắng nhô cao trên bãi cát đen. Ở chốn này, Beaumont giống Iceland hơn là Porquerolles.

- Cái quái gì vậy?

Chân thì chân ga - xuôi dốc và trên đường thẳng, chiếc mô tô ba bánh hẳn phải đạt tốc độ gần bốn mươi lăm cây số giờ -, Ange Agostini chỉ tay vào khoảng chục chiếc xe hơi đang án ngữ trên đường. Khi lại gần hơn, tình hình trở nên sáng rõ. Khu vực này đã bị lực lượng cảnh sát tới từ lục địa bao vây hoàn toàn. Agostini đỗ xe lại bên vệ đường rồi rảo bước ven khu vực có chằng dải băng nhựa. Tôi không hiểu gì hết. Vì sao chừng đó người, rõ ràng là người bên cảnh sát tư pháp Toulon, nhưng có cả xe của cảnh sát pháp y - có thể triển khai nhanh đến thế trên phần bờ biển hiểm trở này? Ba chiếc xe in đồ hình này ở đâu ra? Tại sao không ai nhìn thấy chúng đổ bộ vào bến cảng?

Tôi chen vào đám người hiếu kỳ và đóng tai nghe mọi cuộc trò chuyện. Dần dà, tôi có thể lập lại sơ lược kịch bản buổi sáng. Vào khoảng 8 giờ sáng, một cặp sinh viên người Hà Lan cắm trại nơi hoang dã đã phát hiện xác một phụ nữ. Họ lập tức liên lạc với sở cảnh sát Toulon, sở đã xin được giấy phép sử dụng thủy phi cơ của hải quan để cử một hạm đội cảnh sát và ba chiếc xe hơi tới đảo. Để kín đáo hơn, cảnh sát đã trực tiếp hạ cánh xuống Phiến Saragota, cách đây chừng chục cây số.

Đi xa thêm một chút, tôi gặp lại Agostini trên một gò đất nhỏ ven đường. Ông có vẻ vừa chán ngán vừa hơi tủi nhục vì không thể tiếp cận hiện trường tội ác.

- Có biết nạn nhân là ai không ạ? tôi hỏi.

- Chưa, nhưng người ta nghĩ đó không phải dân trên đảo.

- Tại sao cảnh sát lại đến đông và nhanh vậy nhỉ? Tại sao họ không báo trước với ai hết?

Người đàn ông đảo Corse lơ đãng nhìn điện thoại di động:

- Đó là vì tính chất của tội ác. Và những bức ảnh do hai thanh niên kia gửi.

- Hai người Hà Lan đó đã chụp ảnh sao?

Agostini gật đầu.

- Chúng được phát tán vài phút trên twitter trước khi bị thu hồi. Nhưng vẫn còn những bản chụp lại màn hình.

- Tôi xem được không?

- Thật lòng tôi khuyên cậu không nên xem, đó không phải cảnh tượng dành cho người bán sách đâu.

- Không sao! Rất có thể tôi cũng nhìn thấy chúng lướt qua trên giao diện Twitter cá nhân mà.

- Tùy cậu thôi.

Ông đưa điện thoại cho tôi và những gì thấy được trên đó khiến tôi buồn nôn. Là xác một phụ nữ. Khó lòng đoán tuổi người đó bởi lẽ khuôn mặt cô dường như đã biến dạng vì những vết thương. Tôi cố gắng nuốt nước bọt,

nhưng cổ họng tôi như tê liệt trước hình ảnh ghê rợn này. Cái xác, khóa thân, như bị đóng đinh vào thân một cây bạch đàn khổng lồ. Tôi zoom trên màn hình cảm ứng. Thứ ghim chặt người phụ nữ vào thân cây không phải đinh mà là những cái đục gỗ hoặc dụng cụ đục đá, chúng làm vỡ xương cổ và cắm sâu vào da thịt cô.

5.

Ngồi sau vô lăng chiếc bán tải mui trần, Mathilde Monney xuyên qua khu rừng trải dài tới tận mũi Safranier. Ở đằng sau xe, Bronco vừa ngắm nhìn cảnh vật vừa sủa ăng ăng. Thời tiết đẹp. Mùi gió phơn vùng biển trộn lẫn với mùi bạch đàn và bạc hà Âu. Những ánh phản chiếu màu nâu ánh vàng của mặt trời mùa thu rọi xuyên qua những tán thông lọng và sồi lam.

Đến trước bức tường bao phiến thạch, Mathilde xuống xe rồi làm theo chỉ dẫn của Jasper Van Wyck. Gần cổng chính bằng nhôm, đằng sau một viên đá sẫm hơn những viên khác, có chiếc điện thoại nội bộ được ngụy trang. Mathilde bấm chuông để thông báo mình đã tới. Cổng cổng kêu lách tách rồi mở ra.

Cô đánh liều lái xe tiến vào bên trong khuôn viên hoang sơ rộng lớn. Một con đường đất chạy xuyên dưới gốc những cây thân gỗ. Cù tùng, dương mai và nguyệt quế mọc san sát nhau. Rồi con đường quanh co trên một con dốc đứng và biển đột nhiên xuất hiện cùng lúc với ngôi nhà của Fawles: một khối xây có dạng hình học, bằng đá hoang thổ, kính và bê tông.

Cô vừa đỗ chiếc bán tải cạnh chiếc xe hăn là của nhà văn - một chiếc Mini Moke màu rằn ri với vô lăng và bảng điều khiển bằng gỗ sơn - thì chú chó giống golden retriever đã nhảy khỏi xe để chạy ùa tới chỗ chủ nó đang chờ trước cửa nhà.

Nhà văn chống nạng, vui mừng khôn xiết khi gặp lại bạn đồng hành. Mathilde bước tới. Trước đó cô hình dung mình sẽ đối diện một kiểu người ăn lông ở lỗ: một lão già thô lỗ cục cằn, quần áo tả tơi với mái tóc dài và bộ râu quai nón hai chục phân. Nhưng người đàn ông đang đứng trước mặt cô

râu cạo tinh tươm. Ông để tóc ngắn, mặc sơ mi thể thao vải lanh màu xanh da trời tiếp với màu mắt và quần dài vải toan.

- Mathilde Monney, cô tự giới thiệu đoạn chìa tay cho ông bắt.

- Cảm ơn vì đã đưa Bronco về với tôi.

Cô gái đầu chú chó.

- Dẫn sao cũng rất vui khi chứng kiến màn hội ngộ của các vị.

Mathilde chỉ vào chiếc nạng và phần mắt cá chân bó bột.

- Tôi hy vọng chuyên này không quá nghiêm trọng.

Fawles lắc đầu.

- Ngày mai, nó sẽ chỉ còn là một kỷ niệm tệ hại.

Cô ngậm ngừng, rồi:

- Chắc ông không còn nhớ nữa, nhưng chúng ta đã từng gặp nhau.

Ông lùi lại một bước, nghi hoặc.

- Tôi không nghĩ thế.

- Có đấy, cách đây lâu rồi.

- Vào dịp nào vậy?

- Tôi để ông đoán thử xem.

6.

Fawles biết rằng, sau này, ông hẳn sẽ tự nhủ lẽ ra mình nên dừng mọi chuyện lại ở chính khoảnh khắc đó. Đơn giản là nói cái câu như ông đã giao hẹn với Van Wyck, “cảm ơn và tạm biệt”, rồi lui vào bên trong nhà. Thay vì thế, ông im bật. Ông đứng trân ra trước cửa nhà, gần như bị Mathilde Monney thôi miên. Cô mặc váy liền thân ngắn họa tiết lưới cải hoa, áo khoác da dáng ngắn và đi đôi xăng đan cao gót với phần dây mảnh lượn vòng quanh rồi thắt nút trên dây chằng ở mắt cá chân.

Ông sẽ không diễn lại đoạn đầu cuốn *Giáo dục tình cảm* - “Đây giống như một sự hiện hình” -, nhưng trong một khoảnh khắc dài ông để mình chui chổng trước cái không-biết-gọi-là-gì của sự nhạy cảm, cương nghị và khí chất thái dương đang toát ra từ người phụ nữ trẻ.

Đó là một cơn say có kiểm soát, một cơn say cuồng đẹp đẽ mà ông đồng lòng, một liều nhỏ tóc vàng hoe, ánh sáng ấm nóng giống như một cánh đồng lúa mì. Ông không nghi ngờ lấy một giây là mình có thể kiểm soát diễn biến mọi việc hay chấm dứt chỉ bằng cách búng tay và khi nào thì ông thấy trò mê hoặc này nên kết thúc.

- Tờ bướm có hứa sẽ thưởng 1.000 euro, nhưng tôi tin mình chỉ cần một tách trà mát lạnh, Mathilde mỉm cười.

Fawles tránh đôi mắt màu xanh lục của người đối thoại, đoạn nhẹ nhàng giải thích rằng vì không thể tự di chuyển nên lâu nay ông không đi mua đồ được, thành thử tủ bếp nhà ông đang trống rỗng.

- Một cốc nước cũng được, cô năn nì. Trời nóng quá.

Thường thì ông đủ khả năng xét đoán mọi người theo bản năng. Những ấn tượng ban đầu của ông thường chuẩn xác. Tuy nhiên, trong trường hợp này, ông hơi lạc lối, đan xen những cảm xúc trái ngược. Một tín hiệu báo nguy đã phát ra trong đầu ông để nhắc ông nên cảnh giác với Mathilde. Nhưng làm thế nào để kháng cự lời hứa hẹn bí ẩn và khó nắm bắt mà cô mang trong mình đây? Một quầng sáng lan tỏa, dịu êm như mặt trời tháng Mười.

- Cô vào đi, rốt cuộc ông cũng nhượng bộ.

7.

Xanh rợn ngợp đến cuối chân trời.

Mathilde kinh ngạc với ánh sáng bao trùm bên trong căn nhà. Cửa ra vào dẫn thẳng đến phòng khách nối dài bởi phòng ăn và phòng bếp. Ba phòng này được lắp những ô cửa kính rộng mênh mông trông ra biển và đem lại cảm giác lênh đênh trên những con sóng. Trong khi Fawles sang phòng bếp rót nước cho cả hai người, Mathilde đắm mình vào không gian kỳ ảo. Ở đây cô cảm thấy dễ chịu, được ru theo tiếng sóng dồi. Các ô cửa bằng vách gạch xóa bỏ không gian giữa phần bên trong nhà và sân thượng, tạo ra cảm giác mất phương hướng dễ chịu, đến độ bạn không còn biết rõ liệu mình

đang ở bên trong hay bên ngoài. Giữa phòng khách, một lò sưởi treo thu hút ánh nhìn, cầu thang mở bằng bê tông láng bóng dẫn lên tầng trên.

Mathilde đã hình dung nơi này giống như một căn nhà tồi tàn tăm tối, nhưng cả ở điểm này nữa, cô cũng đã sai hoàn toàn.

Fawles không tới đảo Beaumont để tự chôn mình, mà ngược lại, để đương đầu với trời, biển và gió.

- Tôi có thể ngó qua sân hiên được không? cô hỏi khi Fawles đưa cô cốc nước.

Nhà văn không đáp, chỉ đi cùng vị khách trên những tấm lát bằng đá phiến đem lại cảm giác đang tiến về phía khoảng không. Khi lại gần mép sân, Mathilde bị chóng mặt. Ở độ cao này, cô mới hiểu rõ hơn kiến trúc ngôi nhà. Tựa vào vách đá, ngôi nhà chia thành ba tầng, sân hiên cô đang đứng được bố trí ở tầng giữa. Những tấm lát bằng bê tông được đặt trên những thanh mút chìa đỡ bao lơn, luân phiên giữa nền và mái. Mathilde hơi cúi xuống để dõi theo cầu thang bằng đá dẫn tới tấm lát tầng dưới. Phía trước cô là một ụ nổi cho phép đi thẳng ra biển và dùng làm điểm neo đậu cho một chiếc thuyền Riva Aquarama tuyệt đẹp với khung gỗ bóng loáng cùng những bộ phận bằng thép crôm sáng chói dưới nắng.

- Người ta thực sự có cảm giác đang đứng trên boong tàu.

- Ừm, Fawles ôn tồn đáp, một con tàu chẳng đi tới đâu mà hầu như luôn ở lại bến cảng.

Trong vài phút, họ mặc sức nói chuyện trên trời dưới biển. Rồi Fawles cùng cô quay trở lại bên trong nhà, và Mathilde, dạo bước như trong viện bảo tàng, lại gần một tầng giá bên trên có bày chiếc máy chữ.

- Tôi cứ nghĩ ông không còn viết nữa, cô hỏi đoạn hất cằm chỉ về phía chiếc máy.

Fawles lướt nhẹ tay trên những đường cong của chiếc máy - một mẫu xinh xẻo màu xanh hạnh nhân chất liệu nhựa bakelite hiệu Olivetti.

- Nó ở đây chỉ để làm cảnh thôi. Vả lại, thậm chí không còn trục lăn mực nữa, ông nói rồi ấn lên các phím. Mà cô biết đấy, từ thời tôi đã có máy tính

xách tay rồi mà.

- Vậy ra không phải ông đã dùng nó để viết những...

- Không.

Cô nhìn ông vẻ thách thức.

- Tôi chắc chắn là ông vẫn còn viết.

- Cô nhầm rồi. Tôi không còn viết một câu nào nữa, kể cả chú thích trong một cuốn sách hay một cái danh sách ngăn ngừa những đồ cần mua.

- Tôi chẳng tin. Người ta không dùng một cái hôm trước hôm sau ngưng luôn một hoạt động từng cấu thành nên cuộc sống của mình và...

Mệt mỏi, Fawles ngắt lời cô:

- Đã có lúc, tôi nghĩ cô không giống những người khác và sẽ không đề cập đến chủ đề này, nhưng tôi đã nhầm. Cô đang tiến hành một cuộc điều tra, có phải không? Cô là một phóng viên tới đây để viết bài về bí ẩn Nathan Fawles cho tờ báo tầm thường của cô chẳng?

- Không, tôi hứa với ông là không.

Nhà văn chỉ cho cô thấy cửa ra vào.

- Giờ thì cô đi đi. Tôi không thể ngăn cản mọi người trù tính mọi chuyện, nhưng bí ẩn Fawles chính xác là chẳng có bí ẩn gì hết, cô hiểu chứ? Và cô có thể viết điều này trên tờ báo của cô.

Mathilde không nhúc nhích một li. Fawles không thay đổi nhiều kể từ khi cô gặp ông trước đây. Ông vẫn như cô hằng nhớ: ân cần, dễ gần, nhưng thẳng thắn. Rồi cô nhận ra mình thực sự đã không dự kiến khả năng này: rằng Fawles vẫn *luôn* là Fawles.

- Nói riêng giữa chúng ta với nhau nhé, ông không nhớ công việc đó sao?

- Nhớ việc ngồi mười tiếng mỗi ngày trước màn hình máy tính ư? Không. Tôi thà dành mười tiếng đó để đi dạo cùng chó cưng trong rừng hoặc trên bãi biển.

- Tôi vẫn không tin.

Fawles lắc đầu thờ dãi.

- Hãv thoi đưa thoi đa sâu đa cảm vào toàn bộ chuyện này đi. Đó chỉ là những cuốn sách thoi mà.

- Chỉ là những cuốn sách thoi sao? Ông mà cũng nói thế ư?

- Ừm, và nói riêng giữa chúng ta với nhau nhé, đó lại còn là những cuốn sách đưoc đánh giá quá cao.

Mathilde tiếp tục hỏi:

- Còn bây giờ, ông làm gì để qua ngày?

- Tôi ngẫm nghĩ, uống rượu, nấu nướng, uống rượu, bơi, rồi lại uống rượu, đi dạo miên man, tôi...

- Ông có đọc sách không?

- Thi thoảng dăm ba cuốn trinh thám và sách về lịch sử hội hoa hoặc thiên văn. Tôi đọc lại vài cuốn kinh điển, nhưng toàn bộ chuyện này đâu có quan trọng.

- Tại sao lại không chứ?

- Hành tinh này đã trở thành một lò lửa lớn, nhiều phần quan trọng của thế giới đang tắm trong máu lửa, người ta bỏ phiếu bầu cho những kẻ điên cuồng hung hãn và u mê trước các mạng xã hội. Thế giới rệu rã từ khắp mọi nơi, vậy nên...

- Tôi không thấy mối liên quan.

- Vậy nên tôi nghĩ có những thứ quan trọng hơn là biết nguyên do tại sao Nathan Fawles ngừng viết từ hai chục năm nay.

- Các độc giả vẫn tiếp tục đọc ông.

- Cô muốn gì chứ, tôi không thể ngăn họ làm vậy. Và lại, cô biết rất rõ rằng thành công này dựa trên một sự hiểu nhầm. Chính Duras đã nói vậy, không phải sao? Hoặc có lẽ là Malraux. Vượt quá ba mươi nghìn bản, đó là một sự hiểu lầm...

- Độc giả của ông cũng viết cho ông chứ?

- Có vẻ như vậy. Người đại diện của tôi bảo ông ấy nhận được nhiều thư từ gửi đích danh tôi.

- Ông có đọc những thư đó không?

- Cô đùa hay sao thế?

- Tại sao?

- Bởi vì chúng không khiến tôi quan tâm. Với tư cách độc giả, tôi sẽ không bao giờ này ra ý định viết cho một tác giả có tác phẩm mà tôi đánh giá cao. Thực lòng mà nói, cô có hình dung mình sẽ viết thư cho James Joyce vì thích cuốn *Finnegans Wake* không?

- Không. Trước hết vì tôi không bao giờ có thể đọc quá mười trang cuốn sách đó, sau nữa là vì James Joyce hẳn đã qua đời từ bốn mươi năm trước khi tôi sinh ra.

Fawles lắc đầu.

- Cô nghe này, cảm ơn vì đã trả con chó của tôi về đây, nhưng tốt hơn hết là cô đi ngay cho.

- Vâng, tôi cũng nghĩ vậy.

Ông đi ra cùng Mathilde rồi tiễn cô đến tận xe. Cô nói tạm biệt chú chó nhưng không nói gì với Fawles.

Ông nhìn Mathilde thao tác, vừa bị thôi miên bởi các cử chỉ duyên dáng của cô vừa hài lòng vì rũ bỏ được cô. Tuy nhiên, đúng lúc cô chuẩn bị tăng tốc, ông vẫn tranh thủ cửa cánh xe còn mở hòng cố gắng đập tắt tín hiệu báo động nho nhỏ vẫn đang vang dội trong đầu mình:

- Ban này cô có nói chúng ta đã từng gặp nhau cách đây lâu rồi. Là gặp ở đâu vậy?

Đôi mắt xanh lục của cô nhìn thẳng vào mắt ông.

- Mùa xuân năm 1998 tại Paris. Bấy giờ tôi mười bốn tuổi. Ông đã tới gặp gỡ các bệnh nhi của Nhà thiếu niên. Thậm chí ông còn ký tặng tôi một cuốn *Lorelei Strange*. Một ấn bản đặc biệt bằng tiếng Anh.

Fawles vẫn không chút phản ứng, như thể chuyện này không gợi ra bất cứ điều gì trong ông, hoặc giả chỉ gợi ra một ký ức vô cùng xa xăm.

- Tôi đã đọc *Lorelei Strange*, Mathilde nói tiếp. Nó đã giúp tôi rất nhiều. Và tôi chưa bao giờ có cảm giác đó là một cuốn sách được đánh giá quá cao, những gì tôi hiểu được thông qua việc đọc nó cũng không giống với bất kỳ sự hiểu nhầm nào cả.

Toulon, ngày 8 tháng Mười 2018

SỰ ĐOÀN “HOẠT ĐỘNG QUỐC GIA TRÊN BIỂN”

Thông tư số 287/2018

Về việc thiết lập một khu vực cấm lưu thông tạm thời trên biển và các hoạt động hàng hải về phía và xung quanh đảo Beaumont (Var).

Phó Đô đốc hạm đội Édouard Lefébure
tình trưởng đường biển Địa Trung Hải

Căn cứ các điều 131-13-1 và R610-5 của Luật Hình sự,

Căn cứ Luật Vận tải, đặc biệt là các điều L5242-1 và L5242-2,

Căn cứ sắc lệnh số 2007-1167 ra ngày 2 tháng Tám năm 2007 sửa đổi, liên quan đến giấy phép điều khiển và đào tạo lái du thuyền gắn động cơ,

Căn cứ sắc lệnh số 2004-112 ra ngày 6 tháng Hai năm 2004 liên quan đến tổ chức hoạt động Quốc gia trên biển.

Xem xét việc mở một cuộc điều tra hình sự sau khi phát hiện một xác chết trên đảo Beaumont, tại địa điểm có tên Bãi biển Tristana,

Xem xét sự cần thiết phải dành cho các lực lượng an ninh thời gian tiến hành điều tra trên đảo,

Xem xét sự cần thiết phải bảo toàn các yếu tố bằng chứng, qua đó cho phép tìm ra sự thật.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thiết lập, ở ngoài khơi tỉnh Var, một khu vực cấm lưu thông và thực hiện tất cả các hoạt động hàng hải trong bán kính 500 mét xung quanh và vuông góc các bờ của đảo Beaumont, bao gồm các hoạt động chuyên chở người xuất phát từ đảo và tới đảo, kể từ khi công bố Thông tư này.

Điều 2: Các điều khoản của Thông tư này không áp dụng với tàu thủy và máy móc hàng hải hoạt động trong khuôn khổ công tác của dịch vụ công.

Điều 3: Mọi vi phạm liên quan đến Thông tư này, cũng như đến các quyết định được đưa ra nhằm áp dụng Thông tư này, đều khiến đối tượng vi phạm bị truy tố, chịu hình phạt và xử phạt hành chính theo quy định tại các điều từ L5242-1 đến L5242-6-1 của Luật Vận tải và điều R610-5 của Luật Hình sự.

Điều 4: Trưởng ban quản lý lãnh thổ và biển của tỉnh Var, các sĩ quan và viên chức có thẩm quyền trong lĩnh vực cảnh sát biển, tùy theo mức độ liên quan, có trách nhiệm chấp hành Thông tư này. Thông tư này sẽ được công bố trong tuyển tập các văn bản hành chính của tỉnh bờ biển Địa Trung Hải.

Tỉnh trưởng bờ biển Địa Trung Hải,

Édouard Lefébure

4

Phỏng vấn một nhà văn

1) Người phỏng vấn hỏi bạn những câu thú vị đối với anh ta, không thú vị với bạn.

2) Trong những câu trả lời của bạn, anh ta chỉ sử dụng những câu anh ta cho là phù hợp.

3) Anh ta diễn giải những câu trả lời đó bằng từ vựng của anh ta, theo lối suy nghĩ của anh ta.

Milan KUNDERA

Thứ Ba ngày 9 tháng Mười 2018

1.

Từ ngày sống ở Beaumont, tôi đã hình thành thói quen thức dậy cùng mặt trời. Sau một chiều tắm nhanh dưới vòi sen, tôi sẽ đi gặp Audibert, ông thường dùng bữa sáng trên quảng trường thành phố tại sân hiên Fort de Café hoặc Fleurs du Malt. Tính nết ông chủ hiệu sách khá thất thường. Khi thì lầm lì ít nói và khép kín, lúc lại hoạt ngôn và hay chuyện. Tuy nhiên, tôi vẫn nghĩ là ông khá quý mến tôi. Dẫu sao cũng đủ để mời tôi ngồi cùng bàn với ông mỗi sáng và mời tôi một tách trà cùng những lát bánh mì nướng phết mứt quả vả. Được bán cho du khách với giá trên trời, các loại mứt quả của tiệm Mẹ Françoise, hữu cơ hơn cả hữu cơ, nấu bằng vạc rồi thì vân vân và vân vân, là một trong những bảo vật của đảo.

- Ngày mới tốt lành, ông Audibert.

Ông chủ hiệu sách rời mắt khỏi tờ báo rồi chào đón tôi bằng một tiếng lâu bầu lo lắng. Từ hôm qua, dân chúng trên đảo sống trong cảm giác bàng hoàng chấn động. Việc phát hiện ra cái xác phụ nữ bị đóng đinh trên cây bạch đàn lâu đời nhất đảo khiến dân chúng xáo trộn. Kể từ thời điểm đó, tôi biết thêm một thông tin: qua hàng thập kỷ, cái cây được đặt biệt danh là Bất Tử này đã trở thành biểu tượng cho sự thống nhất của đảo. Cảnh tượng kia không thể là kết quả của sự tình cờ và bối cảnh xung quanh cái chết của nạn nhân khiến mọi người ai nấy đều choáng váng. Nhưng điều khiến dân chúng bán loạn hơn nữa, đó là tỉnh trưởng đã quyết định thiết lập lệnh phong tỏa đảo nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều tra. Tàu chở khách bị giữ lại cảng Saint-Julien- les-Roses, các tuần phòng bờ biển nhận lệnh tuần tra và chặn tàu tư nhân định vượt biển theo chiều này hoặc chiều kia. Cụ thể, không một ai có thể rời khỏi đảo hay đặt chân lên đảo. Biện pháp mà phía đất liền áp đặt này khiến mọi cư dân đảo Beaumont, trước nay vốn không chấp nhận mất quyền kiểm soát số phận tập thể của mình, vô cùng bức dọc.

- Tội ác này chính là một đòn chí mạng giáng xuống đảo, Audibert cúi tiết gấp tờ *Var-Matin* lại.

Đó là số ra ngày hôm trước, số buổi tối, tới trên chuyến phà cuối cùng được phép. Trong lúc ngồi xuống, tôi liếc qua trang nhất bị chặn ngang bởi dòng tít “Hòn đảo Đen tối”. Một cú nháy mắt kín đáo với Hergé⁽⁸⁾.

- Chúng ta hãy chờ xem cuộc điều tra sẽ đi tới đâu.

- Cậu muốn nó đi tới đâu kia chứ! ông chủ hiệu sách thốt lên. Một phụ nữ bị tra tấn đến chết rồi bị đóng đinh lên cây Bất Tử. Điều này có nghĩa là có một kẻ điên đang tự do trên đảo!

Toi nhăn mặt vì biết rằng dĩ nhiên Audibert không nhầm. Tôi ngẫu nhiên lát bánh mì phết trong lúc đọc lướt qua bài báo nhưng không biết thêm được gì nhiều từ đó, rồi lấy điện thoại di động ra để tìm kiếm những tin tức mới mẻ hơn.

Hôm qua tôi đã phát hiện ra tài khoản Twitter của một người có tên Laurent Lafaury, một nhà báo ở Paris hiện đang có mặt tại Beaumont để

thăm mẹ. Người này không phải một tay lão luyện trong nghề. Anh ta từng làm việc vài năm cho website của các báo *L'Obs* và *Marianne* trước khi trở thành community manager⁽⁹⁾ cho một tập đoàn truyền thanh. Lịch sử tài khoản của anh ta là một thí dụ hoàn hảo về những gì tệ hại nhất mà cái được gọi là nghề báo 2.0 có thể sản xuất ra: những chủ đề tục tĩu, những nhan đề phóng đại, các xung đột, những lời kêu gọi xử hội đồng, mấy truyện cười ba xu, tweet đi tweet lại một cách có hệ thống những video đáng sợ và tất cả những gì có khả năng hạ thấp lý trí, ve vuốt những bản năng tệ hại nhất, dung dưỡng nỗi sợ hãi và ảo tưởng. Một kẻ nhỏ mọn chuyên truyền bá thông tin sai lệch và những luận đề sặc mùi thuyết âm mưu, nhưng luôn núp kỹ sau màn hình máy tính.

Sau lệnh phong tỏa, nay Lafaury có ưu thế là “phóng viên” duy nhất có mặt trên đảo. Và kể từ vài giờ nay, hãn đã lợi dụng tình huống đó: hãn xuất hiện như phóng viên tường thuật trực tiếp trên bản tin truyền hình của kênh France 2 và người ta nhìn thấy ảnh hãn trên tất cả các kênh tin tức.

- Thăng khốn hèn hạ!

Khi tiểu sử gã phóng viên hiển thị trên màn hình điện thoại của tôi, Audibert bắt đầu rủa xả hãn không tiếc lời. Hôm qua, trên kênh *20 Heures*, Lafaury đã thành công trong việc cùng lúc bóng gió rằng toàn thể dân đảo đang che giấu những bí mật đáng hổ thẹn đằng sau “lớp tường cao của những ngôi biệt thự sang trọng”, và rằng luật im lặng sẽ không bao giờ bị vi phạm ở nơi đây bởi lẽ gia đình Gallinari, những bố già Corleone thứ thiệt, đang thống trị bằng đồng tiền và nỗi sợ hãi. Nếu tiếp tục theo cách này, Laurent Lafaury chẳng mấy chốc sẽ trở thành kẻ bị khinh ghét nhất Beaumont. Dân đảo khó mà tiếp nhận được việc hòn đảo xuất hiện trên truyền thông trong bối cảnh thảm thê như vậy, bởi nhu cầu về một cuộc sống kín đáo đã ăn sâu bám rễ trong gen họ suốt nhiều năm qua. Trên Twitter, gã kia còn khiến tình hình tồi tệ thêm bằng cách công bố những thông tin riêng - có vẻ đáng tin cậy - mà hãn là phía cảnh sát hay các luật gia đã mách cho hãn. Tôi phản đối cái nguyên tắc núp dưới vỏ bọc thông

tin để làm vấn đục tính bảo mật của các cuộc điều tra, nhưng tôi cũng khá tò mò để tạm dẹp sự phẫn nộ của mình sang một bên.

Đoạn tweet gần nhất của Lafaury cách đây chưa đầy nửa giờ. Đó là một đường link dẫn sang blog của hắn. Tôi nhấp chuột để truy cập một bài viết có mục đích tổng hợp các diễn tiến mới nhất của cuộc điều tra. Theo thông tin của tay phóng viên, nạn nhân vẫn đang trong quá trình chờ nhận dạng. Dù là tin vệt hay không thì bài viết vẫn kết thúc bằng một tin riêng sốt dẻo: vào thời điểm người phụ nữ bất hạnh bị đóng đinh vào thân cây bạch đàn cổ thụ đó, xác cô ta đã bị đông lạnh! Quả nhiên, vậy thì rất có thể cô ta đã chết từ nhiều tuần trước.

Tôi phải đọc câu này đến lần thứ hai để chắc chắn hiểu đúng ý nghĩa của nó. Audibert, trước đó đã đứng dậy để đọc lướt bài báo qua vai tôi, bèn buông phịch người xuống ghế, buồn bã.

Trong khi thức dậy, đảo Beaumont vừa ngã vào một thực tại khác.

2.

Nathan Fawles thức giấc trong tâm trạng vui vẻ, đã lâu ông không có được tâm trạng này. Đêm qua ông đi ngủ muộn còn giờ thì thông thả dùng bữa sáng. Sau đó, ông ở lại sân hiên hơn một giờ đồng hồ để vừa hút thuốc vừa nghe những đĩa than cổ của Glenn Gould⁽¹⁰⁾. Đến bản thứ năm, ông thắc mắc hầu như thành tiếng là tâm trạng vui sướng này từ đâu mà ra. Ông kháng cự một lúc trước khi thừa nhận rằng điều duy nhất có thể giải thích được tâm trạng này là ký ức về Mathilde Monney. Phảng phất trong không trung là đôi chút sự hiện diện của cô. Một nét rạng ngời, một chất thơ tươi sáng, một hương thơm điểm xuyết. Cái gì đó thoáng qua và khó lòng nắm bắt chẳng bao lâu nữa sẽ tan biến, ông biết điều ấy, nhưng vẫn muốn thưởng thức đến tận giọt cuối cùng.

Khoảng 11 giờ, tâm trạng ông bắt đầu thay đổi. Nổi tiếp tâm thái nhẹ nhàng khi tỉnh giấc là việc ý thức được rằng chắc hẳn ông sẽ không bao giờ gặp lại Mathilde. Ý thức được rằng, dù có nói gì chẳng nữa, đôi khi ông vẫn bị nỗi cô đơn đè nặng. Rồi vào khoảng giữa trưa, ông quyết định chấm dứt mấy cái trò trẻ con này, sự hăng tiết tuổi mới lớn này, mà thay vào đó là

lấy làm mừng vì tránh xa được cô gái ấy. Ông không nên suy sụp. Ông không có quyền làm vậy. Tuy nhiên, ông cho phép mình tua lại trong tâm thức cuốn phim về cuộc gặp gỡ giữa họ. Một điểm khiến ông tò mò. Một chi tiết không hẳn là một chi tiết và ông cần phải xác minh.

Ông gọi tới Manhattan để gặp Jasper Van Wyck. Sau nhiều hồi chuông, người đại diện văn học trả lời ông bằng một giọng ngái ngủ. Ở New York lúc này mới là 6 giờ sáng và Jasper vẫn đang vui mình trên giường. Trước tiên, Fawles nhờ ông ta tìm giúp các bài báo mà Mathilde Monney đã viết cho tờ *Thời đại* trong những năm gần đây.

- Chính xác thì anh đang tìm kiếm điều gì vậy?

- Tôi không biết. Tất cả những gì anh thấy có thể có mối liên hệ xa gần nào đó với tôi hoặc các tác phẩm của tôi.

- Nhất trí, nhưng chuyện này sẽ mất chút thời gian đấy. Còn gì khác nữa không?

- Tôi muốn anh lần lại dấu vết người phụ nữ quản lý thư viện số của Nhà thiếu niên năm 1998.

- Đó là gì vậy?

- Một cơ sở y tế dành cho thiếu niên thuộc bệnh viện Cochin.

- Anh biết bà ta tên gì không, người thủ thư anh bảo ấy?

- Không, tôi không nhớ nữa. Anh có thể bắt đầu ngay bây giờ không?

- Nhất trí. Tôi sẽ gọi lại cho anh ngay khi tìm ra thứ gì đó.

Fawles gác máy rồi sang bếp để pha cho mình một tách cà phê. Trong lúc nhấm nháp tách espresso, ông cố gắng triệu hồi ký ức. Năm gần Port-Royal, Nhà thiếu niên chuyên chăm sóc các bệnh nhân đặc biệt mắc các chứng rối loạn dinh dưỡng, trầm cảm, sợ trường học, lo âu. Một số thiếu niên nằm viện toàn thời gian, số khác nằm viện ban ngày. Fawles từng tới đó vài ba lần để diễn thuyết trước các bệnh nhân, phần lớn là nữ. Một hội thảo, một trò chơi hỏi-đáp cũng như dẫn dắt một trại sáng tác nhỏ. Ông không còn nhớ những cái tên cũng như những khuôn mặt, nhưng vẫn giữ một ấn tượng tổng thể hết sức tích cực. Các nữ độc giả chăm chú, một cuộc

thảo luận bổ ích và những câu hỏi thường khá chuẩn xác. Ông đang uống nốt tách cà phê thì điện thoại đổ chuông. Jasper đã hết sức khẩn trương.

- Nhờ có LinkedIn, tôi đã dễ dàng tìm lại được người phụ nữ quản lý thư viện số. Bà ta tên là Sabina Benoit.

- Đúng thế, giờ thì tôi nhớ ra rồi.

- Bà ta ở lại Nhà thiếu niên tới tận năm 2012. Sau đó, bà ta làm việc ở tỉnh trong hệ thống Thư viện cho đại chúng. Theo những thông tin mới nhất sẵn có trên mạng, hiện bà ta đang ở Dordogne, thành phố Trélissac. Anh có muốn số điện thoại không?

Fawles ghi lại thông tin liên hệ rồi gọi luôn cho Sabina Benoit. Bà thủ thư vừa kinh ngạc vừa vui mừng khi nghe thấy giọng ông trên điện thoại. Fawles nhớ dáng người bà hơn là khuôn mặt. Một phụ nữ tóc ngắn màu nâu cao lớn năng động và có sự thân tình dễ lây. Ông đã gặp bà tại Hội sách Paris và bị thuyết phục trước đề xuất tới nói chuyện viết lách với các nữ bệnh nhân của bà.

- Tôi đang viết hồi ký, ông mở lời. Nên có lẽ tôi cần một...

- Hồi ký của ông ư? Ông thực sự nghĩ là tôi sẽ tin ông sao, Nathan? bà ngắt lời ông rồi cười vang.

Nói cho cùng, thẳng thắn vẫn cứ là tốt nhất.

- Tôi đang tìm kiếm thông tin về một bệnh nhân nữ của Nhà thiếu niên. Một cô gái có lẽ đã từng tham dự một trong những cuộc hội thảo do tôi chủ trì. Một cô Mathilde Monney nào đó.

- Cái tên này không gợi nhắc tôi điều gì cả, Sabina đáp sau một giây suy nghĩ. Nhưng vì già rồi nên trí nhớ tôi ngày càng kém.

- Tất cả chúng ta đều có phần như vậy mà. Tôi đang tìm hiểu xem Mathilde Monney phải nhập viện vì lý do gì.

- Tôi không còn tiếp cận được dạng thông tin kiểu này nữa, và cho dù...

- Thôi nào, Sabina, dĩ nhiên bà vẫn còn giữ những mối liên hệ. Hãy làm điều này vì tôi, làm ơn giúp tôi. Việc hệ trọng đấy.

- Tôi sẽ cố gắng, nhưng tôi không hứa trước điều gì đâu nhé.

Fawles gác máy rồi đi lục lọi trong thư phòng. Mất hồi lâu ông mới tìm ra một cuốn *Lorelei Strange*. Đó là một ấn bản đặc biệt. Ấn bản đầu tiên được bày bán tại hiệu sách vào mùa thu năm 1993. Ông dùng lòng bàn tay lau bụi trên bìa sách. Bìa sách là bức tranh ông yêu thích, *Nghệ sĩ nhào lộn đứng trên quả bóng*, một bức họa tuyệt đẹp của Picasso thời kỳ Hồng. Bản thân Fawles vào thời đó đã pha gian bìa sách này khi chế ra một bức tranh cắt dán rồi trình lên nhà xuất bản. Vì không mấy tin tưởng vào cuốn sách nên ông ta để mặc cho ông làm vậy. Số lượng phát hành lần đầu của *Lorelei* không vượt quá năm nghìn bản. Cuốn sách ít được báo chí nhắc đến và không thể nói rằng các chủ hiệu sách đã đặc biệt bênh vực nó, dẫu rồi cuộc họ cũng đi theo trào lưu. Cuốn sách chỉ được cứu vớt nhờ độc giả nhiệt tình truyền miệng nhau. Thường là những cô bé thời ấy như Mathilde Monney, họ nhận ra mình trong nhân vật chính. Cần phải nói rằng câu chuyện trong cuốn sách rất thích hợp. Nó kể lại những cuộc gặp gỡ của *Lorelei*, một nữ bệnh nhân trẻ điều trị nội trú tại bệnh viện tâm thần, trong khoảng thời gian một dịp cuối tuần. Bối cảnh này là cái cớ để đặc tả một loạt các nhân vật sống trong bệnh viện. Dần dà, cuốn tiểu thuyết leo lên các bảng xếp hạng sách bán chạy, đạt tới vị trí “hiện tượng văn chương” đáng thềm muốn. Những người ban đầu vốn xem thường ông liền vội vàng bắt kịp chuyến tàu đông. Cuốn sách thu hút cả thanh niên, người cao tuổi, trí thức, giáo viên, học sinh, những người đọc nhiều, những người không đọc. Tất cả mọi người bắt đầu đưa ra một quan điểm về *Lorelei Strange* và người ta gán cho cuốn sách những thứ mà nó không hề nói. Vậy đấy, sự hiểu lầm vĩ đại. Theo năm tháng, phong trào mở rộng và *Lorelei* đã trở thành một dạng kinh điển của văn học đại chúng. Người ta viết luận văn về nó, người ta thấy nó trong các hiệu sách và sân bay cũng nhiều như trong các *books corners* của siêu thị. Thậm chí đôi khi ở cả quầy dành cho thể loại phát triển cá nhân, điều này khiến tác giả cuốn sách phẫn nộ. Vì điều gì phải đến đã đến: thậm chí trước cả khi ngừng viết, Fawles đã bắt đầu ghét bỏ cuốn tiểu thuyết của mình và không thể chịu nổi mỗi khi nghe nhắc đến *Lorelei Strange*, bởi ông có cảm giác mình đã trở thành tù nhân của nó.

Tiếng chuông công kéo nhà văn ra khỏi dòng hồi ức. Ông cất cuốn sách vào chỗ cũ rồi nhìn lên màn hình hệ thống camera giám sát. Bác sĩ Sicard rất cuộc cũng tới để tháo bột cho ông. Suýt thì ông quên! Sắp được giải thoát rồi.

3.

Vụ án mạng ở bãi biển Tristana.

Các khách hàng của hiệu sách, các du khách, các cư dân đảo đang ngang qua quảng trường: tất cả chỉ bàn về việc đó. Từ đầu giờ chiều đến giờ, tôi đã trông thấy nhiều kẻ hiếu kỳ tại *La Rose Ecarlate*. Không mấy người là khách hàng thực sự, ai bước vào hiệu sách cũng đều chuyện phiếm với nhau một chút, vài người muốn xua đi cảm giác kinh hãi, số khác muốn thỏa mãn bản tính tò mò bệnh hoạn.

Tôi đã mở chiếc MacBook của mình trên quầy tiếp đón. Kết nối Internet của hiệu sách khá nhanh nhưng thường xuyên lag, mỗi lần như vậy tôi lại phải chạy lên gác để khởi động lại modem. Trình duyệt web mở sẵn tài khoản twitter của Laurent Lafaury, người vừa mới đây đã cập nhật blog riêng.

Theo những thông tin hẩn đưa ra; cảnh sát đã nhận dạng được nạn nhân. Đó là một phụ nữ ba mươi tám tuổi tên là Apolline Chapuis, kinh doanh rượu vang, sống tại khu phố Charttons ở Bordeaux. Những lời chứng đầu tiên xác nhận sự hiện diện của cô ta tại bến tàu Saint-Julien-les-Roses ngày 20 tháng Tám vừa qua. Một số hành khách đã gặp cô ta trên chuyến phà ngày hôm đó, nhưng các điều tra viên vẫn đang tìm hiểu xem cô ta tới đảo nhằm mục đích gì. Một trong những giả thiết của họ là ai đó đã dụ Apolline Chapuis tới Beaumont, rồi giam cầm cô ta trước khi sát hại và bảo quản xác cô ta trong một phòng lạnh hoặc một tủ đông. Bài viết của tay nhà báo kết thúc bằng một lời đồn đại điên rồ: khám xét trên quy mô lớn tất cả các ngôi nhà trên đảo để tìm ra nơi giam giữ nạn nhân.

Tôi tra tở lịch bưu chính - với minh họa là chân dung Arthur Rimbaud của Carjat - mà Audibert treo đằng sau màn hình máy tính để bàn.

Nếu các nguồn tin của tay nhà báo là đáng tin cậy, thì Apolline Chapuis đã đặt chân lên đảo trước tôi ba tuần. Thời điểm cuối tháng Tám, khi một cơn mưa như đại hồng thủy trút xuống Địa Trung Hải.

Tôi máy móc gõ tên cô trên công cụ tìm kiếm.

Sau vài cú nhấp chuột, tôi tìm ra website công ty của Apolline Chapuis. Chính xác thì người phụ nữ trẻ không phải “thương gia rượu vang” như Lafaury đã viết. Chapuis quả có làm việc trong lĩnh vực rượu vang, nhưng chuyên ngành của cô đúng ra là thương mại và marketing. Hết sức năng nổ trên thị trường quốc tế, công ty nhỏ của cô chuyên bán các loại vang nổi tiếng cho nhà hàng khách sạn cũng như thiết kế các hầm rượu kiểu chìa khóa trao tay cho các cá nhân giàu có. Mục *Chúng tôi là ai?* trên website có nêu lý lịch văn tắt của nữ thành viên sáng lập này và ghi lại những chặng lớn của hành trình của cô. Sinh trưởng tại Paris trong một gia đình sở hữu cổ phiếu của nhiều đồng nho ở Bordeaux, thạc sĩ “Luật về cây nho và rượu vang” tại đại học Bordeaux-IV, rồi một tấm bằng cấp quốc gia về chuyên gia khoa rượu vang (DNO) do Viện nghiên cứu cao cấp về nông học quốc gia của Montpellier cấp. Tiếp đó, Apolline từng làm việc tại London và Hongkong trước khi lập ra công ty tư vấn nhỏ của riêng mình. Bức ảnh đen trắng chụp cô cho thấy một hình thể duyên dáng - đối với ai thích những cô gái tóc vàng hoe cao to có gương mặt phẳng phất buồn.

Apolline tới đảo này làm gì nhỉ? Vì công việc chẳng? Có thể như vậy lắm. Cây nho được du nhập vào Beaumont đã lâu lắm rồi. Giống như ở Porquerolles, mục đích ban đầu của việc trồng nho là để loại cây này đóng vai trò chắn lửa trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn. Ngày nay, nhiều khu vực trồng nho trên đảo trông giống hệt những bờ biển xứ Provence. Cơ sở khai thác lớn nhất - cơ sở làm nên niềm tự hào và danh tiếng của Beaumont - là Gallinari. Đầu những năm 2000, chi nhánh tại Corse của dòng họ này đã trồng những giống nho hiếm trên một vùng đất sét và đá vôi. Nếu ban đầu tất cả mọi người đều cho họ là điên, thì từ đó trở đi loại vang trắng của họ - Terra dei Pini trừ danh, với hai mươi nghìn chai sản xuất mỗi năm - đã tạo dựng được danh tiếng lẫy lừng và xuất hiện trên thực đơn của những

nhà hàng lớn nhất thế giới. Từ khi tới đây, tôi đã có nhiều dịp nếm rượu nectar. Đó là thứ vang trắng ngọt dịu, thanh và còn đượm mùi quả, rồi đọng lại ở vị hoa và cam bergamot. Toàn bộ quy trình sản xuất tuân thủ chuẩn hữu cơ và tận dụng khí hậu ôn hòa của đảo.

Tôi dán mắt vào màn hình máy tính để đọc lại bài viết của Lafaury. Lần đầu tiên trong đời, tôi có cảm giác mình là nhà điều tra ở bên trong một cuốn tiểu thuyết trinh thám đúng nghĩa. Và, giống như mỗi lần trải nghiệm điều gì đó thú vị, tôi lại muốn kết tinh trải nghiệm đó qua việc viết một cuốn tiểu thuyết. Chưa gì, những hình ảnh đáng lo ngại và bí hiểm đã bắt đầu thành hình trong đầu tôi: một hòn đảo ngoài khơi Địa Trung Hải bị tê liệt bởi lệnh phong tỏa, xác chết bị đông lạnh của một phụ nữ trẻ, một nhà văn nổi tiếng giam mình trong nhà riêng từ hai chục năm nay...

Tôi mở một file văn bản mới trên máy tính rồi bắt đầu gõ những dòng đầu tiên:

Chương 1.

Thứ Ba ngày 11 tháng Chín 2018

Gió thổi khiến những cánh bướm đập phành phạch dưới vòm trời chói chang.

Quá một giờ chiều đôi chút, chiếc thuyền buồm đã rời bờ biển xứ Var và lúc này đang lướt với tốc độ năm hải lý trên giờ nhằm hướng đảo Beaumont. Tôi ngồi cạnh người lái, gần phòng điều khiển, ngây ngất với bầu không khí ngoài khơi đây hứa hẹn, mãi miết ngắm làn bụi vàng rực lấp lánh trên Địa Trung Hải.

4.

Mặt trời lặn sau đường chân trời, rạch bầu trời bằng những vệt màu cam. Fawles khó nhọc lê bước suốt quãng đường về sau buổi đi dạo cùng chú chó. Ông những muốn khoe mẽ bằng cách lờ đi những lời khuyên răn của bác sĩ. Ngay khi Sicard giải thoát ông khỏi chỗ bó bột, ông vội vàng ra ngoài cùng Bronco, không mang theo gậy chống cũng chẳng hề cần trợ giúp nào. Và lúc này, ông đang phải trả một cái giá đầy cay đắng : ông thờ hồng hộc, mắt cá chân cứng đờ và toàn bộ cơ bắp đau nhức.

Vừa về đến phòng khách, Fawles liền thả phịch người xuống trường kỷ kê nhìn ra biển rồi nuốt chửng một viên thuốc chống viêm. Ông nhắm mắt một lát để hồi sức trong khi chú chó giống golden retriever liếm hai bàn tay ông. Ông gần như thiếp ngủ thì tiếng chuông cổng chính vang lên khiến ông nhòe mắt.

Nhà văn vịn vào thành trường kỷ để đứng lên rồi tập tễnh bước ra tận hệ thống video giám sát. Gương mặt rạng rỡ của Mathilde Monney xuất hiện trên màn hình.

Nathan chờ người. Người phụ nữ này làm gì ở đây nhỉ? Trong tâm trí ông, chuyến thăm mới này cùng lúc vang lên như một tia hy vọng và một lời đe dọa. Mathilde Monney hẳn phải có mưu đồ gì đó khi quay trở lại gặp ông. Làm gì đây? *Không trả lời chẳng?* Đó là giải pháp tránh xa nguy hiểm trong ngắn hạn, nhưng không cho phép xác định bản chất của nguy hiểm.

Fawles mở khóa cổng chính mà thậm chí không nói qua điện thoại nội bộ. Tim ông đã thôi đập dồn, và khi nỗi kinh ngạc qua đi, ông quyết tâm tháo gỡ tình huống. Ông đủ tầm để đối đầu Mathilde. Ông phải thuyết phục cô từ bỏ ý định chõ mũi vào chuyện của người khác, và đó là điều ông sẽ làm. Nhưng theo cách mềm dẻo.

Giống như hôm trước, ông ra ngoài chờ cô trên ngưỡng cửa. Tựa người vào khung cửa, Bronco đứng bên chân, ông nhìn chiếc xe bán tải làm bốc tung những đám bụi trong lúc tiến lại gần. Cô gái dừng xe trước thềm nhà rồi kéo phanh tay.

Cô đóng sập cửa xe rồi đứng đối diện ông một lát. Cô mặc váy liền ngắn tay in hoa, bên trong là áo cổ lọ dệt kim. Những tia nắng cuối ngày sáng lên trên lớp da của đôi boots cao gót màu mù tạt.

Trông ánh mắt cô đang nhìn ông, Fawles có hai điều tin chắc. Điều thứ nhất: Mathilde Monney không tình cờ, có mặt trên đảo. Cô đến Beaumont chỉ nhằm khám phá bí mật của ông. Điều thứ hai: Mathilde không hề có chút ý niệm nào về bí mật ấy.

- Tôi thấy là ông đã được tháo bột! Ông có thể tới giúp tôi chứ? cô lên tiếng rồi bắt đầu đỡ đồng túi giấy chất chõng sau xe xuống.

- Cái gì vậy?

- Tôi đã đi mua đồ cho ông. Tủ bếp của ông rỗng tuếch, hôm qua ông chẳng nói với tôi thế còn gì.

Fawles không nhúc nhích.

- Tôi không cần người giúp việc nhà. Tôi hoàn toàn có thể tự mình mua sắm.

Từ chỗ ông đang đứng, Fawles ngửi thấy mùi nước hoa của Mathilde. Những làn hương kết tinh từ bạc hà, cam quýt và vải sạch, trộn lẫn với hương rừng.

- Ồ! Ông đừng nghĩ đây là sự phục vụ miễn phí. Tôi chỉ muốn làm sáng tỏ câu chuyện này thôi. Thôi được rồi, ông giúp tôi hay là không nào?

- Câu chuyện nào? Fawles vừa hỏi vừa uể oải tóm lấy những chiếc túi còn lại.

- Câu chuyện về món ragu thịt bê ấy.

Fawles ngỡ mình nghe nhầm, nhưng Mathilde nói rõ thêm:

- Trong lần trả lời phỏng vấn sau cùng, ông khoe mình biết nấu món ragu đó tuyệt ngon. Thật trùng khớp, tôi mê món đó lắm!

- Tôi cứ nghĩ cô là người ăn chay.

- Không hề. Tôi đã mua cho ông tất cả nguyên liệu rồi đây. Ông chẳng còn bất cứ lý do nào để không mời tôi ăn tối nữa.

Fawles hiểu là cô không đùa. Ông không dự trù tình huống này, nhưng ông tự thuyết phục rằng mình sẽ kiểm soát được trò chơi và ra hiệu cho Mathilde vào nhà.

Tự nhiên như thể đang ở nhà mình, người phụ nữ trẻ để đồng túi lên bàn phòng khách, treo áo khoác lên móc rồi khui một chai Corona đoạn lạng lẽ bước ra sân hiên, vừa nhấm nháp bia vừa ngắm cảnh hoàng hôn.

Còn lại một mình trong bếp, Fawles xếp sắp thực phẩm và bắt đầu bận rộn bếp núc với một vẻ uể oải giả tạo.

Câu chuyện về món ragu ấy thật là một điều đại dột. Một câu dí dỏm mà ông tuôn ra để trả lời câu hỏi của phóng viên. Khi bị hỏi về cuộc sống riêng tư, ông thường áp dụng châm ngôn của Italo Calvino: không trả lời hoặc bịa. Nhưng ông không né tránh. Ông chọn ra các nguyên liệu mình cần rồi cất những nguyên liệu khác đi, càng ít dồn trọng tâm vào bên cạnh chân bị đau càng tốt. Ông tìm thấy trong ngăn tủ bếp một chiếc nồi đa năng với lớp đáy tráng men mà đã nhiều năm ông không còn dùng đến rồi cho dầu ô liu vào đun nóng.

Rồi ông lấy ra một cái thớt và bắt đầu chặt nhỏ phần sau đùi và chân giò bê, thái hành và mùi rồi trộn với thịt đang chuyển màu vàng ruộm. Ông thêm một thìa bột và một cốc to vang trắng trước khi giội nước dùng nóng lên toàn bộ nguyên liệu. Giờ thì phải ninh nhỏ lửa hỗn hợp này trong vòng hơn một giờ đồng hồ, ông nhớ là vậy.

Ông liếc qua các phòng khác. Ngày đã tàn và Mathilde đã quay vào bên trong nhà để sưởi ấm. Cô đặt một chiếc đĩa than cũ của nhóm Yardbirds lên mâm quay rồi lục lọi trong thư phòng. Fawles chọn một chai Saint-Julien dưới hầm rượu vang tiếp sau tủ lạnh, thông thả rót rượu vào bình chuyên dụng trước khi quay trở ra phòng khách gặp Mathilde.

- Nhà ông không ấm lắm nhỉ, cô nhận xét. Tôi sẽ không phản đối một ngọn lửa nhỏ đâu.

- Tùy cô thôi.

Fawles tiến về phía giá treo kim loại dùng làm giá đựng củi. Ông gom những cành nhỏ và mấy khúc củi lại rồi nhóm một ngọn lửa trong lò sưởi treo lơ lửng ở vị trí trung tâm căn phòng.

Tiếp tục đi thơ thẩn, Mathilde mở hé chiếc rương treo cố định trên tường cạnh giá trữ củi sưởi và phát hiện ra khẩu súng săn kiểu bơm mà ông cất trong đó.

- Vậy ra đây không phải một truyền thuyết: đúng là ông bắn vào những người đến quấy rầy ông sao?

- Đúng, và cô hãy thấy là mình may mắn vì đã thoát được vụ đó.

Cô chăm chú quan sát khẩu súng. Phần báng và thân súng làm bằng gỗ hồ đào đánh xi, nòng súng bằng thép nhẵn bóng. Giữa những tia phản chiếu phơn phớt xanh của thân súng, giữa những đường lượn trang trí, là một dạng mặt quỷ Lucifer đang nhìn cô với vẻ dọa nạt.

- Đây là quý sứ sao? cô hỏi.

- Không, đây là Kuçedra: một con rồng cái có sừng trong văn hóa dân gian Albani.

- Thú vị thật.

Ông lướt tay trên vai cô để đẩy cô xa khỏi những giá treo rồi kéo cô lại gần lò sưởi và rót mời cô một ly vang. Họ cụng ly rồi lặng lẽ thưởng thức rượu Saint-Julien.

- Một chai Gruaud Larose 1982, ông tiếp đãi tôi trọng thị đấy, cô tán thưởng.

Cô ngồi trên ghế bành da gần trường kỷ, châm một điếu thuốc rồi chơi đùa cùng Bronco. Fawles quay vào bếp, kiểm tra món ragu thịt trắng rồi cho thêm vào đó nấm và những quả ô liu bỏ hạt. Ông nấu cơm, bày hai chiếc đĩa cùng thìa đĩa trong phòng ăn. Đến công đoạn nấu sau cùng, ông thêm nước ép một quả chanh trộn với một lòng đỏ trứng vào món thịt.

- Vào bàn thôi! ông hô đoạn bê món ăn ra.

Trước khi đến chỗ ông, cô đặt lên mâm quay một chiếc đĩa than khác: nhạc phim *Khẩu súng cổ*. Fawles nhìn cô búng ngón tay theo nhịp giai điệu của François de Roubaix trong khi Bronco xoắn xuýt lấy cô. Cảnh tượng thật đẹp. Mathilde thật đẹp. Buông thả theo khoảnh khắc hẳn cũng dễ thôi nhưng ông biết rằng toàn bộ chuyện này chỉ là một trò thao túng giữa hai người, kẻ này định ninh mình thao túng được kẻ kia. Fawles e rằng trò chơi sẽ để lại hậu quả khôn lường. Ông đã liều lĩnh dẫn sói vào chuồng cừu. Chưa ai từng ở gần đến thế cái bí mật mà ông che giấu từ hai chục năm nay.

Món ragu thành công mỹ mãn. Nói gì thì nói, họ cũng đã ăn rất ngon miệng. Fawles đã đánh mất thói quen trò chuyện nhiều, nhưng bữa tối vẫn vui nhờ sự hóm hỉnh và hào hứng của Mathilde, cô luôn có những giả thiết

về mọi việc. Rồi, đến một thời điểm, điều gì đó chợt thay đổi trong ánh mắt cô. Ánh lấp lánh vẫn luôn ở đó, nhưng nó trang nghiêm hơn, ít tươi cười hơn.

- Vì đúng dịp sinh nhật ông nên tôi có mang tới tặng ông một món quà.

- Tôi sinh tháng Sáu mà, hôm nay không hẳn là sinh nhật tôi.

- Tôi tặng hơi sớm một chút, hoặc muộn, có gì nghiêm trọng đâu. Thứ này sẽ khiến ông hài lòng với tư cách tiểu thuyết gia.

- Tôi đâu còn là tiểu thuyết gia nữa.

- Tôi thấy dường như tiểu thuyết gia cũng giống như tổng thống vậy. Đó là một danh hiệu mà người ta giữ lại, ngay cả khi chẳng còn tại vị nữa.

- Vấn đề đó còn phải bàn nhiều, nhưng tại sao lại không nhỉ.

Cô tấn công ông trên một mặt trận khác.

- Các tiểu thuyết gia là những kẻ dối trá vĩ đại nhất trong lịch sử, không phải sao?

- Không phải, đó là các chính trị gia. Và các sử gia. Và các phóng viên. Nhưng không phải các tiểu thuyết gia.

- Thế mà có đấy! Khi mạo nhận đang kể lại cuộc sống trong tiểu thuyết của các người, các người đã dối trá. Cuộc sống quá phức tạp nên không thể đưa vào phương trình hay giam cầm nó trong những trang sách. Nó mạnh mẽ hơn Toán hay hư cấu. Tiểu thuyết là hư cấu. Còn hư cấu, về mặt kỹ thuật mà nói đó là dối trá.

- Hoàn toàn ngược lại chứ. Philip Roth đã tìm ra công thức chính xác: “Tiểu thuyết cung cấp cho người sáng tạo ra nó một lời nói dối để thông qua đó anh ta diễn đạt sự thật khó nói của bản thân.”

- Đúng thế, nhưng...

Bỗng nhiên, Fawles cảm thấy chán ngấy.

- Tối nay chúng ta sẽ không giải quyết vấn đề đó. Quà cho tôi là gì vậy?

- Tôi cứ nghĩ ông không muốn nhận quà.

- Cô đúng là một kẻ cực kỳ phiền phức!

- Món quà của tôi, đó là một câu chuyện.

- Câu chuyện nào?

Ly rượu vang trên tay, Mathilde đứng dậy, rời khỏi bàn ăn để quay lại ngồi vào ghế bành.

- Tôi sẽ kể cho ông nghe một câu chuyện. Và khi tôi kể xong, ông sẽ không thể làm gì khác ngoài việc ngồi vào sau chiếc máy chữ kia và bắt đầu viết văn trở lại.

Fawles lắc đầu.

- Thậm chí cả trong mơ cũng không.

- Chúng ta cá cược nhé?

- Chúng ta không cá cược gì hết.

- Ông sợ sao?

- Dẫu sao cũng không phải sợ cô. Không có bất kỳ lý do nào buộc tôi viết văn trở lại và tôi không nghĩ câu chuyện cô kể sẽ thay đổi vấn đề đó.

- Bởi vì câu chuyện này liên quan đến ông. Và bởi vì đó là một câu chuyện phải biết đoạn kết của nó.

- Tôi không chắc là mình muốn nghe nó đâu.

- Dẫu sao tôi cũng sẽ kể cho ông nghe.

Không nhúc nhích khỏi ghế bành, cô chìa chiếc ly rỗng về phía Fawles. Ông cầm chai Saint-Julien, đứng dậy để rót đầy ly của Mathilde rồi buông mình xuống trường kỷ. Ông hiểu rằng những chuyện nghiêm túc đang bắt đầu và toàn bộ chuyện còn lại chỉ là những lời ba hoa phù phiếm. Một khúc dạo đầu cho cuộc chạm trán thực sự giữa họ.

- Câu chuyện bắt đầu ở châu Đại Dương vào đầu những năm 2000, Mathilde cất giọng. Một cặp đôi trẻ người gốc Paris, Apolline Chapuis và Karim Amrani, vừa đặt chân tới Hawaii, sau mười lăm giờ bay, để nghỉ hè tại đó.

5

Cô gái mang câu chuyện

Không đau đớn nào lớn bằng việc phải mang trong mình một câu chuyện không được kể ra.

Zora Neale HURSTON

2000

Câu chuyện bắt đầu ở châu Đại Dương vào đầu những năm 2000.

Một cặp vợ chồng trẻ người Paris, Apolline Chapuis và Karim Amrani, đặt chân tới Hawaii sau mười lăm giờ bay, để nghỉ hè tại đó một tuần. Vừa tới nơi, họ liền vét sạch chiếc tủ lạnh nhỏ trong phòng khách sạn rồi chìm vào một giấc ngủ sâu. Ngày hôm sau rồi ngày kế tiếp, họ tận hưởng trọn vẹn vẻ quyến rũ của hòn đảo thuộc núi lửa Maui. Họ thực hiện những chuyến viễn du trong khung cảnh thiên nhiên được bảo tồn, chiêm ngưỡng những con thác nhỏ và những khoảng không gian phủ đầy hoa trong lúc hút cần. Họ làm tình trên những bãi biển cát mịn rồi thuê một chiếc tàu tư nhân để quan sát lũ cá voi ngoài khơi Lahaina. Ngày thứ ba, họ đang mài miết theo học một khóa lặn dưới đáy biển thì chiếc máy ảnh của họ rớt xuống đại dương.

Hai thợ lặn dày dặn kinh nghiệm kèm cặp họ đã cố gắng tìm lại chiếc máy ảnh mà không được. Apolline và Karim đành cam chịu: họ đã mất toàn bộ ảnh chụp trong kỳ nghỉ. Tối ngày hôm ấy, sau hơn chục ly cocktail tại một trong vô số quán bar bãi biển, họ đã quên khuấy chuyện đó.

2015

Nhưng cuộc đời luôn ẩn chứa vô số bất ngờ.

Nhiều năm sau, trong lúc chạy thể dục dọc bờ biển Vịnh Cát Trắng thuộc vùng Khẩn Đình phía Nam Đài Loan, nghĩa là cách đó chín nghìn cây số, Eleanor Farago, một nữ doanh nhân người Mỹ, chợt nhìn thấy một vật mắc kẹt trong rặng đá ngầm.

Bấy giờ đang là mùa xuân năm 2015. Lúc bảy giờ sáng. Bà Farago, vốn làm việc cho một chuỗi khách sạn quốc tế, đang dạo một vòng châu Á để thăm vài cơ sở của tập đoàn. Buổi sáng cuối cùng trong quãng thời gian lưu lại đó, trước khi lên máy bay về New York, bà đã đi chạy ở “Cát Trắng”, một dạng Côte d’Azur của địa phương. Bao quanh là đồi núi, bãi biển có cát mịn vàng óng, làn nước trong veo, nhưng cũng có vài rặng đá ngầm chìm sâu dưới biển. Eleanor phát hiện ra đồ vật bí hiểm kia chính tại đó. Bà chạy tới tận nơi, leo qua hai tầng đá, cúi xuống để gỡ nó ra. Đó là chiếc túi chống thấm đựng một chiếc máy ảnh hiệu PowerShot của hãng Canon.

Bấy giờ bà còn chưa biết - mà nói đúng ra, bà sẽ không bao giờ biết được điều này -, nhưng chiếc máy ảnh của hai thanh niên người Pháp đã trôi dạt suốt mười lăm năm, theo những chướng ngại vật và dòng chảy, qua quãng đường gần mười ngàn cây số. Người phụ nữ Mỹ tò mò cầm món đồ đó lên rồi khi về đến khách sạn, bà cất nó vào một túi vải trong hành lý xách tay. Vài giờ sau, bà lên máy bay tại sân bay Đài Bắc. cất cánh lúc 12h35, chuyến bay Delta Airlines của bà quá cảnh tại San Francisco rồi hạ cánh xuống New York, sân bay JFK, lúc 23h08, nghĩa là trễ ba tiếng so với dự kiến. Một nhòai và vội về nhà, Eleanor Farago để quên nhiều đồ trong khoang chứa hành lý đối diện ghế bà ngồi, trong số đó có chiếc máy ảnh kia.

E kịp phụ trách dọn dẹp máy bay thu hồi cái túi rồi giao nộp cho bộ phận phụ trách đồ tìm thấy tại sân bay JFK. Ba tuần sau, một nam nhân viên của bộ phận này phát hiện trong đó có vé máy bay của bà Farago. Sau khi đối chiếu dữ liệu, anh ta để lại cho bà một tin nhắn trên hộp thư thoại cũng như một bức thư điện tử mà Eleanor Farago không bao giờ hồi âm.

Theo trình tự quy chuẩn, bộ phận tiếp nhận đồ tìm thấy giữ chiếc máy ảnh trong chín mươi ngày. Sau thời hạn này, nó được bán lại cùng với hàng nghìn đồ vật khác cho một công ty ở Alabama vốn chuyên mua lại hành lý vô thừa nhận của các công ty Mỹ từ nhiều thập kỷ nay.

*

Đầu thu năm 2015, chiếc máy ảnh được bày trên kệ của Unclaimed Baggage Center: trung tâm của những hành lý vô thừa nhận. Nơi này không giống bất kỳ nơi nào khác. Mọi chuyện bắt đầu từ thập niên 1970, tại Scottsboro, một thành phố nhỏ thuộc hạt Jackson, cách Atlanta hai trăm cây số về phía Bắc. Một công ty gia đình khiêm tốn đã nảy ra ý tưởng ký hợp đồng với các hãng hàng không để bán lại các hành lý thất lạc mà chủ nhân không xuất hiện. Thương vụ thành công đến nỗi theo năm tháng, việc kinh doanh đã trở thành một thiết chế thực sự.

Năm 2015, các kho của Unclaimed Baggage Center mở rộng trên gần bốn nghìn mét vuông. Hơn bảy nghìn đồ vật mới được chuyển tới mỗi ngày bằng đầu kéo xe moóc từ các sân bay khác nhau trên đất Mỹ tới tận thị trấn nhỏ hẻo lánh giữa nơi gầm trời này. Những kẻ hiếu kỳ đổ về từ khắp chốn và thậm chí còn vượt qua cả biên giới nước Mỹ: kể từ đó, mỗi năm có cả triệu khách tham quan tìm tới nơi đây, nơi vừa: giống một siêu thị *giảm giá* lại vừa giống một bảo tàng những món đồ hiếm. Cả bốn tầng nhà ngồn ngộn những quần áo, máy vi tính, máy tính bảng, tai nghe, nhạc cụ, đồng hồ đeo tay. Một bảo tàng nhỏ thậm chí đã được lập nên ngay trong cửa hàng này để trưng bày những món đồ lạ lùng nhất lượm lặt được theo năm tháng: một cây vĩ cầm Ý có từ thế kỷ XVIII, một chiếc mặt nạ người chết Ai Cập, một viên kim cương 5,8 carat, thậm chí cả một bình đựng tro cốt người quá cố...

Vậy là chiếc Canon PowerShot của chúng ta đã hạ cánh trên kệ trưng bày của cửa hàng kỳ lạ này. Nó ở lại đó, bên trong túi chống nước, nằm chất đống cùng những chiếc máy ảnh khác, từ tháng Chín 2015 đến tháng Mười hai 2017.

2017

Trong kỳ nghỉ Giáng sinh năm đó, Scottie Malone, bốn mươi tư tuổi, cùng con gái là Billie, mười một tuổi, hai cư dân của Scottsboro, lang thang trên những lối đi của Unclaimed Baggage Center. Mức giá được áp dụng trong cửa hàng đôi khi chỉ bằng một phần năm giá đồ mới, còn Scottie thì chẳng giàu có gì cho cam. Anh quản lý một ga ra trên con đường dẫn tới hồ Guntersville và nhận sửa chữa cả ô tô lẫn tàu thuyền.

Từ khi vợ anh bỏ đi, anh cố gắng nuôi dạy con gái tốt nhất có thể. Ba năm trước, Julia đã một đi không trở lại vào một ngày mùa đông. Tối hôm ấy, khi về tới nhà, anh tìm thấy trên bàn bếp một mẫu giấy nhắn lạnh lùng thông báo cho anh biết tin. Chuyện này khiến anh đau lòng, dĩ nhiên - và nỗi đau vẫn còn dai dẳng tới tận hôm nay -, nhưng anh không hề bất ngờ. Nói đúng ra, anh vẫn luôn biết rằng một ngày nào đó vợ mình sẽ bỏ đi. Đầu đó trên một trong những trang của cuốn sách định mệnh có viết rằng những đóa hồng quá đẹp luôn sống cùng nỗi ám ảnh mình sắp héo tàn. Và đôi khi nỗi e sợ này khiến chúng phạm phải những hành động không thể vãn hồi.

- Con muốn quà Giáng sinh là một hộp màu được không bố, Billie hỏi.

Scottie gật đầu thay vì nói đồng ý. Hai bố con lên tầng trên cùng nói có gian hàng sách cũng như mọi thứ liên quan đến văn phòng phẩm. Họ lục lọi hơn mười lăm phút và tìm được một hộp màu bột xinh xắn, những cây phấn màu dầu cùng hai bức toan trắng cỡ nhỏ. Niềm vui của con gái khiến Scottie thấy ấm lòng. Anh tự cho phép mình tiêu một khoản: một bản *Thi sĩ* của Michael Connelly hạ giá còn 0,99 đô. Chính Julia đã từng tiết lộ với anh quyền năng thần diệu của việc đọc. Chính cô là người suốt quãng thời gian dài đã khuyên anh đọc những đầu sách có khả năng khiến anh thích thú: truyện trinh thám, tiểu thuyết lịch sử và phiêu lưu. Dĩ nhiên không phải lúc nào ta cũng nhập tâm được vào câu chuyện, nhưng khi ta tìm thấy cuốn sách phù hợp, cuốn sách được tạo ra cho ta, cuốn sách mà ta tận hưởng từng chi tiết, từng mẫu đối thoại, từng suy nghĩ của các nhân vật, thì đó chính là cuộc đào thoát vĩ đại. Đúng thế, điều đó thực sự tốt hơn mọi thứ. Hơn Netflix, hơn những trận đấu bóng rổ của đội Hawks, và hơn tất cả

những video ngu ngốc đang lưu hành trên mạng và biến bạn thành xác sống.

Hai bố con đang xếp hàng ở quầy thu ngân thì Scottie bỗng phát hiện ra một cái giỏ trong đó dồn đống những món hàng thanh lý. Anh lục tung chiếc giỏ lớn có mắt lưới to đùng đó rồi moi ra được một bao vải căng phồng giữa vô số những món đồ thập cẩm. Bên trong bao vải là một chiếc máy ảnh compact kiểu cổ có giá 4,99 đô. Ngẫm nghĩ một lát, Scottie buông xuôi trước cám dỗ. Anh thích sửa chữa lật vật và vá víu tất cả những gì có trong tay. Mỗi lần như thế là một thử thách mà anh gán cho mình nghĩa vụ phải vượt qua. Bởi lẽ, mỗi khi phục hồi hoạt động cho các đồ vật cũ kỹ hỏng hóc, anh lại có cảm giác đang sửa chữa phần nào cuộc đời mình.

*

Về đến nhà, Scottie và Billie quyết định thỏa thuận rằng, mặc dù hôm đó mới là thứ Bảy ngày 23 tháng Mười hai, họ vẫn sẽ tặng quà cho nhau mà không cần chờ đến ngày Giáng sinh. Như vậy, họ sẽ có trọn vẹn dịp cuối tuần để tận hưởng món quà, vì thứ Hai Scottie còn phải tới ga ra làm việc. Năm đó trời lạnh. Scottie pha cho con gái một tách sô cô la nóng với những viên kẹo dẻo mini bằng bèngh như đám rêu trên bề mặt. Billie bật nhạc rồi dành cả buổi chiều để vẽ trong khi bố cô bé vừa đọc cuốn tiểu thuyết trinh thám mới mua vừa nhấm từng ngụm nhỏ bia tươi.

Chỉ tối đến - khi Billie bắt tay vào chuẩn bị món mì ống phô mai - thì Scottie mới mở bao vải đựng chiếc máy ảnh. Nhìn tình trạng lớp vỏ chống thấm, anh đoán chừng chiếc máy ảnh đã bị ngâm trong nước nhiều năm ròng. Anh cần một con dao có răng cưa để rạch lớp bảo vệ. Chiếc máy ảnh không còn hoạt động nữa, nhưng sau nhiều nỗ lực, anh đã lấy được thẻ nhớ ra, có vẻ như chiếc thẻ không bị hư hại. Anh kết nối thẻ nhớ với máy tính cá nhân và sao chép được những bức ảnh lưu trong đó.

Scottie sẫm soi loạt ảnh với đôi chút hưng phấn. Cảm giác được thâm nhập chốn riêng tư của những cá nhân mà anh không quen biết vừa khiến anh thấy mất tự nhiên lại vừa khơi gợi sự tò mò trong anh. Có khoảng bốn mươi bức ảnh. Những bức cuối cùng cho thấy một cặp đôi trẻ tuổi hư đốn

trong một khung cảnh tựa thiên đường: bãi biển, làn nước màu lam ngọc, thiên nhiên um tùm tươi tốt, những bức ảnh chụp đủ loại cá rục rờ sắc màu dưới nước. Có một bức ảnh chụp cặp đôi tạo dáng trước một khách sạn. Bức ảnh được chụp nhanh và cầu thả, máy ảnh giơ cao phía trên đầu, một bức selfie đi trước thời đại với hậu cảnh là *Aumakua Hotel*. Sau vài cú nhấp chuột, Scottie đã tìm ra khách sạn này trên Internet: một khách sạn hạng sang ở Hawaii.

Chắc hẳn chiếc máy ảnh này đã bị thất lạc, có lẽ nó bị rơi xuống biển.

Scottie gãi đầu. Trong thẻ nhớ còn lưu những bức ảnh khác. Nhân thời gian chỉ ra rằng chúng được chụp vài tuần trước những bức chụp tại Hawaii, nhưng lại không khớp với những bức ảnh đầu tiên. Trên đó là những con người khác, chắc chắn là tại một đất nước khác và trong một bối cảnh khác. Chiếc máy ảnh này từng thuộc về ai nhỉ? Thắc mắc đến đây, Scottie rời màn hình máy tính để ra ăn tối.

Như anh đã hứa với con gái, hai cha con dành trọn buổi tối để xem “những bộ phim Giáng sinh nhát ma” - hôm đó là *Lũ yêu quái Gremlins* và *Ác mộng trước Giáng sinh*.

Ngồi trước màn hình ti vi, Scottie tiếp tục suy nghĩ những gì anh vừa phát hiện ra. Anh uống thêm một chai bia, rồi một chai nữa, và thiếp đi trên trường kỷ.

*

Ngày hôm sau khi anh tỉnh dậy thì đã gần 10 giờ. Hơi ngượng vì đã ngủ lâu đến thế, anh phát hiện con gái đang chuyên tâm “làm việc” trước màn hình máy tính.

- Bố có muốn con pha cho bố một tách cà phê không ạ?

- Con biết mình không được phép tự ý dùng Internet mà! anh mắng con.

Bất bình, Billie nhún vai rồi dẫn dỗi đi sang bếp.

Scottie nhìn thấy trên bàn làm việc, cạnh máy tính, một tờ giấy cũ gấp lại, giống một chiếc vé máy bay điện tử.

- Con tìm thấy thứ này ở đâu vậy?

- Trong cái túi vải nhỏ ọ, Billie ghéch mũi lên đáp.

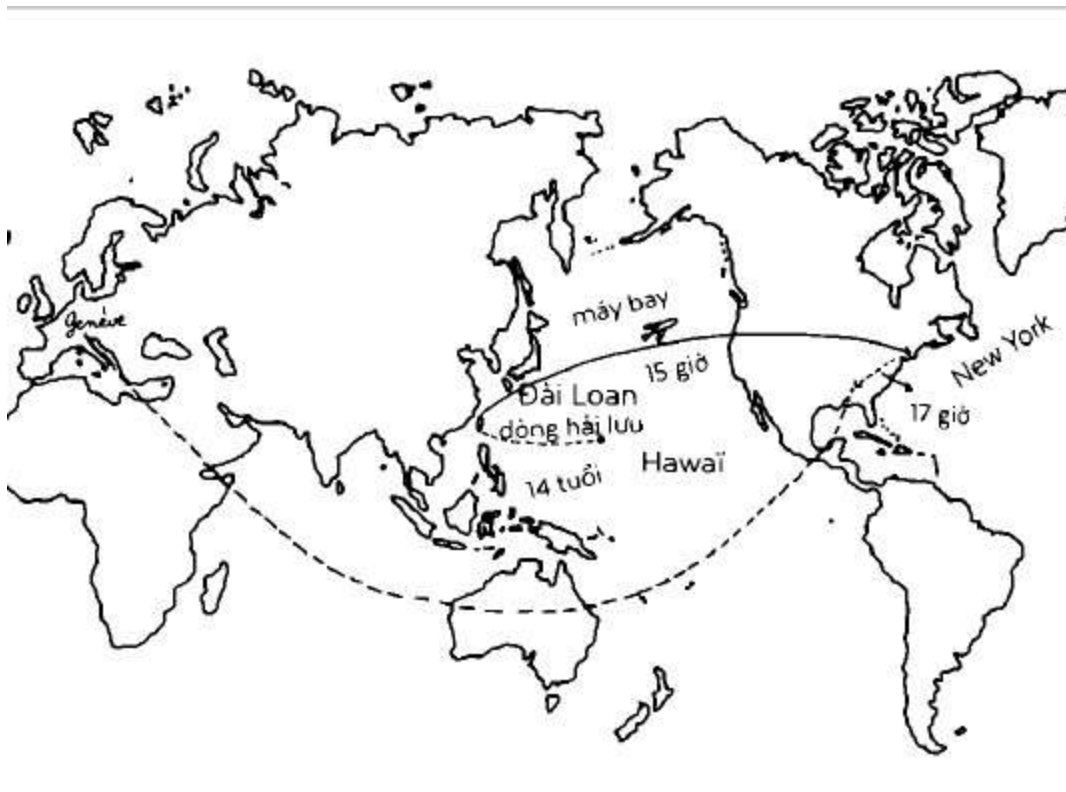
Scottie nheo mắt đọc thông tin ghi trên tấm vé. Đó là chuyến bay của hãng Delta Airlines xuất phát từ Đài Bắc ngày 12 tháng Năm 2015 tới New York. Nữ hành khách có tên Eleanor Farago. Scottie gãi đầu gãi tai, càng lúc anh càng không hiểu vấn đề là gì.

- Con thì biết thừa đã xảy ra chuyện gì rồi nhé, con đã kịp suy nghĩ về chuyện đó trong khi bố ngủ khi như một con sóc chuột! Billie khẳng định vẻ đắc thắng.

Cô bé ngồi vào trước máy tính, mở bản đồ địa cầu vừa tải xuống từ Internet. Rồi cô bé dùng một cây bút chỉ một vùng đất nhỏ giữa Thái Bình Dương.

- Chiếc máy ảnh đã bị một cặp đôi lặn biển làm mất tại Hawaii vào năm 2000, cô bé vừa bắt đầu vừa cho lướt qua màn hình những bức ảnh chụp gần thời điểm hiện tại nhất.

- Đến đây thì bố con ta cùng quan điểm, bố cô bé vừa tán thành vừa đeo kính vào.



Billie chỉ tấm vé máy bay đoạn vạch một mũi tên dài xuyên qua đại dương, từ Hawaii đến Đài Loan.

- Rồi chiếc máy ảnh bị cuốn theo các dòng chảy, trôi dạt tới tận bờ biển Đài Loan, nơi nó được người phụ nữ này, bà Fagaró, tìm thấy vào năm 2015.

- Sau đó, người này đã bỏ quên nó trên chuyến bay quay trở lại Mỹ chẳng?

- Vâng, Billie gật đầu đáp. Vì chính vì thế mà nó lọt vào tay bố con ta.

Cô bé chăm chú hoàn thành tấm giản đồ của mình bằng một mũi tên khác kéo dài tới New York, rồi bằng một dài gạch nối kéo dài đến tận thành phố nhỏ nơi họ sống.

Scottie ấn tượng mạnh với khả năng suy diễn của con gái. Billie đã tái lập một phiên bản gần như đầy đủ của tấm hình ghép. Mặc dù một phần bí ẩn vẫn còn đó:

- Theo con thì những người xuất hiện trên những bức ảnh đầu tiên là ai?

- Con không biết, nhưng con nghĩ họ là người Pháp.

- Sao lại thế?

- Quạ các khung cửa sổ, ta có thể thấy những mái nhà Paris, Billie đáp ngay. Và đằng kia, chính là tháp Eiffel.

- Bố cứ nghĩ tháp Eiffel ở Las Vegas chứ nhỉ.

- Bố này nữa!

- Bố đùa thôi, Scottie gật đầu đáp, cùng lúc nhớ lại có lần anh từng hứa với Julia là sẽ đưa cô tới Paris, và lời hứa này đã mai một dần theo những ngày, những tuần, những tháng, những năm khiến cuộc sống thường nhật cùn mòn đi.

Anh vẫn sẫm soi hết ảnh Paris lại tới ảnh ở Hawaii. Dù không biết tại sao, nhưng anh như bị thôi miên bởi loạt hình ảnh liên tiếp này. Như thể ẩn giấu đằng sau hai lớp cảnh ấy là một thảm kịch âm ỉ. Như thể trong đó có một bí ẩn cần khám phá, xứng tầm những tình tiết có trong đồng sách trình thám mà anh vẫn thường ngẫu nhiên.

Anh có thể làm gì với những bức ảnh này đây? chẳng có bất kỳ lý do nào để anh giao chúng cho cảnh sát, tuy thế, một giọng nói nội tâm khe khẽ vẫn nhả nhủ rằng anh cần phải cho ai đó xem chúng. Có lẽ là cho một phóng viên chẳng? Và ưu tiên một phóng viên Pháp. Nhưng Scottie lại không nói được từ tiếng Pháp nào.

Anh cảm ơn con gái vừa đưa anh một tách cà phê đen. Rồi cả hai bố con ngồi vào trước màn hình máy tính. Trong giờ tiếp theo, sau khi ra sức mò mẫm và gõ các từ khóa vào công cụ tìm kiếm, họ đã tìm ra đối tượng phù hợp với hồ sơ được xác định từ trước: một nữ nhà báo người Pháp từng học tập tại New York và lấy bằng Thạc sĩ Khoa học của đại học Columbia. Sau đó cô quay trở lại châu Âu và hiện đang làm việc cho một tờ nhật báo Thụy Sĩ.

Billie tìm ra địa chỉ mail của cô trên trang web của tờ báo kia, rồi ông bố và cô con gái cùng thảo một bức thư điện tử để giải thích khám phá cùng cảm tưởng của họ khi đối diện một bí ẩn. Để củng cố cho lời lẽ trong thư, họ gửi kèm một số bức ảnh chọn lọc. Rồi họ gửi thông điệp của mình đi như thả một lá thư trong chai xuống biển.

Nữ phóng viên đó tên là Mathilde Monney.

THIÊN THẦN TÓC VÀNG

Trích đoạn chương trình Nước xuýt văn hóa

Phát sóng trên kênh France 2 ngày 20 tháng Mười một năm 1998

(Một bối cảnh sang trọng và tối giản: rèm màu kem xếp nếp, những cây cột kiểu cổ, kệ sách ảo trông như được tạc vào đá cẩm thạch. Khách mời ngồi trên những chiếc ghế bành da màu đen quay quanh một chiếc bàn thấp. Bernard Pivot mặc áo vest vải tweed, đeo cặp kính hình bán nguyệt, mỗi lần đặt câu hỏi lại liếc qua những tờ phiếu giấy Bristol.)

Bernard Pivot: Chúng ta đã trễ giờ quá rồi Nathan Fawles ạ, nhưng trước khi trả sóng, tôi vẫn muốn anh trả lời bằng câu hỏi truyền thống của chương trình. Câu hỏi đầu tiên: từ ưa thích của anh là gì?

Nathan Fawles: Ánh sáng!

Pivot: Từ anh ghét?

Fawles: Thói nhìn trộm, xấu cả về ý nghĩa lẫn âm điệu.

Pivot: Chất gây nghiện ưa thích của anh?

Fawles: Whisky Nhật Bản. Đặc biệt là loại Bara No Niwa mà nhà máy sản xuất đã bị phá hủy trong thập niên 1980 và...

Pivot: Thôi nào! Thôi nào! Chúng ta không thể quảng cáo một nhãn rượu trên sóng truyền hình đại chúng được! Câu hỏi tiếp theo: âm thanh, tiếng động mà anh thích?

Fawles: Sự im lặng.

Pivot: Âm thanh, tiếng động mà anh ghét?

Fawles: Sự im lặng.

Pivot: A ha! Câu chữ thề, rủa xả hoặc báng bổ anh thích nhất?

Fawles: Lũ ngu đần.

Pivot: Câu đó không được văn vẻ cho lắm nhỉ!

Fawles: Tôi chẳng bao giờ biết cái gì là ‘văn vẻ’ và cái gì không. Raymond Queneau chẳng hạn, đã sử dụng từ này trong cuốn *Những bài tập phong cách*. “Sau một quãng thời gian chờ đợi ngọt ngào dưới cái nắng khốn kiếp, rốt cuộc tôi cũng leo lên một chiếc xe khách bán thiu nơi một lũ ngu đần đang ngồi sát vào nhau.”

Pivot: Đàn ông hay phụ nữ để minh họa cho một tờ tiền mới?

Fawles: Alexandre Dumas, người đã kiếm được nhiều trước khi mất tất cả, và người nhắc nhở một cách thích đáng rằng tiền là tên đầy tớ tốt, nhưng là một ông chủ tồi.

Pivot: Anh thích được tái sinh thành cây thân cỏ, cây thân gỗ hay động vật?

Fawles: Một chú chó, bởi chúng thường nhiều tính người hơn cả con người. Anh biết câu chuyện về chú chó của Levinas chứ?

Pivot: Không, nhưng anh sẽ kể cho chúng tôi nghe câu chuyện đó vào một lần khác. Câu hỏi sau cùng, nếu Chúa Trời tồn tại, anh muốn nghe thấy Ngài nói gì với chính anh sau khi anh chết hả Nathan Fawles?

Fawles: “Con đã không hoàn hảo, Fawles ạ... Nhưng ta cũng không nốt!”

Pivot: Cảm ơn anh vì đã tới, chúc tất cả quý vị buổi tối tốt lành và hẹn gặp lại vào tuần sau.

(Nhạc nền phần giới thiệu, cuối chương trình: Đêm có ngàn mắt, Sonny Rollins diễn tấu bằng kèn saxophone.)

6

Kỳ nghỉ của nhà văn

Một nhà văn không bao giờ có kỳ nghỉ.

Đối với một nhà văn, cuộc sống chính là viết, hoặc nghĩ đến chuyện viết.

Eugène IONESCO

Thứ Tư ngày 10 tháng Mười 2018

1.

Ngày vẫn chưa rạng. Fawles thận trọng bước xuống từng bậc cầu thang, chú chó theo bèn gót. Trong phòng ăn, chiếc bàn gỗ mộc vẫn ngổn ngang đồ thừa từ bữa ăn hôm trước. Mí mắt nặng trĩu và tâm trí mù mờ, nhà văn dọn dẹp căn phòng bằng những động tác máy móc, đi tới đi lui giữa phòng khách và bếp.

Dọn xong, ông cho Bronco ăn uống rồi pha một bình lớn cà phê. Sau cái đêm vừa trải qua, ông những muốn có thể tự tiêm cho mình một liều cafein vào tĩnh mạch để đi xuyên qua màn sương mù nơi ông đang lạc lối.

Cầm chiếc cốc nóng bỏng trên tay, Fawles ra sân hiên đứng mà thốt rùng mình. Những vệt hồng cầm chướng di động đang tan loãng vào màu xanh thẫm của tấm voan trời. Gió mistral⁽¹⁾ đã thổi suốt đêm và đang tiếp tục quét qua bờ biển. Không khí khô và lạnh, như thể trong vài giờ, thời tiết đã chuyển từ hè sang đông mà không có sự chuyển tiếp. Nhà văn kéo khóa chiếc áo pull cho kín cổ rồi ngồi xuống bên chiếc bàn kê trong một góc kín

của sân hiên. Một tổ kén nhỏ, khuấy gió và quét vôi trắng, dùng làm sân trong.

Vẻ trầm ngâm, Nathan tua lại bộ phim dựa trên câu chuyện của Mathilde rồi cố gắng ghép nối các mâu theo một trật tự cố kết chặt chẽ. Vậy là nữ phóng viên đã nhận được mail liên hệ từ một gã nhà quê vùng Alabama, trước đó người này đã tậu một chiếc máy ảnh cũ trong một siêu thị chuyên bán lại những món đồ bị bỏ quên trên máy bay. Chiếc máy ảnh có lẽ đã bị hai du khách người Pháp đánh rơi xuống Thái Bình Dương từ năm 2000 và mười lăm năm sau, nó được tìm thấy trên một bãi biển tại Đài Loan. Nó chứa nhiều bức ảnh mà theo Mathilde ám chỉ, rất có thể che giấu một thảm kịch.

- Vậy có gì trên những tấm ảnh ấy? Fawles đã hỏi như thế khi người phụ nữ trẻ dừng kể.

Cô nhìn ông chòng chọc bằng ánh mắt sáng long lanh.

- Tối nay chỉ có vậy thôi, Nathan. Ngày mai ông sẽ được nghe phần tiếp theo của câu chuyện, chúng ta hẹn nhau buổi chiều tại vũng bờ đá Rặng Thông nhé?

Thoạt tiên ông còn nghĩ cô đùa, nhưng cô nàng đã uống cạn ly Saint-Julien rồi đứng dậy rời khỏi ghế bành.

- Cô giờn mặt tôi đấy hả?

Cô đã mặc lại chiếc áo da dáng ngắn, vợ chùm chìa khóa ô tô để trên khay ở lối vào rồi gãi nhẹ đầu Bronco.

- Cảm ơn vì món ragu và rượu vang. Ông chưa từng nghĩ tới chuyện mở nhà hàng sao? Tôi chắc chắn ông sẽ thành công vang dội đấy.

Rồi cô rời ngôi nhà với vẻ kiêu căng phách lối mà không chịu nói gì thêm.

Ngày mai ông sẽ được nghe phần tiếp theo của câu chuyện...

Câu nói ấy khiến ông giận điên. Cô ta tự cho mình là ai chứ, cái à Seherazade giả hiệu này? Cô ta muốn tạo ra phút chờ đợi hồi hộp nho nhỏ, thách thức tiểu thuyết gia trên chính lãnh địa riêng của ông, chứng minh

cho ông thấy cô ta cũng có khả năng khiến những kẻ lẳng nghe câu chuyện cô ta kể phải thao thức trắng đêm.

Đồ khốn tinh tướng... Fawles nuốt ực ngậm cà phê cuối cùng rồi cố gắng trấn tĩnh lại. Bản trường ca Odyssée về chiếc máy ảnh kỹ thuật số kia còn hơn cả thú vị. Nó có tiềm năng tiểu thuyết nhất định, mặc dù ngay lúc này ông không rõ lắm là nó có thể dẫn dắt tới đâu. Nhất là, ông không hiểu tại sao Mathilde lại khẳng định câu chuyện này có liên quan tới ông, *chính ông?* Ông chưa từng đặt chân tới cả Hawaii lẫn Đài Loan, lại càng chưa tới Alabama. Nếu câu chuyện có liên quan tới ông, vậy thì chỉ có thể là liên quan thông qua nội dung các bức ảnh, nhưng trong số những cái tên cô ta đã nêu - Apolline Chapuis và Karim Amrani - chẳng cái tên nào gợi nhắc ông điều gì.

Tuy nhiên, ông cảm nhận rõ rằng toàn bộ chuyện này không hề vô thường vô phạt. Đằng sau màn diễn ấy đang ngầm ẩn điều gì đó nghiêm trọng hơn một trò quynh rũ văn chương đơn giản. Cô gái này tìm kiếm gì nhỉ, mẹ kiếp? Dẫu sao thì trước mắt, cô ta cũng đã thành công, bởi đêm qua ông không sao chợp mắt nổi. Ông cảm thấy mình mắc bẫy như một gã lính mới. Tệ hơn nữa: ông đang phản ứng chính xác như cô ta trông đợi.

Khốn kiếp... Ông không thể bằng lòng với việc cam chịu hoàn cảnh nữa rồi. Ông phải hành động, tìm hiểu thêm về cô gái này trước khi cái bẫy cô ta giăng chụp xuống ông. Nét mặt căng thẳng, Nathan xoa hai bàn tay lạnh buốt vào nhau. Muốn điều tra thật sự, nhưng ông không có chút ý tưởng nào về cách thức tiến hành. Không có Internet nên ông chẳng thể tìm kiếm nếu cứ ru rú trong nhà, và mắt cá chân cứng đờ, sưng phồng, đau nhức của ông đã trở thành một bất lợi thực thụ. Thêm một lần nữa, phản xạ đầu tiên của ông là gọi điện cho Jasper Van Wyck. Nhưng Jasper đang ở xa. Cậu ta có thể tiến hành vài tìm kiếm trên mạng cho ông, nhưng không phải cánh tay đắc lực trong cuộc phản công Mathilde. Fawles có nghĩ tới nghĩ lui cũng vô ích, ông buộc phải thừa nhận mình không thể giải quyết vấn đề chỉ bằng cách nhờ cậy. Ông cần ai đó tháo vát, sẵn sàng đương đầu với hiểm nguy. Ai đó ủng hộ sự nghiệp của ông và không đặt ra ngàn lẻ một câu hỏi.

Một cái tên hiện ra trong tâm trí ông. Ông rời khỏi ghế, quay vào trong phòng khách để gọi điện.

2.

Tôi nằm co ro trên giường, tứ chi run lập cập. Hẳn là nhiệt độ đã sụt mười độ so với ngày hôm qua. Lúc đi nằm, tôi đã nghĩ đến việc bật lò sưởi gang trong phòng mình, nhưng nó vẫn lạnh ngắt một cách tuyệt vọng.

Cuộn tròn trong chăn, tôi nhác thấy ngày đang lên qua cửa sổ nhưng khó khăn lắm tôi mới ra được khỏi giường, lần đầu tiên kể từ khi ở đây. Việc phát hiện ra xác của Apolline Chapuis và lệnh phong tỏa do tình ban hành đã khiến Beaumont biến đổi. Chỉ trong chưa đầy hai ngày, thiên đường Địa Trung Hải bé nhỏ bỗng nhiên biến thành một hiện trường vụ án khổng lồ.

Chấm hết sự thân thiện, những ly rượu khai vị vui vẻ, nét hiền lành ngây thơ quen thuộc của dân đảo. Ngay đến thời tiết ấm áp cũng vội vã ra đi. Kể từ đây, bầu không khí ngột vực bao trùm khắp nơi. Và hôm nay, áp lực lại tăng thêm một bậc khi một tuần san quốc gia giật tít “Những bí ẩn đen tối của đảo Beaumont” trên trang bìa. Như thường thấy trong dạng hồ sơ được dàn dựng vội vàng này, chẳng có gì là thật. Những bài báo là một mớ thông tin không được kiểm chứng và những cắt cúp đánh lừa chỉ cung cấp những nhan đề và tiêu đề mang tính chèo kéo. Beaumont xuất hiện khi thì như hòn đảo của các triệu phú - nếu không muốn nói là các tỷ phú -, lúc lại như sào huyệt của những kẻ chủ trương độc lập ngoan cố mà nếu đặt cạnh nhau thì các thành viên của Mặt trận Giải phóng Quốc gia FLNC-Canal lịch sử chẳng khác nào lũ gấu bông Bisounour.

Gia đình Gallinari, những chủ sở hữu người Ý hết sức kín tiếng, cũng là chủ đề nuôi ảo tưởng. Mọi chuyện xảy ra như thế cần phải có thảm kịch kia để toàn thể nước Pháp phát hiện ra sự tồn tại của vùng đất này. Về phần các phóng viên nước ngoài, họ chẳng có gì để ganh tị và cả họ nữa, họ cũng thích thú tiếp sức cho những tin đồn kỳ cục nhất. Sau đó, các cơ quan báo đài sao chép lại của nhau, đồng thời bóp méo thêm đôi chút những thông tin ban đầu, rồi trút toàn bộ những thứ đó vào chiếc máy xay vĩ đại của các mạng xã hội để cho ra một thứ hồ đồ vừa đối trá vừa vô nghĩa, chỉ còn chức

năng tạo ra những cú nhấp chuột và tweet lại. Chiến thắng vĩ đại của sự tầm thường.

Tôi nghĩ chính điều đó khiến người dân đảo Beaumont phát điên, hơn cả nỗi sợ một tên sát nhân tiềm tàng đang ẩn náu trên đảo. Nhìn hòn đảo của họ, đất đai của họ, cuộc sống của họ bị trưng ra như vậy dưới ánh mặt trời nhợt nhúa của thông tấn thế kỷ XXI. Chấn thương tâm lý của họ khá nặng, được duy trì bởi câu nói mà tất cả những người tôi gặp đều nhắc đi nhắc lại: *sẽ chẳng gì còn được như trước nữa*.

Ngoài ra, ở đây, mọi người ai cũng sở hữu một con thuyền, từ thuyền chài của ngư dân đến những chiếc tàu bè thể hơn, nên lệnh cấm sử dụng tàu thuyền cũng giống như lệnh quản thúc tại gia. Cảnh sát tới từ đất liền tuần tra trên cảng bị xem như quân xâm lược. Sự xâm nhập này càng khó chịu hơn vì đến giờ dường như các nhà điều tra không làm được gì nhiều, ngoại trừ việc lắng nghe người dân đảo Beaumont. Họ đã tiến hành khám xét các nhà hàng và quán bar hiếm hoi trên đảo, cũng như một vài cửa hàng có khả năng được trang bị phòng lạnh hoặc tủ đông cỡ lớn, nhưng chẳng điều gì chứng minh rằng công tác điều tra này có hiệu quả.

Âm thanh thông báo của điện thoại khiến tôi ló ra khỏi chăn. Tôi dụi mắt trước khi xem thứ đang hiển thị trên màn hình. Laurent Lafaury vừa đăng liên tiếp hai bài viết. Tôi truy cập vào blog của hắn. Bài đăng đầu tiên được minh họa bằng bức ảnh chụp khuôn mặt hắn sừng húp. Hắn thuật lại cuộc tấn công đêm trước mà hắn khẳng định mình chính là nạn nhân, trong lúc đang uống một ly ở quầy bar quán *Fleurs du Malt*. Có vẻ như một nhóm khách hàng ở đó đó tội cho Lafaury, trách cứ hắn đã dùng những dòng tweet cá nhân để nuôi dưỡng chứng loạn tâm thần đang chớm hình thành trên đảo. Lafaury đã rút điện thoại ra để ghi hình, sau đó, theo lời hắn, Ange Agostini, cảnh sát viên thành phố, đã tịch thu điện thoại của hắn rồi làm ngơ để mặc ông chủ quán bar già cho hắn một trận, trước sự cổ vũ của một số khách hàng. Gã phóng viên thông báo ý định khởi kiện rồi kết thúc bài viết bằng thuyết “kẻ bung xung” do René Girard truyền bá: mỗi xã hội hay cộng đồng đang lâm vào khủng hoảng sẽ phát sinh nhu cầu xác định và

lên án những kẻ bung xung để bắt chúng nhận trách nhiệm về những tổn hại mà cộng đồng đó đang gánh chịu.

Ở ghi nhận sau cùng này, Lafaury sáng suốt và không hề nhầm. Gã phóng viên đang chất chứa thù hận. Gã cùng lúc ném trái vinh quang và khổ hình đúng nghĩa. Gã thì nghĩ mình đang làm nghề một cách hợp pháp trong khi một bộ phận dân đảo lại thấy gã đổ thêm dầu vào lửa. Hòn đảo chao đảo trong phi lý và không khó để hình dung gã có thể trở thành nạn nhân của những cơn tức nước vỡ bờ khác. Để xoa dịu dân chúng và tránh để tình huống xấu thêm, hẳn là cần dỡ lệnh phong tỏa, nhưng có vẻ tình trường chưa sẵn sàng làm vậy. Nhất là cần tìm ra thủ phạm gây nên tội ác dã man này càng sớm càng tốt.

Bài đăng thứ hai của tay phóng viên liên quan đến cuộc điều tra của cảnh sát và liên quan trực tiếp hơn đến tính cách và chuyện đời của nạn nhân.

Sinh năm 1980 với tên khai sinh là Apolline Mérignac, Apolline Chapuis lớn lên tại quận VII Paris. Cô học trường Sainte-Clotilde rồi vào trung học Fénelon-Sainte-Marie. Học hành xuất sắc nhưng bản tính nhút nhát, cô đăng ký lớp dự bị văn chương, nhưng năm 1998, khi còn đang theo học lớp dự bị đại học Sư phạm khoa Ngữ văn, cuộc đời cô đã đột ngột chệch hướng.

Trong một buổi dạ hội sinh viên, cô gặp rồi yêu say đắm Karim Amrani, một tay bán lẻ ma túy chuyên hoạt động ở đại lộ Chapelle. Amrani đã bỏ ngang trường Luật tại Nanterre. Đó là một gã bẻm mép đẹp trai có phần nghèo khổ, ủng hộ phe cực tả, nay mơ thành Fidel Castro mai lại ước thành Tony Montana⁽¹²⁾.

Để chiều lòng hẳn, Apolline bỏ học rồi cùng hẳn dọn tới một khu ổ chuột trên phố Châteaudun. Dần dần, Karim sa vào nghiện ngập. Lúc nào hẳn cũng cần nhiều tiền hơn để hút chích. Bất chấp mọi nỗ lực của gia đình nhằm kéo cô ra khỏi đó, Apolline vẫn lún sâu vào cuộc sống giang hồ. Cô bắt đầu bằng việc bán thân, nhưng chẳng mấy chốc những chuyến đi khách cũng không còn đủ. Thế là cô trở thành tòng phạm của Karim và cùng hẳn chìm sâu vào tội lỗi. Tiếp theo là hàng loạt vụ trộm cắp, đôi khi rất bạo lực,

đỉnh điểm là vụ cướp một quán bar PMU gần quảng trường Stalingrad hồi tháng Chín năm 2000. Cuộc tấn công diễn ra không suôn sẻ. Chủ quán bar chống cự. Để dọa ông ta, Karim nhả đạn bằng một khẩu súng hoa cải (người đàn ông kia trúng đạn và bị mù một mắt). Hãn vết sạch kết rồi ra gặp Apolline đang chờ hãn bên ngoài trên một chiếc mô tô. Rốt cuộc một chiếc xe cảnh sát cũng phát hiện ra chúng và cuộc truy đuổi bắt đầu rồi kết thúc tại đại lộ Poissonnière, ngay đối diện khách sạn Grand Rex, may mắn không gây thương vong. Ra tòa, Karim bị kết án tám năm tù giam. Apolline thoát đẹp khi chỉ lãnh bốn năm tù.

Dĩ nhiên rồi... Lúc này tôi vẫn nhớ là khi đọc lướt website của Apolline, một vài ngày tháng đã khiến tôi ngạc nhiên như thể có một lỗ hổng dài trong lý lịch trích ngang của cô ta.

Thời gian thẩm thoát trôi. Năm 2003, Apolline rời nhà tù Pleury-Mégoris rồi cải tà quy chính làm lại cuộc đời. Cô tiếp tục việc học tại Bordeaux rồi Montpellier, kết hôn với Rémi Chapuis, con trai một luật sư trong vùng rồi vài năm sau, hai người ly hôn, không con cái. Năm 2012: cô trở lại Bordeaux, gây dựng công ty rượu nho rồi *coming out*⁽¹³⁾ hết sức muộn màng - ngoài ra, người trình báo việc cô mất tích tại sở cảnh sát Bordeaux là một trong những cô nhân tình cũ của cô.

Đến cuối blog, Lafaury scan một bài viết cũ trên tờ Le Parisien thuật lại vụ xét xử “*Bonnie và Clyde* phố Stalingrad”. Một bức ảnh đen trắng cho thấy Apolline thời ấy là một thiếu nữ cao ráo mảnh khảnh, khuôn mặt dài, gò má cao, mắt sụp. Karim thấp hơn, béo tốt, lực lưỡng, vẻ quyết đoán. Hãn vốn khét tiếng vì độ hung hãn và tàn bạo mỗi khi phê ma túy; nhưng hành vi của hãn trong phiên tòa lại khá rõ. Hãn đã phản bác ý kiến của luật sư bào chữa riêng để cố gắng gỡ tội cho Apolline hết mức có thể. Một chiến thuật đã mang lại kết quả khá đáng kể.

Đọc xong bài viết, tôi tự nhủ bản chất việc đào xới quá khứ phạm tội của Apolline Chapuis có thể là nhằm xoa dịu công chúng. Có lẽ vụ ám sát cô không có mối liên hệ nào với Beaumont cũng như dân đảo. Có lẽ cái chết của cô có thể xảy ra ở bất cứ đâu. Tôi cũng thắc mắc Karim Amrani đã ra

sao khi ra tù. Hẳn có ngựa quen đường cũ quay lại với những hoạt động phạm tội trước kia không? Hẳn có tìm cách nối lại liên lạc với nữ đồng phạm ngày nào không? Thời đó, có thực là hẳn thao túng Apolline không, hay mọi việc phức tạp hơn thế? Nhất là, tôi tự hỏi, liệu có thể nào sau hai chục năm rông, quá khứ bất hảo của Apolline đã quay trở lại tìm cô như một chiếc boomerang.

Tôi vớ lấy chiếc máy tính ở chân giường để ghi chép vài dòng cho cuốn tiểu thuyết. Từ hôm qua, tôi đã viết hăng say, các trang giấy cứ tự kín đặc chữ. Tôi không biết liệu những gì mình viết có đáng giá hay không, chỉ biết số phận đã đưa tôi vào diễn tiến của một câu chuyện mà ai đó nên kể lại. Một câu chuyện thực mạnh hơn hư cấu và tôi có linh cảm rằng nó mới chỉ bắt đầu. Tại sao tôi lại chắc chắn rằng vụ sát hại Apolline chỉ là phần nổi nhỏ xíu của một tảng băng chìm khổng lồ? Có lẽ là vì với tôi, sự bồn chồn của mọi người thật đang ngời như thể hòn đảo mang một bí mật mà nó chưa sẵn sàng tiết lộ. Dầu sao, tôi cũng đã thực sự trở thành một nhân vật tiểu thuyết, giống như trong những cuốn sách tôi đọc hồi bé, ở đó; độc giả chính là nhân vật chính.

Hẳn là trong phút kế tiếp, cảm giác này vẫn còn tăng thêm vài phần. Điện thoại của tôi đổ chuông và màn hình hiển thị một số lạ - nhưng đầu số giống như một thuê bao trên đảo.

Khi nhắc máy, tôi lập tức nhận ra giọng Nathan Fawles.

Ông yêu cầu tôi tới nhà riêng gặp ông.

Ngay tức khắc.

3.

Lần này, Fawles không chào đón tôi bằng những phát súng, mà bằng một tách cà phê hảo hạng. Bên trong ngôi nhà đúng như tôi đã hình dung: rộng rãi mà ẩn tượng, tối giản mà ấm cúng. Ngôi nhà hoàn hảo cho văn sĩ. Tôi dễ dàng hình dung ra những nhân vật như Hemingway, Neruda hay Simenon sáng tác tại đây. Hoặc thậm chí là Nathan Fawles...

Mặc quần jean, sơ mi trắng và áo len cổ kéo khóa, ông đang cho chú chó giống golden retriever có bộ lông vàng nhạt uống nước. Rốt cuộc tôi đã có thể thấy ông trông như thế nào khi không đội chiếc mũ panama và đeo cặp kính râm. Thật lòng mà nói, ông không già đi nhiều so với những bức ảnh chụp hồi cuối thập niên 1990. Fawles hơi vạm vỡ, nhưng toát ra một cá tính thực sự rõ nét. Khuôn mặt r ám nắng, đôi mắt sáng giống như làn nước trong vắt mà ta trông thấy đằng xa. Bộ râu quai nón và mái tóc mới chớm muối tiêu. Từ ông tỏa ra thứ gì đó bí hiểm và khó nắm bắt. Một uy lực vừa thâm trầm vừa chói lọi tựa vàng thái dương. Một sự tỏa rạng hắc ám mà ta không biết liệu có nên dè chừng hay không.

- Chúng ta ra bên ngoài ngồi đi, ông đề nghị đoạn vớ lấy chiếc cặp táp nhỏ bằng da đã sờn đế trên chiếc ghế tựa Eames hẳn phải gấp đôi tuổi tôi.

Tôi theo ông ra sân hiên. Trời vẫn còn mát, nhưng mặt trời đã lên cao. Tận cùng bên trái, nơi Fawles đứng canh chừng khi tôi gặp ông lần đầu tiên, những phiến đá lát nhường chỗ cho một khoảng đất nện trước khi những mỏm núi đá chiếm ưu thế trở lại. Một chiếc bàn chân kim loại cùng hai băng ghế đá được gắn cố định trên nền đất dưới ba cây thông lọng cổ thụ.

Fawles mời tôi ngồi rồi chọn chỗ đối diện tôi.

- Tôi sẽ đi thẳng vào mục đích, ông nói đoạn nhìn chòng chọc vào mắt tôi. Tôi mời cậu đến đây là vì tôi cần cậu.

- Cần tôi ư?

- Tôi cần cậu giúp.

- Cần tôi giúp ư?

- Đừng có nhắc lại những gì tôi nói nữa đi, nghe ngấy lắm. Tôi cần cậu làm việc này cho tôi, cậu hiểu chứ?

- Việc gì thế?

- Một việc quan trọng và nguy hiểm.

- Nhưng... nếu việc đó nguy hiểm, đổi lại tôi sẽ được gì?

Fawles đặt cặp táp lên mặt bàn ốp gạch gốm vuông.

- Cậu được thứ bên trong cặp táp này.

- Tôi cóc cần thứ bên trong cặp táp của ông.

Ông ngược mắt nhìn trời vẻ ngán ngẩm.

- Sao cậu có thể nói mình cóc cần đến nó trong khi thậm chí cậu còn chưa biết đó là gì nhỉ?

- Điều tôi muốn, đó là ông đọc bản thảo tôi viết.

Fawles lặng lẽ mở cặp táp rồi lấy từ trong đó ra cuốn tiểu thuyết tôi đã quẳng cho ông trong lần gặp đầu tiên.

- Tôi đã đọc bản văn của cậu rồi, nhóc ạ! Ông nói, môi nở nụ cười.

Ông đưa cho tôi bản thảo *Sự rụt rè của những đỉnh cao*, vui ra mặt vì đã gài bẫy được tôi.

Tôi bồn chồn lật các trang. Trang nào cũng có ghi chú dài ngoằng. Fawles không chỉ đọc cuốn tiểu thuyết của tôi mà còn sửa chữa hết sức nghiêm túc, dành thời gian đáng kể cho việc đó. Tôi bỗng thấy lo. Tôi có thể chịu đựng lời từ chối của các nhà xuất bản và những lời gièm pha trích thượng của một tên ngốc như Bernard Dufy, nhưng liệu có thể hồi phục sau khi bị chính thần tượng của mình mỉa mai châm chọc không?

- Ông thấy nó thế nào? tôi hỏi, toàn thân như tê liệt.

- Thằng thẩn nhé?

- Thằng thẩn đi ạ. Chẳng ra gì đúng không?

Thích thú trước nỗi đau của người khác, Fawles nhấp một ngụm cà phê rồi dền dứ trước khi buông một câu:

- Trước tiên, tôi rất thích nhan đề này, âm hưởng của nó, tính biểu tượng của nó...

Tôi không dám thở nữa.

- Sau đó, tôi phải thừa nhận bản thảo được viết đúng ra là khá chịn chu...

Tôi buột một tiếng thở phào nhẹ nhõm, ngay cả khi biết rằng, đối với Fawles, “được viết khá chịn chu” không nhất thiết là một lời khen, và chẳng ông cũng vội vàng nhấn mạnh:

- Thậm chí tôi sẽ nói rằng nó được viết hơi quá chín chu. Đến lượt ông cầm bản thảo lên rồi lật trang:

- Tôi có ghi chú lại là cậu đã thó của tôi đôi ba mảnh viết. Cả của Stephen King, Cormac McCarthy và Margaret Atwood nữa...

Tôi không biết liệu mình có nên trả lời gì đó không. Tiếng sóng xô dưới vách đá dội lên tận chỗ chúng tôi mạnh tới nỗi khiến ta có cảm giác như đang đứng trên boong tàu.

- Nhưng chuyện đó không nghiêm trọng, ông nói tiếp, có những hình mẫu để noi theo khi ta vào nghề là chuyện bình thường, và chỉ ít, điều đó cũng chứng tỏ cậu đã đọc những cuốn sách hay.

Ông tiếp tục lật trang để xem lại những ghi chú của mình.

- Có những chi tiết bất ngờ, các đoạn hội thoại thường được viết gọn ghẽ, đôi khi tức cười, và ta không thể nói là chán được...

- Nhưng?

- Nhưng nó thiếu điều cốt yếu.

À vâng, dẫn sao...

- Và điều cốt yếu là gì thế? tôi hỏi, khá phật lòng.

- Theo cậu thì sao?

- Tôi không biết. Tính độc đáo? Những ý tưởng mới?

- Không, chúng ta mặc kệ các ý tưởng đi, ở đâu chẳng có ý tưởng.

- Cơ chế của câu chuyện? Hay sự tương hợp giữa một câu chuyện hay và các nhân vật thú vị?

- Cơ chế là một mảnh kiêu chủ ga ra. Còn các phương trình là một mảnh kiêu nhà toán học. Mấy thứ đó sẽ không biến cậu thành một tiểu thuyết gia giỏi.

- Từ chính xác chẳng?

- Từ chính xác hữu dụng trong các cuộc trò chuyện, ông giễu cợt. Nhưng bất kỳ ai cũng có thể làm việc với một cuốn tự điển. Nghĩ mà xem, điều gì thực sự quan trọng nhỉ?

- Điều quan trọng là cuốn sách khiến độc giả hài lòng.

- Đúng thế, độc giả quan trọng. Cậu viết cho độc giả, nhất trí là vậy, nhưng tìm cách làm hài lòng độc giả là cách tốt nhất để họ không đọc cậu.

- Thôi được rồi, vậy thì tôi không biết. Điều cốt yếu là gì vậy?

- Điều cốt yếu là thứ nhựa sống tươi tắn cho câu chuyện của cậu. Thứ nhựa sống phải chiếm hữu cậu và lan khắp cơ thể cậu như một luồng điện. Thứ nhựa sống phải thiêu đốt những huyết quản trong cậu để cậu không thể làm gì khác ngoài đi đến tận cùng cuốn tiểu thuyết như thể cuộc sống của cậu phụ thuộc cả vào đó. Viết chính là vậy. Chính thứ đó sẽ khiến độc giả của cậu cảm thấy bị giam cầm, chìm đắm, và họ sẽ đánh mất những dấu mốc của bản thân để mặc mình bị nhấn chìm như chính cậu từng bị vậy.

Tôi nghiên ngẫm những gì ông vừa nói, rồi đánh liều hỏi một câu:

- Cụ thể thì vấn đề trong cách viết của tôi là gì vậy?

- Nó khô khan quá. Tôi không cảm thấy sự khẩn cấp trong đó, và đặc biệt, nghiêm trọng nhất, đó là tôi không cảm thấy những xúc cảm.

- Thế mà có đấy!

Fawles lắc đầu.

- Những xúc cảm giả dối. Những xúc cảm giả tạo, những xúc cảm tẻ nhạt...

Ông bẻ ngón tay răng rắc rồi làm rõ ý kiến của mình:

- Tiểu thuyết, đó là cảm xúc, không phải trí tuệ. Nhưng để cảm xúc nảy sinh, trước tiên phải trải nghiệm chúng đã. Cậu phải cảm nhận về mặt thể xác những cảm xúc của các nhân vật do mình sáng tạo. Của *tất cả* những nhân vật do mình sáng tạo: cả những người hùng lẫn những tên khốn.

- Nghề tiểu thuyết gia đích thực là vậy sao? Tạo ra những cảm xúc?

Fawles nhún vai.

- Dẫu sao, đó cũng là điều tôi, *chính tôi*, mong đợi khi đọc một tiểu thuyết.

- Khi tôi tới xin ông lời khuyên, tại sao ông lại đáp: “Hãy làm nghề gì đó khác chứ đừng muốn trở thành nhà văn”?

Fawles thở dài:

- Bởi vì đó không phải một nghề dành cho những người có đầu óc tinh táo. Đó là công việc dành cho những kẻ tâm thần phân lập. Một hoạt động đòi hỏi sự phân ly tâm thần mang tính hủy hoại: để viết, cậu phải cùng lúc ở trong thế giới và ở ngoài thế giới. Cậu hiểu ý tôi không?

- Tôi nghĩ là có.

- Sagan đã tìm ra công thức hoàn hảo: “Nhà văn là một động vật đáng thương, bị nhốt trong chuồng với chính mình.” Khi viết, cậu không sống cùng vợ con hay bạn bè cậu. Hay nói đúng hơn, cậu chỉ vờ như đang sống cùng họ. Cuộc sống đích thực của cậu là sống cùng các nhân vật của mình trong một năm, hai năm, năm năm...

Lúc này, ông đã vào guồng:

- Tiểu thuyết gia không phải công việc bán thời gian. Đã là tiểu thuyết gia, cậu sẽ là tiểu thuyết gia hai tư trên hai tư giờ. Cậu sẽ không bao giờ có kỳ nghỉ. Cậu sẽ luôn cảnh giác, luôn rình chờ một ý tưởng ngang qua, một cụm từ, một nét tính cách có thể góp phần nuôi dưỡng nhân vật nào đó.

Tôi nghe như nuốt lấy từng lời ông nói. Thật tuyệt khi nhìn ông hăng say nói về việc viết lách. Chính là Nathan Fawles mà tôi từng hy vọng được diện kiến khi tới đảo Beaumont.

- Nhưng chuyện đó bỏ công mà Nathan, không phải sao?

- Đúng, bỏ công, ông đáp theo đà. Và cậu biết tại sao chứ?

Lần này, đúng thế, tôi có cảm giác là mình biết:

- Bởi vì, trong một khoảnh khắc, ta là Chúa Trời.

- Chính xác. Thật ngốc khi nói vậy, nhưng trong một khoảnh khắc, trước màn hình của cậu, cậu trở thành một đấng tạo hóa có thể tạo ra và hủy bỏ những số phận. Và một khi cậu đã biết đến niềm hưng phấn này thì chẳng có gì gợi hứng hơn.

Cá đã cắn câu:

- Vậy thì tại sao lại dừng lại? Tại sao ông lại ngừng viết hủ Nathan?

Fawles ngừng nói và khuôn mặt ông đanh lại. Đôi mắt ông không còn ánh lấp lánh. Màu lam ngọc đã trở thành gần như lam thẫm, như thể một họa sĩ vừa pha vào đó vài giọt mực đen.

- Mẹ kiếp...

Ông thấp giọng lẩm bẩm, như thể buột miệng nói ra từ này. Thứ gì đó đã tan tành.

- Tôi ngừng viết bởi vì tôi không còn sức để viết nữa, vậy đó.

- Nhưng trông ông có vẻ vẫn khỏe mạnh mà. Vì thời đó ông mới có ba mươi lăm.

- Tôi đang nói với cậu về sức mạnh tâm lý. Tôi không còn tâm trí hay sự linh hoạt tinh thần cần thiết cho việc viết.

- Vì sao?

- Cái đó là vấn đề của tôi, ông đập đoạn cất lại bản thảo của tôi vào chiếc cặp táp, khóa cặp kêu lách tách.

Và tôi hiểu rằng lớp thạc sĩ văn chương đã kết thúc, chúng tôi sắp chuyển sang việc khác.

4.

- Được rồi, cậu nhận lời giúp tôi, có hay không nào, mẹ kiếp?

Vẻ nghiêm nghị, Fawles nhìn thẳng vào mắt tôi không rời.

- Ông muốn tôi làm gì?

- Trước tiên, tôi muốn cậu tìm hiểu thông tin về một phụ nữ.

- Ai?

- Một nữ phóng viên người Thụy Sĩ hiện đang có mặt trên đảo. Một cô Mathilde Monney nào đó.

- Tôi thừa biết đó là ai ấy chứ! tôi thốt lên. Nhưng tôi không biết cô ấy là phóng viên. Cuối tuần vừa rồi cô ấy đã tới hiệu sách. Thậm chí cô ấy còn mua mọi cuốn sách ông viết!

Fawles hoàn toàn dừng đứng trước thông tin đó.

- Đúng ra thì ông muốn biết điều gì về cô ấy?
- Tất cả những gì cậu có thể thu thập được: tại sao cô ta ở đây, hằng ngày cô ta làm gì, gặp gỡ ai, cô ta hỏi han mọi người những gì.
- Ông nghĩ cô ấy đang tìm cách viết một bài báo về ông sao?
Fawles phớt lờ câu hỏi của tôi thêm lần nữa.
- Sau đó, tôi muốn cậu tới nơi ở của cô ta rồi đột nhập vào phòng riêng...
- Để làm gì cô ấy chứ?
- Không làm gì hết, đồ ngớ ngẩn! Cậu vào phòng Mathilde Monney khi cô ta không có mặt ở đó.
- Toàn bộ chuyện này không hợp pháp đâu...
- Nếu chỉ muốn làm những gì được phép, cậu sẽ không bao giờ trở thành một tiểu thuyết gia giỏi. Và sẽ không đời nào trở thành nghệ sĩ. Câu chuyện về nghệ thuật chính là câu chuyện về sự bất tuân thủ.
- Chỗ này ông đang chơi chữ đấy, Nathan.
- Đó là đặc điểm của nhà văn mà.
- Tôi cứ nghĩ ông không còn là nhà văn nữa.
- Một ngày là nhà văn thì mãi mãi là nhà văn.
- Đối với một người được nhận giải Pulitzer thì trích dẫn như vậy là hơi kém, không phải sao?
- Cậu im đi.
- Được thôi, tôi phải tìm thấy thứ gì trong căn phòng đó?
- Tôi không biết chính xác. Ảnh chụp, bài viết, trang thiết bị tin học...
Ông tự rót cho mình một tách cà phê nữa đoạn nuốt một ngụm rồi nhăn mặt.
- Sau đó, tôi muốn cậu lục lạo trên Internet để thu thập tất cả những gì có thể về Mathilde, rồi...
- Tôi rút ngay điện thoại di động ra để bắt đầu tìm kiếm, những Fawles ngăn tôi lại:

- Cứ nghe tôi dặn đã! Và đừng mất thời gian: ở đây không có cả wifi lẫn sóng di động.

Tôi lại đặt điện thoại xuống như một học sinh bị bắt quả tang phạm lỗi.

- Tôi cũng muốn cậu tìm hiểu về hai cái tên: Apolline Chapuis và...

Tôi trở mắt ngắt lời ông:

- Người phụ nữ bị sát hại ư?

Fawles nhú mày.

- Cậu đang huyền thuyên gì vậy?

Nhìn vẻ mặt nhà văn, tôi chợt hiểu ra ông sống đơn độc đến mức sự tồn tại và những tình tiết của tấn thảm kịch đang khuấy động Beaumont từ nhiều ngày qua vẫn chưa hề tới tai ông. Tôi kể lại cho ông nghe tất cả những gì mình biết: vụ sát hại Apolline, cái xác đông lạnh và quá khứ nhúng chàm của cô bên Karim Amrani, lệnh phong tỏa đảo.

Càng tiết lộ thông tin, tôi càng thấy rõ vẻ sững sờ hiển hiện trong mắt và trên khuôn mặt Fawles. Nỗi lo lắng ban đầu mà tôi nhận ra khi đến nhà ông đã nhường chỗ cho sự hốt hoảng tột cùng và niềm kính sợ rành rành trú ngụ trong con người ông.

Khi tôi nói xong, Fawles loạng choạng. Mất một lúc ông mới hồi phục được, rồi rồi cuộc cũng bình tĩnh trở lại. Sau một hồi do dự, đến lượt ông thổ lộ với tôi các thông tin, câu chuyện mà Mathilde Monney kể cho ông hôm trước: hành trình kỳ lạ của chiếc máy ảnh mà Apolline và Karim đánh mất. Ngay lúc đó, tôi không hiểu gì lắm. Sự dồn tích nhiều sự kiện ngăn cản tôi kết nối chúng lại với nhau. Tôi có nhiều câu hỏi muốn đặt ra cho Fawles nhưng ông không để tôi kịp có thời gian. Vừa kể xong chuyện, ông đã nắm lấy cánh tay tôi rồi tiễn tôi ra cửa phòng.

- Cậu lục soát phòng của Mathilde đi, ngay nhé!

- Ngay thì tôi không thể. Tôi mất việc ở hiệu sách đấy.

- Cậu xoay xở đi! ông hét. Mang thông tin về cho tôi!

Ông đóng sập cửa lại trước mặt tôi. Tôi hiểu tình hình đã trở nên nghiêm trọng và tốt nhất là nên làm theo những gì Fawles yêu cầu.

Trưa tím

Hic Sunt Dragones.

(Ở đây là những con rồng⁽¹⁴⁾)

1.

Mũi Tây Nam của đảo.

Mathilde Monney đóng sập cửa xe bán tải, nổ máy rồi lái xe vòng lại trên con đường lổn nhổn sỏi. Nhìn từ bên ngoài, căn nhà nơi nữ phóng viên thuê trọ giống với một ngôi nhà nông thôn kiểu Anh. Một căn nhà nhỏ kiểu gỗ trét lớp mái rạ, mặt tiền ốp đá cẩm thạch khuất sau đám hồng leo giăng kín. Đằng sau là một khu vườn hoang trải rộng tới tận một cây cầu hai nhịp cũ nối với bán đảo Sainte-Sophie.

Tôi mới tới bờ biển phía Nam hai lần. Lần đầu tiên để ngắm nhìn tu viện ngay gần đó nơi các nữ tu dòng Benedict sinh sống, và lần thứ hai cùng với Ange Agostini, hôm người ta tìm thấy xác của Apolline gần Bãi Tristana. Khi tôi chân ướt chân ráo tới đảo, Audibert đã giải thích với tôi rằng trên phương diện lịch sử, phần này của Beaumont vốn là địa điểm được cộng đồng nói tiếng Anh đặc biệt ưa thích. Vừa hay, Mathilde thuê trọ tại nhà một bà cụ người Ailen. Từ nhiều năm nay, căn nhà thuộc về Colleen Dunbar, một nữ kiến trúc sư về hưu kiếm thêm bằng việc cho thuê căn phòng ở tầng hai theo mô hình *bed & breakfast*.

Để tới được đây, tôi bỏ qua xe đạp - vì trước đó đã mệt lử khi từ nhà Fawles quay về - để thuê một chiếc xe máy điện trước *Ed's Corner* rồi giấu nó vào một bụi rậm. Tôi đã phải đàm phán nhanh và quyết liệt với Audibert để được rảnh rang trọn buổi sáng. Ông chủ hiệu sách càng lúc càng sợ bóng sợ gió, như thể đang gánh trên vai mọi thống khổ trần gian.

Trong lúc chờ rộng đường hành động, tôi chọn chỗ các vách đá thoai thoải không quá sắc nhọn để leo xuống. Từ vị trí quan sát của mình, tôi có thể tận hưởng vẻ đẹp đáng kinh ngạc của chốn hoang vu này mà không bị khuất tầm nhìn về phía ngôi nhà thôn quê. Hai mươi phút trước, tôi đã thấy bà Dunbar rời nhà. Cô con gái lái ô tô qua đón bà đi mua sắm. Mathilde cũng chuẩn bị rời nhà. Chiếc xe bán tải đi xa dần khỏi khu đất rồi rẽ sang phía Tây, nơi đường sá bằng phẳng và thẳng tắp. Tôi chờ cho cô khuất khỏi tầm nhìn rồi mới rời chỗ nấp, leo qua các mỏm đá rồi tiến về phía ngôi nhà.

Một cú đảo mắt nhanh ra xung quanh khiến tôi an tâm. Không có hàng xóm gần gũi. Tu viện hẳn phải ở cách đây hơn trăm mét. Tôi gắng lắm mới nhìn ra ba bốn nữ tu sĩ đang cặm cụi trong vườn rau, nhưng ngay khi tôi vòng ra đằng sau nhà, họ sẽ không thể nhìn thấy tôi được nữa.

Thành thực mà nói, tôi không thoải mái cho lắm với ý nghĩ mình đang làm điều gì đó bị cấm. Cả đời tôi tình nguyện mắc *hội chứng học sinh ngoan*. Tôi là con trai một, xuất thân từ tầng lớp trung lưu với cuộc sống lúc nào cũng chỉ tạm đủ. Nhưng bố mẹ tôi lúc nào cũng đầu tư nhiều - thời gian, năng lượng, chút đỉnh tiền mà họ kiếm được - để tôi học hành thành tài và trở thành “người tử tế”. Từ nhỏ, tôi đã nỗ lực để không làm bố mẹ thất vọng và tránh những điều đại dột. Và phương diện hướng đạo sinh này đã trở thành bản chất thứ hai. Tuổi niên thiếu của tôi là một dòng sông dài phẳng lặng. Có lẽ tôi đã châm dăm ba điếu thuốc trong sân chơi năm mười bốn tuổi và phóng xe gắn máy vượt dăm ba cái đèn đỏ, ghi lại vài bộ phim khiêu dâm trên kênh Canal+ và dăm vỡ mũi một gã đã phạm lỗi thô bạo với tôi trong lúc chơi bóng đá, nhưng tất cả gần như chỉ có vậy.

Quãng đời sinh viên của tôi cũng êm ả tương tự. Tôi đã hai lần say bí tỉ, “trấn” chiếc bút lông bằng gỗ cây lan chuông của một sinh viên cùng

trường Thương mại và thó một cuốn Georges Simenon thuộc tủ sách Tao Đàn trong hiệu sách *L'Oeil Écoute* trên đại lộ Montparnasse. Từ đó, hiệu sách đóng cửa và mỗi lần đi ngang qua trước cửa hàng quần áo đã thể chỗ nó, tôi thường tự hỏi liệu mình có liên quan gì đến vụ phá sản này không.

Nghiêm túc hơn, tôi chưa từng hút cần cũng chưa từng động đến bất kỳ thứ ma túy nào - nói đúng ra, tôi thậm chí còn không biết làm cách nào để kiếm mấy thứ đó. Tôi không phải một tay ăn chơi, tôi cần ngủ tám tiếng mỗi đêm và từ hai năm nay ngày nào tôi cũng làm việc, cả cuối tuần và các kỳ nghỉ, hoặc để viết sách, hoặc để làm những công việc mưu sinh trang trải tiền thuê nhà. Trong một cuốn tiểu thuyết, tôi có thể nhập vai cực đạt nhân vật gã thanh niên khờ khạo và đa cảm sắp được cuộc điều tra và những biến cố của nó tôi luyện cho dày dặn.

Vậy nên tôi cố gắng tỏ vẻ ung dung khi tiến về phía lối vào nhà. Tất cả mọi người đều thề với tôi rằng ở Beaumont, chẳng ai khóa cửa bao giờ. Tôi xoay tay nắm nhưng cánh cửa vẫn đóng chặt một cách tuyệt vọng. Thêm một truyền thuyết nữa mà dân đảo hẳn đã kể với du khách hoặc những gã cả tin như tôi. Cũng có thể việc phát hiện xác Apolline cách đây chỉ vài cây số đã khiến nữ phóng viên cảnh giác hơn.

Tôi sẽ phải đột nhập ngôi nhà. Tôi nhìn cánh cửa kính dẫn vào bếp, nhưng chất liệu kính đó có vẻ quá dày để tôi có thể đập vỡ mà không bị thương. Tôi vòng ra sau nhà. Đắng xa, dường như các nữ tu đã rời khỏi vườn rau. Tôi cố gắng động viên bản thân, chỉ cần tìm ra ô kính lỏng lẻo nhất rồi thúc khuỷu tay một cú là đủ để nó vỡ tan. Trên một sân hiên được hoàn thiện vội, bà cụ người Alien đã kê một chiếc bàn thảm hại bằng gỗ tích màu xám xám và ba chiếc ghế tựa mà nắng mưa và muối biển đã bào mòn. Chính ở đó, đằng sau phòng khách mùa hè này, tôi đã có được bất ngờ thú vị khi nhìn thấy một trong những cánh chớp của khung cửa sổ sắt đất vẫn đang mở. Quá thuận lợi để có thể là thật chẳng?

2.

Tôi lên vào phòng khách. Nơi này yên tĩnh và nóng nực. Phảng phất mùi âm ẩm và ngòn ngọt của bánh mứt táo vị quế. Bài trí nội thất khá duyên

dáng: một căn phòng xinh xắn xu hướng *british* với vô số nệm, chăn choàng vải Ê cốt, rèm họa tiết hoa, thảm phong cách lãng mạn và đĩa trang trí treo trên tường.

Đang chuẩn bị lên gác thì tôi nghe thấy một tiếng động. Tôi ngoái nhìn để rồi nhận ra một con chó giống *dogue* Đức đang lao về phía tôi. Nó dừng lại cách tôi chưa đầy một mét, tư thế sẵn sàng tấn công. Đó là một khối cơ bắp khổng lồ với bộ lông sẫm và bóng láng, cao ngang bụng tôi. Hai tai dỏng lên, con chó vừa chăm chăm nhìn tôi bằng ánh mắt hăm dọa vừa gầm gừ nghe rất đáng sợ. Cổ nó đeo một mề đay chạm khắc to đùng trên đó có thể đọc thấy *Little Max*. Một cái tên hẳn là dễ thương khi con chó được đôi ba tháng, nhưng lúc này dường như không thích hợp lắm nữa. Tôi muốn thoái lui, nhưng làm vậy không ngăn được con chó kia nhảy xổ vào tôi. Tôi chỉ kịp né người rồi chạy bổ lên cầu thang, leo ba bậc một, cảm thấy con chó ngao đang sẵn sàng cắn phập những chiếc răng nanh sắc nhọn vào chân mình, tôi gắng sức lao lên đầu cầu thang, vào căn phòng đầu tiên tôi gặp rồi đóng cửa phòng lại sau lưng, sập cửa trước mũi con chó theo đúng nghĩa đen.

Trong khi con chó lao bổ vào cánh cửa với những tiếng sủa dữ dội, tôi cố thở đều và trấn tĩnh trở lại. May mắn - rốt cuộc cũng là cách nói thôi, bởi dẫu sao tôi cũng suýt mất một chân -, là rõ ràng tôi đang ở trong căn phòng mà Mathilde thuê.

Đó là dạng căn hộ một phòng với hệ thống rèm xà bằng gỗ sáng màu chạy nổi, bị bóng ma của Laura Ashley⁽¹⁵⁾ ám quẻ. Những bó hoa khô bày trên đồ gỗ gi đồng được sơn lại theo các tông màu phấn, các họa tiết đồng nội và điền viên trang trí rèm và khăn phủ giường. Nhưng Mathilde đã biến căn phòng *bed & breakfast* thành một phòng làm việc kỳ lạ. Một *war room* dành riêng cho nỗi ám ảnh duy nhất: Nathan Fawles.

Chiếc ghế bành thấp bọc vải nhung màu hồng oải xuống dưới hàng chồng sách và hồ sơ. Bàn nước bị biến thành bàn làm việc, bàn trang điểm xinh xắn kèm gương bị biến thành kệ để máy in. Trong khi *Little Max* tiếp tục kích động đằng sau cánh cửa, tôi bắt đầu tra cứu các hồ sơ.

Rõ ràng là Mathilde Monney đang tiến hành một cuộc điều tra đúng nghĩa về Fawles. Trên bàn làm việc của cô không có máy tính, thay vào đó là hàng chục bài báo in được tô bằng bút nhớ dòng. Tôi biết những bài báo này. Đó là những bài báo luôn hiện ra khi ta tiến hành tìm kiếm trên Internet: vẫn những bài phỏng vấn cũ vào thập niên 1990, được thực hiện trước khi Fawles ngừng viết, rồi hai bài viết tham khảo, bài “*Người vô hình*” trên tờ New York Times năm 2010 và bài “*Fawles or False?* (và ngược lại)” trên tờ Vanity Fair của Mỹ phát hành cách đây ba năm.

Mathilde cũng đã ghi chú ba cuốn sách của Nathan rồi in ra nhiều bức ảnh chụp nhà văn. Đặc biệt là những bức ảnh chụp màn hình lần gần nhất ông tham gia chương trình của Bernard Pivot, *Nước lèo văn hóa*. Vì lý do nào đó tôi không rõ, nữ phóng viên đã phóng to những đôi giày mà Fawles mang trong chương trình này. Tôi xem đồng giấy tờ của cô chăm chú hơn. Sau khi tham gia những diễn đàn chuyên sâu, Mathilde đã tìm ra mẫu chính xác: boots Weston mã “Cambre 705” da bê màu hạt dẻ với phần cổ chân co giãn.

Tôi gãi đầu. Toàn bộ chuyện này ăn nhập với cái gì đây? Không phải nữ phóng viên đang viết một bài báo nhằm thử n về người ở ẩn trên đảo Beaumont. Cuộc điều tra mà cô tiến hành về Fawles giống một cuộc điều tra của cảnh sát. Nhưng động cơ của cô là gì nhỉ?

Khi mở những hồ sơ đóng bìa cứng nằm chồng chất trên ghế bành thấp, tôi đã có một khám phá khác: những bức ảnh chụp bằng ống kính tầm xa một người đàn ông đang vận động ở nhiều nơi khác nhau. Một người Maghreb chừng bốn mươi tuổi, mặc áo phông và vest bò. Tôi lập tức nhận ra phong cảnh: tỉnh Essonne, chính xác hơn là thành phố Evry. Không thể nhầm được. Có khá nhiều ảnh để nhận ra. Nhà thờ lớn với kiến trúc gậy tranh cãi, trung tâm thương mại Evry 2, công viên Conquibus, bãi trước nhà ga Évry-Courcouronnes. Năm cuối trường Thương mại, tôi từng có cô bạn gái sống tại đó. Joanna Pawlowski. Á khôi hai cuộc thi Hoa khôi Ile-de-France 2014. Khuôn mặt khả ái nhất mà ta có thể hình dung. Đôi mắt to màu lục, màu tóc vàng đặc trưng kiểu Ba Lan, vẻ dịu dàng và duyên dáng

trong từng cử chỉ. Tôi thường đưa nàng về nhà sau giờ học. Trong một hành trình dài vô tận - tàu RER D từ ga Bắc về tận Évry -, tôi đã cố gắng cải đạo cho nàng sang tôn giáo đọc của mình, tôi tặng nàng những cuốn tôi yêu thích - *Cuốn tiểu thuyết dang dở*, *Kỵ binh trên mái nhà*, *Người tình của Lãnh chúa* - nhưng chẳng ích gì. Joanna có dáng vóc của nhân vật nữ chính trong tiểu thuyết lãng mạn, nhưng nàng là tất cả ngoại trừ lãng mạn. Tôi mơ mộng, nàng lại thực tế. Tuyệt đối bám chặt lấy thực tế mọi việc, trong khi lãnh thổ của tôi là tình cảm. Nàng đã rời xa tôi đồng thời thôi học để đi làm cho cửa hàng trang sức tại một trung tâm thương mại. Sáu tháng sau, nàng mời tôi tới một quán cà phê để thông báo nàng sắp cưới Jean-Pascal Péchard - tức JPP, - một trong các quản lý gian hàng của đại siêu thị ở cùng trung tâm thương mại. Những bài thơ mà tôi tiếp tục viết cho nàng chẳng mấy trọng lượng khi đặt cạnh tòa dinh thự ở Savigny-sur-Orge mà JPP mua trả góp trong vòng hai mươi lăm năm. Để vỗ về lòng kiêu hãnh bị tổn thương, tôi từng tự nhủ rằng một ngày kia, nàng sẽ hối tiếc điều này, khi nghe tôi nói về cuốn tiểu thuyết đầu tay của tôi tại *Hiệu sách Lớn*. Trong lúc chờ đợi, chuyện đó khiến tôi mất tinh thần một thời gian dài. Mỗi lần nghĩ tới Joanna, nhìn ảnh nàng trên điện thoại, phải mất hồi lâu tôi mới chấp nhận được rằng vẻ tinh tế trong các đường nét của nàng chẳng có gì liên quan đến sự tinh tế trong tâm hồn nàng. Và chẳng, tại sao hai cái đó lại kết hợp với nhau được nhỉ? Đó là một lẽ hiển nhiên giả trá mà tôi phải cho bén rễ vào trí não mình để tránh những thất vọng khác.

Tiếng sủa của con chó giống *Dogue* đằng sau cánh cửa bứt tôi ra khỏi dòng suy tưởng và nhắc tôi nhớ đến tính chất cấp bách của tình huống. Tôi lại miệt mài xem ảnh. Chúng được gắn nhãn thời gian ngày 12 tháng Tám năm 2018. Ai đã chụp chúng nhỉ? Một cảnh sát, một thám tử tư, hay chính Mathilde? Và trên hết, người đàn ông này là ai? Bỗng nhiên, trên một pô ảnh khi có thể thấy rõ ánh mắt gã đàn ông, tôi liền nhận ra hẳn: đó là Karim Amrani. Thêm hai mươi năm và gần ấy kí lô.

Hẳn là sau khi ra tù, gã du côn quèn của đại lộ Chapelle đã chuyển tới sống tại tỉnh Essonne. Trên những tấm ảnh khác, người ta nhìn thấy hẳn

chuyện trò với các thợ máy, ra vào một ga ra mà hẳn có vẻ là chủ hoặc người quản lý. Cả hẳn cũng đã tự thu xếp theo gương Apolline chẳng? Và đến lượt mạng sống của hẳn cũng bị đe dọa? Tôi không có cả thời gian lẫn bằng chứng để trả lời cho những câu hỏi đó. Tôi phân vân không biết có nên mang các hồ sơ này theo không. Để tránh lưu lại dấu vết chuyển ghé thăm của mình, cuối cùng tôi quyết định dùng điện thoại chụp lại những gì quan trọng nhất.

Những câu hỏi tiếp tục chen lấn trong đầu tôi. Tại sao Mathilde lại quan tâm đến Amrani? Dĩ nhiên vì câu chuyện về chiếc máy ảnh kia, nhưng có liên quan gì tới Fawles? Hy vọng khám phá ra điều đó, tôi tiến hành lục soát kỹ càng hơn trong phòng ngủ và phòng tắm. Không có gì dưới nệm, các ngăn kéo hay tủ hộc tường. Tôi nhắc nắp bình xả nước để kiểm tra bên trong rồi gõ chân thăm dò sàn ván: không phải chỗ nào cũng cố định nhưng tôi không tìm thấy tấm gỗ nào có thể tháo ra làm chỗ cất giấu.

Trái lại, sau bồn cầu, một trong các ván ốp chân tường bung ra ngay khi tôi động đến. Không mấy tin tưởng, tôi ngồi xổm rồi thò cánh tay vào khe hở và phát hiện trong đó một gói dày cộp những thư từ được buộc lại bằng dây chun. Đúng lúc định xem xét chúng thì tôi nghe thấy tiếng động cơ. *Little Max* ngừng sửa ở cửa phòng để lao xuống chân cầu thang. Tôi liếc qua rèm. Colleen Dunbar cùng con gái đã quay về. Gấp quá, tôi gấp tệp thư lại rồi nhét vào túi trong áo khoác ngăn, tôi chờ cho hai người phụ nữ đó khuất khỏi tầm nhìn rồi mở cửa sổ cánh trập trông ra mái của một nhà kho. Từ đó, tôi nhảy xuống bãi cỏ rồi chân run run chạy băng qua đường để lấy lại chiếc xe gắn máy.

Đang nổ máy xe thì tôi bỗng nghe đằng sau có tiếng sửa. Con chó giống *Dogue Đức* vừa lao tới đuổi theo tôi. Chiếc xe máy điện lết đi vài mét đầu, khó nhọc tăng lên tốc độ bốn mươi ki lô mét giờ, nhưng vừa đúng lúc một sườn dốc đã giúp nó tăng tốc và cho phép tôi giơ ngón tay thối với con chó khi tôi nhìn thấy nó bỏ cuộc, cúp đuôi chạy về nhà.

Fuck you, *Little Max*...

3.

Mặt trời nóng như hun đã lên cao trên bầu trời, như thể mùa hè ghé qua lần nữa. Gió đã ấm lên và suy yếu dần. Mặc quần soóc vải toan và áo phông Blondie, Mathilde thoăn thoắt nhảy trên các mòm đá.

Vũng bờ đá Rặng Thông là một trong những địa điểm ngoạn mục nhất đảo. Một thung lũng nhỏ, hẹp và sâu lọt thỏm giữa một khối nham thạch trắng lóa.

Muốn tiến vào đó đòi hỏi vài nỗ lực nhưng hoàn toàn xứng đáng. Mathilde đổ ô tô trên bãi bồi ven bờ Những Ngọn Sóng, rồi men theo con đường mòn được đào sâu trong đá hoa cương như một mê cung. Cô cuộc bộ mất hơn một giờ mới quay về tới vũng. Thoạt tiên có vẻ bằng phẳng, con đường dần gập ghềnh hơn dọc theo một bãi biển dốc đứng cheo leo và vô cùng nổi bật, tạo nên quang cảnh vừa hoang vu vừa tuyệt diệu.

Rồi đến đoạn dốc xuống biển - một chốn nguy hiểm thực sự. Những mét cuối cùng là khó khăn nhất bởi chúng dốc đứng, nhưng thực sự bỏ công sức bỏ ra. Khi đến bãi biển, ta có cảm giác mình đang ở cuối thế giới, cũng chính là thiên đường đã mất: làn nước ngọc lam, các hoàng thổ, bóng thông và hương khuynh diệp ngất ngây. Thậm chí cách đó không xa còn có cả những hang động, nhưng cấm tiết lộ chuyện này với du khách.

Bãi biển hình bán nguyệt, kín gió nhờ những vách đá hoa cương che chắn và không quá rộng. Vào tháng Bảy và tháng Tám, đôi khi có thể cảm thấy ở đó chật chội vì mọi người đổ dồn đến, nhưng vào một buổi sáng tháng Mười như hôm nay thì nơi này vắng tanh.

Đối diện vũng, cách chừng năm mươi mét, nhô lên một hòn đảo nhỏ xíu, một mòm núi chìa thẳng lên trời mang tên Mũi Mòm Đá. Vào đúng mùa, các thiếu niên bạo gan thường chơi đùa bằng cách chân trần leo lên đó trước khi lao xuống biển. Một trong những nghi lễ nhập môn của đảo.

Mathilde đang nhìn chăm chăm chân trời qua cặp kính râm. Fawles đã buông neo chiếc tàu của ông ngay cạnh mòm núi đá kia. Những bộ phận bằng thép crôm và phần vỏ bằng gỗ gụ bóng loáng của con tàu *Riva* chói sáng dưới ánh nắng ban chiều, chẳng cần gì nhiều ta đã ngỡ mình đang ở Ý

thời cuộc sống tươi đẹp, hay trong một rạp xiếc tại một vịnh nhỏ của Saint-Tropez vào thập niên sáu mươi.

Cô ra hiệu cho ông từ xa, nhưng trông ông có vẻ không sẵn sàng ghé sát lại để đón cô lên tàu.

Nếu anh không tới Lagardère...

Nói cho cùng, cô đang mặc đồ tắm trên người kia mà. Cô cởi quần soóc và áo phông, cất vào túi xách đang chèn dưới chân mấy phiến đá để chỉ mang theo chiếc túi nhỏ chống nước bên trong có chiếc điện thoại di động.

Nước lạnh, nhưng trong vắt. Cô tiến ra biển đôi ba mét rồi lặn xuống mà không thắc mắc gì nhiều. Một con sóng lạnh băng lan khắp người cô, giảm dần theo từng động tác bơi sải. Tàu *Riva* đã ở trong tầm nhìn của người phụ nữ trẻ. Mặc áo polo màu xanh biển và quần âu sáng màu, Fawles khoanh tay đứng bên bánh lái nhìn cô tiến lại gần. Khuất sau cặp kính râm, nét mặt ông thật khó giải mã. Khi Mathilde chỉ còn cách tàu vài dòng chảy, ông chìa tay cho cô, nhưng dường như lưỡng lự một thoáng trước khi giúp cô leo lên tàu.

- Có lúc tôi cứ ngỡ ông sắp tìm cách dìm tôi chết đuối kia đấy.

- Có lẽ tôi nên làm vậy, ông nói đoạn đưa cô một chiếc khăn tắm.

Cô ra ngồi trên băng ghế yên ngựa bọc da màu xanh lam ngọc - màu của loại đá Aquamarine trứ danh có trong hệ thống khớp màu Pantone, được lấy đặt tên cho con tàu.

- Tiếp đón hay ra trò! cô thốt lên trong lúc lau khô tóc, cổ và hai cánh tay.

Fawles đến chỗ cô.

- Cuộc gặp này thực chẳng có gì khôn ngoan cho lắm. Tôi đã buộc phải dong tàu của mình ra bất chấp lệnh phong tỏa.

Mathilde khoát tay.

- Ông tới đây là vì tò mò với câu chuyện của tôi! Sự thật nào chẳng có giá của nó!

Mặt Fawles ửng rửng như đưa đám.

- Toàn bộ chuyện này khiến cô thấy vui sao? ông hỏi.
- Tốt thôi, ông muốn nghe phần tiếp theo hay không nào?
- Cô nghĩ tôi sắp van xin cô chắc! Cô muốn được kể câu chuyện đó cho tôi nghe hơn là tôi muốn nghe đấy.

- Được lắm. Ông muốn sao cũng được.

Cô làm ra vẻ sắp nhào xuống nước, nhưng ông cầm tay cô giữ lại.

- Thôi mấy trò trẻ con của cô đi! Nói cho tôi biết trên máy ảnh trong chiếc máy ảnh kia có gì.

Mathilde chộp lấy dây đeo chiếc túi chống nước mà cô vừa đặt trên ghế. Cô bật điện thoại, mở ứng dụng Ảnh rồi đẩy độ sáng lên tối đa trước khi cho Fawles xem những bức ảnh mà cô đã chọn lọc.

- Đây, đây là những bức ảnh được chụp sau cùng, vào tháng Bảy năm 2000.

Fawles vượt màn hình để xem. Đó chính xác là những gì ông dự kiến. Những bức ảnh chụp kỳ nghỉ tại Hawaii của hai kẻ đồng phạm đã đánh mất chiếc máy ảnh: Apolline và Karim tới bãi biển, Apolline và Karim ân ái mặn nồng, Apolline và Karim say khướt, Apolline và Karim lặn biển.

Mathilde cho ông xem tiếp những bức ảnh cũ hơn: chúng được chụp từ một tháng trước đó. Fawles xem lướt qua và như nhận một cú đâm móc vào bụng. Trên ảnh là một gia đình ba người đang ăn mừng sinh nhật. Một người đàn ông, một người phụ nữ và đứa con trai chừng mười tuổi. Bấy giờ là mùa xuân, họ dùng bữa tối trên sân hiên. Màn đêm chẳng mấy chốc sẽ buông, nhưng bầu trời vẫn còn ráng hồng. Phía sau là rặng cây to, rồi người ta nhận ra những nóc nhà Paris và thậm chí cả bóng dáng tháp Eiffel.

- Ông nhìn kỹ cậu bé con nhé, Mathilde yêu cầu bằng giọng căng thẳng đoạn chọn một bức ảnh chụp cận cảnh.

Che màn hình khỏi ánh mặt trời, Fawles dừng mắt ở cậu bé. Gương mặt tinh nghịch, đôi mắt sáng đằng sau cặp kính gọng đỏ, mái tóc vàng bù xù, hai bên má tô hình cờ tam tài rục rờ. Cậu mặc áo thun màu xanh của đội

tuyển bóng đá Pháp và ngón tay giơ lên tạo thành chữ V chiến thắng. Cậu có vẻ ngoan, dễ mến và thích pha trò.

- Ông có biết tên cậu bé không? cô hỏi.

Fawles lắc đầu.

- Cậu bé tên Théo, cô nói. Théo Verneuil. Tôi hôm đó cậu bé mừng sinh nhật thứ mười một. Hôm đó là Chủ nhật ngày 11 tháng Sáu năm 2000, buổi tối diễn ra trận đấu đầu tiên của đội tuyển Pháp tại giải vô địch bóng đá châu Âu.

- Tại sao cô lại đưa tôi xem bức ảnh này?

- Ông có biết cậu bé đã gặp phải chuyện gì không? Ngay tối hôm đó, khoảng ba giờ sau khi bức ảnh này được chụp, Théo đã bị sát hại bởi một viên đạn bắn vào lưng.

4.

Fawles vẫn thản nhiên. Ông vượt màn hình để xem chăm chú hơn những bức ảnh chụp bố mẹ cậu bé. Bố cậu, chừng bốn mươi tuổi, mắt sáng, da rám nắng, hàm ếch, thể hiện một vẻ tự tin nhất định, một nỗi khát khao muốn đi trước, hành động trước. Người mẹ, một phụ nữ xinh đẹp với mái tóc búi cầu kỳ, có vẻ kín đáo hơn.

- Ông có biết ai đây không? Mathilde hỏi.

- Có, đây là gia đình Verneuil. Thời đó người ta nói khá nhiều đến vụ này nên tôi vẫn nhớ.

- Và chính xác thì ông vẫn nhớ về cái gì vậy?

Mắt nheo lại, Fawles dùng mu bàn tay gãi khẽ bộ râu chớm mọc.

- Alexandre Verneuil là một nhân vật có tiếng trong lĩnh vực y học nhân đạo thân tâm. Ông ta thuộc làn sóng thứ hai của *french doctors*. Verneuil từng viết vài cuốn sách và thi thoảng xuất hiện trên các phương tiện truyền thông để bàn về đạo đức sinh học và can thiệp nhân đạo. Trong ký ức của tôi, đúng vào thời điểm công chúng bắt đầu thực sự biết đến Verneuil thì ông ta bị sát hại tại nhà riêng cùng vợ và con trai.

- Vợ ông ta tên là Sofia, Mathilde nói rõ.

- Cái đó thì tôi không nhớ, ông nói đoạn rời xa khỏi băng ghế. Nhưng tôi còn nhớ rất rõ rằng mọi người đặc biệt thấy sốc với những tình tiết của loạt án mạng này. Tên sát nhân - hoặc có lẽ là những tên sát nhân - đã đột nhập vào căn hộ của gia đình Verneuil rồi giết hại cả nhà họ, và cuộc điều tra diễn ra sau đó không bao giờ xác định được cả động cơ lẫn danh tính kẻ thủ ác.

- Về động cơ, người ta vẫn luôn nghĩ rằng đây là một vụ trộm cướp, Mathilde chữa lại trong lúc tiến về phía mũi tàu. Những chiếc đồng hồ có giá trị và trang sức đã biến mất, cùng với đó là... một chiếc máy ảnh.

Fawles bắt đầu hiểu ra.

- Vậy ra đây là giả thiết của cô: cô nghĩ đã tìm ra những kẻ giết hại gia đình Verneuil nhờ những bức ảnh này ư? Cô nghĩ Chapuis và Amrani đã giết cả gia đình Verneuil chỉ để cướp của sao? Rằng chúng đã giết một cậu nhóc chỉ vì mấy món đồ rẻ tiền?

- Hợp lý đấy chứ, không phải sao? Tối cùng ngày, ở ngay tầng trên của tòa nhà đó đã xảy ra một vụ trộm khác. Vụ thứ hai có thể đã chuyển biến xấu.

Fawles phát cáu.

- Hôm nay cô và tôi sẽ không tiến hành điều tra lại đâu nhé!

- Tại sao lại không nhỉ? Thời điểm ấy, Apolline và Karim đã có cả loạt tiền án về tội trộm cắp. Hẳn ta thì nghiệm lòi.

Lúc nào bọn chúng chẳng cần tiền mặt.

- Nhìn các bức ảnh ở Hawaii, tôi không có cảm giác hấn mắc nghiệm.

- Làm cách nào chúng có thể lấy được chiếc máy ảnh nếu không ra tay ăn trộm?

- Nghe này, tôi không quan tâm vụ đó và chẳng thấy nó liên quan đến tôi ở điểm nào.

- Apolline vừa bị đóng đinh trên một thân cây cách đây chỉ vài sải cáp! Ông không thấy vụ Verneuil đang trở dậy ngay tại đây, trên hòn đảo này sao?

- Và cô trông đợi gì ở tôi?

- Trông đợi ông viết đoạn cuối cho câu chuyện này.

Fawles không kìm nổi cơn phẫn nộ:

- Giải thích cho tôi đi! Cô hào hứng xối lại vụ án cũ này để làm gì? Tất cả chỉ vì một gã nhà quê ở Alabama gửi qua mail cho cô những bức ảnh cũ, và cô bỗng cảm thấy mình được giao một sứ mệnh chăng?

- Nhất định rồi! Bởi vì tôi yêu mọi người mà.

Ông dài giọng nhại lại cô:

- “Tôi yêu mọi người.” Vớ va vớ vẩn! Cô có nghe thấy mình nói gì không đấy?

Mathilde phản công:

- Ý tôi là tôi không dừng dừng với số phận đồng loại.

Fawles bắt đầu đi đi lại lại trên tàu.

- Nhưng trong trường hợp này, thà cô viết những bài báo để cảnh báo “đồng loại” của cô về biến đổi khí hậu, đại dương cạn kiệt, động vật hoang dã tuyệt chủng hay đa dạng sinh học suy thoái còn hơn. Hãy giúp họ đề cao cảnh giác chống lại vấn nạn thao túng thông tin. Hãy trình bày lại bối cảnh, khoảng cách, hãy đưa thêm viễn cảnh vào. Hãy thực hiện những chủ đề về trường học và bệnh viện công đang đứng trước nguy cơ giải thể, về chủ nghĩa đế quốc trong những tập đoàn đa quốc gia lớn, về hiện trạng các nhà tù và...

- Được rồi, Fawles, tôi nắm bắt được ý tưởng rồi. Cảm ơn vì bài học về nghề làm báo.

- Hãy làm việc về những việc hữu ích, chứ sao nữa!

- Trả lại công bằng cho những người đã khuất cũng là hữu ích.

Ông dừng khựng lại rồi trở ngón tay vào cô về hăm dọa.

- Người chết đã chết rồi. Và từ nơi họ đang ở, họ cóc cần những bài viết tầm thường của cô, tin tôi đi. Về phần mình, tôi sẽ KHÔNG BAO GIỜ viết một dòng nào về vụ này. Và cũng không viết về bất kỳ vụ nào khác.

Fawles bực tức bỏ ra ngòi trước bánh lái. Ông mài miết ngắm đường chân trời qua tấm kính chắn gió CinémaScope, như thể chính ông cũng tha thiết mong được ở cách nơi mình đang đứng vài nghìn ki lô mét.

Mathilde vẫn kiên trì theo đuổi mục đích bằng cách đưa điện thoại ra trước mắt ông, với bức ảnh chụp Théo Verneuil trên màn hình.

- Tìm ra các thủ phạm giết hại ba người trong đó có một trẻ em, điều này khiến ông dừng dừng sao?

- Đúng thế, bởi vì tôi đâu phải cảnh sát! Cô muốn mở lại một cuộc điều tra cách đây gần hai chục năm ư? Nhưng nhân danh cái gì nào? Theo tôi được biết, cô cũng đâu phải thẩm phán?

Ông vợ đưa lòng bàn tay vỗ vỗ lên trán.

- À có chứ, tôi quên mất, cô là phóng viên. Thế thì còn tệ hơn!

Mathilde bỏ qua đòn tấn công.

- Tôi muốn ông giúp tôi tháo gỡ câu chuyện này.

- Tôi ghét các phương pháp thẩm hại của cô và tất cả những gì cô thể hiện. Trong khi tôi đang lâm vào hoàn cảnh dễ tổn thương, cô đã bắt cóc chó của tôi để tiếp cận tôi. Cô sẽ phải trả giá về chuyện đó, tôi hận những người như cô.

- Cái đó thì có vẻ tôi hiểu rồi. Và lại hãy ngừng một chút với con chó của ông đi! Tôi đang nói với ông về một đứa trẻ. Nếu đứa trẻ này là con ông, ông sẽ muốn biết ai đã giết nó đấy.

- Lập luận ngu ngốc. Tôi làm gì có con.

- Đúng vậy, dĩ nhiên rồi, ông có yêu ai đâu! À có chứ, ông yêu các nhân vật của ông, những tạo vật giấy tầm thường tòi thẳng ra từ tâm trí ông. Như vậy thoải mái hơn nhiều.

Cô vỗ trán.

- À mà không! Thậm chí là không nhé! Bởi vì Quý Ngài nhà văn vĩ đại đã quyết định không viết nữa. Thậm chí một danh sách đề cần mua cũng không, đúng không nhỉ?

- Xéo đi, con nhỏ ngu ngốc. Cút!

Mathilde không nhúc nhích một phân.

- Chúng ta không làm cùng nghề, Fawles ạ. Nghề của tôi, đó là làm sự thật bùng nổ. Ông không biết tôi đâu. Tôi sẽ làm được. Tôi sẽ đi đến cùng.

- Cứ việc làm những gì cô muốn, tôi kệ xác, nhưng đừng bao giờ quay lại lân la quanh nhà tôi nữa.

Đến lượt cô trở ngón tay vào ông vẻ hăm dọa;

- Ồ có đấy, tôi sẽ trở lại, tôi hứa với ông. Tôi sẽ trở lại và lần tới, ông sẽ buộc phải giúp tôi đặt dấu chấm hết cho câu chuyện này. Buộc phải đối diện với... ông đã nói thế nào ấy nhỉ? À phải rồi, sự thật khó nói của ông.

Lần này, cơn giận trong Fawles bùng lên, ông nhảy xổ tới chỗ Mathilde. Con tàu tròn trành và cô gái thốt kêu một tiếng. Vận toàn bộ sức lực, Fawles nhấc bổng Mathilde Monney lên rồi quăng cô cùng chiếc điện thoại di động của cô xuống biển.

Ông giận dữ nổ máy tàu *Riva* rồi nhắm thẳng hướng *Nam Thập Tự*.

Mỗi người là một bóng tối

Mỗi người (...) là một bóng tối nơi chúng ta không bao giờ có thể xâm nhập, (...) một bóng tối nơi chúng ta có thể lần lượt hình dung, với chừng ấy vẻ bề ngoài như thực, được tình yêu và hận thù soi sáng.

Marcel PROUST

1.

Sau cuộc thám hiểm đầy sóng gió trong ngôi nhà thôn quê của Colleen Dunbar - đã tạm kết thúc bằng thắng lợi của tôi trong cuộc đối đầu với *Little Max* -, tôi quay trở lại thành phố và nấu mình bên một bàn của quán *Fleurs du Malt*. Muốn tránh không khí náo nhiệt ngoài sân hiên nên tôi lui vào bên trong, ngồi gần một khung cửa kính hướng ra biển. Trước một cốc sô cô la nóng, tôi đọc đi đọc lại những lá thư lấy cắp từ phòng của Mathilde. Tất cả đều do cùng một người viết, và tim tôi giật thót khi nhận ra nét chữ nghiêng nghiêng thon mảnh của Nathan Fawles. Không nghi ngờ gì nữa, bởi tôi từng thấy trên Internet nhiều trang scan bản thảo viết tay những cuốn tiểu thuyết của ông mà ông tặng lại cho thư viện thành phố New York.

Có chừng hai chục lá thư tình, không phong bì, được gửi từ Paris hay New York. Chỉ một vài lá có đề ngày tháng trong khoảng thời gian từ tháng Tư đến tháng Mười hai năm 1998. Chúng được ký tên “Nathan” và gửi tới một phụ nữ bí ẩn mà ta không biết tên. Phần lớn mở đầu bằng “Tình yêu

của anh”, nhưng trong một bức thư, Fawles đã nêu ký tự “S.” như chữ cái đầu trong tên cô ta.

Nhiều lần, tôi dừng đọc giữa chừng. Tôi có thể được coi là vô tội không khi biết về những lá thư này rồi xâm phạm cuộc sống riêng tư của Fawles dù chưa được phép? Mọi thứ trong tôi đều hét lên rằng không, tôi không có quyền làm vậy. Nhưng nỗi băn khoăn khó xử thuộc phạm trù đạo đức này không trụ nổi trước thói hiếu kỳ của tôi và cảm giác được đọc một tài liệu vừa độc nhất vô nhị vừa mê hồn.

Vừa thấm đẫm cảm xúc và đậm chất văn chương, tập thư vẽ nên chân dung một người đàn ông yêu cuồng si và một người phụ nữ nhạy cảm, nồng cháy và tràn đầy sức sống. Rõ ràng thời bấy giờ cặp tình nhân phải chịu cảnh chia lìa nhưng trong thư không đề cập đến những trở ngại cụ thể.

Xét trên tổng thể, những lá thư này hợp thành một tác phẩm nghệ thuật lai tạp, pha trộn giữa trao đổi thư tín cổ điển, thơ ca và chuyện kể kèm minh họa là những bức tranh màu nước tuyệt đẹp được vẽ nên từ các sắc thái của màu hoàng thổ. Đây không phải một cuộc trò chuyện đúng nghĩa. Không phải thể loại thư từ trong đó người ta kể cho nhau nghe về một ngày của mình hay những thứ mình đã ăn trong bữa gần nhất. Đây là một dạng tụng ca cuộc sống và lẽ tất yếu phải yêu, bất chấp nỗi đau vì thiếu vắng, cơn điên loạn của thế giới và chiến tranh, chủ đề chiến tranh xuất hiện trong tất cả các chuyện kể: đấu tranh, nỗi đau, áp bức, nhưng không đủ rõ ràng để hiểu liệu Fawles bàn về một cuộc xung đột vũ trang cụ thể đang diễn ra hay đó chỉ là một phép ẩn dụ.

Về phong cách, văn bản đầy rẫy điểm sáng bất chợt, những lối diễn đạt táo bạo, những ám chỉ đến Kinh Thánh. Nó tiết lộ một khía cạnh mới trong tài năng của Fawles. Nhạc tính nhắc tôi nhớ tới Aragon và một số thi phẩm dành tặng Elsa Triolet, hay Apollinaire “trên chiến tuyến”. Sự mãnh liệt của một số đoạn khiến tôi nghĩ tới *Những lá thư Bồ Đào Nha*. Thậm chí sự hoàn hảo về mặt hình thức khiến tôi tự hỏi phải chăng những bức thư này là một bài luyện văn thuần túy. Cô S. đó thực sự tồn tại hay chỉ là một biểu

tượng? Hóa thân thành đối tượng của một tình yêu. Điều gì đó phổ quát đang bộc bạch với tất cả những người đang yêu.

Lướt đọc thứ hai đã xua đi cảm tưởng này. Không, mọi thứ trong bản văn này đều toát ra sự chân thật, riêng tư, niềm say mê, hy vọng, những dự định cho tương lai. Dẫu những nồng nhiệt ấy cũng bị che giấu sau một sự đe dọa tiềm tàng phảng phất giữa một số dòng.

Đến lướt đọc thứ ba, tôi đưa ra một giả thiết khác: S. bị bệnh. Cuộc chiến này là cuộc chiến của người phụ nữ chống lại căn bệnh. Nhưng thiên nhiên và các yếu tố khí tượng cũng đóng vai trò quan trọng trong thư. Các phong cảnh đối lập, vừa chính xác và đầy chất thơ. Fawles gắn với mặt trời và ánh sáng phương Nam hoặc bầu trời ánh thép của New York. S. gắn với thứ gì đó buồn bã hơn. Những ngọn núi, bầu trời xám xịt, nhiệt độ lạnh băng, một “đêm đầu mùa ập xuống lãnh thổ của lũ sói”.

Tôi nhìn giờ trên điện thoại. Tôi đã xin Audibert nghỉ buổi sáng, nhưng 14 giờ tôi phải quay trở lại chỗ làm. Tôi đọc lướt các lá thư một lần sau cùng theo trật tự thời gian và một câu hỏi bỗng xuất hiện: còn những lá thư khác nữa hay một sự kiện đã đột ngột chấm dứt sự hấp dẫn về thể xác và tinh thần này? Nhất là, tôi thắc mắc người phụ nữ nào có thể gợi lên trong Fawles những tình cảm nồng thắm đến thế. Tôi đã đọc hầu như mọi thứ về ông, nhưng ngay cả khi Fawles còn tiếp xúc với các phương tiện thông tin đại chúng thì ông cũng chưa bao giờ thổ lộ gì nhiều về cuộc sống riêng tư. Tôi bỗng nảy ra một ý: phải chăng Fawles là người đồng tính? Và phải chăng S. - *thiên thần tóc vàng* mà những lá thư kia miêu tả - là một người đàn ông? Nhưng không, giả thiết này không đứng vững trước vô số những tương hợp ngữ pháp ở giống cái.

Điện thoại của tôi rung trên mặt bàn và một chấm sáng nhấp nháy trên màn hình báo hiệu một loạt dòng tweet của Lafaury. Hẳn tung ra những thông tin mới do các nguồn tin cung cấp. Sau khi liên hệ giữa Apolline và Karim, phía cảnh sát đã đẩy mạnh điều tra ở Essonne nhằm chất vấn tay cự bán lẻ ma túy. Cảnh sát tư pháp nhánh Évry đã tìm tới nhà hãn, trong khu phố Épinettes. Karim không chỉ vắng mặt tại đó, mà hàng xóm láng

giềng còn cam đoan họ chẳng hay biết tin tức gì về hắn từ gần hai tháng nay. Các nhân viên làm việc cho ga ra của hắn cũng vậy, nhưng vì tất cả bọn họ đều không ưa cảnh sát cho lắm nên không ai trình báo việc hắn mất tích. Dòng tweet sau cùng của Lafaury tiết lộ rằng, trong lúc khám soát nơi ở của Karim, cơ quan điều tra đã tìm thấy nhiều vết máu. Các phân tích đang được tiến hành.

Tôi lưu thông tin đáng lo ngại này vào một góc trong đầu để quay trở lại với những lá thư của Fawles. Tôi cất chúng cẩn thận vào túi áo khoác rồi đứng dậy để về hiệu sách. Phi vụ đột nhập nơi ở của Mathilde Monney đã có kết quả. Từ giờ, tôi nắm trong tay một yếu tố tiểu sử mà tôi là một trong số ít người biết đến. Việc tiết lộ những tài liệu đặc biệt được viết bởi nhà văn huyền thoại này chắc chắn sẽ là một cú sấm sét trong giới xuất bản. Vào cuối thập niên 1990, ít lâu trước khi thông báo rút hắn khỏi văn đàn, Nathan Fawles từng trải qua một mối tình nồng cháy, một tình yêu cuốn phăng và tàn phá mọi thứ trên đường nó đi. Nhưng một sự kiện chưa rõ và đáng sợ đã chấm dứt mối quan hệ này, khiến nhà văn tan nát cõi lòng. Từ đó, Fawles lui về ở ẩn, ngừng viết và chắc chắn là khép cửa trái tim mình mãi mãi.

Mọi thứ đều khiến người ta nghĩ rằng người phụ nữ này, *thiên thần tóc vàng*, chính là chìa khóa dẫn tới bí mật của Fawles. Khuôn mặt ẩn khuất trong bóng tối của chính nó.

Đóa hồng của ông.

Có phải Fawles yêu cầu tôi điều tra về Mathilde để lấy lại những lá thư này và giữ bí mật của ông không? Làm cách nào nữ phóng viên lại có được chỗ thư từ ấy? Và nhất là, tại sao cô lại giấu chúng đằng sau một tấm ốp gỗ chân tường giống như người ta giấu tiền hay ma túy?

2.

- Nathan! Nathan! Tỉnh dậy đi nào!

Bấy giờ là 9 giờ tối. *Nam Thập Tự* chìm trong đêm tối mịt mù. Sau khi bấm chuông suốt mười phút mà không nhận được hồi đáp, tôi đã quyết định trèo qua tường bao. Tôi gần như dò dẫm tiến bước trong đêm tối mà không

dám bật đèn pin điện thoại. Tôi không yên tâm. Tôi nghĩ con chó giống golden retriever sắp nhảy xổ vào tôi - mà hôm nay thì tôi ngấy lũ chó đến tận cổ rồi -, nhưng Bronco già nua đã chào đón tôi như một vị cứu tinh thì đúng hơn, dẫn tôi tới tận chỗ ông chủ của nó đang nằm sóng soài trên nền sân hiên. Gục trên những tấm đá lát, nhà văn nằm co trong tư thế bào thai, một chai whisky rỗng lặn lóc bên cạnh.

Rõ ràng Fawles đã uống một chén say bí tỉ.

- Nathan! Nathan! tôi vừa hét vừa lay ông dậy.

Tôi bật toàn bộ đèn bên ngoài. Rồi tôi quay trở lại chỗ ông nằm. Hơi thở ông nặng nề và đứt quãng. Dần dà, tôi đánh thức được ông, Bronco giúp sức bằng cách liếm mặt chủ nhân.

Rốt cuộc Fawles cũng đứng dậy.

- Ông ổn chứ?

- Ổn, nhà văn cam đoan rồi đưa cánh tay chùi mặt. Cậu làm cái quái gì ở đây thế?

- Tôi có thông tin cho ông đây.

Fawles day day hai thái dương và mí mắt.

- Cơn đau nửa đầu khốn kiếp.

Tôi nhặt cái chai rỗng lên.

- Chẳng có gì là lạ sau những gì ông nốc.

Đó là một chai Bara No Niwa, hãng rượu Nhật huyền thoại xuất hiện trong mọi cuốn tiểu thuyết của Fawles. Nhãn hiệu đã ngừng sản xuất từ thập niên 1980. Kể từ đó, độ khan hiếm của những chai còn lại đã đẩy giá của chúng lên rất cao. Thật lãng phí khi nốc say bằng thứ rượu ngon như vậy!

- Nói cho tôi biết cậu đã tìm thấy những gì ở chỗ cô ả phóng viên đó đi.

- Tốt hơn hết là ông đi tắm qua cái đã.

Fawles mở miệng toan bảo tôi xéo đi, nhưng lý trí đã ngăn ông làm vậy.

- Có lẽ cậu không nhầm đâu.

Tôi tranh thủ lúc ông sang phòng tắm để thám hiểm phòng khách. Tôi vô cùng sững sốt khi đi sâu thêm vào đời sống riêng tư của Fawles. Như thể tất cả những gì liên quan đến ông đều mang tầm vóc trang nghiêm. Đối với tôi *Nam Thập Tự* luôn được bao quanh bởi một vòng hào quang huyền ảo và thần bí, vừa giống hang động của Ali Baba vừa như cái hang của Plato⁽¹⁶⁾.

Lần đầu tiên tới đây, tôi đã ấn tượng vì không thấy bất kỳ bức ảnh hay đồ lưu niệm nào, không thấy bất kỳ thứ gì giúp một nơi chốn neo đậu vào quá khứ. Ngôi nhà không lạnh lẽo, còn lâu mới vậy, nhưng có phần thiếu bản sắc. Nét độc đáo duy nhất là mô hình thu nhỏ của một chiếc ô tô thể thao. Một chiếc Porsche 911 màu xám bạc với những đường sọc màu xanh lơ và đỏ. Tôi đã đọc trong một tờ báo Mỹ rằng Fawles từng sở hữu một chiếc xe y hệt vào những năm 1990. Một bản mẫu độc nhất vô nhị mà năm 1975 nhà thiết kế người Đức sản xuất riêng cho nhạc trưởng Herbert von Karajan⁽¹⁷⁾.

Sau phòng khách, tôi tiến thẳng sang bếp và mở tung tủ lạnh cùng tủ tường. Tôi pha trà, ốp trứng, nướng bánh mì và trộn xa lát rau. Cùng lúc, tôi thử tra điện thoại để thu thập thêm tin tức về cuộc điều tra, nhưng không bắt được chút tín hiệu mạng nào.

Trên bàn bếp, cạnh những ô bếp nấu, tôi nhìn thấy một chiếc máy thu thanh bán dẫn giống như loại ông tôi từng có. Tôi bật radio, nó đang được để ở kênh nhạc cổ điển, rồi xoay núm nhựa để thử bắt một kênh tin tức. Rủi thay tôi gặp đúng phần cuối bản tin 21 giờ của đài RTL. Tôi đang vật vã tìm kênh France Info thì Fawles bước vào phòng.

Ông đã thay đồ - sơ mi trắng, quần jean, cặp kính đôi môi nhỏ -, nom ông như trẻ ra mười tuổi và có vẻ thư thái như thể vừa ngủ tám tiếng đồng hồ.

- Đến tuổi này rồi, ông đừng nên uống cổ.
- Cậu im miệng đi.

Tuy nhiên ông vẫn gật đầu cảm ơn tôi vì đã chuẩn bị bữa tối. Ông lấy ra hai chiếc đĩa cùng dao đĩa rồi đặt chúng đối diện nhau trên bàn bếp.

“Những yêu tố mới trong vụ án mạng trên đảo Beaumont...” radio thông báo.

Chúng tôi lại gần chiếc đài. Quả nhiên có hai tin mới. Và tin đầu tiên khiến người ta sửng sốt. Nhờ một lời tố giác nặc danh, cảnh sát tư pháp Évry vừa tìm ra xác Karim Amrani đầu đó trong rừng Sénart. Tình trạng phân hủy của cái xác cho thấy hẳn chết đã khá lâu. Vụ giết hại Apolline Chapuis bỗng nhiên trở nên phức tạp hơn nhiều. Nhưng theo logic của truyền thông thì ngược đời thay, nó sắp mất đi tính đặc biệt và có khả năng bị sáp nhập vào một tổng thể rộng lớn hơn, không còn đậm chất ngoại lai như trước (môi trường cướp bóc, ngoại ô Paris...). Vì diễn tiến theo cách này, vụ án đảo Beaumont đã trở thành vụ án Amrani, ít nhất là tạm thời.

Thông tin thứ hai thuận theo chiều hướng này: rốt cuộc tình trường vùng biển cũng đã quyết định dỡ bỏ lệnh phong tỏa đảo. Một quyết định mà theo France Info, sẽ có hiệu lực ngay từ 7 giờ sáng ngày hôm sau. Fawles có vẻ không đặc biệt xúc động trước những tin tức này. Cơn khủng hoảng từng dìm ông trong cơn say đã qua đi. Ông vừa ăn trứng ốp lết vừa kể cho tôi nghe cuộc trò chuyện hồi chiều với Mathilde. Tôi mê mải lắng nghe ông nói. Tôi còn quá trẻ để lưu giữ một ký ức nào đó về vụ Verneuil, nhưng có vẻ như tôi đã nghe nhắc đến nó qua một trong những chương trình phát thanh hay truyền hình chuyên lật lại những kỳ án nổi tiếng.

Hết sức ích kỷ, tôi thấy trong đó chất liệu tiểu thuyết tuyệt vời mà không hiểu điều gì có thể khiến Fawles xáo trộn đến mức ấy.

- Chính tin đó khiến ông ra nông nổi này sao?
- Cậu nói đến nông nổi nào thế?
- Nông nổi của ông sau khi nốc whisky cả buổi chiều.
- Thay vì bàn đến điều vượt quá khả năng của cậu, hãy nói tôi biết cậu đã tìm hiểu được gì về Mathilde Monney.

3.

Tôi bắt đầu thận trọng kể cho ông nghe cuộc điều tra mà dường như Mathilde đang tiến hành, trước hết là về Karim Amrani rồi về chính ông.

Khi tôi nhắc đến chuyện đôi giày, ông có vẻ thực sự kinh ngạc.

- Con nhỏ này điên rồi... Đó là tất cả những gì cậu tìm thấy hả?

- Không, nhưng tôi e là phần tiếp theo không khiến ông vui đâu.

Tôi đã kích thích trí tò mò của Fawles, nhưng chuyện này không khiến tôi vui chút nào bởi lẽ tôi biết ông sắp đau khổ.

- Mathilde Monney có trong tay những lá thư.

- Những lá thư nào kia?

- Những lá thư của ông.

- Tôi chưa từng viết cho cô ta lá thư nào hết!

- Không, Nathan ạ. Những lá thư ông viết cho một phụ nữ khác cách đây đã hai chục năm.

Tôi lấy ra xấp thư từ túi áo khoác rồi đặt chúng trước mặt ông, cạnh hai cái đĩa.

Thoạt tiên, ông nhìn những trang giấy đó mà không thể hiểu toàn bộ sự thực về chúng. Mất một lúc ông mới dám giở chúng ra. Rồi thêm một lúc lâu hơn để bắt đầu đọc những dòng đầu tiên. Gương mặt ông sầm trầm. Còn hơn cả sững sốt. Thực sự tình cảnh giống như thể Fawles vừa trông thấy một bóng ma bước vào. Dần dần, ông chặn đứng được cơn xáo trộn này và tỏ ra bình thản trở lại.

- Cậu đã đọc chúng rồi hả?

- Xin lỗi, nhưng đúng vậy. Và tôi không hối tiếc chuyện đó. Chúng thật tuyệt. Tuyệt đến mức ông nên cho phép xuất bản chúng.

- Tôi nghĩ tốt hơn hết cậu nên đi đi, Raphaël. Cảm ơn vì những gì cậu đã làm.

Giọng Fawles như văng lên từ dưới mồ. Ông đứng dậy tiễn tôi, nhưng thậm chí không thềm ra tới tận cửa mà đuổi tôi về bằng một cái vẫy tay mơ hồ. Từ ngưỡng cửa, tôi nhìn ông nặng nhọc tiến về phía quầy bar rồi tự rót cho mình một cốc đầy whisky trước khi bước tới ngồi xuống ghế bành. Rồi ánh mắt ông mờ đi và tâm trí vợ vẫn nơi khác, trong mê cung rối rắm của quá khứ và nỗi đau của ký ức. Tôi không thể để mặc ông làm vậy.

- Khoan đã, Nathan. Tối nay ông uống thế đủ rồi! tôi nói đoạn dợm bước quay trở lại.

Tôi đứng chặn trước mặt ông rồi giằng lấy cốc rượu.

- Để tôi yên!

- Hãy cố gắng hiểu chuyện gì đã xảy ra còn hơn là lẩn trốn vào rượu.

Chưa quen với việc bị áp đặt cách hành xử, Fawles tìm cách giằng lại cốc rượu từ tay tôi. Vì tôi chống cự nên cái cốc tuột khỏi tay chúng tôi và rơi xuống đất vỡ tan.

Chúng tôi nhìn nhau như hai thằng ngốc. Chúng tôi đâu có vẻ ngu ngốc...

Không chịu mất mặt, Fawles cầm chai whisky lên rồi tu luôn một ngụm lớn.

Ông tiến vài bước để mở cánh cửa kính khổ lớn cho Bronco rồi nhân dịp đó bước ra sân hiên, ngồi xuống một chiếc ghế bành đan bằng liễu.

- Làm cách nào Mathilde Monney có thể lấy lại chỗ thư này nhỉ? Thật khó tin, ông cao giọng thách mắc.

Trên gương mặt ông, sừng sờ đã nhường chỗ cho lo lắng.

- Người phụ nữ ông viết thư cho là ai vậy, Nathan? tôi hỏi đoạn ra bên ngoài gặp ông. S. là ai?

- Một người phụ nữ mà tôi yêu.

- Cái này thì tôi đã ngờ, nhưng bà ấy ra sao rồi?

- Cô ấy chết rồi.

- Tôi rất tiếc, thực lòng.

Toi ngồi xuống một chiếc ghế bành sát cạnh ông.

- Cách đây hai mươi năm, cô ấy bị giết hại dã man.

- Ai giết?

- Một tên khốn thuộc thể loại cặn bã nhất.

- Chính vì thế mà ông ngừng viết sao?

- Đúng thế, như tôi đã bắt đầu giải thích với cậu sáng nay. Tôi đã tan nát cả cõi lòng. Tôi dừng lại vì không còn tìm được sự nhất quán tâm trí cần thiết cho việc viết nữa.

Ông nhìn chân trời như thể đang tìm kiếm ở đó những câu trả lời. Ban đêm, khi mặt nước sáng lấp lánh dưới vầng trăng tròn vành vạnh, nơi này còn đẹp huyền ảo hơn nữa. Người ta thực sự có cảm giác đang ở một mình trên trái đất.

- Ngừng viết là một sai lầm, ông nói tiếp như thể vừa đột nhiên phát hiện ra điều gì đó. Viết lách cấu trúc nên cuộc sống và các ý tưởng của cậu, nó thường kết thúc bằng việc lập lại trật tự cho cuộc sống hỗn loạn.

Một câu hỏi khiến tôi băn khoăn này giờ.

- Tại sao ông không bao giờ rời khỏi ngôi nhà này?

Fawles buột ra một tiếng thở dài.

- Chính vì người phụ nữ ấy mà tôi mua *Nam Thập Tự*. Cô ấy phải lòng hòn đảo này cùng lúc phải lòng tôi. Ở lại đây là ở lại cùng cô ấy, hẳn là vậy.

Cả ngàn câu hỏi cứ chực vọt ra khỏi miệng tôi, nhưng Fawles không cho tôi cơ hội.

- Tôi sẽ lấy xe đưa cậu về, ông nói đoạn đứng vụt dậy.

- Không cần đâu, tôi có xe gắn máy. Ông đi nghỉ sớm thì tốt hơn.

- Cậu muốn sao cũng được. Nghe tôi nói này, Raphaël, cậu phải tiếp tục đào sâu những động cơ của Mathilde Monney. Dù không thể giải thích với cậu nguyên do, nhưng tôi cảm thấy cô ta đang nói dối. Chúng ta đang để lọt lưới thứ gì đó.

Ông chìa cho tôi chai Bara No Niwa - hẳn phải tương đương một năm tiền thuê nhà của tôi - và tôi tu một ngụm để đi đường.

- Tại sao ông không kể với tôi mọi chuyện?

- Vì tôi còn chưa biết toàn bộ sự thật. Và vì không biết chính là một dạng lá chắn.

- Ông mà cũng nói với tôi vậy sao? Rằng không biết thì tốt hơn là biết?

- Tôi không nói như vậy và cậu thừa biết điều ấy, nhưng hãy tin ở kinh nghiệm của tôi: đôi khi, tốt hơn hết là không biết.

Cái chết của người thân chúng ta

Những vết thương của cuộc sống không thể chữa lành, ta không ngừng mô tả chúng với hy vọng có thể xây dựng nên một câu chuyện thực sự thấu tóm được chúng.

Elena FERRANTE

Thứ Năm ngày 11 tháng Mười năm 2018

1.

Bây giờ là 6 giờ sáng. Ngày còn chưa rạng, nhưng tôi vẫn mở rộng cửa hiệu sách để không khí trong lành tràn vào bên trong. Tôi xem thử chiếc hộp bằng sắt cũ thường đựng cà phê xay gần bàn viết. Nó rỗng không. Phải nói rằng tôi đã uống chừng chục tách suốt buổi đêm làm việc chăm chỉ. Chiếc máy in cũ kỹ của Audibert cũng sắp ngừng hoạt động đến nơi. Tôi đã sử dụng ống mực cuối cùng trong kho dự trữ để lưu dấu bằng văn bản những khám phá quan trọng nhất của bản thân. Rồi tôi ghim các tài liệu và ảnh chụp lên tấm bảng gỗ bần khổ lớn của cửa hiệu.

Cả đêm, tôi lang thang từ trang web này sang trang web khác để tìm kiếm thông tin về vụ sát hại gia đình Verneuil. Tôi đã tra cứu tài liệu lưu trữ trực tuyến của các tờ báo lớn tải vài cuốn sách kỹ thuật số và nghe những trích đoạn của khoảng chục file âm thanh. Ta nhanh chóng nhiễm vi rút của vụ Verneuil bởi câu chuyện vừa bi thảm vừa lý thú. Thoạt tiên, tôi cứ ngỡ có thể nhanh chóng tạo cho mình niềm tin riêng, nhưng sau một đêm ngẫm cứu, tôi vẫn hoang mang như trước. Nhiều thứ khiến sự việc trở nên rối

loạn. Một trong số đó là người ta chưa bao giờ xác định được một hay các hung thủ sát hại gia đình Verneuil. Tuy nhiên, vụ án không phải một lãnh án tình lẻ khó hiểu hồi thập niên 1970, mà là một vụ tàn sát đúng nghĩa diễn ra ngay tại nội thành Paris, đúng thời điểm bước sang thế kỷ XXI. Một cuộc thám sát liên quan đến gia đình một nhân vật của công chúng và cuộc điều tra được tiến hành bởi lực lượng tinh nhuệ của cảnh sát Pháp, chúng ta gần với Tarantino⁽¹⁸⁾ hơn là Claude Chabrol⁽¹⁹⁾.

Tôi đã làm phép tính: thời điểm diễn ra sự việc, tôi mới lên sáu, vậy nên chẳng có chút ký ức nào về việc theo dõi vụ án trên các kênh tin tức. Nhưng sau đó, chắc chắn tôi đã mơ hồ nghe nhắc tới, có lẽ là trong thời đi học hoặc chắc chắn hơn là trong một số của *Hãy khiến bị cáo xuất đầu lộ diện* hoặc *Giờ tội ác*.

Sinh năm 1954 tại Arcueil rồi trở thành bác sĩ chuyên ngành phẫu thuật ổ bụng, Alexandre Verneuil bắt đầu phát triển ý thức chính trị tại trường trung học, quãng thời gian tiếp sau chuỗi sự kiện tháng Năm năm 68, trước khi kết thân với những thanh niên ủng hộ Rocard⁽²⁰⁾ rồi gia nhập đảng Xã hội. Tốt nghiệp đại học, ông làm việc tại Salpêtrière rồi bệnh viện Cochin. Cuộc dẫn thân chính trị đã biến thành cuộc dẫn thân nhân đạo. Hành trình của ông giống với hành trình của nhiều nhân vật thời bấy giờ, những người đã tiến đến điểm gặp gỡ giữa xã hội dân sự, sự nghiệp nhân đạo và giới chính trị. Đồng hành cùng Bác sĩ thế giới hay Chữ thập Đỏ Pháp, có thể gặp Alexandre Verneuil ở phần lớn những nơi xảy ra chiến tranh vào thập niên 1980 và 1990: Etiopia, Afghanistan, Somali, Ruanda, Bosnia... Sau chiến thắng của phe Xã hội trong các cuộc bầu cử lập pháp năm 1997, ông được bổ nhiệm làm cố vấn y tế tại văn phòng Quốc vụ khanh chuyên trách Hợp tác, nhưng chỉ giữ chức này vài tháng, vì thích quay trở lại thực địa hơn, đặc biệt là Kosovo. Về Pháp vào cuối năm 1999, ông trở thành hiệu trưởng trường phẫu thuật của Cơ sở Y tế Hỗ trợ Cộng đồng tại Paris AP-HP. Song song với các hoạt động y khoa, ông còn viết nhiều cuốn sách có tiếng nghiêm túc về các đề tài như đạo đức sinh học, quyền can thiệp và loại trừ xã hội. Là nhân vật được kính nể trong lĩnh vực nhân đạo, Verneuil

cũng là một trong những khách mời hết sức hữu hảo của các phương tiện truyền thông vốn mê mẩn tài hùng biện và tính cách không ngại xông pha của ông.

2.

Thảm kịch xảy đến vào tối 11 tháng Sáu năm 2000, ngày diễn ra trận đấu đầu tiên của đội tuyển bóng đá Pháp trong khuôn khổ giải vô địch châu Âu. Tối hôm đó, Verneuil cùng vợ mình là Sofia - một bác sĩ phẫu thuật kiêm nha sĩ có phòng khám nằm trên phố Rocher, một trong những phòng khám ăn nên làm ra nhất Paris - đang ăn mừng sinh nhật mười một tuổi của Théo, con trai họ. Cả gia đình sống trong một căn hộ xinh xắn thuộc quận XVI, đại lộ Beauséjour, trên tầng ba một tòa nhà xây từ thập niên 1930 có tầm nhìn đẹp trông ra tháp Eiffel và vườn Ranelagh. Những bức ảnh chụp cậu nhóc mà tôi nhìn thấy trên Internet lập tức khiến tôi bán loạn, bởi nó nhắc tôi nhớ tới mình ở tầm tuổi cậu: vẻ mặt hân hoan, răng cửa thưa, mái tóc vàng nhạt bù xù và cặp kính mắt tròn có gọng sặc sỡ.

Mười tám năm sau, chuỗi sự kiện vẫn còn là đề tài gây tranh cãi. Người ta đã chắc chắn được những gì? Người ta chắc chắn được rằng khoảng 12h 15 phút đêm, cảnh sát thuộc đội phòng chống tội phạm (BAC 75 N) đã tới nhà Verneuil sau khi nhận được cuộc gọi của một người hàng xóm ở tòa nhà nằm giữa. Cửa căn hộ mở toang. Ngay gần lối vào là xác Alexandre Verneuil sũng soài trên sàn nhà, khuôn mặt gần như bị thổi bay bởi một phát đạn ở cự ly gần. Vợ ông, Sofia, bị bắn hạ hơi xa hơn một chút, tại ngưỡng cửa bếp, bằng một phát đạn trúng tim. Về phần nhóc Théo, cậu bị giết chết bằng một phát đạn trúng lưng và ngã gục trong hành lang. Một cảnh tượng ghê rợn thuần chất.

Cuộc tàn sát diễn ra vào lúc mấy giờ? Hẳn là vào khoảng 23h45. Lúc 23h30, Alexandre đã gọi điện thoại cho bố mình để tổng kết trận túc cầu (đội tuyển Pháp thế hệ Zidane thắng 3-0 trước Đan Mạch). Ông gác máy lúc 23h38. Cuộc gọi báo tin của người hàng xóm diễn ra hai mươi phút sau. Người này thú thật đã báo cho cảnh sát hơi chậm trễ bởi bối cảnh hội hè ăn mừng trận đấu có lẽ đã khiến ông nhầm mấy tiếng súng với tiếng pháo.

Cuộc điều tra được tiến hành hết sức cẩn thận. Alexandre là con trai của Patrice Verneuil, một “cảnh sát kỳ cựu” xưa kia từng nắm quyền đồng lãnh đạo Cảnh sát Tư pháp Paris và thời đó vẫn còn là viên chức cấp cao ở Bộ Nội vụ. Cuộc điều tra không đưa đến kết quả nào đáng kể. Nó chứng minh rằng một vụ trộm đã diễn ra cùng đêm đó tại tầng bốn, cũng là tầng trên cùng tòa nhà, nhà mấy người hưu trí đang ở miền Nam nước Pháp vào thời điểm xảy ra vụ việc. Nó cũng ghi nhận sự biến mất của những món nữ trang thuộc về Sofia Verneuil và bộ sưu tập đồng hồ đeo tay của chồng bà (thành viên tích cực của nhóm “Rolex cánh tả”, vị bác sĩ sở hữu những chiếc đồng hồ giá trị lớn, trong đó có một mẫu Panda “Paul Newman” giá trị ước tính hơn 500.000 franc).

Lối vào tòa nhà được trang bị một camera giám sát, nhưng việc khai thác nó là không thể, bởi ống kính máy quay đã bị di chuyển, chỉ còn ghi hình bức tường đại sảnh, nhưng người ta không biết chắc liệu việc này là cố tình hay ngẫu nhiên - cũng không biết liệu chuyện này mới diễn ra trước đó vài giờ hay đã nhiều ngày. Khoa đường đạn đã xác định vũ khí được sử dụng trong vụ tàn sát: một khẩu súng săn nòng rãnh bắn đạn cỡ 12 (loại thông dụng nhất), nhưng không tìm ra vũ khí. Phân tích vỏ đạn cũng không cho phép gán chúng với bất kỳ vũ khí nào từng được lưu hồ sơ trong một vụ án khác.

Tương tự với các mẫu ADN, chúng thuộc về gia đình hoặc không tương ứng với bất kỳ hồ sơ nào được lưu trong cơ sở dữ liệu. Và tất cả chỉ có thể. Hay gần như thế.

Trong lúc tra cứu những tài liệu này, tôi ý thức rằng mình là một trong số những người đầu tiên có thể quay trở lại vụ việc bằng cách nối kết vai trò tiềm tàng của Apolline Chapuis và Karim Amrani. Từ đó, một kịch bản không tránh khỏi được viết nên bằng mực đen: trước tiên hai kẻ du đãng khoảng sạch căn hộ vắng chủ của những người hưu trí trên tầng bốn rồi ghé thăm căn hộ tầng dưới. Có lẽ chúng nghĩ cả gia đình đi vắng. Nhưng Verneuil đã bắt quả tang chúng. Hoảng sợ, Karim hoặc Apolline đã nổ súng

- một cái xác, hai cái xác, ba cái xác - trước khi vợ vết đồng hồ đeo tay, nữ trang và máy ảnh.

Giả thiết khá vững. Tất cả các bài báo mà tôi từng đọc về cặp đôi “*Bonnie and Clyde phố Stalingrad*” đều chỉ ra rằng Karim vốn hung bạo. Hắn đã không ngần ngại nã súng vào viên quản lý quán bar PMU, bằng một khẩu súng báo hiệu, dĩ nhiên, nhưng dấu sao người đàn ông tội nghiệp ấy cũng bị hỏng một bên mắt.

Tôi vươn người trên ghế rồi ngáp dài. Trước khi đi tắm, tôi còn một file âm thanh nữa phải nghe: Những vụ án nhạy cảm, một chương trình được phát sóng trên kênh France Inter, đã dành hẳn một số cho vụ Verneuil. Tôi thử cho phát chương trình trên máy tính, nhưng đầu đọc ngừng hoạt động.

Mẹ kiếp, Internet lại giở trò rồi...

Đó là một vấn đề thường gặp trong ngôi nhà này. Thông thường phải lên gác rồi khởi động lại modem. Vấn đề là bây giờ mới 6 giờ sáng và tôi không muốn đánh thức Audibert. Tuy nhiên tôi vẫn quyết định liều một phen nên rón rén leo cầu thang. Ông chủ hiệu sách đang ngủ, cửa phòng hé mở. Bên phòng khách, tôi bật đèn pin điện thoại rồi cố hết sức lách người mà không gây chút tiếng nào, đến tận chỗ tủ buýp phê nơi đặt modem mạng. Tôi tắt thiết bị đi rồi bật lại, rồi thoái lui, cố không để sàn gỗ kêu cọt kẹt.

Một cơn rùng mình lướt qua. Tôi từng vào đây nhiều lần rồi nhưng lạ lùng thay, trong cảnh tranh tối trang sáng này, căn phòng lại hiện ra trước mắt tôi đầy mới mẻ. Tôi chìa đèn pin lên các tầng giá sách. Bên cạnh những tập Tao Đàn và những cuốn sách đóng gáy kiểu Bonet-Prassinon còn có nhiều khung ảnh bằng gỗ. Trục giác? Bản năng? Hay hiếu kỳ? Tôi lại gần ngắm những bức ảnh gia đình, ở hàng đầu tiên là những bức ảnh chụp Audibert cùng vợ là Anita, ngay từ cuộc trò chuyện đầu tiên giữa hai chúng tôi ông đã kể rằng bà qua đời cách đây hai năm vì ung thư. Có thể nhìn thấy cặp vợ chồng này qua từng độ tuổi khác nhau. Đám cưới giữa thập niên 1960, rồi hết sức nhanh chóng, một em bé được bế trên tay biến thành cô bé thiếu niên hờn dỗi trong một bức ảnh khác. Đầu thập niên 1980; cặp vợ

chồng tươi cười tạo dáng bên chiếc Citroen BX; một chuyến du lịch tới Hy Lạp mười năm sau, một tấm khác chụp tại New York trước khi tòa tháp đôi sụp đổ. Những tháng ngày hạnh phúc mà ta chỉ thấu hiểu giá trị một khi chúng biến mất. Nhưng hai khung ảnh cuối cùng khiến máu tôi như đông đặc lại. Hai bức ảnh gia đình trên đó tôi nhận ra những gương mặt khác.

Gương mặt của Alexandre, Sofia và Théo Verneuil. Và gương mặt của Mathilde Monney.

3.

Tiếng chuông điện thoại kéo Nathan Fawles ra khỏi giấc ngủ trần trọc và ngất quãng. Ông đã ngủ thiếp đi trên ghế bành, Bronco nằm cạnh chân. Nhà văn ngáp dài, khó nhọc đứng lên rồi lê bước tới chỗ điện thoại.

- Vâng?

Giọng ông ào ào như thể các dây thanh quản đã han gỉ trong đêm. Cổ ông tê bại, cứng đờ, khiến ông có cảm giác cử động nhỏ nhất sẽ khiến khung xương rít lên kèn kẹt.

Là Sabina Benoit, cựu quản lý thư viện số của Nhà thiếu niên.

- Nathan này, tôi biết vẫn còn sớm, nhưng vì ông đã yêu cầu tôi gọi điện ngay khi có thông tin...

- Bà làm tốt lắm, Fawles đáp.

- Tôi đã có được danh sách học sinh tham dự buổi nói chuyện của ông. Trên thực tế, ông đã đến trình bày tham luận hai lần, một vào ngày 20 tháng Ba năm 1998 và một lần nữa vào ngày 24 tháng Sáu cùng năm.

- Rồi sao?

- Trong số những người tham dự không có ai mang tên Mathilde Monney.

Fawles thở dài đoạn day day mí mắt. Tại sao nữ phóng viên lại nói dối ông về điểm này nhỉ?

- Người duy nhất tên Mathilde có mặt ở đó lại mang họ Verneuil.

Máu Fawles như đông lại.

- Chính là con gái của bác sĩ Vemeuil tội nghiệp, bà thủ thư nói tiếp. Tôi còn nhớ rất rõ cô ấy: xinh xắn, dè dặt, nhạy cảm, thông minh... Người có lẽ thời điểm đó đã dự đoán được tấn thảm kịch sắp giáng xuống đầu mình...

4.

Mathilde là con gái của Alexandre Verneuil, cháu gái của Grégoire Audibert! Sững sờ trước phát hiện này, tôi đứng đờ ra hơn một phút, bất động trong bóng tối. choáng váng. Vụn vỡ. Nổi da gà.

Tôi không thể dừng lại ở đó. Ở những tầng trên cùng của kệ sách, tôi tìm thấy mấy album ảnh. Bốn cuốn dày, bìa vải, được sắp xếp theo những thập niên quan trọng. Tôi ngồi xếp bằng trên sàn nhà và bắt đầu lật giở chúng dưới ánh đèn pin, xem ảnh, lướt qua những ghi chú. Những gì tôi biết được qua đó chủ yếu là một vài ngày tháng. Grégoire và Anita Audibert sinh được một mụn con gái duy nhất, Sofia, chào đời năm 1962, người đã kết hôn với Alexandre Verneuil năm 1982. Cuộc hôn nhân giữa họ đã cho ra đời Mathilde và Théo, thuở nhỏ hai chị em thường xuyên về đảo Beaumont nghỉ dưỡng.

Sao tôi và Fawles lại có thể bỏ lỡ chuyện này nhỉ? Tôi thấy hình như các bài báo mà tôi từng đọc không nhắc đến sự tồn tại của Mathilde. Vì đang sẵn cầm điện thoại trên tay, tôi tiến hành xác minh bằng cách gõ những từ khóa lên Google. Một bài viết cho phép tự do truy cập trên tờ L'Express số tháng Bảy năm 2000 đã nêu "cô con gái cả mười sáu tuổi của gia đình không ở Paris vào tối xảy ra thảm kịch vì đang ôn luyện bằng trung học Pháp tại nhà một người bạn gái ở Normandie".

Một loạt giả thiết chen chúc trong đầu tôi. Tôi cảm thấy mình vừa có một bước quyết định trong cuộc điều tra, nhưng vẫn chưa nắm được kết quả tổng thể của những gì mình phát hiện. Tôi ngập ngừng muốn thoái lui. Từ chỗ đang ngồi, tôi nghe thấy tiếng ngáy đều đều của Audibert đang ngủ ở phòng bên. Có lẽ tôi đã đẩy vận may của mình tới mức tối đa. Nhưng cũng có lẽ vẫn còn những bí mật để tôi khai quật. Tôi đánh liều ngó sang phòng ngủ của ông chủ hiệu sách. Một thứ nội thất khổ hạnh, gần như tịnh xá. Trên chiếc bàn làm việc nhỏ kê sát tường và ngay gần giường, một chiếc

máy tính xách tay là sự nhượng bộ duy nhất trước thời hiện đại. Nỗi phẫn khích khiến tôi quên khuấy sự thận trọng và cả gan đùa với lửa. Tôi *phải* biết thêm. Tôi lại gần bàn viết và cảm thấy bàn tay mình cầm lấy chiếc máy tính, gần như miễn cưỡng.

5.

Quay xuống tầng trệt, tôi vội vã khám phá nội dung trong máy tính. Dĩ nhiên Audibert không thạo những công nghệ hiện đại nhất, nhưng cũng không đến nỗi gà mờ như ông muốn thể hiện trước mọi người. Máy tính của ông là một chiếc notebook Vaio cũ kỹ đời cuối những năm 2000. Tôi gần như chắc chắn : mật khẩu để mở nó hẳn là giống với mật khẩu của chiếc máy tính để bàn của hiệu sách. Tôi gõ thử để rồi nhận thấy rằng... đúng là như vậy.

Ổ cứng gần như trống không. Tôi không hề biết mình đang tìm gì, nhưng lúc này tôi tin chắc rằng có những thông tin khác cần tìm ra. Trong những tệp tin hiếm hoi xuất hiện trên màn hình máy tính có một phiên bản phần mềm kế toán không được cập nhật của hiệu sách, vài hóa đơn, một bản đồ địa hình Beaumont và những tệp tin PDF là những bài báo liên quan đến quá khứ tội lỗi của Apolline Chapuis và Karim Amrani. Không có gì mới, tôi đã đọc chúng rồi. Điều này chỉ chứng tỏ Audibert đã tiến hành những tìm kiếm giống như tôi. Tôi phân vân chuyện lục tìm trong thư điện tử hoặc tin nhắn của ông chủ hiệu sách. Audibert không có trang Facebook cá nhân, nhưng ông đã tạo ra một trang cho hiệu sách, trang này không được cập nhật từ hơn một năm nay. Về phần thư viện ảnh của máy tính, nó không được phong phú cho lắm nhưng lại chứa ba album mà nội dung có vẻ sẽ rất kinh khủng.

Trước tiên, có nhiều ảnh chụp màn hình trang web của Apolline Chapuis, rồi trong một hồ sơ khác, những bức ảnh sử dụng ống kính tầm xa chụp Karim Amrani đang tản bộ ở Évry. Vẫn là những bức ảnh mà tôi tìm thấy trước đó trong phòng trọ của Mathilde. Nhưng tôi vẫn chưa đi đến tận cùng kinh ngạc, bởi tệp tin cuối cùng chứa đựng những bức ảnh khác. Thoạt tiên, tôi ngỡ đó là những bức ảnh mà Mathilde đã cho Fawles xem: chuyến du

lịch đến Hawaii của hai kẻ tội phạm và buổi tối sinh nhật Théo Verneuil. Nhưng rõ ràng Mathilde chỉ cho nhà văn xem một phần những bức ảnh chụp buổi tối hôm đó. Những bức ảnh khác quả nhiên là bằng chứng cho thấy thật ra cô gái vẫn góp mặt trong tiệc sinh nhật của em trai, buổi tối khủng khiếp khi gia đình cô bị sát hại.

Mắt cay sè, đầu ong ong, tôi cảm thấy máu chảy rần rật nơi thái dương. Làm sao mà thông tin này có thể bị các điều tra viên bỏ sót nhỉ? Tôi bị xâm chiếm bởi một nỗi lo lắng kỳ lạ, không thể rời mắt khỏi màn hình đang thiêu đốt mí mắt tôi. Ở tuổi mười sáu, Mathilde xuất hiện trên các bức ảnh như một thiếu nữ có phần mong manh yếu đuối, tâm trí lơ đãng, nụ cười gượng gạo cùng ánh mắt ưu sầu và né tránh.

Những giả thiết điên rồ nhất vụt qua tâm trí tôi. Giả thiết bi thảm nhất, có lẽ Mathilde đã sát hại cả gia đình mình. Bức ảnh cuối cùng trong album kỹ thuật số tiết lộ cho tôi một bất ngờ khác. Nó được đề ngày 3 tháng Năm năm 2000 - chắc hẳn là trong đợt nghỉ bắc cầu từ Quốc tế Lao động mừng 1 tháng Năm. Trong ảnh là Mathilde và Théo tạo dáng cùng ông bà ngoại trước tiệm *La Rose Ecarlate*.

Đã toan gập máy tính lại, nhưng rồi tôi quyết định ngó qua thùng rác của máy tính để khỏi phải tự trách mình điều gì. Nó chứa hai tệp tin video mà trước tiên tôi trả vé màn hình máy tính, rồi lưu về ổ USB. Tôi đeo tai nghe vào trước khi cho tệp tin chạy.

Và điều phát hiện trong đó khiến máu tôi đông lại.

6.

Ngồi trong bếp, khuỷu tay chống trên mặt bàn, hai tay ôm đầu, Fawles suy nghĩ về hậu quả của những gì mà Sabina Benoit vừa tiết lộ với ông. Monney hẳn là một bút danh. Mathilde Monney không phải người Thụy Sĩ và trên thực tế tên là Mathilde Verneuil. Và nếu cô gái đó đúng là con gái của Alexandre Verneuil thì toàn bộ chuyện xảy ra trên đảo những ngày gần đây lại xoay chuyển sang một hướng mới.

Vì ác cảm với các phương tiện truyền thông, Fawles hoàn toàn không biết gì về những chuyện đã xảy ra. Việc Mathilde là phóng viên đã khiến

ông bối rối và nhăm lẩn ngay từ đầu. Thực ra, Mathilde có mặt trên đảo này chỉ vì một lý do đơn giản: trả thù vụ ám sát gia đình mình.

Giả thiết chính cô đã giết Karim và Apolline - những người mà cô xác định là đã sát hại cha mẹ cô - trở nên vô cùng đáng tin cậy.

Hàng chục hình ảnh, ký ức, âm thanh khàn khàn xuyên qua trí óc Fawles. Giữa luồng trôi dạt ấy, lắng đọng lại một hình ảnh. Một trong những bức ảnh chụp buổi tối sinh nhật mà Mathilde cho ông xem trên tàu: Verneuil, vợ ông ta và cậu nhóc Théo tạo dáng trên sân thượng nhà họ, với hậu cảnh là tháp Eiffel. Một lẽ hiển nhiên khiến ông choáng váng: nếu bức ảnh chụp lấy đến ngang đuôi này tồn tại, thì đó là vì một người nào đấy đã chụp nó. Và có nhiều cơ may để người nào đấy này chính là Mathilde. Cô, người chắc chắn cũng có mặt trong căn hộ của gia đình vào buổi tối diễn ra vụ thảm sát.

Bỗng nhiên, một màn đêm địa cực chụp xuống Fawles. Bây giờ, ông hiểu ra *mọi chuyện* và tự cảm thấy mình đang lâm vào tình thế vô cùng nguy hiểm.

Rất nhanh chóng, ông đứng dậy để sang phòng khách. Ở cuối phòng, cạnh những kệ kim loại dùng làm giá chất củi, có chiếc rương được đẽo gọt bằng gỗ ô liu nơi ông cất khẩu súng. Ông mở tủ hộc tường và nhận thấy món vũ khí đã không cánh mà bay. Ai đó đã lấy mất khẩu súng được trang trí hình Kuçedra. Món vũ khí đáng nguyên rủa, món vũ khí của mọi điều vi phạm, món vũ khí vốn là nguồn cơn mọi bất hạnh của ông. Bây giờ ông nhớ lại quy tắc lâu đời này trong nghề viết: nếu một tiểu thuyết gia đề cập tới sự tồn tại của một món vũ khí ở đầu tác phẩm thì một phát súng sẽ buộc phải bắn ra và một trong các nhân vật chính sẽ chết ở cuối truyện.

Vì tin vào các quy tắc của hư cấu, Fawles chắc mẫm mình sắp chết.

Ngay hôm nay.

7.

Tôi cho phát video đầu tiên. Có độ dài năm phút, hẳn là nó được quay bằng điện thoại di động, trong một nơi giống như một ngôi nhà hay một căn

chòi.

- Làm ơn! Tôi không biết gì hết... không gì khác ngoài những điều tôi vừa nói!

Hai bàn tay bị còng, hai cánh tay bị treo phía trên đầu, Karim nằm trên một dạng bàn thấp nghiêng về phía sàn nhà.

Nhìn khuôn mặt sưng húp và cái miệng tứa máu của hắn, có thể đoán hắn vừa lãnh một cơn mưa đòn. Người đàn ông đang tra hỏi là một gã cao lớn mà tôi chưa từng nhìn thấy trong đời. Tóc bạc trắng và vóc dáng đồ sộ, gã mặc sơ mi ca rô, áo khoác chần bông và đội mũ lưỡi trai bằng vải toan Scotland.

Tôi lại gần màn hình để nhìn kỹ hơn. Gã bao nhiêu tuổi nhỉ? Ít nhất là bảy mươi lăm nếu tôi tin vào những nếp nhăn trên khuôn mặt và dáng vẻ tổng thể của gã. Với cái bụng bự chảng, gã gặp khó khăn khi di chuyển, nhưng sức vóc bù đắp đủ cuốn phăng mọi thứ trên đường gã đi.

- Tôi không biết gì hơn! Karim thét lên.

Lão già có vẻ như không buồn nghe nữa. Lão rời màn hình vài giây rồi xuất hiện trở lại với một chiếc khăn tắm và phủ nó lên mặt gã cựa buôn ma túy. Rồi, với sự cần mẫn của một kẻ tra tấn dày dạn kinh nghiệm, lão bắt đầu đổ nước lên chiếc khăn.

Kỹ thuật tra tấn kiểu *ván nước* ghê rợn.

Việc xem phim trở nên kinh khủng. Lão già tiếp tục cho đến khi Karim ngạt thở. Cơ thể hắn căng ra, biến dạng, co giật quằn quại. Khi rốt cuộc lão cũng bỏ chiếc khăn ra, tôi ngỡ Karim sẽ không sống nổi. Một hỗn hợp bong bóng nước, bọt mép và mật trào ra từ miệng hắn, như một mạch nước phun. Hắn ván đờ ra một lúc, rồi rốt cuộc cũng nôn mửa trước khi thì thào:

- Tôi... đã nói hết với ông rồi mà, mẹ kiếp...

Lão già nghiêng cái bàn thấp rồi nói thầm vào tai Karitn:

- Thế thì, mày sẽ bắt đầu lại từ đầu.

Gã đàn ông đã kiệt sức. Vẻ kinh sợ hiển hiện trên gương mặt hắn.

- Tôi không biết gì khác...

- Vậy thì để tao bắt đầu lại!

Vì lão già lại chộp lấy cái khăn tắm.

- Không! Karim hét lên.

Hắn lấy lại nhịp thở được chẳng hay chớ, rồi cố tập hợp các ý nghĩ.

- Đêm hôm đó, ngày 11 tháng Sáu năm 2000, tôi và Apolline, chúng tôi tới quận XVI, số 39 đại lộ Beauséjour, để ăn trộm nhà mấy khóm già quý phái ở tầng bốn. Chúng tôi có nguồn tin riêng chắc chắn báo trước rằng họ sẽ không có trong căn hộ.

- Ai đã tuồn cho mày cái tin riêng ấy?

- Tôi không nhớ nữa, băng của tôi thời ấy. Mấy khóm già đó được cho là giàu nứt đố đổ vách, nhưng phần lớn nhất là tiền mặt và trang sức hình như lại cất trong một két sắt đúc liền vào khối bê tông. Chúng tôi không thể nhấc theo được.

Hắn nói nhanh, giọng đều đều như thể đã kể câu chuyện này vô số lần. Giọng hắn méo mó vì mũi hắn đã gãy, máu chảy giàn giụa trên hai mi mắt sưng húp vì những vết tụ máu.

- Chúng tôi đã khoảng vài món ít giá trị, những món dễ đẩy đi. Rồi đúng lúc chuẩn bị nhổ neo thì chúng tôi nghe thấy những tiếng súng từ phía dưới vọng lên.

- Mấy tiếng?

- Ba. Vì sợ nên chúng tôi đã nấp vào một phòng ngủ. Chúng tôi chờ một lúc lâu, vừa sợ đám cảnh sát chẳng bao lâu nữa sẽ tới vừa sợ cái kẻ đang ra tay tàn sát dưới tầng ba.

- Mày không trông thấy đó là ai hả?

- Không! Lúc ấy bọn tôi sợ đến vãi tè, tôi nói với ông rồi mà. Chúng tôi đợi nhiều phút trôi qua mà không dám xuống. Chúng tôi đã thử chuồn qua đường mái nhà, nhưng lối vào bị khóa. Vậy nên chúng tôi không thể làm gì khác ngoài cách dùng cầu thang bộ.

- Rồi sau đó?

- Khi đến tầng ba, Apolline vẫn sợ muốn chết, tôi thì đã khá hơn nhiều, tôi đã kịp hít một liều trong phòng ngủ của mấy khọm già. Tôi phê lòi, lâng lâng phấn khích. Khi tới trước cửa, tôi thò đầu vào. Một lò mỗ đúng nghĩa. Máu văng khắp nơi và ba cái xác gục trên sàn nhà. Apolline đã rú lên một tiếng rồi xuống thẳng bãi đỗ xe tầng hầm chờ tôi.

- Mà cứ liệu hồn, chúng ta sẽ đi hỏi nó, con bồ mà ấỵ.

- Đấy không phải bồ tôi. Đã mười tám năm nay bọn tôi không nói chuyện với nhau rồi.

- Mà đã làm gì trong căn hộ nhà Verneuil?

- Tôi nói với ông rồi đấy, khi ấy họ đã chết cả. Tôi đi vào phòng khách rồi các phòng ngủ. Và tôi đã thó tất cả những gì có thể: những chiếc đồng hồ đeo tay sang trọng, nhiều tiền mặt, trang sức, một chiếc máy ảnh... Rồi tôi xuống chỗ Apolline. Vai tuần sau bọn tôi chuẩn tới Hawaii và chính tại đó bọn tôi đã đánh mất chiếc máy ảnh khốn kiếp kia.

- Đúng thế, thật ngu xuẩn, lão già có vẻ tán thưởng.

Lão buột ra một tiếng thở dài rồi bỗng thúc một cú khuỷu tay khủng khiếp vào mạng sườn Karim.

- Điều tệ hại nhất, đó là ngày hôm ấy, mà không chỉ đánh mất chiếc máy ảnh, mà cả mạng sống của mà ấỵ nữa.

Rồi lão tấn công hẳn, cuồn bạo, những năm đấm khổng lồ giáng xuống với một sức mạnh khó tin.

Khiếp hãi, tôi có cảm tưởng những tia máu sắp phọt lên mặt mình. Tôi rời mắt khỏi màn hình, ngoảnh nhìn ra chỗ khác. Tôi run lập cập như lên cơn sốt. Tứ chi tôi run rẩy. Người đàn ông có khả năng giết người bằng tay không này là ai? Đây là cội nguồn cơn điên loạn đã xâm chiếm ông ta?

Không khí buốt lạnh. Tôi đứng dậy để đóng cửa hiệu sách. Lần đầu tiên trong đời, tôi cảm thấy mình đang rơi vào tình thế nguy hiểm chết người thực sự. Tôi phân vân một lúc, chẳng biết có nên ôm theo chiếc máy tính chạy trốn hay không, nhưng tính hiếu kỳ đã thôi thúc tôi quay trở lại ngồi sau bàn để bật video thứ hai.

Tôi đã hy vọng nó đỡ kinh khủng hơn, nhưng không phải vậy. Trong đó vẫn là cảnh tượng tra tấn chí tử tương tự, dẫn tới kết cục là cái chết. Lần này, Apolline vào vai nạn nhân, và đao phủ là một gã đàn ông mà người xem chỉ nhìn thấy tấm lưng. Thân hình bó chặt trong chiếc áo khoác đi mưa sẫm màu, gã có vẻ trẻ hơn và không đồ sộ bằng kẻ ra tay trừ khử Karim. Cuốn phim có chất lượng kém hơn, hẳn là do quay ở một nơi kín bưng, chỉ được soi chiếu bằng thứ ánh sáng yếu ớt. Một góc nhà bắn thiu và tăm tối giữa hai mặt tường đá tảng màu xám.

Bị trói vào ghế tựa, Apolline mang khuôn mặt bê bết máu, răng gãy vài chiếc và một bên mắt bầm giập. Chắc chắn kẻ tấn công Apolline đã tra tấn cô hồi lâu bằng chiếc que cời lò hẩn cầm trong tay. Cuốn phim có thời lượng ngắn và câu chuyện mà cô gái Bordeaux kể tạo cảm giác liên kết với câu chuyện của Karim.

- Tôi nói với ông rồi, tôi sợ muốn chết! Tôi không vào căn hộ nhà Verneuil. Tôi chuồn thẳng xuống bãi đỗ xe tầng hầm để đợi Karim.

Cô hít mạnh rồi lắc đầu để hất gọn một lọn tóc bết máu đang rủ xuống mắt.

- Tôi tin chắc là cảnh sát sắp ập tới. Thậm chí có khi họ đã có mặt ở đó rồi. Bãi đỗ xe chìm trong bóng tối. Tôi thu lu giữa một cột bê tông và một chiếc xe tải nhỏ. Nhưng bỗng nhiên, đèn đuốc bật sáng và một chiếc xe từ tầng dưới đi lên.

Apolline nấc lên trong khi người đàn ông cầm que cời thúc giục cô kể tiếp.

- Đó là một chiếc Porsche màu xám với những đường sọc màu đỏ và xanh lơ. Nó đỗ lại phía trước tôi chừng hơn ba mươi giây vì cánh cổng tự động bị hỏng và kẹt ở lưng chừng.

- Ai ngồi trong chiếc Porsche?

- Có hai người đàn ông.

- Hai à? Mà chắc chứ?

- Chắc chắn. Tôi không nhìn thấy mặt người ngồi ghế phụ lái, nhưng người đàn ông cầm lái đã xuống xe để gỡ cánh cổng bị kẹt.

- Mà biết người đó chứ?

- Không đích thân quen, nhưng tôi từng xem một trong những buổi phỏng vấn ông ta trên truyền hình. Tôi cũng từng đọc một trong những cuốn sách của ông ta.

- Một trong những cuốn sách của ông ta sao?

- Đúng thế, đó là nhà văn Nathan Fawles.

SỰ THẬT KHÓ NÓI

Các nhà văn chống lại phần còn lại của thế giới

Sự giải thoát duy nhất của những kẻ bại trận là không hy vọng bất kỳ tự giải thoát nào.

Virgile

1.

Đó là nhà văn Nathan Fawles.

Đó là những lời cuối cùng của Apolline trước khi chết. Cuộn băng ghi hình còn tiếp tục vài giây nữa, cho thấy cô chìm vào hôn mê, rồi gục xuống dưới cú vụt que cờ sau cùng.

Bên cạnh tiết lộ theo nghĩa đen này - thứ chìm tôi vào tâm trạng bối rối khủng khiếp -, là một câu hỏi cấp bách hơn khiến tôi bứt rứt: những đoạn video này làm cái quái gì trong máy tính của Audibert?

Càng lúc càng bồn chồn nên bất chấp sự ghê rợn của cảnh tượng, tôi vẫn xem lại lần nữa video cuộc hành hình Apolline. Lần này, tôi bỏ tai nghe ra để tập trung vào bối cảnh. Những bức tường bằng đá này... Tôi đã từng nhìn thấy những bức tường tương tự khi dùng thang máy chở hàng chuyển những thùng sách xuống tầng hầm của *La Rose Ecarlate*. Hoặc có lẽ là tôi tự tưởng tượng ra...

Trên chùm chìa khóa của hiệu sách có cả chìa khóa tầng hầm. Tôi từng đặt chân xuống đó đôi ba lần, nhưng không nhận thấy điều gì đặc biệt đáng

ngờ.

Bất chấp nỗi sợ, tôi quyết định quay xuống đó lần nữa. Nhưng không có chuyện dùng thang chở hàng, nó kêu ầm ĩ. Tôi bước ra khoảng sân trong nhỏ nơi cánh cửa trập dẫn xuống hầm mở ra một cầu thang bằng gỗ thẳng đứng như một chiếc thang. Ngay từ những bậc cầu thang đầu tiên, tôi đã ngửi thấy mùi ẩm ướt khó chịu.

Xuống đến bên dưới, tôi bật bóng đèn tuýp phát ra thứ ánh sáng chập chờn, làm ẩn hiện lờ mờ những kệ sách phủ mạng nhện và những thùng các tông chứa đầy sách chẳng bao lâu nữa sẽ mốc thối. Bóng đèn huỳnh quang kêu lách tách vài giây trước khi tắt ngóm trong một âm thanh khô khốc.

Khi thật...

Tôi lấy điện thoại ra làm đèn pin, nhưng chân lại vấp phải một máy điều hòa hoen gỉ đặt dưới nền nhà. Tôi ngã xuống nền bê tông rồi lăn trong đám bụi.

Chơi hay lắm, Rafa...

Tôi nhặt điện thoại lên rồi đứng dậy trước khi đi sâu vào vùng tranh tối tranh sáng. Theo chiều dài, căn hầm rộng hơn tôi hình dung rất nhiều. Phía cuối hầm, tôi nhận ra âm thanh của quạt gió, giống loại chuyên dùng cho máy sưởi hay cửa thải. Tiếng vù vù dội đến từ một đám ống cuộn biến mất đằng sau ba tấm chắn dạng chắn song được dựng lên sát tường, chồng chất lên nhau.

Tôi thắc mắc mấy cái vòi ống này dẫn đi đâu. Sau hơn một phút lay lắt những tấm lưới mắt cáo, tôi đã có thể dịch chuyển chúng và phát hiện một lối vào khác. Một tấm biển kim loại di động trông giống cửa ngách của một cái lò không lò. Cánh cửa bị khóa trái, nhưng chìa khóa cũng nằm trong chùm chìa to đùng của ông chủ hiệu sách.

Bụng quặn lên vì sợ, tôi chui qua đó để tới một căn phòng kỳ lạ có kê một bàn thợ và một tủ đông. Trên mặt bàn, tôi nhận ra cái que cời lò đã

trông thấy trong video, một chiếc búa hoen gỉ với các cạnh sắc bén, một cái vồ bằng gỗ sẫm màu, mấy cây dùi đục đá...

Lồng ngực tôi như có ai dùng kim kẹp chặt. Tứ chi tôi run lẩy bẩy. Khi mở tủ đông ra, tôi không thể tìm một tiếng thét. Bên trong nhuộm đỏ màu máu.

Tôi đang ở trong nhà một lũ điên.

Tôi lùi lại rồi ba chân bốn cẳng leo ngược lên sân trong.

Chính Audibert đã tra tấn Apolline Chapuis đến chết và không còn nghi ngờ gì nữa, ông ta cũng sẽ giết tôi nếu tôi không chuồn khỏi đây. Quay trở lại hiệu sách, tôi nghe thấy sàn ván rít lên trên gác. Ông chủ hiệu sách vừa dậy. Thoạt tiên là tiếng bước chân, rồi tiếng mở cửa cầu thang bộ kêu kẹt kẹt. Mẹ kiếp... tôi vội vàng nhét máy tính của Audibert vào ba lô trước khi đóng sập cửa và ngồi lên chiếc xe gắn máy.

2.

Bầu trời vẫn lên những dải mây dài bị ánh bình minh xuyên thủng lỗ chỗ. Con đường chạy dọc bờ biển vắng tanh. Mùi i ốt dâng lên từ biển và trộn lẫn với mùi khuy nh diệp. Tôi đã tăng ga - nghĩa là chiếc xe tốc độ sao băng của tôi, được gió đẩy đi, khó nhọc đạt đến tốc độ bốn mươi lăm ki lô mét trên giờ. Cứ hai phút tôi lại lo lắng liếc nhìn về phía sau. Đời tôi chưa bao giờ sợ đến thế. Tôi cảm giác Audibert có thể bất thần xuất hiện bất cứ lúc nào, ông ta sẽ xông lên Đường Chính, cầm theo cái que cời lò để thủ tiêu tôi.

Làm gì đây? Phản xạ đầu tiên của tôi là tới nhà Nathan Fawles tìm chỗ nướng náu. Nhưng tôi không thể vờ như không biết những gì tôi đã xem trên video, những lời tố cáo của Apolline Chapuis nhằm vào ông.

Tôi là một đối tượng dễ thao túng. Tôi luôn biết rằng Fawles không nói hết với tôi những gì ông biết về vụ này - và bản thân ông cũng không bao giờ tìm cách làm tôi tin vào điều ngược lại. Tìm đến ông có lẽ cũng chính là nhảy vào miệng sói. Tôi nhớ đến khẩu súng săn kiểu bơm với phần nòng có rãnh mà ông luôn giữ trong tầm tay. Rất có thể đó chính là thứ vũ khí đã

được dùng để giết hại gia đình Verneuil. Trong năm phút dài dằng dặc, tôi có cảm giác chống chọi không còn nơi nương tựa, rồi tôi trấn tĩnh lại. Dù mẹ tôi thường dặn rằng chớ nên tin tưởng ai, tôi vẫn luôn làm ngược lại. Sự ngây thơ của tôi đã chơi khăm tôi nhiều vô trọng đời và khiến tôi phải hối hận, nhưng tôi vẫn có niềm tin sâu kín rằng đánh mất sự ngây thơ ấy cũng có nghĩa là đánh mất chính mình.

Vậy nên tôi quyết định vẫn trung thành với trực giác ban đầu: người đàn ông từng viết *Lorelei Strange* và *Những kẻ bị sét đánh* không thể là một gã khốn đờ đẫn.

Khi tôi tới *Nam Thập Tự*, trông Fawles như đã thức dậy từ lâu. Ông mặc áo cổ lọ sẫm màu và vest da đánh thuộc. Hết sức bình tĩnh, ông lập tức hiểu rằng tôi đã gặp phải chuyện gì đó nghiêm trọng.

- Ông phải xem cái này! tôi nói, thậm chí không để ông có thời gian an ủi tôi.

Tôi lấy ra từ ba lô chiếc máy tính của Audibert rồi cho phát hai video. Fawles xem chúng mà không để lộ chút cảm xúc nào, thậm chí cả khi Apolline nêu tên ông.

- Cậu biết hai người đàn ông tra tấn Chapuis và Amrani là ai không?

- Người đầu tiên thì tôi không rõ. Người thứ hai là Grégoire Audibert. Tôi đã tìm thấy trong hầm nhà ông ta cái tủ đông dùng để giấu xác Apolline.

Fawles vẫn thản nhiên, nhưng tôi cảm thấy ông đã có chút bàng hoàng.

- Ông biết Mathilde là cháu gái của Audibert và con gái của Alexandre Verneuil chứ?

- Tôi biết chuyện đó được một giờ rồi.

- Nathan, tại sao Apolline lại kết tội ông?

- Cô ta không kết tội tôi, cô ta chỉ nói đã nhìn thấy tôi trong một chiếc ô tô cùng một người đàn ông khác thôi.

- Đó là ai vậy? Chỉ cần ông nói mình vô tội và tôi sẽ tin ông.

- Người sát hại gia đình Verneuil không phải tôi, tôi thề với cậu.

- Nhưng ông có mặt trong căn hộ của họ vào buổi tối hôm ấy?
- Đúng thế, tôi có mặt ở đó; nhưng tôi không giết họ.
- Hãy giải thích cho tôi!
- Một ngày nào đó, tôi sẽ kể chi tiết mọi chuyện cho cậu nhưng không phải bây giờ.

Fawles đột nhiên trở nên kích động, ông nắn bóp một cái hộp nhỏ đựng điều khiển từ xa - cỡ một cái điều khiển cửa cuốn ga ra - mà ông vừa lấy ra từ túi áo.

- Tại sao không phải bây giờ?
- Bởi vì cậu đang gặp nguy hiểm cực lớn, Raphaël ạ! Chúng ta không phải đang trong một cuốn tiểu thuyết đâu, con trai. Những lời này không hề vô căn cứ. Apolline và Karim đã chết và hai tên sát thủ ra tay với chúng vẫn đang được tự do. Vì một lý do mà tôi còn chưa biết, vụ Verneuil đang quay trở lại sân khấu chính. Và không thể rút ra cái gì tốt đẹp từ một thảm kịch như vậy.

- Ông muốn tôi làm gì?
- Cậu sẽ rời khỏi đảo. Ngay tức khắc! ông quyết định dứt khoát đoạn nhìn đồng hồ đeo tay. Phà sẽ khởi hành trở lại vào lúc 8 giờ. Tôi sẽ lái xe đưa cậu ra đó.

- Ông nghiêm túc chứ?
- Fawles trở tay vào chiếc máy tính.
- Cậu đã xem những video đó giống như tôi. Những kẻ đó có khả năng làm mọi chuyện.

- Nhưng...
- Cậu mau đi đi! ông ra lệnh đoạn chụp tay tôi.

Được Bronco hộ tống, tôi theo nhà văn ra tận xe. Chiếc Mini Moke - hẳn đã ở yên đó nhiều tuần không lăn bánh - thoát đầu còn không chịu khởi động. Đúng lúc tôi ngỡ Fawles đã dìm chết động cơ trong xăng thì ông cố một lần cuối cùng và phép màu xảy ra. Bronco nhảy lên khoang sau và

chiếc xe mui trần không cửa - mà tôi thấy là tuyệt đối thiếu tiện nghi - xóc nảy trên con đường đất xuyên qua khu rừng trước khi ra đến đường chính.

Hành trình đến bến phà thật gian nan. Những mảnh trời quang nắng hé của ngày mới rạng đã chịu đầu hàng trước cảnh sắc âm u. Bầu trời lúc này ngồn ngộn mây xám chì, như thể vừa bị sơn lại bằng một thứ màu than xấu tệ. Gió cũng đã nổi lên, thốc những cơn cuồng phong vào lớp kính chắn gió thảm hại của chúng tôi. Đây không phải thứ gió Đông ẩm ướt và nhẹ nhàng, cũng không phải gió mistral quen thuộc thường quét sạch những đám mây để nhường chỗ cho bầu trời xanh lơ. Đây là thứ gió lạnh băng như quất vào người, đến từ địa cực và cuốn theo cả loạt tia chớp và tiếng sấm ầm ì: gió mistral đen.

Khi tới cảng, tôi có cảm giác đang tiến vào một thành phố ma. Những làn sương mù bàng lảng trên các viên gạch lát. Những dải mờ ảo sắc xà cừ xoắn xuýt lấy nhau trong các công trình đô thị và chìm ngập những khung vỏ tàu. Một lớp bột nhào thực thụ. Fawles đỗ chiếc Mini Moke trước chòi gác của văn phòng trưởng cảng và đích thân đi mua vé cho tôi. Rồi ông dẫn tôi ra tận phà.

- Tại sao ông không đi cùng tôi hả Nathan? tôi hỏi khi tiến lên cầu tàu. Ông cũng đang gặp nguy hiểm mà, không phải sao?

Đứng lại trên bến cùng chú chó của mình, ông né tránh đề xuất của tôi bằng cách lắc đầu.

- Cần trọng nhé, Raphaël.

- Hãy đi cùng tôi! tôi khẩn khoản.

- Không thể được. Kẻ nào đốt lửa thì phải tự tay dập lửa. Tôi cần phải chấm dứt một thứ.

- Thứ gì vậy?

- Những tác hại của cỗ máy kinh khủng mà tôi đã khởi động cách đây hai mươi năm.

Ông vẫy tay chào tôi và tôi hiểu rằng mình sẽ không biết được thêm gì nữa. Trong khi lặng nhìn ông đi xa dần cùng chú chó, cảm giác bất đồ sờn

da gà và buồn man mác xâm chiếm tôi, bởi điều gì đó mách bảo tôi rằng đây là lần cuối cùng tôi trông thấy Nathan Fawles. Thế nhưng, ông đột nhiên quay trở lại. Ông nhìn thẳng vào mắt tôi đầy vẻ ân cần và trước sự bất ngờ vô hạn của tôi, chìa ra bản thảo tiểu thuyết tôi viết mà ông đã sửa kỹ lưỡng và cuộn lại để nhét trong túi áo đi mưa.

- Cậu biết đấy, *Sự rụt rè của những đỉnh cao* là một cuốn tiểu thuyết hay, Raphaël ạ. Kể cả không có những sửa chữa của tôi thì nó vẫn xứng đáng được xuất bản.

- Các nhà xuất bản từng đọc qua nó lại không nghĩ vậy đâu.

Ông lắc đầu rồi buột ra một tiếng thở dài đầy khinh bỉ:

- Các nhà xuất bản... Các nhà xuất bản là những người muốn cậu biết ơn khi họ nói vồn vện hai câu những gì họ nghĩ về cuốn sách cậu viết, trong khi cậu đã đổ mồ hôi sôi nước mắt hai năm trời mới tạo ra được nó. Những người ăn trưa tới tận ba giờ chiều trong các nhà hàng khu Midtown hay Saint-Germain-des-Prés trong khi cậu rât mắt trước màn hình, nhưng ngày nào cũng gọi điện giục giã nếu cậu chậm trễ ký hợp đồng với họ. Những người thích được là Max Perkins⁽²¹⁾ hay Gordon Lish⁽²²⁾ nhưng sẽ vĩnh viễn chỉ là bản thân họ: những người quản lý văn chương đọc những bản văn cậu viết thông qua lăng kính của một bảng Excel. Những người mà đối với họ cậu không bao giờ làm việc đủ nhanh, họ coi cậu như trẻ con, luôn biết rõ hơn cậu những thứ mọi người muốn đọc, biết cái gì là một nhan đề hay hoặc một bìa sách tốt. Những người mà một khi cậu đã nếm mùi thành công - thường là *bất chấp* họ -, sẽ rêu rao khắp nơi rằng họ đã “tạo ra” cậu. Cũng vẫn những người ấy thường nói với Simenon rằng Maigret “tầm thường đến phát lộn mửa” hay từng từ chối *Carrie*, *Harry Potter* và *Lorelei Strange*...

Tôi cắt ngang lời đả kích của Fawles.

- *Lorelei Strange* từng bị từ chối ư?

- Tôi không khoe khoang đâu, nhưng đúng thế. *Lorelei* từng bị mười bốn nhà xuất bản và cơ quan đại diện từ chối. Bao gồm cả nhà xuất bản rất cuộc

sau đó đã xuất bản nó, nhờ sự tác động của Jasper Van Wyck. Chính vì vậy, không cần quá coi trọng những con người đó.

- Nathan này, một khi chuyện này kết thúc, ông sẽ giúp tôi xuất bản *Sự rụt rè của những đỉnh cao* chứ? Ông sẽ giúp tôi trở thành nhà văn chứ?

Lần đầu tiên (và cuối cùng), tôi nhìn thấy Fawles mỉm cười không úp mở, và những gì ông nói đã xác nhận ấn tượng đầu tiên tôi có về ông.

- Cậu không cần tôi giúp đâu, Raphaël. Cậu đã là một nhà văn rồi.

Ông thân tình ra hiệu bằng cách giơ ngón cái về phía tôi trước khi quay gót ra chỗ đậu xe.

3.

Sương mù càng lúc càng dày đặc. *Táo bạo* kín tới ba phần tư chỗ, nhưng tôi đã tìm ra một chỗ ở bên trong. Qua cửa kính, tôi nhìn thấy những hành khách cuối cùng ló ra khỏi làn sương mù để chen chúc nhau lên phà.

Vẫn choáng váng bởi những gì Fawles vừa nói, nhưng tôi cũng cảm thấy vị gì đó nhờ nhợ trong miệng. Vị của sự thất bại. Cảm giác đào ngũ khỏi chiến trường giữa lúc chiến trận cam go. Tôi đã tới Beaumont tràn đầy tráng khí, dưới vầng dương chiến thắng, và tôi rời hòn đảo dưới mưa, tiu ngui, khiếp sợ trước nguy nan, đúng lúc hồi kịch cuối sắp được viết nên.

Tôi nghĩ đến cuốn tiểu thuyết thứ hai của tôi, đã được khởi thảo. *Cuộc sống bí mật của các nhà văn*. Tôi đang sống trong cuốn tiểu thuyết này, tôi là một nhân vật của cuốn tiểu thuyết này. Người kể chuyện không thể bỏ lại sân khấu tác chiến như một tên hèn đúng lúc diễn biến đang hồi gay cấn. Một cơ hội tương tự sẽ không bao giờ xuất hiện trở lại. Tuy nhiên tôi cũng nghĩ tới lời cảnh báo của Fawles. “Cậu đang gặp phải nguy hiểm cực lớn, Raphaël ạ! Chúng ta không phải đang ở trong một cuốn tiểu thuyết đâu, con trai.” Chỉ có điều bản thân Fawles chắc chắn không tin vào lời mình nói. Và đó chẳng phải chính là điều ông đã khuyên tôi sao: đưa tính tiểu thuyết vào cuộc đời mình - và đưa cuộc đời vào việc viết? Tôi đã nghiền những khoảnh khắc khi mà hư cấu nhiễm sang cuộc đời. Tôi thích đọc đến vậy cũng một phần là vì thế. Không phải để trốn chạy đời thực quay sang một

thế giới tưởng tượng, mà là để trở lại với thế giới đã biến đổi nhờ những gì tôi đọc được. Giàu có hơn nhờ những chuyến du hành và gặp gỡ trong hư cấu và ước ao được tái đầu tư chúng vào thực tại. “Sách vở mà để làm gì, nếu chúng không đưa ta trở lại với cuộc sống, nếu chúng không thể khiến ta uống say cuộc sống với nhiều mê đắm hơn?” Henry Miller từng thắc mắc. Chắc hẳn là chẳng để đạt được điều gì đáng kể.

Vả lại có Nathan Fawles. Người hùng của tôi, quân sư của tôi. Người vừa năm phút trước đã phong tước cho tôi thành một trong những người cùng hàng ngũ với ông. Tôi không thể để ông lại một mình đương đầu với một mối nguy chết người. Tôi đâu phải loại nhát cáy, khi thật! Tôi đâu phải trẻ con. Tôi là một nhà văn đi giúp đỡ một nhà văn khác.

Hai nhà văn chống lại toàn thế giới...

Đúng lúc đứng dậy rời khỏi băng ghế để quay lên boong thì tôi chợt nhận ra chiếc xe van của Audibert đang chờ tới trước tòa thị chính. Một chiếc 4L cũ kỹ được sơn lại thành màu xanh cổ vịt mà ông ta bảo vài năm trước đã mua lại từ ông chủ hàng hoa.

Ông chủ hiệu sách đỗ xe hàng đôi trước bưu điện rồi ra khỏi xe để thả một phong bì vào hòm thư. Ông ta vội vã quay trở về phía chiếc xe, nhưng trước khi ngồi vào ghế lái, ông ta nhìn hồi lâu về hướng con phà. Tôi nấp sau một cây cột kim loại, thầm hy vọng ông ta không nhìn thấy mình. Khi tôi rời chỗ nấp, chiếc xe van đã rẽ ở góc phố. Tuy nhiên, dường như tôi vẫn trông thấy hai đèn pha của nó nhấp nháy qua màn sương mù, như thể chiếc xe đã dừng lại.

Làm gì đây? Tôi bị giằng co giữa nỗi sợ và khát khao được hiểu. Tôi cũng lo cho Nathan nữa. Lúc này khi biết Audibert có khả năng làm những gì, tôi có quyền bỏ rơi ông chẳng? Tiếng còi phà thông báo phà sắp khởi hành. Hãy đưa ra quyết định! Trong khi phà được tháo dây neo, tôi nhảy lên lối đi dạo lát gỗ. Tôi không thể chạy trốn. Ra đi là gục ngã và từ bỏ tất cả những gì tôi hằng tin tưởng.

Tôi men theo mũi đất trước chòi gác của trường cảng, rồi qua đường nhằm hướng bưu điện. Sương mù giăng khắp nơi. Tôi đi theo vỉa hè tới tận

phố Mortevielle nơi chiếc xe của ông chủ hiệu sách đã rẽ. Đường sá vắng tanh, chìm trong sự ẩm ướt và làn nước dấp dính. Càng tiến về phía chiếc xe van với các đèn hiệu nhấp nháy xuyên thủng màn sương mù, tôi càng có cảm giác rằng một mối đe dọa vô hình đang bủa vây xung quanh, sẵn sàng nuốt chửng mình. Khi tới ngang tầm chiếc xe, tôi nhận thấy không có ai ngồi trên ghế lái.

- Mà đang tìm tao phải không, thằng cạo giấy?

Tôi quay ngoắt lại và nhìn thấy bóng Audibert khoác chiếc áo mưa màu đen. Tôi mở miệng toan hét lên, nhưng trước khi tôi có thể phát ra bất cứ âm thanh nào dù nhỏ nhất, ông ta đã dùng hết sức bình sinh quật chiếc que cời lò lên người tôi. Một tiếng kêu hãi hùng vẫn tắc nghẹn trong cổ họng tôi.

Rồi bóng tối bủa vây quanh tôi.

4.

Trời mưa như trút nước.

Nathan Fawles đã ra đi vội vã tới mức ngôi nhà mở toang hoang. Về đến *Nam Thập Tự*, ông không buồn bỏ công đóng cửa chính lại. Mỗi đe dọa ông phải đương đầu không phải là những mối đe dọa mà người ta có thể đẩy lui bằng cách dựng lên những bức tường hay nấp sau chướng ngại vật.

Ông ra sân hiên để đóng một cánh cửa con đang đập vào tường. Với mưa và những trận cuồng phong, Beaumont mang dáng vẻ hoàn toàn khác. Ta không còn ở Địa Trung Hải nữa, mà trên một hòn đảo Scotland bão quật.

Fawles đứng bất động nhiều phút, mặc cơn mưa lạnh quất vào người. Những hình ảnh khó lòng chịu đựng không ngừng quấy nhiễu ông. Hình ảnh vụ thảm sát gia đình Verneuil, hình ảnh tra tấn Karim và giết hại Apolline. Trong đầu ông cũng âm vang cả những từ ngữ từ mấy lá thư ông đã đọc lại ngày hôm trước. Những thông điệp được viết cách đây hai mươi năm cho người phụ nữ xiết bao yêu thương. Suy sụp, ông để mặc những giọt nước mắt chảy dài trên má trong khi mọi chuyện trôi lên. Cơn điên đại vì để vuột mất tình yêu, cuộc sống ông đã từ bỏ, cái dòng đỏ lờ mờ nên từ

máu của ngàn ấy xác chết, những nạn nhân liên đới của một câu chuyện trong đó họ chỉ là những vai phụ thầm lặng.

Ông quay trở vào nhà để thay quần áo. Trong lúc mặc quần áo khô, ông cảm thấy chán nản vô cùng tận, như thể toàn bộ nhựa sống tươi tắn nuôi dưỡng cơ thể ông đã bị rút sạch. Ông hồi hải muốn toàn bộ chuyện này kết thúc. Ông đã sống hai mươi năm trở lại đây theo cách của một Samurai. Ông đã cố gắng đối diện cuộc sống bằng lòng quả cảm và danh dự. Cố gắng tuân theo kỷ cương và đi theo con đường đơn thương độc mã đã dẫn ông đến chỗ tự chuẩn bị về mặt tinh thần để đón nhận cái chết, để không sợ hãi cái ngày nó tới.

Ông đã sẵn sàng. Ông những muốn rằng chương cuối này không bị viết ra trong tiếng ồn và nộ khí, nhưng đó là chuyện không tưởng. Ông đã dẫn thân ra tiền tuyến của một cuộc chiến nơi không bao giờ có kẻ chiến thắng. Mà sẽ chỉ có những người chết.

Từ hai chục năm nay, ông biết mọi chuyện rồi sẽ kết thúc tồi tệ. Biết rằng sớm muộn ông cũng sẽ buộc phải giết người hoặc bị giết, bởi điều đó nằm trong chính bản chất của bí mật khủng khiếp mà ông là người được ủy thác.

Nhưng ngay cả trong những cơn ác mộng tồi tệ nhất, Fawles cũng không hình dung được Thần chết sắp mang ông đi lại có đôi mắt màu xanh lam, mái tóc vàng óng và gương mặt xinh đẹp của Mathilde Monney.

Và thế là đêm tối

- Một cuốn tiểu thuyết hay là gì?

- Bạn sáng tạo ra các nhân vật gợi nên tình yêu và sự cảm thông trong độc giả. Rồi bạn giết chết các nhân vật này. Và bạn khiến độc giả của mình tổn thương. Bất cứ giờ, họ sẽ luôn nhớ đến tiểu thuyết của bạn.

John IRVING

1.

Khi tỉnh lại, tôi thấy mình bị trói ở khoang sau chiếc ô tô 4L của Audibert và một con quỷ vô hình đang cạo bên trong hộp sọ tôi bằng một vật sắc nhọn, tôi chịu đựng nhục hình tuần đạo. Mũi tôi đã gãy, tôi không thể mở mắt trái và cung mày tôi rỉ máu. Kinh hoàng, tôi cố gắng tự cởi trói nhưng lão chủ hiệu sách đã trói chặt cổ tay cổ chân tôi bằng ống vịn càng.

- Thả tôi ra, Audibert!

- Câm mồm, thẳng ranh.

Hai que gạt kính của chiếc 4L hoạt động khó nhọc trước những vòi rồng nước đang ập xuống lớp kính chắn gió. Tôi không nhìn thấy gì nhiều, nhưng tôi hiểu là chúng tôi đang lái xe về phía Đông, hướng mũi Safranier.

- Tại sao ông làm vậy?

- Câm mồm lại, tao nói rồi đấy!

Tôi ướt sũng nước mưa và mồ hôi. Đầu gối tôi run lấy bầy, tim đập loạn nhịp. Tôi sợ muốn chết, nhưng hơn mọi thứ, tôi muốn hiểu.

- Chính ông là người đầu tiên nhận được loạt ảnh trong chiếc máy ảnh cũ, đúng không? Chứ không phải Mathilde!

Audibert cười khẩy:

- Người ta đã gửi chúng đến cho tao thông qua tài khoản Facebook của hiệu sách, mày hình dung thế chứ gì? Tay người Mỹ ở Alabama đã tìm ra tao nhờ bức ảnh đầu tiên: Mathilde và tao đứng trước cửa hiệu sách vào cái ngày tao tặng cho con bé chiếc máy ảnh đó nhân dịp nó tròn mười sáu tuổi!

Tôi nhắm mắt một lát để cố gắng hiểu chuỗi sự kiện. Vậy ra Audibert chính là vị kiến trúc sư vĩ đại của một cuộc trả thù muôn màng nhằm khiến những kẻ giết con gái, con rể và cháu trai lão phải trả giá. Nhưng tôi không hiểu tại sao lão chủ hiệu sách lại lôi kéo cháu gái vào mối thù truyền kiếp này. Khi tôi chia sẻ điều đó, lão ta ngoái đầu nhìn tôi, và bắt đầu chửi rủa tôi đến sùi bọt mép:

- Vì mày cho là tao không tìm cách bảo vệ con bé chứ sao, đồ bỏ đi! Tao chưa bao giờ cho con bé xem những bức ảnh đó. Tao chỉ gửi chúng cho Patrice Verneuil, ông nội con bé thôi.

Tâm trí tôi không còn minh mẫn nữa, nhưng tôi nhớ đã bắt gặp tên của bố Alexandre trong các tìm kiếm của mình vào ban đêm. Patrice Verneuil, từng là một cảnh sát kỳ cựu, cựu phó cảnh sát trưởng Cảnh sát Tư pháp và lúc vụ án xảy ra, ông ta vẫn đang giữ ghế cố vấn ở Bộ Nội vụ. Bị thất sủng dưới thời Jospin, ông ta đã kết thúc sự nghiệp trong huy hoàng khi Sarkozy trở thành Bộ trưởng Bộ Nội vụ Pháp.

- Patrice và tao, bọn tao gắn bó với nhau vì có chung một nỗi đau, lão chủ hiệu sách nói tiếp khi đã trấn tĩnh lại được đôi chút. Khi Alexandre, Sofia và Théo bị sát hại, cuộc sống của chúng tao đã dừng lại. Hay đúng hơn, cuộc sống của chúng tao đã tiếp tục mà vắng bóng chúng tao. Quá đau đớn, vợ Patrice tự tử năm 2002. Vợ tao, Anita, đã giả vờ đến tận phút cuối, nhưng trên giường bệnh, vào lúc lâm chung, bà ấy nhắc đi nhắc lại với tao như đọc thần chú rằng bà ấy hối tiếc vì không có ai đoạt mạng những kẻ giết hại con cháu chúng tao.

Đôi bàn tay nắm chặt lấy vô lăng, trông lão như đang nói với chính mình. Có thể cảm thấy trong giọng nói của lão một cơn thịnh nộ bị dồn nén chỉ đợi được bùng nổ.

- Khi tao nhận được những tấm ảnh này và đưa cho Patrice xem, bọn tao đã nghĩ ngay rằng đây chính là một món quà của chúa Trời, hoặc của một con quỷ, để cho phép bọn tao thỏa mãn mong muốn trả thù. Patrice đã gửi những hình ảnh của hai tay anh chị quèn này cho tất cả các cựu cảnh sát tư pháp nên chẳng bao lâu họ đã xác định được chúng.

Tôi cố cời trói cho mình một lần nữa, nhưng các ống vặn căng cửa vào cổ tay tôi.

- Dĩ nhiên, bọn tao đã quyết định để Mathilde đứng ngoài kế hoạch, lão chủ hiệu sách tiếp tục. Và bọn tao phân chia công việc. Patrice phụ trách Amrani, còn tao, tao dụ Chapuis đến đảo bằng cách tự nhận mình là quản đốc của trang trại nhà Gallinari.

Bị cuốn theo câu chuyện, Audibert có vẻ gần như thích thú với việc kể chi tiết cho tôi nghe về tội ác của mình:

- Tao đã tới chờ con chó cái đó ở lối ra của phà. Đó là một ngày mưa rào giống như hôm nay. Lên đến xe, tao chích điện ả một cú ra trò rồi đưa ả xuống hầm.

2.

Lúc này tôi mới biết mình đã đánh giá thấp Audibert nhường nào. Đằng sau dáng vẻ ông giáo già tỉnh lẻ ẩn giấu một tên sát nhân máu lạnh. Patrice Verneuil và lão ta đã chú ý ghi hình lại những màn tra hỏi để có thể trao đổi cho nhau.

- Xuống đến hầm rồi, lão ta nói tiếp, tao đã khoái trá chọc tiết ả tới trắng bệch. Nhưng đó là một hình phạt quá khoan hồng đối với toàn bộ những đau đớn mà ả đã bắt bọn tao phải chịu.

Tại sao tôi lại liều lĩnh và ngây thơ xuất hiện tại ngõ hẻm kia nhỉ? Tại sao tôi không nghe lời Nathan, mẹ kiếp?

- Trong lúc tra tấn, rốt cuộc ả đã khai cho tao biết tên của Fawles.

- Vậy ông nghĩ Fawles đã giết gia đình Verneuil ư? tôi hỏi.

- Không hề. Tao nghĩ à Chapuis ngu độn này khai ra cái tên ấy có phần tình cờ bởi à đang ở trên hòn đảo nơi gắn bó với tay nhà văn ấy. Tao nghĩ chúng chính là thủ phạm, hai quân vô lại đó lẽ ra phải rũ xác trong tù mới đúng. Rốt cuộc chúng cũng chỉ nhận được những gì chúng xứng đáng thôi. Và nếu có thể giết chúng lần thứ hai thì tao vẫn sẽ vui lòng giết.

- Nhưng vậy thì vụ này nên khép lại, vì Apolline và Karim đã chết cả rồi.

- Đối với tao, vụ này đã khép lại, nhưng lão đầu bò Patrice thì không nghĩ vậy. Lão nhất định muốn đích thân tra hỏi Fawles, nhưng chưa kịp làm vậy thì lão đã tới số rồi.

- Patrick Verneuil chết rồi sao?

Audibert cười điên loạn.

- Cách đây mười lăm hôm. Bị chứng ung thư dạ dày cắn xé! Và trước khi trút hơi thở cuối cùng, lão đầu đó đã không biết gửi cho Mathilde cái gì hơn là một USB chứa những bức ảnh lấy từ chiếc máy ảnh cũ, các video và kết quả cuộc điều tra của bọn tao!

Những mảnh ghép của trò xếp hình đang dần vào vị trí, tiết lộ một kịch bản kỳ lạ.

- Khi phát hiện ra những bức ảnh chụp tối hôm sinh nhật đó, Mathilde đã vô cùng xáo trộn. Suốt mười tám năm qua, con bé đã dồn nén ký ức về sự hiện diện của mình trong căn hộ khi cha mẹ và em trai nó bị sát hại. Con bé đã quên mọi chuyện.

- Tôi thấy khó mà tin được.

- Tao cóc cần cái mà có thể tin! Đó là sự thật. Khi tìm tới nhà tao, cách đây mười ngày, Mathilde đã mất kiểm soát, như bị ma ám, quyết tâm trả thù cho gia đình. Patrice đã nói với con bé rằng xác Apolline được giấu trong tủ đông nhà tao.

- Chính cô ta đã đóng đinh câu rút cái xác lên cây bạch đàn lâu đời nhất đảo Beaumont ư?

Qua kính chiếu hậu, tôi thấy Audibert gật đầu xác nhận.

- Vì mục đích gì vậy?

- Thu xếp lệnh phong tỏa đảo, tất nhiên rồi! Tránh để Nathan Fawles trốn mất và buộc hẳn phải nhận trách nhiệm.

- Ông vừa nói ông không nghĩ Fawles là thủ phạm kia mà!

- Đúng vậy, nhưng con bé thì lại tin điều đó. Còn tao, tao muốn bảo vệ cháu tao.

- Bảo vệ cô ta bằng cách nào?

Lão chủ hiệu sách không đáp. Qua cửa kính xe, tôi thấy chiếc 4L vừa vượt qua bãi Vịnh Bạc. Tôi cảm thấy tim mình lồng lên trong lồng ngực. Lão ta đưa tôi đi đâu vậy?

- Ban nãy tôi thấy ông có gửi một bức thư, Audibert ạ. Thư đó là gì vậy?

- Ha ha! Mà tình mắt đấy, nhãi ranh! Đó là thư thú tội gửi đến sở cảnh sát Toulon. Một lá thư trong đó tao tự tố cáo mình đã giết Apolline và Fawles.

Đó là lý do tại sao chúng tôi chạy xe về phía *Nam Thập Tự*. Lúc này, mũi Safranier chỉ còn cách chưa đầy một cây số. Audibert đã quyết định trừ khử Fawles.

- Mà bạn biết đấy, tao cần phải giết hẳn trước khi Mathilde làm vậy.

- Còn tôi?

- Mà thì đã xuất hiện sai địa điểm và thời điểm. Người ta gọi đây là một tổn thất liên đới. Thật là ngu xuẩn, không phải sao?

Tôi phải cố làm gì đó để ngăn cơn điên của lão ta lại. Bằng hai bàn chân bị trói chặt, tôi tung một cú đập mạnh vào lưng ghế lái. Audibert không ngờ được sự tấn công này. Lão ta kêu rú lên rồi ngoái lại phía tôi đúng lúc cú đá thứ hai trúng giữa mặt lão.

- Thằng oắt con đồng bóng bản thủ, tao sẽ...

Chiếc xe chệch hướng. Phần mái kim loại của xe bị mưa giã xuống liên hồi và dưới những vòi rồng nước kia, tôi có cảm giác đang ở trên một chiếc thuyền trôi dạt.

- Tao sẽ giết mày! lão chủ hiệu sách gào lên đoạn chop lấy que cời lò để ở ghế cạnh lái.

Tôi cứ ngỡ lão đã kiểm soát lại được chiếc xe, nhưng một giây sau, chiếc 4L húc tung rào chắn bảo vệ rồi lật nhào xuống khoảng không vô định.

3.

Tôi chưa bao giờ nghĩ mình sắp chết thật. Trong vài giây chiếc xe rơi, tôi vẫn hy vọng đến tận cùng rằng một sự kiện sẽ xảy tới ngăn thảm kịch diễn ra. Vì cuộc đời là một cuốn tiểu thuyết. Và không tác giả nào lại giết chết người kể chuyện của mình khi còn những tám mươi trang nữa mới đến đoạn kết.

Khoảnh khắc này không có vị của cái chết, cũng không có vị của nỗi sợ. Tôi không xem lại cuốn phim đời mình tua nhanh, cảnh tượng này cũng chẳng diễn ra ở tốc độ chậm, giống như vụ tai nạn xe hơi của Michel Piccoli trong phim *Những Thứ trong đời*.

Tuy nhiên, một ý nghĩ kỳ lạ vẫn lướt qua tâm trí tôi. Một ký ức, hay đúng hơn là một tâm sự mà cha tôi đã thổ lộ với tôi được ít lâu. Một sự tuôn tràn vừa đột ngột vừa kỳ dị. Ông nói với tôi cuộc đời ông “chói lọi” biết bao - nguyên văn từ ông dùng - khi tôi còn nhỏ. Lúc con còn bé, cha con ta đã làm khối chuyện cùng nhau, ông nhắc tôi nhớ. Và đúng là vậy. Tôi còn nhớ những chuyến đi dạo trong rừng, những chuyến thăm bảo tàng, những buổi diễn kịch, những mô hình, những sửa chữa lật vật. Nhưng không chỉ có vậy. Chính ông là người đưa tôi tới trường mỗi sáng, và trong suốt hành trình, ông luôn dạy tôi điều gì đó. Có thể là một giai đoạn lịch sử, một giai thoại nghệ thuật, một quy tắc ngữ pháp, một bài học nho nhỏ về cuộc sống. Tôi vẫn như nghe thấy ông giảng giải với tôi:

Phân từ quá khứ của các động từ phản thân phải hợp giống hợp số với bổ ngữ trực tiếp nếu bổ ngữ này được đặt trước. Thí dụ: “Họ rửa tay cho nhau bảo đảm hợp giống hợp số với “Những bàn tay mà họ rửa cho nhau”. / Chính trong lúc ngắm bầu trời vùng Côte d’Azur mà Yves Klein đã nảy ra ý tưởng tạo ra một màu xanh lơ tinh khiết nhất có thể: Xanh Klein Quốc tế. / Ký hiệu toán học : để chỉ phép chia tên là dấu chia. / Mùa xuân năm 1792, vài tháng

trước khi bị xử trảm, Louis XVI đã đề nghị thay thế những lưỡi dao thẳng của máy chém thành những lưỡi dao xiên để cải thiện hiệu quả. / Câu dài nhất trong Đi tìm thời gian đã mất gồm tám trăm năm mươi sáu từ, câu nổi tiếng nhất gồm tám từ (“Từ lâu nay, tôi đã ngủ đúng giờ.”), câu ngắn nhất gồm hai từ (“Hắn nhìn.”), câu hay nhất gồm mười hai từ (“Ta chỉ thích những gì mình không sở hữu được trọn vẹn.”)! Chính Victor Hugo đã cho du nhập từ “pieuvre” (bạch tuộc) vào tiếng Pháp khi nhắc đến nó lần đầu tiên trong cuốn tiểu thuyết Lao động biển cả. / Tổng hai số nguyên liên tiếp bằng hiệu bình phương của chúng. Ví dụ: $6 + 7 = 13 = 7^2 - 6^2 \dots$

Đó là những khoảnh khắc hạnh phúc, nhưng cũng có phần trang nghiêm, và tôi tin rằng tất cả những gì tôi học được vào những buổi sáng đó vẫn khắc sâu trong tâm trí tôi. Một hôm - hồi ấy tôi khoảng mười một tuổi -, cha tôi nói với tôi bằng giọng hết sức buồn bã rằng ông đã truyền lại cho tôi gần như toàn bộ những gì ông biết và tôi sẽ học phần còn lại qua những cuốn sách. Ngay lúc đó, tôi không tin lời ông, nhưng khá nhanh chóng, mối quan hệ giữa chúng tôi trở nên xa cách hơn.

Nỗi ám ảnh của cha tôi là mất tôi, là tôi bị xe đâm, là tôi ngã bệnh, là một kẻ bệnh hoạn bắt cóc tôi khi tôi đi chơi ngoài công viên... Nhưng cuối cùng, chính những cuốn sách đã chia lìa tôi với ông. Những cuốn sách mà tuy thế ông từng ngợi ca giá trị.

Tôi đã không lập tức hiểu ra điều đó, nhưng sách không phải lúc nào cũng là những véc tơ giải phóng. Sách còn là những tác nhân gây chia rẽ. Sách không chỉ phá sập mà còn xây nên những bức tường. Sách gây tổn thương, làm rạn vỡ và giết chóc thường xuyên hơn ta tưởng. Sách là những vàng dương đối trá. Giống như gương mặt xinh đẹp của Joanna Pawlowski, á khôi 2 cuộc thi Hoa khôi Ile-de-France 2014.

Giấy lát trước khi chiếc xe nát bét, ký ức cuối cùng hiện lên trong tâm trí tôi. Có những buổi sáng, trên đường tới trường, khi cha tôi cảm thấy hai cha con có nguy cơ muộn giờ, chúng tôi bắt đầu chạy nốt hai trăm mét cuối. Con thấy đấy, Rafa, ông nói với tôi, cách đây vài tháng, trong lúc chằm điếu thuốc mà ông thường hút đến tận đầu lọc, *khi bố nghĩ đến con thì luôn là hình ảnh đó xuất hiện trong đầu bố. Khi ấy là mùa xuân, con lên*

năm hay sáu, trời đổ mưa bóng mây. Bố con mình chạy dưới mưa để con không tới trường muộn giờ. Hai bố con mình chạy bên nhau, tay trong tay, xuyên qua những giọt ánh sáng.

Chính là tia sáng trong mắt con.

Ánh cười rạng rỡ của con.

Sự cân bằng hoàn hảo cho một cuộc đời.

Một khuôn mặt biến đổi

Khó mà nói ra sự thật, bởi sự thật chỉ có một, nhưng nó sống động nên thành thử nó mang một khuôn mặt biến đổi.

Franz KAFKA

1.

Khi Mathilde tới nhà Fawles, cô mang theo khẩu súng săn kiểu bươm. Tóc cô ướt sũng và khuôn mặt cô, đã trôi hết lớp trang điểm, hằn dấu một đêm không ngủ. Cô đã cắt đi những chiếc váy hoa dáng ngắn để mặc quần jean rách và áo khoác ngắn có mũ chất liệu không thấm nước.

- Trò chơi kết thúc, Nathan! cô thốt lên trong lúc xông vào phòng khách. Fawles đã ngồi bên bàn, trước máy tính xách tay của Grégoire Audibert.
- Có lẽ vậy, ông điềm nhiên đáp, nhưng cô không phải người duy nhất xác lập luật chơi.
- Thế mà chính tôi đã đóng đinh xác của Chapuis lên cây đó.
- Vì mục đích gì vậy?
- Rất cần có dàn cảnh tội ác đó để buộc các nhà chức trách phong tỏa hòn đảo và ngăn không để ông chạy trốn.
- Vô ích thôi. Tại sao tôi phải trốn?
- Để tránh bị tôi giết. Để những bí mật nho nhỏ của ông khỏi bị tiết lộ trước toàn thế giới.
- Về phần những bí mật nho nhỏ này, tôi thấy cô xoay xử không tồi đâu.

Để kháng định lời mình nói, Fawles xoay màn hình máy tính về hướng Mathilde, để cô đối diện những bức ảnh được chụp vào buổi tối sinh nhật em trai cô.

- Mọi người đều luôn tin rằng cô con gái nhà Verneuil đi học ôn tốt nghiệp phổ thông tại Normandie. Nhưng điều ấy không đúng. Cả cô cũng có mặt tại nơi diễn ra thảm kịch. Sống với một bí mật như vậy hẳn phải nặng nề lắm, đúng không?

Vẻ rã rời, Mathilde ngồi lên đầu bàn và đặt khẩu súng xuống khay, trong tầm với.

- Nặng nề thật, nhưng không phải vì những lý do như ông hình dung đâu.

- Giải thích cho tôi đi...

- Đầu tháng Sáu, trong lúc ôn thi tốt nghiệp cấp ba, tôi đã cùng cô bạn Iris tới ngôi nhà nông thôn của bố mẹ cô ấy ở Honfleur. Thi thoảng người lớn đến ở cùng chúng tôi vào cuối tuần, nhưng trong tuần thì chúng tôi chỉ có hai đứa với nhau. Chúng tôi nghiêm túc và đã học hành thực sự trâu bò, thế nên sáng ngày 11 tháng Sáu, tôi rủ cô ấy tạm nghỉ.

- Cô muốn về nhà dự sinh nhật em trai, đúng không?

- Đúng thế, tôi cần làm vậy. Đã nhiều tháng, tôi thấy Théo thay đổi. Trước đó, thằng bé vui vẻ và đầy sức sống nhưng bây giờ thì nó thường xuyên buồn bã và lo lắng, nảy sinh những ý nghĩ đen tối. Bằng sự hiện diện của mình, tôi muốn cho thằng bé thấy tôi yêu nó nhường nào và muốn làm nó hiểu rằng tôi sẽ luôn có mặt mỗi khi nó gặp khó khăn.

Mathilde kể bằng giọng ung dung. Câu chuyện của cô mạch lạc và có thể đoán rằng lời thú tội này nằm trong kế hoạch của cô: đi tìm sự thật, toàn bộ sự thật, trong những góc ngách nhỏ nhất của từng trí nhớ. Kể cả trí nhớ của cô.

- Iris bảo nếu tôi quay về Paris thì cô ấy sẽ tranh thủ tới chơi với mấy cô chị họ người Normandie. Tôi đã báo trước với bố mẹ và nhờ bố mẹ đừng nói gì với Théo để tạo bất ngờ cho thằng bé. Tôi đi xe buýt cùng Iris tới tận Havre, rồi tôi bắt tàu tới Saint-Lazare. Mặt trời rực sáng. Tôi ngược lên đại

lộ Champs-Élysées ngó nghiêng các cửa hiệu để tìm cho Théo một món quà. Tôi tìm thứ gì đó thực sự khiến thằng bé thích. Cuối cùng, tôi mua cho thằng bé một chiếc áo của đội tuyển bóng đá Pháp. Rồi tôi đi tàu điện ngầm về quận XVI theo tuyến 9 đến tận La Muette. Tôi về tới nơi lúc 18 giờ. Căn hộ trống không. Mẹ cùng Théo đang từ Sologne về, bố đang ở văn phòng, như mọi khi. Tôi đã gọi cho mẹ để đề xuất là tôi sẽ ghé qua cửa hàng đồ ăn và tiệm bánh lấy đồ ăn và bánh mà mẹ đã đặt.

Fawles bình thản nghe cô gái trình bày phiên bản của cô về buổi tối đáng nguyền rủa đó. Ròng rã hai mươi năm ông ngỡ chỉ có mình ông nắm giữ toàn bộ chìa khóa về vụ Verneuil. Hôm nay ông chợt ngộ ra rằng không hề có chuyện đó.

- Tiệc sinh nhật hôm ấy rất vui, Mathilde nói tiếp. Théo hạnh phúc và tôi chỉ cần có thể. Ông có anh chị em gì không Fawles?

Nhà văn lắc đầu.

- Tôi không biết mối quan hệ giữa chúng tôi sẽ tiến triển thế nào, nhưng ở tuổi đó, Théo tôn thờ tôi và ngược lại. Tôi cảm thấy thằng bé yếu đuối còn mình được giao phó nhiệm vụ bảo vệ nó. Sau trận đấu, chúng tôi ăn mừng chiến thắng rồi Théo ngủ thiếp đi trên trường kỷ. Khoảng 23 giờ, tôi đưa Théo đã lơ mơ tỉnh giấc vào tận giường rồi ru thằng bé ngủ như thỉnh thoảng vẫn làm, rồi tôi về phòng. Tôi cũng đã mệt lử. Tôi lên giường nằm với một cuốn sách. Tôi loáng thoáng nghe thấy tiếng bố mẹ tôi trò chuyện trong bếp, rồi bố gọi điện cho ông nội để bàn về trận đấu. Cuối cùng thì tôi cũng chìm vào giấc ngủ say, tay vẫn cầm cuốn Giáo dục tình cảm.

Mathilde ngừng kể hồi lâu. Trong một lúc, chỉ còn nghe thấy tiếng mưa quất vào cửa kính và tiếng củi lách tách trong lò sưởi. Thật khó cho cô gái để tiếp tục, nhưng giờ không phải lúc thẹn thùng hay trì hoãn. Cô kể phần tiếp theo gần như một lèo. Đây không còn là đối thoại nữa mà là một cú lặn xuống vực sâu, khó mà tin được rằng ai đó có thể từ dưới ấy bước lên bình an vô sự.

2.

Tôi đã ngủ thiếp đi cùng Flaubert và bị đánh thức bởi *Cỗ máy tội phạm*⁽²³⁾. Một tiếng súng khiến cả căn hộ rung chuyển. Đồng hồ báo thức của tôi chỉ 23 giờ 47 phút. Tôi ngủ chưa được bao lâu nhưng sự đánh thức này là sự đánh thức tàn bạo nhất mà tôi từng biết. Bất chấp mọi nguy hiểm mà tôi dự cảm được, tôi bước chân trần rời khỏi phòng mình. Trong hành lang, xác bố tôi tằm trong vũng máu. Cảnh tượng này thật không thể chịu thấu. Người ta đã bắn vào mặt ông ở cự ly gần. Những mảnh óc và máu bắn tóe lên tường. Thậm chí tôi còn chưa kịp hét lên thì phát đạn thứ hai đã rít lên trong tai tôi, và mẹ tôi gục xuống ở cửa bếp. Cảm giác của tôi khi ấy còn hơn cả kinh sợ. Không gian chật chứa nỗi khiếp hãi đến độ gần như điên loạn.

Trong tình huống tương tự, đầu óc ta sẽ lộn xộn và không còn tuân theo bất kỳ logic nào nữa. Phản xạ đầu tiên của tôi là lao vào phòng mình. Tôi mất ba giây để ấn nút. Tôi chuẩn bị đóng cửa phòng lại thì chợt hiểu ra mình đã quên mất Théo. Đúng lúc tôi lại rời khỏi phòng, một tiếng nổ nữa đã phá tan thình lạng và xác của em trai tôi, trúng một viên đạn giữa lưng, gần như ngã vào lòng tôi.

Bản năng sinh tồn xui khiến tôi nấp dưới gầm giường. Đèn trong phòng tôi đã tắt, nhưng cửa phòng vẫn mở. Trong khung cửa, tôi nhìn thấy xác Théo bé nhỏ của tôi. Chiếc áo bóng đá của nó chỉ còn là một vết máu khổng lồ.

Tôi nhắm mắt lại, tôi bặm chặt môi, tôi bịt chặt tai.

Không nhìn nữa, không gào thét, không nghe nữa. Tôi không biết mình ngưng thở như vậy bao lâu. Ba mươi giây? Hai phút? Năm phút? Khi tôi mở mắt ra, có một người đàn ông trong phòng tôi. Từ chỗ nấp, tôi chỉ nhìn thấy giày của hắn: đôi boots da màu hạt dẻ với phần cổ chân bằng thun co giãn. Hắn đứng đó vài giây, bất động, không tìm kiếm tôi. Tôi suy ra rằng hắn không biết tôi đang ở nhà. Sau một hồi, hắn quay gót rồi biến mất. Tôi vẫn ở đó thêm nhiều phút, lả đi, sững sờ, không thể cử động. Chính tiếng còi hụ của xe cảnh sát đã kéo tôi khỏi trạng thái đờ đẫn ấy. Trong chòm chìa khóa riêng, tôi có chìa khóa mở cánh cửa sập dẫn lên mái nhà. Tôi đã

trốn qua lối đó. Tôi không giải thích được phản ứng ấy. Việc cảnh sát ập đến lễ ra phải khiến tôi yên tâm, nhưng sự thực lại trái ngược.

Sau đó, những ký ức của tôi nhạt nhòa hơn. Tôi nghĩ mình đã hành động máy móc. Tôi cuốc bộ trong đêm tối tận Saint-Lazare rồi bắt chuyến tàu đầu tiên về Normandie. Khi tôi tới Honfleur, Iris còn chưa về. Khi cô ấy về, tôi đã tìm ra sức lực để nói dối cô ấy. Tôi khẳng định mình bị đau đầu sau khi chia tay cô ấy nên rất cuộc đã không đi Paris. Cô ấy tin tôi, càng dễ dàng hơn nữa khi cô ấy nhận ra vẻ mặt tôi tái nhợt như xác chết nên đã năn nỉ để gọi bác sĩ tới khám. Bác sĩ xuất hiện vào giữa giờ sáng, đúng lúc cảnh sát Havre tìm tới nhà, đi cùng với ông nội tôi, Patrice Verneuil. Ông là người đã chính thức cho tôi biết tin về vụ thảm sát gia đình tôi. Và chính lúc đó, đầu óc tôi ngừng hoạt động, tôi lăn ra bất tỉnh.

Khi tôi tỉnh dậy, hai ngày sau, tôi không còn bất cứ ký ức nào về buổi tối đó nữa. Tôi thực sự nghĩ rằng bố mẹ và Théo đã bị sát hại trong lúc tôi vắng mặt. Nhìn từ bên ngoài, chuyện này thật khó tin, ấy thế nhưng mọi chuyện lại xảy ra như thế đó. Một chứng quên đúng nghĩa đã kéo dài suốt mười tám năm. Chắc chắn là giải pháp duy nhất mà tâm trí tôi tìm ra để tôi có thể sống tiếp. Thậm chí trước khi diễn ra cuộc tàn sát, tôi đã sống trong nỗi lo thường trực, nhưng cú sốc chấn thương đã gây ra một *shutdown* não bộ. Trong một phản xạ phòng vệ, trí nhớ của tôi như thể phân tách khỏi các cảm xúc của tôi. Suốt những năm kế tiếp, tôi cảm thấy rõ ràng rằng có chuyện gì đó không ổn. Tôi mang một nỗi đau đúng nghĩa mà tôi gán cho hoàn cảnh mất gia đình, dấu phần nào đó không hợp lý cho lắm. Dĩ nhiên tôi đã dồn nén những ký ức này, nhưng chúng đang mục mủn trong tôi, đè nặng lên tôi bằng một trọng lượng vô hình.

Hai tuần trước, chính cái chết của ông nội tôi đã xé toang tấm màn của sự không biết nơi tôi. Lúc lâm chung, Patrice Verneuil gửi cho tôi một phong bì lớn trong đó có một lá thư nói rõ ông tôi tin chắc rằng ông chính là thủ phạm thực sự của những vụ giết chóc diễn ra tối đó. Ông tôi còn tỏ ra điên giận vì căn bệnh ung thư đã mang ông tôi đi và ngăn ông tôi đích thân tới giết ông. Phong bì cũng chứa một USB tập hợp những video tra khảo

Chapuis và Amrani cùng toàn bộ những bức ảnh tìm thấy trên chiếc máy ảnh thất lạc ngoài khơi Hawaii. Khi phát hiện những bức ảnh cho thấy sự hiện diện của tôi vào buổi tối ngày hôm đó, trí óc tôi đã mở khóa và những ký ức đó trồi lên với sức mạnh của một mạch nước phun. Trí nhớ quay trở lại với tôi bằng những cảnh chớp nhoáng dữ dội cuốn theo chứng mặc cảm tội lỗi cơn thịnh nộ, nổi hổ thẹn. Tôi bị nhận chìm và có cảm giác chuyện này sẽ không bao giờ dừng lại. Giống như một con đê bằng bê tông cốt thép bỗng nhiên vỡ vụn rồi nuốt chửng cả một thung lũng.

Đó là một sự mất bù đích thực: tôi muốn gào thét, muốn biến mất, tôi như chứng kiến mọi chuyện một lần nữa như thể tôi bị hất văng vào quá khứ. Đó hoàn toàn không phải một sự giải thoát. Mà là một thứ gì đó kinh khủng. Một sự bùng nổ hỗn loạn về mặt tinh thần đã một lần nữa chìm tôi trong nỗi khiếp sợ. Những hình ảnh, những âm thanh, những mùi vị tấn công tôi chính xác, riết ráo đến mức tôi có cảm giác đang sống lại cảnh tượng ở cấp độ mười: âm thanh chói tai của những phát súng, máu phọt ra văng tung tóe, những tiếng kêu, những mảnh óc dính trên tường, nỗi khiếp sợ khi thấy Théo ngã xuống ngay trước mặt tôi. Vậy tôi đã phạm phải tội gì để buộc phải sống trong địa ngục đó lần thứ hai?

3.

Một tia nước tiểu bắn tóe vào Ange Agostini. Viên cảnh sát thành phố vẫn kiên nhẫn và kết thúc việc thay bím cho cô con gái Livia. Ông đang chuẩn bị cho cô bé ngủ lại thì điện thoại di động đổ chuông. Là Jacques Bartoletti, dược sĩ của đảo, gọi cho ông để thông báo một vụ tai nạn mà ông ta vừa chứng kiến. Sớm tinh mơ, tranh thủ lệnh phong tỏa kết thúc, Bartoletti lái tàu đi câu cá trác, cá thu và cá tráp xám. Nhưng mưa và gió đã khiến ông quay về sớm hơn dự định. Đúng lúc vượt qua mũi Safranier, ông nhìn thấy một chiếc ô tô chệch khỏi đường rồi văng vào vách đá. Hốt hoảng, Bartoletti lập tức báo cho đội tuần tra bờ biển. Lúc này ông đang tới đó xem trình hình.

Ange đáp rằng ông chưa biết tin. Sau khi gác máy - và trong khi Livia trở một chút sữa ra chiếc áo phông đã kịp bốc mùi nước tiểu của ông -, ông

gọi một cuộc điện thoại để xác nhận rằng đội cứu hộ mặt đất đã nắm được thông tin. Nhưng bên trạm cứu hộ không ai bắt máy, điện thoại di động của trung tá Benhassi phụ trách đảo cũng không hơn gì. Lo lắng, Ange quyết định đích thân tới hiện trường. Tuy nhiên, tình hình không được lý tưởng. Đây là tuần trực của ông và những đám mây bắt đầu tích tụ: trước tiên là Lucca con trai ông bị viêm a mi đan đang nằm bẹp trên giường; tiếp đó, thời tiết tệ hại khiến đường sá trở nên nguy hiểm.

Địa ngục gì thế này... Ange khê khàng đánh thức Lucca rồi giúp thẳng bé mặc quần áo ấm. Bế con gái và con trai trên tay - *lũ nhóc này phải nặng đến cả tấn...* -, Ange rời khỏi nhà theo lối cửa dẫn vào ga ra. Ông giúp Lucca leo lên khoang sau chiếc xe ba bánh chở hàng, hạ mui xuống rồi buộc cái nôi ấm áp của Livia lên ghế phụ lái. Mũi Safranier chỉ cách nhà ông vón vện ba cây số, một trang viên kiểu Provence mà ông cho xây trên mảnh đất do cha mẹ để lại, nhưng Pauline, vợ cũ của ông, thấy “bé tẹo”, “hướng xấu”, “quá hẹp và tối”.

- Chúng ta cứ thông thả đi tới đó thôi; các con.

Qua gương chiếu hậu, Ange trông thấy con trai đang giơ ngón cái về phía ông. Chiếc xe ba bánh chở hàng khó nhọc ngược lên con đường hình chữ chi dẫn ra Đường chính.

Cơn mưa khiến đất đai trơn tuột và chiếc Piaggio gặp khó khăn tại những nơi dốc nhất. Bụng Ange quặn lại khi nghĩ tới những nguy cơ mà ông đang bắt hai con phải chịu. Ông thở phào nhẹ nhõm khi ra tới đường lớn. Nhưng chưa loại trừ được toàn bộ nguy hiểm. Cơn giông đang ập xuống hòn đảo với sức mạnh hiếm thấy. Ange luôn có cảm giác lo sợ vào những ngày mưa bão. Bấy giờ hòn đảo của ông, bình thường vốn hiếu khách là vậy, bèn xuất hiện dưới một hình hài đe dọa và đầy đe dọa, giống như một tiếng vọng tới phần đen tối mà mỗi sinh vật đều mang trong mình.

Chiếc xe ba bánh lắc lư, mưa gõ thành thành lên cửa kính. Bé gái khóc thét, còn trong thùng xe, Lucca hẳn cũng chẳng được yên tâm. Vừa vượt qua bãi Vịnh Bạc thì họ bị tắc lại ở khúc ngoặt do một cành thông to bị cơn bão bẻ gãy nằm chắn ngang đường. Ange đậu xe ở cuối đường rồi ra hiệu

cho con trai lên khoang lái ngồi cùng em gái nó trong khi ông giải phóng mặt đường.

Viên cảnh sát bước xuống xe dưới trời mưa và tốn nhiều sức lực mới có thể dịch chuyển ra xa cành cây cùng các mảnh vụn án ngữ lối đi. Ông toan lên xe đi tiếp thì nhận ra xe cứu hộ của lính cứu hỏa đậu cách đó chừng năm mươi mét, ngay trước ngã tư đường mòn Các Nhà Thực Vật Học. Ông đổ chiếc xe ba bánh sát gần chiếc xe tải đó, lại dặn Lucca không được nhúc nhích rồi chạy đi gặp đám lính cứu hỏa. Ông ướt như chuột lột, có phần thảm hại, nước chảy ròng ròng xuống cổ áo polo rồi giàn giụa trên lưng ông. Ông nhìn thấy bên dưới vệt một bộ khung ô tô dúm đó.

Cái bóng cao lớn của Najib Benhassi - trung tá lãnh đạo lực lượng lính cứu hỏa Beaumont - hiện ra trong sương mù.

- Chào Ange.

Hai người đàn ông bắt tay nhau.

- Là xe của ông chủ hiệu sách, Benhassi nói luôn vì đã đoán trước được câu hỏi.

- Grégoire Audibert ư?

Đội trưởng đội cứu hỏa gật đầu rồi nói thêm:

- Ông ta không đi một mình. Cậu nhân viên trẻ cũng ngồi trong xe cùng ông ta.

- Raphaël hả?

- Raphaël Bataille, đúng vậy, Benhassi đáp trong lúc tra cứu các ghi chép.

Ông ngừng một lúc rồi vừa nói thêm vừa chỉ sang đội của mình:

- Chúng tôi đang đưa hai người đó lên. Cả hai đều đã chết.

Cậu nhóc tội nghiệp! Ange tỏ ra xúc động, sững sờ đón nhận sự xuất hiện trở lại của cái chết đúng lúc gọng kìm của lệnh phong tỏa bắt đầu nói lỏng. Ông bắt gặp ánh mắt của đội trưởng đội cứu hỏa và nhận thấy vẻ băn khoăn hằn sâu trên gương mặt ông ta.

- Anh đang nghĩ gì vậy, Najib?

Sau một thoáng im lặng, trung tá quyết định chia sẻ nỗi băn khoăn của mình:

- Có điều gì đó kỳ lạ lắm. Tay chân cậu nhóc đều bị trói chặt.
- Trói bằng cái gì vậy?
- Bằng ống vện căng. Cậu nhóc bị trói gô bằng ống vện căng.

4.

Cơn bão nổi lên dữ dội. Mathilde đã kết thúc câu chuyện của mình được hơn một phút. Nhốt mình trong thinh lặng, cô đe dọa Fawles lần nữa bằng cách chĩa súng vào ông. Nhà văn đứng dậy. Đứng trước ô kính rộng, hai tay chắp sau lưng, ông quan sát những cây thông oằn mình và dường như quằn quại vì đau đớn dưới cơn mưa nặng hạt. Hồi lâu sau, ông điềm nhiên quay sang cô gái:

- Nếu tôi hiểu đúng, cô cũng nghĩ là chính tôi đã giết cha mẹ cô?
- Apolline tin chắc là đã nhận ra ông trong bãi đỗ xe. Còn tôi, khi trốn dưới gầm giường, tôi cũng đã nhìn thấy rõ rành đôi giày của ông. Vậy nên đúng thế, tôi nghĩ ông là một tên sát nhân.

Fawles cân nhắc lý lẽ ấy mà không tìm cách gạt nó đi. Sau một hồi ngẫm nghĩ, ông thắc mắc:

- Nhưng động cơ của tôi là gì?
- Động cơ của ông hả? Vì ông chính là người tình của mẹ tôi. Nhà văn không giấu nổi niềm kinh ngạc.
- Vô lý. Tôi chưa từng gặp mẹ cô!
- Thế mà ông đã viết thư cho bà ấy. Và chẳng mới đây ông đã lấy lại chỗ thư đó.

Mathilde chĩa nòng súng vào tập thư mà Fawles đã dùng một sợi ruy băng buộc gọn lại rồi để trên bàn. Nhà văn phản công:

- Làm cách nào cô có được những lá thư này?

Mathilde lại đột nhập vào quá khứ một lần nữa. Vẫn là buổi tối ấy, vẫn chuỗi sự kiện ấy, trong vài giờ, đã làm đảo lộn số phận của biết bao người.

- Buổi tối ngày 11 tháng Sáu năm 2000, trước khi bữa tối mừng sinh nhật bắt đầu, tối đã thay quần áo để có trang phục thích hợp. Tôi đã tìm thấy trong tủ quần áo của mình một chiếc váy hè xinh xắn nhưng lại không có giày phối cùng. Tôi bèn sang lục tủ quần áo của mẹ như thi thoảng vẫn làm. Mẹ có hơn trăm đôi giày khác nhau. Và chính tại đó, trong một hộp bìa các tông, tôi đã bắt gặp chỗ thư này. Khi đọc lướt qua chúng, trong tôi đã nảy sinh những cảm giác trái ngược. Trước tiên là cú sốc khi phát hiện ra mẹ mình có nhân tình, và sau đó, gần như ngoài ý muốn, là cảm giác ganh tị vì một người đàn ông đã viết cho bà những bản văn thi vị và nồng cháy đến thế.

- Và cô đã giữ những lá thư này suốt hai mươi năm?

- Để thỏa sức đọc chúng, tôi mang chúng về phòng mình rồi giấu trong túi xách, tự hứa khi nào ở nhà một mình sẽ đọc lướt qua, rồi sau đó cất trả vào chỗ cũ. Nhưng tôi đã không bao giờ có cơ hội làm vậy. Sau thảm kịch, tôi cùng lúc mất đi cả dấu vết lẫn ký ức. Ông nội tôi, người sống cùng tôi sau vụ thảm sát, hẳn đã cất tạm chúng ở đâu đó, cũng như nhiều đồ vật có khả năng đưa tôi trở lại buổi tối hôm ấy. Nhưng Patrice Verneuil không quên chúng, và ông tôi đã liên hệ tới ông sau những tiết lộ của Apolline. Ông tôi gửi chúng cho tôi cùng với chiếc USB. Không còn nghi ngờ gì nữa: đó là nét chữ của ông và chúng được ký tên ông.

- Đúng thế, chúng đúng là do tôi viết, nhưng điều gì khiến cô tin rằng chúng được gửi cho mẹ cô?

- Chúng được gửi cho S. Mẹ tôi tên là Sofia và chúng được tìm thấy trong phòng bà. Những thứ đó tạo nên cả mớ đầu mối khớp nhau, đúng không?

Fawles không đáp. Thay vào đó, ông tiến một con tốt khác:

- Chính xác thì tại sao cô lại tới đây? Để giết tôi chăng.?

- Không phải ngay lập tức. Trước tiên, tôi muốn tặng cho ông một món quà.

Cô lục tìm trong túi để lấy ra một vật hình tròn rồi đặt xuống bàn. Thoạt tiên Fawles ngỡ đó là một cuộn băng dính đen rồi bỗng hiểu ra đó là dải mực của máy chữ.

Mathilde tiến về phía giá sách để lấy chiếc máy chữ Olivetti rồi đặt nó lên bàn.

- Tôi muốn lời thú tội đầy đủ, Fawles ạ.

- Lời thú tội ư?

- Trước khi giết ông, tôi muốn một chứng cứ bằng văn bản.

- Một chứng cứ bằng văn bản về cái gì?

- Tôi muốn mọi người biết điều ông đã làm. Tôi muốn mọi người biết rằng Nathan Fawles vĩ đại là một kẻ sát nhân. Ông sẽ không còn là thần tượng đối với hậu thế, tin tôi đi!

Ông nhìn chiếc máy chữ một lát, ngược mặt về phía cô rồi chống chế:

- Ngay cả khi tôi là một kẻ sát nhân đi nữa, cô cũng chẳng thể làm gì chống lại những cuốn sách của tôi.

- Đúng thế, tôi biết, lúc này cái mong muốn tách bạch con người ra khỏi nghệ sĩ đang rất thịnh hành: người đó đã phạm phải những tội ác tàn bạo, nhưng vẫn là một nghệ sĩ thiên tài. Xin lỗi, nhưng đối với tôi, chuyện không đơn giản như vậy đâu.

- Đó là một cuộc tranh luận hết sức quy mô, nhưng dầu cô có thể giết người nghệ sĩ thì cô vẫn không bao giờ giết được tác phẩm nghệ thuật.

- Tôi nghĩ những cuốn sách ông viết được đánh giá quá cao đấy.

- Vấn đề không phải ở chỗ đó. Và tự trong thâm tâm, cô biết là tôi nói đúng.

- Tự trong thâm tâm, tôi muốn găm cho ông hai viên đạn vào người, Nathan Fawles ạ.

Bằng một động tác bất ngờ, cô dùng báng súng thúc mạnh vào thắt lưng Nathan để buộc ông ngồi xuống.

Fawles nghiêng rặng ngả quy xuống chiếc ghế tựa.

- Cô nghĩ giết một ai đó là chuyện dễ dàng sao? Cô... Cô nghĩ mới đầu mỗi đồn tụ kia có thể cho cô cái quyền giết tôi chẳng? Chỉ vì đó là thú tiêu khiển lành mạnh của cô?

- Không, ông có quyền bào chữa, đúng thế. Chính vì lẽ đó mà tôi chừa cho ông khả năng trở thành luật sư của chính mình. Đó chính là điều ông vẫn thích nhắc đi nhắc lại trong các cuộc trả lời phỏng vấn: “Từ thời niên thiếu, vũ khí duy nhất của tôi luôn là chiếc bút Bic cũ kỹ bị gặm mòn và một tập giấy ghi chép có kẻ ô li.” Vậy thì đây: để bào chữa cho mình, ông có một chiếc máy chữ, một ram giấy và nửa giờ đồng hồ.

- Chính xác thì cô muốn gì?

Tức tối, Mathilde kê nòng súng vào thái dương nhà văn.

- Sự thật! cô gào lên.

Fawles thách thức cô:

- Cô có cảm giác sự thật sẽ giúp cô gạt phẳng quá khứ, giúp cô thoát khỏi những khổ đau và bắt đầu lại từ con số không ư? Xin lỗi, nhưng đó là một ảo tưởng.

- Cứ để tôi là người duy nhất quyết định chuyện đó.

- Nhưng sự thật không tồn tại, Mathilde ạ! Hay đúng hơn, nếu sự thật tồn tại thì nó cũng luôn biến động, luôn sống động, luôn thay đổi.

- Tôi chán ngấy những lời nguy biện của ông rồi, Fawles.

- Dù cô có muốn hay không thì loài người cũng không hai mặt đâu. Tất cả chúng ta đều đang vận động trong một vùng màu xám và bất ổn nơi con người tốt đẹp nhất vẫn có thể phạm phải tội lỗi tệ hại nhất. Tại sao cô muốn ép bản thân mình chịu đựng thứ đó? Một sự thật mà cô không có khả năng chịu đựng. Một tia a xít bắn vào vết thương vẫn chưa khép miệng.

- Tôi không cần ai bảo vệ. Dầu sao thì cũng không phải là ông! cô thốt lên.

Rồi cô chỉ chiếc máy chữ.

- Ông vào việc đi. Ngay tức khắc! Hãy kể cho tôi phiên bản của ông: những sự việc thuần túy, chỉ những sự việc thôi. Không văn phong, không

chất thơ, không tán rộng, không cường điệu. Nửa giờ nữa tôi sẽ thu bài.

- Không, tôi...

Nhưng cú thúc báng súng thứ hai đã khiến ông đầu hàng. Ông nhắm mắt, cúi gập người sau cú thúc, rồi chậm rãi nhét dải mực vào máy chữ.

Nói cho cùng, nếu hôm nay ông phải chết, thì chi bằng là chết ngồi sau một chiếc máy chữ. Chỗ của ông là ở đó. Nơi ông luôn tự cảm thấy mình ít xấu xa nhất. Cứu mạng mình bằng cách sắp hàng câu chữ trên một bàn phím: đó là thách thức mà ông có thể vượt qua.

Để khởi động, ông gõ từ đầu tiên thoáng qua tâm trí. Một câu của Georges Simenon, một trong những bậc thầy của ông, mà ông thấy có vẻ phù hợp với cảnh huống.

Cuộc đời thật khác khi ta trải nghiệm nó và khi ta xem xét nó tỉ mỉ sau khi mọi việc kết thúc.

Sau hai mươi năm, tiếng lách tách của các phím dưới ngón tay ông khiến ông rùng mình. Ông nhớ nó, dĩ nhiên, nhưng không phải do ông cố tình vắng mặt sau bàn phím. Đôi khi, ý chí không thể làm gì nếu không bị kèm riết bởi một khẩu súng gí vào thái dương.

Tôi đã gặp Soizic Le Garrec vào mùa xuân năm 1996 trên một chuyến bay từ New York tới Paris, cô ngồi cạnh tôi, gần cửa sổ, và đang mài miết đọc một trong những cuốn tiểu thuyết của tôi.

Và thế đó, thế là xong phần mở đầu... Ông vẫn ngập ngừng vài giây, ném cho Mathilde ánh mắt sau cùng ngụ ý: vẫn còn thời gian để dừng mọi chuyện lại, vẫn còn thời gian để không rút chốt quả lựu đạn sắp nổ tung trước mặt chúng ta và giết cả hai chúng ta.

Nhưng ánh mắt Mathilde chỉ hồi đáp ông bằng một ý tứ duy nhất: Cứ ném quả lựu đạn của ông đi, Fawles ạ. Cứ phụt tia a xít của ông đi...

Hoa khô Sarajevo

Cuộc đời thật khác khi ta trải nghiệm nó và khi ta xem xét nó tỉ mỉ sau khi mọi việc kết thúc.

Georges SIMENON

Tôi gặp Soizic Le Garrec vào mùa xuân năm 1996 trên một chuyến bay từ New York tới Paris. Cô ấy ngồi cạnh tôi, gần cửa sổ, và đang mải miết đọc một trong những cuốn tiểu thuyết của tôi. Đó là cuốn *Một thành phố nhỏ ở Mỹ*, cuốn mới nhất được xuất bản, mà cô ấy mua tại sân bay. Không tự giới thiệu về mình, tôi hỏi Soizic có thích cuốn sách không - bấy giờ cô ấy đã đọc được chừng trăm trang. Ở đó, giữa những đám mây, Soizic bình thản đáp rằng cô ấy không thích nó chút nào và hoàn toàn không hiểu tại sao tiểu thuyết gia này lại tạo được sức hút lớn đến vậy. Tôi lưu ý cô ấy rằng đầu sao Nathan Fawles cũng vừa được nhận giải Pulitzer, nhưng Soizic cam đoan với tôi rằng cô ấy không tin tưởng chút nào vào các giải thưởng văn chương và các dải băng vinh danh làm biến dạng bìa sách chỉ là những cái bẫy dành cho kẻ khờ. Tôi trích dẫn Bergson hòng gây ấn tượng với cô ấy (chúng ta không nhìn thấy chính các sự vật; chúng ta thường chỉ đọc những cái nhãn dính trên sự vật.), nhưng không gây được ấn tượng gì.

Sau một hồi, không tìm được nữa, tôi tiết lộ với Soizic rằng tôi *chính là* Nathan Fawles, nhưng chuyện này dường như không khiến cô ấy xúc động hơn. Bất chấp khởi đầu khó khăn này, chúng tôi vẫn chuyện trò không

ngừng suốt chuyến bay kéo dài sáu tiếng. Hay đúng hơn, chính tôi không ngừng khiến cô ấy lơ là việc đọc sách, bằng những câu hỏi của mình.

Soizic là một bác sĩ trẻ ba mươi tuổi. Tôi ba mươi hai tuổi. Soizic kể tôi nghe bập bõm một phần câu chuyện của cô ấy. Năm 1992, khi vừa tốt nghiệp ngành Y, cô ấy lên đường tới Bosnia để gặp lại người bạn trai thời đó, một người quay phim cho kênh Antenne 2. Đó là khởi đầu của thứ sắp trở thành cuộc bao vây dài nhất chiến tranh hiện đại: nổi thống khổ của Sarajevo. Sau vài tuần, gã kia trở về Pháp hoặc lên đường ghi hình những cuộc xung đột khác. Soizic ở lại. Cô ấy gia nhập những tổ chức nhân đạo có mặt trên địa bàn. Suốt bốn năm trời, cô chịu đựng khổ hình cùng ba trăm năm mươi nghìn dân, dốc sức mình phục vụ thành phố bị vây hãm.

Đúng là tôi không thể giảng cho cô một bài trọn vẹn, nhưng nếu cô muốn hiểu điều gì đó về câu chuyện này, về câu chuyện của tôi và cùng đó là câu chuyện liên quan đến gia đình cô, cô cần phải ngược dòng tìm hiểu thực tế thời bấy giờ đã: thực tế về sự tan rã của Nam Tư trong những năm tiếp sau các sự kiện bức tường Berlin sụp đổ và Liên bang Xô viết giải thể. Kể từ thời hậu chiến, vương quốc Nam Tư cổ đã được thống nhất bởi thống chế Tito nhờ việc thiết lập liên bang cộng sản sáu nhà nước thuộc bán đảo Balkan: Slovenia, Croatia, Montenegro, Bosnia, Macedonia và Serbia. Với sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản, các nước Balkan trải qua thời kỳ chủ nghĩa dân tộc lên ngôi. Trong bối cảnh căng thẳng kịch phát, cường nhân của đất nước, Slobodan Milosevic, khơi lại ý tưởng về một Serbia Vĩ đại tập hợp tất cả các dân tộc thiểu số xứ Serbia vào cùng một lãnh thổ. Slovenia, Croatia, Bosnia và Macedonia lần lượt đòi độc lập, điều này gây nên một loạt xung đột dữ dội và chết chóc. Trên nền tảng thanh trừng sắc tộc và sự bất lực của Liên Hợp Quốc, chiến tranh Bosnia trở thành cái lò sát sinh khiến hơn một trăm nghìn người thiệt mạng.

Khi tôi gặp cô ấy, cả da thịt lẫn tâm trí Soizic đều đã hằn những vết sẹo rõ của khổ hình Sarajevo. Bốn năm khiếp sợ, bom đạn oanh tạc không ngừng, đói, rét, bốn năm đạn rít bên tai, thao tác phẫu thuật đôi khi được thực hiện không thuốc tê. Soizic thuộc số những người sống giữa lòng đau

khổ của thế giới. Nhưng toàn bộ chuyện này khiến cô ấy tổn thương. Đau khổ của thế giới sẽ trở thành gánh nặng thừa sức đè bẹp bạn nếu bạn biến nó thành một vấn đề cá nhân.

*

Chúng tôi hạ cánh vào khoảng 7 giờ sáng trong cảnh sắc âm u trầm uất của Roissy. Chúng tôi chào tạm biệt nhau rồi tôi đứng vào hàng người chờ taxi. Mọi thứ thật vô vọng: viễn cảnh không gặp cô ấy nữa, hơi ẩm lạnh băng của buổi sáng hôm đó, những đám mây lơ lửng và ô nhiễm chất chong trên bầu trời và gây cho tôi cảm giác chúng là chân trời duy nhất của cuộc đời tôi. Nhưng một thế lực triệu hồi đã xui khiến tôi phản ứng. Cô biết khái niệm *kairos* trong tiếng Hy Lạp không? Đó là giây phút quyết định mà ta không nên để trôi qua. Trong mỗi cuộc đời, ngay cả những cuộc đời tồi tệ nhất, Chúa Trời vẫn cho cô, ít nhất một lần, một cơ hội đúng nghĩa để lật ngược số phận của cô. *Kairos*, đó là khả năng biết nắm bắt cây sào mà cuộc đời chìa cho cô. Nhưng thời điểm thường vô cùng ngắn ngủi. Và cuộc đời thì không dọn lại món. Vậy nên, sáng hôm đó, tôi biết rằng có điều gì đó máu chốt đang diễn ra. Tôi rời hàng người rồi quay bước. Tôi tìm Soizic khắp sảnh đến và rốt cuộc cũng gặp lại cô ấy đang chờ xe buýt tuyến ngầm. Tôi nói với cô ấy là người ta mời tôi tới ký tặng tại hiệu sách trên một hòn đảo thuộc Địa Trung Hải. Rồi, không úp mở, tôi rủ cô ấy cùng đi. Vì đôi khi *kairos* tác động vào hai cá thể cùng một thời điểm, Soizic đã đồng ý không chút ngần ngại và chúng tôi lên đường tới đảo Beaumont ngay ngày hôm ấy.

Chúng tôi ở lại trên đảo hai tuần và phải lòng hòn đảo cùng lúc với phải lòng nhau. Đó là một khoảnh khắc phi thời gian vì cuộc sống khốn kiếp này đôi khi ban tặng bạn điều đó để khiến bạn tin rằng hạnh phúc có tồn tại. Một chuỗi khoảnh khắc ngăn ngui lung linh tựa những viên ngọc trai. Hứng lên, tôi đã vung mười năm quyền tác giả vào *Nam Thập Tự*. Tôi nhìn thấy chúng tôi lặng lẽ sống những tháng ngày hạnh phúc tại đó và ngỡ đã tìm ra nơi lý tưởng để chứng kiến con cái chúng tôi lớn lên. Tôi cũng thấy mình viết ra những cuốn tiểu thuyết trong tương lai ở đó. Tôi đã nhầm.

*

Suốt hai năm tiếp theo, chúng tôi đã sống cuộc sống lứa đôi hòa hợp đến viên mãn, mặc dù không phải lúc nào cũng ở bên nhau. Khi bên nhau, chúng tôi dành thời gian ở Bretagne - quê gốc của Soizic và cũng là nơi gia đình cô ấy sinh sống - và trong sào huyệt của chúng tôi, *Nam Thập Tự*. Phấn khích với tình yêu mới mẻ này, tôi đã bắt đầu viết một tiểu thuyết mới có tên *Một mùa hè bất khả chiến bại*. Thời gian còn lại, Soizic ra thực địa. Cô ấy quay về với vùng đất thâm tâm mình gắn bó, bán đảo Balkan, và thực hiện nhiệm vụ do hội Chữ thập đỏ giao phó.

Rủi thay, nổi kinh hoàng chiến tranh vẫn chưa chấm dứt ở khu vực này của thế giới. Kể từ 1998, đến lượt Kosovo bốc cháy. Đến đây, xin thứ lỗi cho tôi lần nữa vì đã đóng vai giáo viên lịch sử, nhưng đây là cách duy nhất để cô hiểu những gì đã xảy ra. Lãnh thổ Kosovo là một tỉnh tự trị của Serbia với dân số phần lớn là người Albani. Ngay từ cuối thập niên 1980, Milosevic đã bắt đầu bớt xén quyền tự trị của tỉnh, rồi Serbia mưu toan tái chiếm lãnh thổ này làm thuộc địa bằng cách đưa vào đó những tên thực dân.

Một phần dân chúng Kosovo bị trục xuất khỏi biên giới. Kháng chiến hình thành, thoát tiên được tiến hành trong hòa bình, thông qua sự trung gian của thủ lĩnh Ibrahim Rugova, “Gandhi của Balkan” nổi tiếng vì phản đối bạo lực, rồi sau đó bằng vũ lực với sự thành lập Quân đội Giải phóng Kosovo - UCK trừ danh có vùng hậu cứ nằm tại Albani, nơi đội quân này tận dụng sự sụp đổ của chế độ đế cướp kho vũ khí.

Soizic bị giết trong cuộc chiến Kosovo, vào những ngày cuối cùng của tháng Mười hai năm 1998. Theo báo cáo do Bộ Ngoại giao Pháp gửi cho cha mẹ Soizic, cô ấy rơi vào một ổ phục kích khi đi cùng một nhiếp ảnh gia chiến trường người Anh để thực hiện một phóng sự cách Pristina chừng ba mươi cây số. Di hài cô ấy được trả về Pháp và chôn cất ngày 31 tháng Mười hai trong một nghĩa trang nhỏ thuộc Sainte-Marine, Bretagne.

*

Cái chết của người phụ nữ tôi yêu đã hủy hoại tôi. Suốt sáu tháng trời, tôi tự giam mình trong nhà, trong màn sương mù của rượu và ma túy. Tháng Sáu năm 1999, tôi ra thông báo ngừng viết, bởi tôi không muốn người ta trông chờ điều gì ở mình nữa.

Thế giới tiếp tục quay. Mùa xuân 1999, sau rất nhiều trì hoãn, cuối cùng Liên Hợp Quốc cũng quyết định bỏ phiếu tán thành can thiệp vào Kosovo dưới dạng chiến dịch ném bom đường không. Đầu mùa hè tiếp theo, sau khi binh lực Serbia rút quân hoàn toàn, Kosovo trở thành một chế độ bảo hộ quốc tế dưới quyền ủy trị của Liên Hợp Quốc. Cuộc chiến khiến mười lăm nghìn người chết và hàng nghìn người mất tích. Phần lớn trong số đó là dân thường. Và toàn bộ chuyện này xảy ra cách Paris vón vẹn hai giờ bay.

Khi mùa thu đến, tôi quyết định tới Balkan. Trước tiên là tới Sarajevo, rồi tới Kosovo. Tôi muốn nhìn ngắm những nơi chốn từng rất quan trọng với Soizic, những nơi chốn cô ấy trải qua quãng thời gian cuối đời. Trong vùng, chiến sự vẫn đang âm ỉ. Tôi đã gặp những người Kosovo, Bosnia, Serbia. Những cư dân nhón nhác, mất phương hướng, vừa trải qua mười năm trong lửa đạn và hỗn loạn và đang cố gắng phục hồi được đến đâu hay đến đấy. Tôi kiếm tìm ký ức về Soizic, nơi đó tôi tìm thấy hồn phách cô ấy ở khúc ngoặt một con phố, một khu vườn, một bệnh xá. Một bóng ma chăm chú dõi theo tôi và đồng hành với nỗi đau của tôi. Đau đến xé lòng, nhưng điều đó khiến tôi thấy dễ chịu.

Qua chuyện trò, tôi gần như bất đắc dĩ góp nhặt thông tin từ những người từng gặp gỡ Soizic trước khi cô ấy qua đời. Một tâm sự chỗ này kéo theo một câu hỏi chỗ kia, và cứ như thế mãi. Dần dà, những nhánh này tạo thành hình một mạng nhện biến quãng thời gian bắt đầu chịu tang của tôi thành một cuộc điều tra về hoàn cảnh Soizic bị sát hại. Đã lâu rồi không quay trở lại với nhiệm vụ nhưng tôi vẫn giữ được các phản xạ và giác quan địa chấn thu được trong thời gian tham gia các hoạt động nhân đạo. Tôi có vài mối liên hệ và nhất là, có thời gian.

Tôi luôn thắc mắc về việc Soizic đi cùng một phóng viên trẻ của tờ Guardian khi cô ấy bị sát hại. Người đàn ông đó tên là Timothy Mercurio.

Tôi chưa từng nghĩ đó có thể là một người tình qua đường - và sau này tôi biết được Mercurio là người đồng tính công khai. Nhưng tôi cũng không đời nào tin rằng hai người tình cờ có mặt tại đó. Soizic thạo tiếng Serbia-Croatia. Tay phóng viên hăn đã nhờ cô đi cùng để hỏi chuyện mọi người. Tôi đã nhiều lần nghe được tin đồn: bấy giờ Mercurio điều tra về Ngôi nhà của Quý, một trang trại cổ ở Albani bị biến thành trung tâm giam giữ chuyên cung cấp cho một đường dây buôn bán nội tạng.

Sự tồn tại của các trung tâm giam giữ người Kosovo tại Albani thực sự không phải điều gì đặc biệt. Albani vốn là vùng hậu cứ của UCK, Quân Giải phóng, và họ đã dựng lên tại đó những trại tù binh. Nhưng Ngôi nhà của Quý thì lại khác. Theo lời đồn, đó là nơi người ta dẫn tù binh tới - đa phần là người Serbia, nhưng cũng có cả người Albani bị kết tội hợp tác với Serbia - để phân loại họ theo các tiêu chuẩn y khoa. Sau quá trình phân loại rùng rợn này, một số người bị giết bởi một viên đạn găm vào đầu rồi nội tạng của họ bị lấy ra. Người ta nói việc buôn bán bì ối này nằm dưới quyền kiểm soát của Kuçedra, một nhóm mafia mờ ám gieo rắc khiếp sợ khắp lãnh thổ.

Tôi không biết nên nghĩ sao về tin đồn này. Ban đầu, tôi thấy nó có vẻ điên rồ, rồi tôi nhận ra rằng thời kỳ đó khá thuận tiện cho những tin tức phóng đại đủ loại nhằm hạ uy tín phe này hay phe kia. Nhưng tôi đã quyết định tiến hành lại từ đầu cuộc điều tra của Mercurio và Soizic vì tin chắc rằng không ai khác ngoài tôi có thể làm xong việc ấy. Thời đó, Nam Tư cũ có khoảng mười nghìn người mất tích. Các bằng chứng nhanh chóng bốc hơi, mọi người sợ phải nói. Tuy nhiên tôi muốn đi tới cùng câu chuyện này, và càng điều tra sâu thêm, tôi càng thấy có cơ sở để tin vào sự tồn tại của Ngôi nhà của Quý.

Sau khi cất công tìm kiếm, tôi đã xác định được những nhân chứng tiềm năng của việc buôn bán này, nhưng họ không hề nhiều lời khi cần phải đi vào chi tiết. Nhiều người trong số đó là nông dân hoặc thợ thủ công chuyên bị tay chân của Kuçedra khủng bố. Tôi đã nói với cô về Kuçedra, cô còn nhớ chứ? Trong văn hóa dân gian Albani, đó là một con rồng có sừng độc

ác. Một quái vật giống cái quỷ quyết có chín lưỡi, mắt bạc, thân dài dị dạng phủ đầy gai và nặng nề với đôi cánh khổng lồ. Theo tín ngưỡng dân gian, Kuçedra luôn đòi hiến tế nhiều mạng người hơn nữa, nếu không nó sẽ khạc lửa và chìm ngập xứ sở trong máu lửa.

Một ngày kia, sự kiên trì của tôi đã mang lại kết quả: tôi đã tìm ra một tài xế từng tham gia chở các tù nhân tới Albani. Sau những cuộc mặc cả không dứt, ông ta nhận lời lái xe đưa tôi tới tận Ngôi nhà của Quỷ. Đó là xác của một trang trại cổ đổ nát nằm tách biệt giữa rừng. Tôi đã rảo bước dọc ngang khắp chốn đó mà không tìm thấy gì nhiều để xác chứng. Khó mà tin được rằng tại đây từng diễn ra những thủ thuật y khoa. Ngôi làng gần nhất nằm cách đó mười cây số. Người dân trong vùng thì giữ thái độ thù địch. Mỗi lần tôi đề cập đến chủ đề này, người nào cũng im bật vì sợ thuộc hạ của Kuçedra trả thù. Để khỏi phải tiếp chuyện tôi, tất cả bọn họ đều khẳng định mình không thể nói quá ba từ tiếng Anh liên tiếp.

Tôi đã quyết định cắm trại tại chỗ suốt nhiều ngày liền. Cuối cùng, vợ của một công nhân sửa đường vốn cảm động và rủ lòng thương hại trước câu chuyện của tôi đã nhắc lại cho tôi biết những gì chồng bà từng kể. Ngôi nhà của Quỷ chỉ là nơi trung chuyển. Một dạng nhà ga phân loại nơi các tù nhân buộc phải trải qua hàng loạt những cuộc kiểm tra y tế và phân tích máu. Sau đó, những người hiến tạng tương thích bị đưa đến bệnh viện Phoenix, một cơ sở nhỏ bất hợp pháp nằm ở ngoại ô Istok.

*

Nhờ các chỉ dẫn của bà, rốt cuộc tôi cũng lần ra vị trí của bệnh viện Phoenix. Tại Kosovo mùa đông 1999, đó là một ngôi nhà bỏ hoang và đổ nát bị bọn cướp khoảng sạch trang thiết bị. Chỉ còn lại đôi ba cái giường han gỉ, vài máy móc y tế đã hỏng, những thùng rác chứa đầy túi nylon và hộp thuốc rỗng. Điểm mấu chốt mang tính quyết định là cuộc gặp của tôi với một kẻ vô gia cư đang chiếm dụng bất hợp pháp nơi này. Hắn ngiện lòi và nói tên hắn là Carsten Katz. Đó là một bác sĩ gây mê người Áo từng làm việc tại bệnh viện khi nó còn hoạt động. Sau đó, tôi phát hiện ra rằng

hắn cũng được biết đến với hai biệt danh không mấy vui tai: Lái buôn cát và Dược sĩ canh phòng.

Tôi hỏi hắn về bệnh viện, nhưng gã đàn ông đang lên cơn vật thuốc. Vã mồ hôi hột, ánh nhìn hoảng hốt, hắn quẫn quại vì đau. Nghiện moóc phin nên Katz sẵn sàng làm mọi chuyện để thỏa cơn nghiện. Tôi hứa với hắn một lát sau sẽ quay trở lại với thứ hắn cần. Tôi đã khẩn trương tới Pristina và dành trọn phần thời gian còn lại trong ngày để kiểm alcaloit. Tôi có đủ đô la để mở những cánh cửa cần thiết và vợ vét toàn bộ lượng moóc phin có thể tìm thấy.

Khi tôi quay trở lại bệnh viện thì trời đã tối từ lâu. Carsten Katz trông đáng sợ như một xác sống. Hắn đã biến một trong những ống thông gió thành lò sưởi và nhóm một đồng lửa từ những tấm ván bằng gỗ dán. Vừa nhác thấy hai ống moóc phin, hắn bèn nháy xỏ vào tôi như một kẻ điên. Tôi đích thân tiêm cho hắn rồi đợi hồi lâu để hắn trấn tĩnh lại. Rồi gã bác sĩ gây mê ngồi vào bàn kế cho tôi nghe mọi chuyện.

Trước tiên hắn khẳng định với tôi chức năng phân loại của Ngôi nhà của Quý. Rồi việc chuyên chở một số tù nhân đến tận bệnh viện Phoenix, chính tại đây, họ bị hành quyết bằng một phát súng nhằm thẳng vào đầu trước khi nội tạng của họ - chủ yếu là thận - bị lấy đi để ghép cho người khác. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên, người nhận nội tạng là những bệnh nhân ngoại quốc giàu có, có thể trả từ 50.000 đến 100.000 euro cho mỗi cuộc phẫu thuật. “Công việc kinh doanh đã diễn ra suôn sẻ,” Carsten Katz kể tiếp. Gã bác sĩ gây mê khẳng định đã nhận diện được đám thuộc hạ của Kuçedra, một nhóm nhỏ được điều hành bởi một bộ ba ma giáo. Một thủ lĩnh quân sự người Kosovo, một tay mafia người Albani và một bác sĩ phẫu thuật người Pháp: Alexandre Verneuil. Nếu hai tên đầu tiên đảm bảo việc bắt giữ và vận chuyển tù nhân thì chính cha cô, Mathilde ạ, giám sát toàn bộ mảng “y khoa”. Ngoài Katz, cha cô còn tuyển thêm một ê kíp bác sĩ: một bác sĩ phẫu thuật người Thổ, một bác sĩ phẫu thuật khác người Rumanian và một y tá trưởng người Hy Lạp. Những người này thành thạo công việc trên phương

diện chuyên môn, nhưng không trong sạch cho lắm so với lời thề Hippocrate của họ.

Theo Katz, khoảng năm mươi cuộc phẫu thuật man rợ đã được thực hiện tại bệnh viện Phoenix. Đôi khi, những quả thận không được ghép ngay tại chỗ mà được gửi theo đường hàng không tới các bệnh viện nước ngoài. Tôi đã tra hỏi gã người Áo tối đa sau khi nhử hắn bằng những ống moóc phin khác. Lái buôn Cát trả lời dứt khoát: Alexandre Verneuil là đầu não thực sự của phi vụ, kẻ đã hình dung ra việc buôn bán và dẫn dắt hoạt động. Điều tệ hại nhất, đó là Kosovo không phải cuộc thử nghiệm đối với cha cô, mà là sự tiếp tục một phi vụ buôn bán mà ông ta đã triển khai thuận thực ở những nơi khác, qua các chuyến công tác nhân đạo của mình. Nhờ mạng lưới và vị thế riêng. Verneuil tiếp cận được cơ sở dữ liệu tại nhiều nước để bắt liên lạc với các bệnh nhân lâm trọng bệnh, sẵn sàng chi trả nhiều tiền cho một nội tạng mới. Dĩ nhiên mọi giao dịch đều sử dụng tiền mặt hoặc thông qua các tài khoản ngân hàng ở nước ngoài.

Tôi lấy ra thêm hai ống moóc phin từ túi áo măng tô. Gã bác sĩ nhìn chúng bằng đôi mắt điên dại.

- Bây giờ, tao muốn mày kể tao nghe về Timothy Mercurio.

- Cái gã làm cho Guardian hả? Katz nhớ lại. Bấy giờ gã đã theo dõi chúng tôi được nhiều tuần. Gã đã lần ra trình tự từ dưới lên trên nhờ một tên chỉ điểm: một nam y tá người Kosovo từng làm việc cho chúng tôi lúc phi vụ bắt đầu.

Tay người Áo cuốn một điều thuốc rồi rít như thể đời hắn phụ thuộc cả vào đó.

- Lũ thuộc hạ của Kuçedra đã nhiều lần hăm dọa Mercurio để ngăn gã tiếp tục điều tra, nhưng gã phóng viên lại muốn đóng vai người hùng. Một buổi tối, đội gác tóm được gã ngay tại đây cùng với máy quay của gã. Phần gã đúng là hoàn toàn vô ý thức.

- Gã không đi một mình.

- Đúng vậy, gã mò tới cùng một ả tóc vàng hăn là trợ lý hay phiên dịch gì đó.

- Các người đã giết họ?

- Chính Verneuil đích thân khử họ. Và không có cách giải quyết nào khác.

- Còn những cái xác?

- Bọn tôi đã chờ đến gần Pristina để khiến mọi người tin rằng gã và cô ả kia rơi vào ổ phục kích. Buồn thật đấy, nhưng tôi sẽ không khóc thương họ đâu. Mercurio biết rất rõ những nguy cơ mà gã phải đối đầu khi tới đây.

*

Cô muốn sự thật, Mathilde ạ, vậy thì sự thật là thế đó: cha cô không phải vị bác sĩ xuất sắc và hào hiệp như ông ta mạo xưng. Đó là một tên tội phạm và một kẻ sát nhân. Một con quái vật ghê tởm mà lương tâm phải chịu trách nhiệm trước hàng chục cái chết. Và là kẻ tự tay giết chết người phụ nữ duy nhất mà tôi từng yêu.

*

Khi trở lại Pháp, tôi quyết tâm tiêu diệt Alexandre Verneuil. Nhưng tôi vẫn thông thả sao chép và ghi lại tất cả những lời chứng có được từ Balkan. Tôi rửa và sắp xếp toàn bộ những bức ảnh mà tôi đã chụp, tôi ráp nối những hình ảnh mà tôi ghi lại và điều tra tỉ mỉ về những sân khấu tác chiến khác nơi cha cô từng hoành hành, để hợp thành hồ sơ tố giác chi tiết nhất. Tôi không chỉ muốn Verneuil phải chết, mà còn muốn phơi bày bản chất quái vật của ông ta giữa thanh thiên bạch nhật. Tóm lại, chính xác là điều mà cô ngờ đang làm với tôi.

Một khi bản cáo trạng hoàn thành, khi thời khắc chuyển sang hành động đã điểm, tôi bắt đầu theo dõi, dò xét ông ta trong từng đường đi nước bước. Tôi không còn biết chính xác mình đã tiến hành việc đó như thế nào. Tôi muốn khổ hình kéo dài, muốn ông ta cảm nhận nỗi đau đến tận cùng. Nhưng thời gian càng trôi thì một lẽ hiển nhiên càng lộ rõ : cuộc báo thù của tôi quá nhẹ nhàng. Khi giết Verneuil, tôi có nguy cơ biến ông ta thành

một nạn nhân và chấm dứt quá nhanh chóng khổ hình mà tôi muốn chứng kiến ông ta chịu đựng.

Ngày 11 tháng Sáu năm 2000, tôi đẩy cửa bước vào nhà hàng *Dôme* trên đại lộ Montparnasse, nơi cha cô thường xuyên lui tới. Tôi đã để lại cho viên quản lý nhà hàng một bản sao hồ sơ tố cáo của tôi, yêu cầu ông ta chuyển nó lại cho Verneuil. Tôi đã chuẩn bị trước khi ông ta nhận ra tôi. Tôi quyết định ngay ngày hôm sau sẽ giao những phát hiện và bằng chứng của mình cho tòa tư pháp và các phương tiện truyền thông. Nhưng trước đó, tôi muốn Verneuil phải sợ chết khiếp. Tôi muốn cho Verneuil biết trước sự thể vài giờ để ông ta có thời gian hình dung ra gọng kìm đang siết lại và chậm chậm nghiền vụn xương ông ta. Vài giờ đau đớn với trọn vẹn ý thức để canh cánh khôn nguôi khi hình dung cơn sóng thần sắp ập xuống tàn phá cuộc đời ông ta, cuộc đời vợ ông ta, cuộc đời hai đứa con ông ta, cuộc đời cha mẹ ông ta. Hủy diệt ông ta.

Trong lúc chờ đợi, tôi về nhà, chẳng biết phải làm gì, và tôi có cảm giác Soizic sẽ chết lần thứ hai.

*

- ZIDANE TỔNG THỐNG! ZIDANE TỔNG THỐNG!

Tôi thức dậy lúc 23 giờ kém - đêm địa mỗ hôi và chộn rộn không yên - bởi các cổ động viên bóng đá đang ăn mừng chiến thắng của đội tuyển Pháp. Tôi đã dành cả buổi chiều để uống nên lúc ấy tâm trí tôi mờ mịt. Nhưng tôi cứ dẫn vật mãi một nỗi lo. Một sinh vật quý dữ như Verneuil sẽ phản ứng ra sao? Có ít cơ may ông ta sẽ khoanh tay ngồi đó mà không làm gì. Tôi đã hành động mà không lường trước hậu quả hành vi của mình, chính xác là không nghĩ đến vợ và hai đứa con của ông ta.

Bị xâm chiếm bởi một dự cảm không lành, tôi chạy khỏi nhà. Tôi lấy xe tại bãi đỗ Montalembert rồi băng qua sông Seine tới tận vườn Ranelagh. Khi tới đại lộ Beauséjour, trước tòa nhà nơi cha mẹ cô sống, tôi lập tức hiểu rằng có điều gì đó không bình thường. Cánh cổng điện của ga ra dưới tầng hầm đang mở.

Tôi đưa chiếc Porsche của mình vào bãi đỗ theo lối cầu bộ hành.

Rồi mọi chuyện diễn ra rất nhanh. Trong khi gọi thang máy, tôi nghe thấy hai tiếng súng nổ trên tầng. Tôi chạy vội ra thang bộ rồi leo lên tầng hai. Cửa ra vào mở hé. Đúng lúc bước vào bên trong căn hộ, tôi bắt gặp cha cô đang cầm một khẩu súng săn. Sàn nhà và các mặt tường của sảnh vào ngang dọc những tia đồ ối. Tôi nhìn thấy xác của mẹ cô và em trai cô ở cuối hành lang. Và cô là người tiếp theo trong danh sách của ông ta. Giống như những kẻ khác trước ông ta, cha cô đã trở thành con mồi của một cơn điên cuồng giết chóc: ông ta tàn sát gia đình mình trước khi tự sát. Tôi lao vào để cố gắng tước vũ khí của ông ta. Chúng tôi vật lộn trên sàn nhà và một phát đạn bắn ra đá khiến sọ ông ta nổ tung.

Chính nhờ đó, tôi đã cứu mạng cô mà không hề hay biết.

Hai kẻ thoát nạn từ hư vô

Địa ngục vắng tanh, mọi quỷ dữ đều đang ở đây.

William SHAKESPEARE

1.

Một loạt tia chớp sáng lóa soi rọi bên trong căn phòng, chẳng bao lâu sau được tiếp nối bởi một tiếng sấm ầm ì. Ngồi bên bàn phòng khách, Mathilde đã đọc xong lời thú tội của Nathan Fawles. Càng đọc, cô càng có cảm giác không thể thở nổi, như thể ô xy trong phòng đang khan hiếm dần và cô sắp có nguy cơ nghẽn mạch máu não.

Để củng cố câu chuyện mình kể, Fawles không chỉ dừng lại ở lời nói. Ông lấy từ một ngăn tủ tường ra những bằng chứng phục vụ điều tra, ba tập hồ sơ dày đóng bìa cứng mà ông đính kèm với tập giấy vừa gõ bằng máy đánh chữ.

Trước mắt Mathilde là minh chứng cho những hành động bạo tàn khủng khiếp của cha cô. Cô cứ đòi biết sự thật, nhưng sự thật khó lòng chịu thấu đang khiến cô bủn rủn tay chân. Tim cô đập dữ dội đến mức các động mạch dường như sắp rách toang. Fawles đã hứa với cô một tia a xít. Ông không chỉ giữ lời, mà còn nhắm thẳng vào đôi mắt.

Cô tự giận bản thân mình. Làm sao cô có thể mù quáng đến mức đó? Suốt thời niên thiếu cũng như từ khi cha mẹ chết đi, cô chưa bao giờ nghiêm túc tự vấn về nguồn gốc tiền bạc của gia đình cô. Căn hộ hai trăm

mét vuông trên đại lộ Beauséjour, căn nhà nghỉ mát ở Val-d'Isère, căn nhà nghỉ dưỡng ở mũi Antibes, những chiếc đồng hồ đeo tay của cha cô, phòng thay đồ của mẹ cô, rộng ngang một căn hộ hai phòng. Được xem như phóng viên, cô đã tiến hành những cuộc điều tra tố giác các chính trị gia bị tình nghi lạm dụng tài sản công, những nhân vật bị kết án trốn thuế hay hành vi vô đạo đức của vài lãnh đạo doanh nghiệp, nhưng cô chưa bao giờ cất công điều tra về bản thân mình. Câu chuyện vĩnh cửu về cọng rơm và thanh xà.

Qua cửa kính, cô trông thấy Fawles đã bước ra sân hiên. Bất động, được che chắn khỏi cơn mưa nhờ những mè gỗ của sân trong, ông nhìn đăm đăm về phía chân trời, chú chó Bronco trung thành đứng gác gần ông. Mathilde lại cầm lấy khẩu súng săn mà cô đã để trên bàn trong suốt thời gian đọc. Khẩu súng có phần bóng bằng gỗ hồ đào và ổ đạn bằng thép có khắc hình Kuçedra đáng sợ. Khẩu súng đã tàn sát gia đình cô, giờ thì cô đã biết.

Còn bây giờ? Mathilde tự hỏi.

Cô có thể tự bắn một phát đạn vào đầu mình để hoàn thiện bức tranh. Ở chính thời khắc này, hành động đó hiện ra như một sự nguôi khuây. Biết bao lần, cô đã tự trách mình vì không chết cùng em trai. Cô cũng có thể giết Fawles, đốt lời thú nhận cùng hồ sơ điều tra của ông ta để bằng mọi giá bảo vệ ký ức về gia đình Verneuil. Một bí mật gia đình loại này là vết nhơ khiến ta không tài nào gượng dậy nổi. Một cú bộc phá cấm bạn sinh con. Một sự bêu riếu mà ngay khi được công khai, sẽ làm ô uế dòng họ và hậu duệ của bạn đến nhiều thế kỷ sau. Giải pháp thứ ba là giết Fawles và sau đó tự sát để loại trừ tất cả các nhân chứng của vụ này. Vĩnh viễn nhổ tận gốc bệnh hủi “vụ Verneuil”.

Trong đầu cô, những hình ảnh về Théo không buông tha cô. Những ký ức hạnh phúc. Xót xa. Gương mặt thích pha trò của em trai cô toát ra sự tử tế. Cặp kính màu sắc và hàm răng thưa của thằng bé. Théo từng gắn bó với cô đến thế. Thằng bé từng tin tưởng cô đến thế. Mỗi khi sợ hãi - đêm tối, những con quái vật trong truyện cổ tích, những tay anh chị tép riu trong sân chơi của trường cấp hai, - cô thường trấn an Théo và lúc nào cũng nhắc đi

nhắc lại với thằng bé rằng đừng sợ, cô vẫn luôn ở đó khi nó cần đến cô. Những lời cam kết mà cô không hề thực hiện bởi vì lần duy nhất nó gặp nguy hiểm thực sự, cô đã không thể làm gì. Tệ hơn, cô chỉ nghĩ đến bản thân mình và đi nấp trong phòng riêng. Cô không sao chịu đựng nổi ý nghĩ ấy. Cô sẽ không bao giờ có thể sống cùng ý nghĩ ấy.

Qua cửa kính, cô trông thấy Fawles vẫn bước xuống cầu thang bộ bằng đá dẫn tới mũi đất nơi tàu Riva được buộc, bất chấp cơn mưa. Trong khoảnh khắc, cô ngỡ ông sắp tìm cách lên tàu, nhưng cô nhớ đã nhìn thấy chùm chìa khóa trong khay dốc túi gần cửa ra vào.

Tại cô ù đi. Trí óc cô sục sôi. Cô chuyển từ suy nghĩ này sang suy nghĩ kia, từ cảm xúc này sang cảm xúc khác. Nói cô chưa từng thắc mắc về gia đình mình thì không hoàn toàn đúng. Ngay từ tuổi lên mười - và có lẽ thậm chí từ trước đó, - cuộc sống của cô đã xen kẽ những thời kỳ chói sáng và những giai đoạn ảm đạm. Những khoảnh khắc cô bị giày vò bởi nỗi lo lắng và chán sống mà cô không rõ nguyên nhân. Sau đó, những cơn rối loạn dinh dưỡng xuất hiện khiến cô hai lần phải nhập viện tới Nhà thiếu niên.

Hiện tại, cô hiểu rằng ngay từ thời ấy, bí mật về cuộc đời hai mặt của cha cô đã mục mủn trong cô. Và nó bắt đầu lây nhiễm sang em trai cô. Quãng đời cô khi ấy bỗng nhiên được soi rọi bằng một thứ ánh sáng mới: vẻ buồn bã của Théo, bệnh hen suyễn, những cơn ác mộng tồi tệ, vẻ tự ti và kết quả học tập giảm sút của thằng bé. Bí mật ở bên trong hai chị em từ thời thơ ấu giống như một chất độc ngấm ngấm giết chết chúng. Dưới lớp vỏ bọc gia đình hoàn hảo, đứa em trai và cô chị gái đã thấm nhận những vùng tối và hơi hướm độc hại. Toàn bộ chuyện ấy diễn ra trong vô thức. Giống như những người có thần giao cách cảm, chúng hẳn đã nắm bắt một vài lời tối nghĩa không cần đến ngữ cảnh, một vài thái độ, những ẩn ý, những sự im lặng đã tiêm vào chúng một nỗi lo sợ lan tỏa.

Và mẹ cô thực sự biết gì về những tội ác của chồng mình? Có lẽ không nhiều, nhưng có lẽ Sofia đã thích nghi hơi dễ dàng và không đặt quá nhiều câu hỏi về cuộc sống sung túc của gia đình.

Mathilde cảm thấy cô đang chìm ngấm: trong vài phút, cô đánh mất mọi dấu mốc, mọi cọc tiêu vốn xác định danh tính cô từ bao lâu nay. Đúng lúc sắp quay vũ khí nhằm vào chính mình, cô đã tuyệt vọng tìm cách bám víu vào điều gì đó, và một chi tiết trong câu chuyện của Fawles thoáng qua tâm trí cô: trình tự ngã xuống của những cái xác. Và bỗng nhiên, Mathilde bắt đầu nghi ngờ phiên bản của nhà văn. Sau chứng quên gặp phải do chấn thương tâm lý, các ký ức trở lại với độ chính xác đáng ngạc nhiên, và cô chắc chắn rằng cha cô là người đầu tiên thiệt mạng.

2.

Tiếng sấm đì đùng rung lắc ngôi nhà khiến nó như thể sắp long ra khỏi vách đá. Mang theo khẩu súng, Mathilde băng qua sân thượng rồi xuống cầu thang bộ để tới chỗ Fawles và con chó của ông gần bến tàu.

Cô bước tới trên phiến đá lớn trải rộng ngay gần mép nước. Nhà văn trú dưới mái che của mặt tiền bằng đá cốt đồ sộ, được khoét một loạt các cửa sổ mờ đục. Lần đầu tiên trông thấy những cửa sổ này, Mathilde đã rất tò mò. Lúc này, cô tự nhủ có lẽ nơi này được dùng làm nhà kho chứa tàu *Riva*, ngay cả khi vào những ngày mưa bão, một vài con sóng cũng có thể nhấn chìm ụ nổi và dâng tới tận đây.

- Có điều gì đó không khớp trong câu chuyện của ông.

Fawles mệt mỏi xoa bóp gáy.

- Trình tự những cái xác ngã xuống, Mathilde nhấn mạnh. Ông khẳng định rằng trước khi chết, cha tôi đã giết mẹ tôi trước tiên rồi đến em trai tôi.

- Chuyện đã diễn ra như thế đấy.

- Nhưng theo những gì tôi còn nhớ thì hoàn toàn không phải vậy. Khi bị đánh thức bởi phát súng đầu tiên, tôi ra khỏi phòng và *trông thấy xác cha tôi* trong hành lang. Sau đó tôi mới chứng kiến vụ sát hại mẹ tôi và em trai.

- Cô *ngờ* là mình nhớ như vậy thôi. Nhưng kỳ thực, đó chỉ là những ký ức được khôi phục lại.

- Tôi biết mình đã nhìn thấy cái gì!

Fawles có vẻ thông thạo chủ đề này:

- Các ký ức quay trở lại nhiều thập kỷ sau một black-out thường có vẻ bề ngoài chính xác, nhưng chúng không hề đáng tin cậy. Về cơ bản, chúng không sai, nhưng chúng đã bị phá hủy rồi được xây dựng lại.

- Ông là bác sĩ chuyên khoa thần kinh chẳng?

- Không, tôi là tiểu thuyết gia và tôi đã đọc vài thứ về chủ đề này. Trí nhớ chấn thương đôi khi vắng mặt, và đó là một điều hiển nhiên. Cuộc tranh luận về cái mà người ta gọi là những “ký ức giả” đã nổi lên suốt nhiều năm liền tại Mỹ. Người ta gọi cái đó là “cuộc chiến ký ức”.

Mathilde tấn công ông trên một mặt trận khác:

- Cuộc điều tra tại Kosovo, tại sao ông lại là người duy nhất từng tiến hành nó?

- Bởi vì bây giờ tôi đang có mặt tại chỗ, và nhất là vì tôi đã không xin phép ai.

- Nếu việc buôn bán nội tạng này thực sự tồn tại, tất nhiên nó sẽ để lại dấu vết. Các nhà chức trách không thể để một vụ việc như thế chìm xuống được.

Fawles nở nụ cười rầu rĩ.

- Cô chưa bao giờ tới một thực địa chiến tranh, cũng chưa bao giờ tới Balkan, phải không?

- Đúng thế, nhưng...

- Đúng là đã từng có những mào mống điều tra, ông ngắt lời cô. Nhưng thời đó, người ta ưu tiên khôi phục một nhà nước pháp quyền bề ngoài chứ không phải khơi lại những vết thương của cuộc xung đột. Và lại, về mặt hành chính, đó là một mớ bòng bong nan giải. Giữa Unmik Phái bộ Liên Hợp Quốc chịu trách nhiệm quản lý Kosovo lúc bấy giờ và các nhà chức trách Albani, ai cũng muốn đá quả bóng sang chân người khác. TPIY Tòa án Hình sự Quốc tế về Nam Tư cũ với Phái bộ Cảnh sát và Tư pháp châu Âu Eulex cũng vậy. Nguồn thông tin để tiến hành điều tra là hết sức hạn chế. Tôi đã giải thích cho cô biết có được nhiều bằng chứng khớp nhau là

việc làm phức tạp đến mức nào cũng như các bằng chứng trong dạng vụ việc này bốc hơi nhanh chóng ra sao. Chưa kể rào cản ngôn ngữ.

Nhìn bề ngoài, Fawles đã có câu trả lời cho mọi chuyện, nhưng Fawles là một nhà văn, vậy nên bản chất là một kẻ nói dối lành nghề - Mathilde vẫn khẳng khái như vậy.

- Tại sao cổng ga ra của tòa nhà nơi cha mẹ tôi sống lại mở vào tối ngày 11 tháng Sáu năm 2000?

Fawles nhún vai.

- Chắc chắn nó đã bị Karim và Apolline phá hoại để lên nhà mấy cụ hưu trí. Lẽ ra cô nên đặt câu hỏi cho hai người ông kiêm kẻ tra tấn của mình.

- Tối hôm đó, sau khi nghe thấy hai tiếng súng nổ, ông vội vàng leo thang bộ lên căn hộ nhà chúng tôi? cô hỏi, tiếp tục lần theo mạch kể của Fawles.

- Đúng thế, cha cô đã để cửa ra vào mở hé.

- Ông thấy chuyện này có logic không?

- Đối với một người đã quyết định giết hại cả gia đình mình thì chẳng còn logic gì đâu!

- Dẫu sao ông cũng đã quên một thứ: tiền.

- Tiền nào?

- Ông khẳng định một phần tiền có được từ việc buôn bán nội tạng được đổ vào một hoặc nhiều tài khoản ở nước ngoài.

- Đúng vậy, đó là điều Carsten Katz nói với tôi.

- Nhưng những tài khoản này ra sao rồi? Tôi là người thừa kế duy nhất của cha tôi và tôi chưa từng nghe nhắc đến chúng.

- Đây là nguyên tắc bảo mật của ngân hàng và độ thiếu minh bạch của loại hệ thống này, tôi thấy có vẻ như vậy.

- Thời đó thì tôi đồng ý, nhưng kể từ đó, người ta đã dọn dẹp đôi chút trong các thiên đường thuế khóa rồi mà.

- Số tiền này phải nằm ngủ đâu đó, tôi hình dung vậy.

- Còn những lá thư của Soizic?
- Gì kia?
- Chúng làm cái quái gì trong tủ quần áo của mẹ tôi?
- Cha cô hẳn đã tìm thấy chúng trên xác của Soizic.
- Đồng ý, nhưng đó là một bằng chứng nguy hiểm. Tại sao ông ấy lại mạo hiểm cất giữ chúng?

Fawles không chút bối rối:

- Bởi vì chúng tuyệt hay. Bởi vì, trong thể loại của chúng, chúng hợp thành một kiệt tác văn chương thư tín.
- Khiêm tốn ơ, chào mi...
- Sự thật ơ, chào mi.
- Nhưng tại sao ông ấy lại giao chúng cho mẹ tôi, người không biết tí gì về cuộc sống hai mặt của ông ấy?

Lần này, Fawles tắc tị, ý thức rằng phiên bản của mình đã sụp đổ. Và Mathilde đã lách qua khe hở.

3.

Cơn giông chán sống và tự sát đã qua đi. Mathilde lại trở về là chính cô. Hay đúng hơn là Mathilde mà cô yêu thích. Mathilde rực lửa và bùng cháy, ngay từ khi còn bé đã vô cùng bướng bỉnh và vượt qua nhiều chướng ngại vật, bằng bất cứ giá nào. Cô vẫn đó, còn sống, sẵn sàng chiến đấu. Chỉ còn thiếu việc đánh bật kẻ thù nữa thôi.

- Tôi không nghĩ là ông vừa kể với tôi sự thật, Nathan ạ. Tôi chắc chắn đã trông thấy xác của cha tôi trong hành lang trước khi mẹ tôi và Théo mất mạng.

Lúc này, ký ức là một ánh sáng chói lòa trong tâm trí cô. Rõ ràng, chắc chắn, chuẩn xác.

Cơn mưa đã gần tạnh. Fawles rời khỏi chỗ trú và tiến vài bước trên ụ nổi, hai bàn tay thọc túi. Lũ chim cốc và hải âu lượn vòng trên bầu trời và thốt lên những tiếng kêu đáng sợ.

- Tại sao ông lại nói dối tôi? Mathilde hỏi đoạn ra chỗ ông trên sàn cập bến.

Fawles nhìn vào mắt cô. Ông không bị khuất phục, ông chỉ đang nhẫn nại.

- Cô nói đúng. Phát đạn đầu tiên được bắn ra tối hôm đó đã thực sự giết chết cái người mà cô nhìn thấy trong hành lang, nhưng đó không phải cha cô.

- Đúng mà!

Ông lắc đầu rồi nheo mắt.

- Cha cô quá cẩn trọng, quá tỉ mỉ nên đã dự tính toàn bộ chuyện này. Sau những chuyện khủng khiếp mà ông ta nhúng tay vào, ông ta ngờ rằng một ngày nào đó sẽ phải chứng kiến cuộc sống của mình đảo lộn. Để phòng trước cơn đại hồng thủy ấy, ông ta đã tính trường hợp phải thoát thân trong ngày một ngày hai.

Mathilde bàng hoàng.

- Để đi đâu?

- Alexandre Verneuil dự định làm lại cuộc đời dưới một danh tính khác, chính vì lý do này mà các tài khoản ở nước ngoài không đứng tên ông ta mà là tên hóa thân của ông ta.

- Ông đang nói về ai vậy? Cái xác trong hành lang đó là ai hả Nathan?

- Ông ta tên là Dariusz Korbas. Đó là một người Ba Lan sống trên phố cùng con chó của ông ta. Cha cô đã phát hiện ra ông ta trên đại lộ Montparnasse một năm trước. Tuổi tác tương đương, hình thể tương đương với cha cô. Verneuil lập tức hiểu ra mình có thể trục lợi những gì. Ông ta bắt chuyện với Korbas, hẹn hôm sau gặp lại và tìm cho người kia một chỗ trong nhà tình thương.

Gió bắt đầu chuyển hướng, buộc mưa phải trút những giọt cuối cùng,

- Verneuil thường mời Dariusz tới nhà hàng, Fawles giải thích. Ông ta đưa cho người kia những bộ quần áo mình không mặc nữa và tạo điều kiện để người kia được chăm sóc y tế. Không chút nghi ngờ về những dự định

cha cô nung nấu trong đầu, bản thân mẹ cô đã nhiều lần khám chữa miễn phí cho người kia trong phòng khám răng của mình.

- Nhưng ông ấy thu xếp toàn bộ chuyện này nhằm mục đích gì?

- Để Dariusz có thể thế chỗ ông ta khi Verneuil cho là đã đến thời điểm diễn màn tự tử.

Mathilde cảm thấy chao đảo, như thể ụ nổi bằng gỗ đang sập xuống.

Fawles tiếp tục:

- Ngày 11 tháng Sáu năm 2000, Verneuil yêu cầu Dariusz Korbas ghé qua gặp ông ta ít lâu trước nửa đêm và mang theo túi xách du lịch cá nhân, viện cố sẽ lái xe đưa Dariusz lên *Fleuron Saint Jean*.

- *Fleuron Saint Jean* sao?

- Đó là một chiếc sà lan neo đậu ở bến Javel, nó đã biến thành nhà trú chân nơi những người vô gia cư có thể ở cùng chó của họ. Kế hoạch của cha cô rất đơn giản: giết Korbas trước khi khử các vị, mẹ cô, em trai cô và cô. Và đó là điều đã diễn ra. Khi Dariusz xuất hiện, cha cô đã nhờ mẹ cô pha cho ông ta một tách cà phê. Ông ta tranh thủ quãng thời gian đó để lục lọi đồ đạc của người kia. Rồi, đúng vào lúc lên đường tới chỗ ở mạo xưng kia, Verneuil đã bắn vào mặt người kia ở cự ly gần.

Mathilde lập tức phản đối: cô còn nhớ rất rõ rằng xác của cha cô đã được nhận dạng.

- Chính xác, Fawles tán thành. Ngày hôm sau, cái xác đã được ông nội cô, Patrice Verneuil, và bà nội cô, nhận dạng. Nhận dạng trong tâm trạng đau khổ và bối rối, để hoàn thành một thủ tục thì đúng hơn là để ngăn chặn một cái bẫy mà chẳng ai nghĩ đến.

- Còn cảnh sát?

- Họ đã tiến hành công việc của mình một cách chu đáo: phân tích hàm răng của xác chết, so sánh ADN thu được trên một chiếc lược và bàn chải đánh răng tìm thấy trong phòng tắm của cha cô.

- Chiếc lược và bàn chải đánh răng thuộc về Dariusz, Mathilde phỏng đoán.

Fawles gật đầu:

- Cái túi du lịch dùng chính vào việc đó.

- Còn hàm răng thì sao?

- Đó là chi tiết khó nhất để qua mặt nhưng cha cô đã dự liệu mọi chuyện: vì cả hai người, ông ta và Dariusz, đều được chăm sóc răng tại phòng khám của mẹ cô, ông ta chỉ cần trao đổi vào buổi chiều cùng ngày hai tấm phim chụp toàn cảnh răng để lừa gạt các kỹ thuật viên bên pháp y.

- Còn những lá thư gửi Soizic? Tại sao ông ấy lại bỏ vào tủ quần áo của mẹ tôi?

- Để khiến các nhà điều tra tin rằng mẹ cô có một người tình. Và rằng sự lừa dối của vợ ông ta là nguyên nhân của vụ thảm sát. Chữ cái đầu S. sẽ tiện cho hướng suy diễn này.

Fawles giữ tóc để gạt đi những giọt nước mưa. Đến lượt quá khứ quay trở lại vây hãm ông và ông vẫn luôn khó khăn khi đối diện với nó.

- Khi tôi tới căn hộ, cha cô đã giết Dariusz Korbas, mẹ cô và em trai cô. Ông ta đã để cửa mở, đúng thế, chắc chắn là để có thể chạy trốn dễ dàng hơn. Nhưng trước đó, cô mới là người ông ta định giết trước, giờ thì tôi dám chắc như vậy. Tôi đã vật lộn để tước vũ khí của ông ta và phang nhiều cú báng súng vào mặt ông ta để ông ta không thể gây hại nữa. Rồi tôi ngó qua phòng cô, nhưng tôi không nhìn thấy ai.

- Chính vì thế mà tôi nhận ra đôi bốt của ông.

- Sau đó, tôi quay trở lại phòng khách. Cha cô đã bị thương, bất tỉnh nhân sự, nhưng vẫn còn sống. Tôi thì choáng váng bởi những gì mình vừa trải qua. Chỉ mãi sau này tôi mới hiểu được đã xảy ra chuyện gì. Trong cơn hăng, cuối cùng tôi đã quyết định lôi theo Verneuil đang bất tỉnh đi xuống bằng thang máy. Tới bãi đỗ xe, tôi vác ông ta vào tận trong xe rồi đặt ông ta ngồi lên ghế phụ lái.

Giờ thì Mathilde đã hiểu tại sao Apolline Chapuis lại thề là nhìn thấy hai người trong chiếc Porsche của nhà văn.

- Tôi rời tòa nhà rồi nhắm hướng bệnh viện mà tôi cho là gần nhất: Ambroise-Paré ở Boulogne-Billancourt. Nhưng khi chỉ còn cách khoa cấp cứu vài mét, tôi đã đi tiếp mà không dừng lại. Tôi đã lái xe suốt đêm: ngoại vi, đường A6 rồi đường Provence tới tận Toulon. Tôi không thể quyết định để Verneuil được chăm sóc y tế. Ông ta không thể là người duy nhất còn sống bước ra khỏi tấn thảm kịch trong khi ông ta là người duy nhất phải chịu trách nhiệm về nó.

4.

- Tôi tới Hyères lúc sáng tinh mơ. Giữa lúc đó, Verneuil đã lơ mơ tỉnh lại, nhưng tôi đã trói gô ông ta bằng hai sợi dây an toàn.

Fawles bắt đầu nói chuyện giống như cách ông phải lái xe đêm hôm đó: nhanh và không ngừng nghỉ.

- Tôi tiếp tục lộ trình của mình về phía cảng Saint-Julien-les-Roses nơi tôi có chiếc tàu riêng. Tôi chất Verneuil lên *Riva*, rồi lái tàu tới tận đây. Tôi muốn tự tay giết ông ta, như từng dự định khi trở về từ Kosovo. Đáng ra tôi nên làm vậy, điều này có lẽ sẽ giúp ngăn chặn cuộc tàn sát mà tôi vừa tham dự. Nhưng tôi đã không lập tức chuyển sang hành động. Tôi không muốn cái chết này quá nhẹ nhàng, tôi muốn nó chậm rãi, khủng khiếp, thảm đạm.

Fawles bước đi, lại gần nhà kho chứa tàu. Lúc này, có vẻ như ông đang lên cơn sốt:

- Để trả thù cho cái chết của Soizic và tất cả những cái chết mà Verneuil đã dính líu, tôi có nhiệm vụ phải đẩy hẳn xuống địa ngục. Nhưng địa ngục đúng nghĩa không phải một phát đạn vào đầu hay một nhát dao trúng tim. Địa ngục đúng nghĩa là địa ngục dai dẳng, nỗi đau đốn chung thân, cùng sự trừng phạt ấy không ngừng giáng xuống. Truyền thuyết về Prometheus.

Mathilde vẫn không hiểu Fawles muốn đi đến đâu.

- Tôi đã giam giữ Verneuil tại *Nam Thập Tự*, ông nói tiếp, và sau khi cưỡng đoạt từ ông ta những câu trả lời mình còn thiếu, tôi không nói chuyện với ông ta nữa. Tôi nghĩ có thể thỏa mãn cuộc trả thù của mình dài lâu, một cuộc trả thù xứng đáng với nỗi đau mà tôi cảm thấy. Và nhiều

ngày trôi qua, rồi nhiều tuần, nhiều tháng, nhiều năm. Những năm rông cô đơn và cô lập. Những năm rông sám hối và tra tấn, sau tất cả, chỉ để thu về một ghi nhận kinh khủng: sau ngần ấy thời gian, tù nhân thực sự không phải là Verneuil, mà là tôi. Tôi đã trở thành cai ngục của chính mình...

Bàng hoàng, Mathilde lùi lại một bước, chấn động trước sự thật khủng khiếp: Nathan Fawles đã giam giữ cha cô trong kho chứa tàu suốt nhiều năm. Trong phần này của tòa nhà, được bảo vệ bởi những cửa sổ mờ đục, nơi không bao giờ có ai đặt chân tới.

Cô nhìn kỹ *boat house* hòa lẫn vào vách đá. Lối vào có thể tạo nên bởi một lỗ cửa ngách chật hẹp hoặc một cánh cửa lớn bằng kim loại, như người ta thường thấy trên các ga ra. Cô nhìn Fawles, tìm kiếm một sự xác nhận. Nhà văn lấy từ túi áo ra một chiếc điều khiển từ xa nhỏ rồi chĩa vào cánh cửa. Cánh cửa chậm chậm mở ra theo chiều dọc trong một âm thanh chói tai.

5.

Gió ùa vào hang ổ của con quái vật rồi cuộn xoáy quay cuồng trong đó, cuốn theo mùi khủng khiếp của đất nung, lưu huỳnh và nước tiểu.

Gom góp chút sức lực và quyết tâm còn lại, Mathilde tiến đến đối diện vực sâu trong cuộc đối chất cuối cùng. Cô tháo chốt an toàn rồi kẹp chặt nòng súng vào người. Gió quất vào mặt cô, nhưng sự mát mẻ này khiến cô dễ chịu.

Cô chờ hồi lâu. Một âm thanh kim loại rít lên hòa với tiếng gió mistral. Hang ổ của Kuçedra chìm trong bóng tối. Âm thanh dây xích khuếch đại, rồi con quỷ từ bóng tối hiện ra.

Alexandre Verneuil không còn hình dạng con người. Da hăn xám ngoét, khô đanh và đóng thành vên đá như da bò sát, mái tóc trắng của hăn tạo thành một cái bờm dày đáng sợ, móng tay hăn sắc nhọn và dài như móng vuốt, còn khuôn mặt hăn thâm sì, chi chít mụn mủ, bị chọc thủng bởi hai khe nứt: đôi mắt điên dại và long sòng sọc.

Mathilde cảm thấy bủn rủn tay chân trước con quái vật trước đây vốn là cha cô. Trong vài giây, cô lại trở thành bé gái khiếm hải trước đàn sói và lũ yêu tinh. Cô nuốt nước bọt. Đúng lúc cô hạ vũ khí xuống, một khoảng trống trên bầu trời khiến những đường khắc mảnh trang trí nòng súng ánh lên: một con Kuçedra mắt bạc đặc chí dang rộng đôi cánh khổng lồ. Cơ thể cô không ngừng run rẩy. Cô bám vào báng súng, nhưng...

*

- Mathilde! Em sợ!

Một giọng nói chuyển điệu vang lên từ miền đất tuổi thơ. Một ký ức xưa cũ lang thang trong một góc tâm trí cô. Mùa hè năm 1996. Vũng bờ đá Rặng Thông, cách đây vài cây số. Gió ấm, bóng thông, hương khuynh diệp nồng nàn. Tràng cười của Théo. Bảy giờ thẳng bé bảy tuổi. Nó đã một mình leo lên nóc cao nhất Mũi Mỏm Đá, đảo đá nhỏ nổi lên đối diện bãi biển. Và lúc này, nó không còn tin chắc là sẽ dám lao xuống nước. Cách vài mét bên dưới, Mathilde đang bơi trong làn nước màu lam ngọc. Đầu ngẩng lên, hướng về phía mỏm núi đá, cô hét to cổ vũ em:

- Nào, Théo! Em là người mạnh nhất!

Vì thẳng em vẫn lưỡng lự, cô vẫy tay về phía nó rồi hét lên với nó, bằng toàn bộ sức mạnh của niềm tin nơi cô:

- Cứ tin ở chị!

Những lời thần diệu. Những lời không nên nói bộp chộp. Những lời khiến Théo bỗng như tìm lại được nụ cười cùng đôi mắt sáng lấp lánh. Thằng bé lấy đà, chạy, rồi lao người xuống biển. Hình ảnh ngưng đọng trong khi thẳng bé vẫn còn lơ lửng trên không trung, như một tên cướp biển áp mạn thuyền tấn công, chính là một khoảnh khắc nhẹ nhàng, hạnh phúc, nhưng đã mang trong mình nỗi hoài niệm riêng. Khoảnh khắc được bảo toàn khỏi tất cả những gì sẽ trở thành cuộc sống sau này: gánh nặng, u buồn, đau đớn.

*

Ký ức vỡ vụn rồi rớt cuộc cũng tan loãng trong nước mắt.

Mathilde lau má và tiến về phía con rồng. Con quý đang run rẩy trước mắt cô chẳng còn vẻ gì tàn ác hay hăm dọa. Đó là một hình hài co quắp góm ghiếc với đôi cánh đã gãy đang lê lét trên phiến đá lát như một kẻ thân tàn ma dại gầy mọn. Một quái vật mù lòa bởi ánh sáng ban ngày.

Gió mistral thổi điên cuồng.

Mathilde không run rẩy nữa.

Cô tì khẩu súng vào vai.

Bên tai cô, bóng ma Théo thì thầm.

Cứ tin ở em.

Trời không mưa nữa. Gió bắt đầu thổi bạt mây đi.

Chỉ có một phát súng.

Một tiếng nổ đanh và mau đập vào bầu trời nhạt sắc.

ĐOẠN KẾT

“Cảm hứng đến từ đâu?”

Lời chú bên lề cho *Cuộc sống bí mật của các nhà văn*
do Guillaume Musso viết

Mùa xuân năm ngoái, ít lâu sau khi xuất bản cuốn tiểu thuyết mới của mình, tôi được mời tham dự một buổi ký tặng tại hiệu sách duy nhất trên đảo Beaumont; Sau khi chủ cũ qua đời, *La Rose Écarlate* khi ấy vừa được một cặp đôi chủ hiệu sách người Bordeaux mua lại. Hai người phụ nữ trẻ nhiệt tình muốn hiện đại hóa và hồi sinh cửa hiệu cũ này và muốn tôi trở thành người đỡ đầu cho dự án đó.

Trước kia tôi chưa từng đặt chân tới Beaumont và không biết gì nhiều về địa lý của nó. Trọng tâm trí tôi, hòn đảo có phần giống với đảo Porquerolle. Tuy nhiên tôi vẫn nhận lời, vì các chủ hiệu sách rất dễ mến và tôi biết Beaumont là nơi Nathan Fawles, nhà văn tôi yêu thích, từng sống suốt gần hai chục năm.

Ở đâu tôi cũng đọc được rằng dân đảo rất đa nghi và không mấy niềm nở, nhưng buổi hội thảo và ký tặng đã diễn ra thực sự ấm cúng và thật dễ chịu khi trò chuyện với người dân đảo Beaumont. Mỗi người đều có giai thoại riêng để kể và tôi cảm thấy thoải mái khi ở cùng họ. “Các nhà văn luôn được chào đón tại Beaumont”, hai chủ hiệu sách cam đoan với tôi như vậy. Họ đã đặt cho tôi một phòng trọ đẹp như tranh ở phía Nam đảo để nghỉ dịp cuối tuần, chỗ này gần một tu viện nơi cộng đồng nữ tu dòng Benedict sinh sống.

Tôi tranh thủ hai ngày này để rải bước ngang dọc khắp đảo và nhanh chóng phải lòng cái mẩu nước Pháp mà không hẳn là Pháp này. Một dạng Côte d'Azur vĩnh cửu, không du khách, không lòe loẹt, không ô nhiễm hay bê tông. Tôi không đành lòng rời đảo. Tôi quyết định kéo dài kỳ lưu trú của mình và bắt đầu tìm một ngôi nhà nhỏ để mua hoặc thuê. Chính nhờ thế mà tôi biết được rằng trên đảo Beaumont không có văn phòng môi giới nhà đất: một phần tài sản được chuyển giao trong nội bộ gia đình và phần còn lại thông qua tuyển lựa bổ sung. Chủ phòng trọ của tôi, một cụ bà người Ailen tên Colleen Dunbar, khi nghe tôi chia sẻ về dự định của mình, đã nói với tôi về một ngôi nhà có khả năng đang đăng bán: *Nam Thập Tự*, ngôi nhà từng thuộc về Nathan Fawles. Bà giúp tôi liên lạc với người được ủy quyền giao dịch.

Đó là Jasper Van Wyck, một trong những huyền thoại mới đây của giới xuất bản New York. Van Wyck từng là người đại diện của Fawles và các tác giả quan trọng khác. Ông đặc biệt nổi tiếng vì đã cho phép xuất bản cuốn *Lorelei Strange* trong khi cuốn tiểu thuyết đã bị phần lớn các nhà xuất bản ở Manhattan từ chối. Mỗi khi trên báo chí xuất hiện một bài viết về Fawles, người đứng ra trả lời thay luôn là Van Wyck nên tôi tự hỏi mối quan hệ giữa hai người đàn ông này là thế nào. Trước khi hoàn toàn im hơi lặng tiếng, Fawles gây cảm tưởng là ông ghét cả thế giới: giới phóng viên, giới xuất bản và thậm chí là những đồng nghiệp viết văn của ông. Khi tôi gọi cho Van Wyck, ông đang nghỉ hè tại Ý, nhưng ông vẫn nhận lời gián đoạn kỳ nghỉ một ngày để tôi có thể tham quan *Nam Thập Tự*.

Cuộc hẹn được lên lịch và ngày hôm sau, Jasper tới đón tôi tại nhà Colleen Dunbar trên một chiếc Mini Moke màu rằn ri do ông thuê. Vóc dáng tròn trịa và hiền lành, người đại diện này khiến tôi nhớ tới Peter Ustinov⁽²⁴⁾ khi vào vai thám tử Hercule Poirot⁽²⁵⁾ quần áo phong cách công tử bột kiểu cũ, ria mép vênh cong, ánh nhìn tinh quái.

Ông lái xe đưa tôi tới tận mũi Safranier, rồi mạo hiểm tiến vào bên trong một bãi đất hoang rộng nơi mùi gió phơn vùng biển hòa trộn với hương khuynh diệp và bạc hà Âu. Con đường quanh co trên một đoạn dốc đứng và

biển bỗng hiện ra cùng lúc với ngôi nhà của Nathan Fawles, một hình hộp tạo nên từ đá hoang thổ, kính và bê tông.

Tôi lập tức bị quyến rũ. Tôi đã luôn mơ ước được sống tại một nơi như vậy: một biệt thự cheo leo nơi vách đá với màu xanh hút mắt đến cuối chân trời, tôi hình dung lũ trẻ chạy trên sân thượng, tôi hình dung phòng làm việc của mình đối diện biển, nơi tôi viết những tiểu thuyết không chút khó khăn, như thể vẻ đẹp của cảnh vật có thể là nguồn gốc của một cảm hứng bất tận. Nhưng Van Wyck đòi cả một gia tài, và ông nói rằng tôi không phải là khách hàng duy nhất vào thời điểm đó. Một doanh nhân vùng Vịnh đã tới đây thăm thú nhiều lần và đã đưa ra một đề nghị chắc chắn. “Sẽ rất tiếc nếu bỏ lỡ cơ hội, Jasper bảo tôi, ngôi nhà này được xây nên để làm chỗ ở cho một nhà văn.” Dù không thực sự biết ngôi nhà dành cho một nhà văn là như thế nào, nhưng tôi đã sợ bỏ lỡ cơ hội sở hữu nó đến mức tôi nhượng bộ trước khoản chi điên rồ kia.

*

Tôi dọn tới *Nam Thập Tự* vào cuối mùa hè. Căn nhà vẫn ổn thỏa, nhưng xứng đáng được sửa sang lại chĩn chu. Thật đúng lúc, tôi đang cần sử dụng mười ngón tay mình vào việc gì đó lần nữa. Tôi bèn bắt tay vào nhiệm vụ. Ngày nào tôi cũng dậy từ 6 giờ sáng rồi viết tới tận giờ ăn trưa. Buổi chiều được dành cho công việc tu bổ căn biệt thự: sơn sửa, hệ thống đường ống nước, điện. Ban đầu, sống tại *Nam Thập Tự* có phần khiến người ta e sợ. Van Wyck đã bán cho tôi căn nhà có sẵn đồ đạc nên bất kể tôi làm gì thì bóng ma của Fawles cũng lảng vảng khắp nơi: nhà văn từng dùng bữa sáng đặt trên chiếc bàn này, từng nấu nướng trong cái lò này, từng uống cà phê trong chiếc tách này. Khá nhanh chóng, tôi trở nên bị ám ảnh bởi Fawles và tự hỏi liệu ông có hạnh phúc trong căn nhà này không và tại sao cuối cùng ông lại quyết định bán nó đi.

Dĩ nhiên, ngay từ cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa chúng tôi, tôi đã đặt câu hỏi này cho Van Wyck nhưng bất chấp bản tính nhã nhặn của mình, ông đã không ngần ngại trả lời tôi rằng chuyện đó không liên quan tới tôi. Tôi hiểu nếu tôi mạo hiểm đặt câu hỏi thêm lần nữa, ngôi nhà này sẽ không bao giờ

là của tôi. Tôi đọc lại ba cuốn tiểu thuyết của Fawles, tải tất cả những bài viết mà tôi có thể tìm ra về ông, và nhất là, dành thời gian trò chuyện với những người dân đảo từng gặp ông. Người dân Beaumont dựng nên một chân dung nhà văn bằng toàn những lời ca tụng. Dĩ nhiên, ông bị coi là người có phần ươn sầu luôn dè chừng du khách và dứt khoát từ chối chụp ảnh hoặc trả lời những câu hỏi về các tác phẩm ông viết, nhưng với người bản xứ, Fawles luôn lịch thiệp và nhã nhặn. Khác xa hình ảnh kẻ đơn độc cục cằn của mình, ông không hề thiếu tính hài hước, đúng ra là khá dễ gần và thường lui tới *La Fleurs du Malt*, quán rượu trên đảo. Việc ông đột ngột dọn đi khiến phần lớn mọi người bất ngờ. Và chẳng hoàn cảnh ông rời đi cũng không được rõ ràng cho lắm, ngay cả khi tất cả mọi người đều nhất trí công nhận rằng mùa thu trước đó, Fawles đã bất thành tình duyên sau khi gặp một nữ phóng viên người Thụy Sĩ tới nghỉ trên đảo. Một phụ nữ trẻ đã bắt liên lạc với ông bằng cách đem trả con chó của ông, một chú chó giống golden retriever mang tên Bronco, nhiều ngày trước đó bị mất tích. Không ai thực sự biết thêm gì khác, và ngay cả khi người ta không bày tỏ công khai thì tôi vẫn cảm thấy rõ ràng rằng dân đảo có phần thất vọng khi Fawles đi khỏi mà không nói lời tạm biệt họ. “Đó là bản tính rụt rè của các nhà văn”, tôi giải thích nhằm bênh vực ông. Nhưng tôi không biết liệu họ có tin lời tôi hay không.

*

Mùa đông tới.

Tôi kiên trì tiếp tục công việc sửa chữa ngôi biệt thự vào buổi chiều trong khi buổi sáng vẫn làm việc với cuốn sách viết dở của mình. Nói đúng ra, tôi viết không nhiều. Tôi đã bắt đầu viết một cuốn tiểu thuyết, *Sự rụt rè của những đỉnh cao*, và bấy giờ tôi đang khó nhọc hoàn thành nó. Cái bóng sừng sững của Fawles đi theo tôi khắp nơi. Thay vì viết, tôi dành trọn các buổi sáng để tiến hành tìm kiếm về ông. Tôi lần lại dấu vết của nữ phóng viên người Thụy Sĩ - cô tên là Mathilde, ở tòa soạn của cô, người ta cho tôi biết cô đã xin thôi việc, nhưng tôi không biết được gì thêm. Tôi lần ngược

tới cha mẹ cô ở tổng Vaud. Họ trả lời tôi rằng con gái họ vẫn ổn và sẽ cho tôi gặp.

Về phần công việc sửa sang, mọi thứ may mắn tiến triển với nhịp độ nhanh hơn. Sau khi cải tạo xong các phòng chính, tôi chuyển sang các phần phụ, bắt đầu bằng kho chứa tàu, hẳn là nơi tàu *Riva* của Fawles từng nằm. Jasper đã tìm cách bán con tàu cho tôi, nhưng tôi không biết làm gì với một con tàu như thế nên từ chối. *Boat house* là nơi duy nhất của ngôi nhà mà tôi thấy chất chứa ám khí. Âm u, lạnh lẽo, buốt giá. Tôi đã bố trí lại ánh sáng bằng cách phục hồi những khung cửa sổ đẹp đẽ hình ô van khá giống cửa sổ máy bay trước đây từng bị bít kín. Vẫn chưa thỏa lòng, tôi phá đi nhiều bức tường lửng từng khiến căn phòng như bị thu hẹp lại. Tại một trong những công trình xây bằng gạch đá này, tôi kinh ngạc khi thấy xuất hiện những mảnh xương được đục lẩn trong bê tông.

Ngay lúc ấy, tôi phát hoảng. Những mảnh xương này liệu có phải xương người không? Ngôi nhà được xây dựng từ khi nào? Lẽ nào Fawles đã bị lôi kéo vào một vụ giết người?

Nhưng đặc thù của các tiểu thuyết gia chính là gặp chuyện gì cũng bé xé ra to. Tôi ý thức được điều ấy và quyết định trấn tĩnh.

Mười lăm ngày sau, khi bình tâm trở lại đôi chút, tôi lại có được một khám phá khác - lần này là trong một xó xỉnh của mái nhà. Một chiếc máy chữ hiệu Olivetti màu xanh hạnh nhân cùng một tập hồ sơ đóng bìa cứng chứa vài trăm trang đầu của thứ giống như một cuốn tiểu thuyết viết dở của Fawles.

Đã lâu rồi tôi mới phấn khích đến vậy, tôi quay xuống phòng khách với kho báu đó kẹp dưới cánh tay. Đêm đã buông và căn nhà lạnh buốt. Tôi nhóm một ngọn lửa trong lò sưởi treo chễm chệ giữa phòng rồi rót cho mình một ly Bara No Niwa - Fawles đã để lại trong quầy bar hai chai rượu whisky mà ông yêu thích. Rồi tôi ngồi vào chiếc ghế bành đối diện biển để đọc những trang giấy được thảo bằng máy đánh chữ. Lần đầu tiên đọc lướt thật nhanh rồi thêm lần thứ hai nhằm thưởng thức trọn vẹn bản văn. Đó là một trong những kỷ niệm đọc đáng chú ý nhất cuộc đời tôi. Khác biệt,

nhưng có thể so sánh về độ mãnh liệt với ký ức tôi có ở độ tuổi thơ ấu và niên thiếu khi khám phá ra *Ba chàng lính ngự lâm*, *Anh Meaulnes* hay *Hoàng tử thủy triều*. Đây là những trang đầu tiên của *Một mùa hè bất khả chiến bại*, cuốn tiểu thuyết Fawles viết dở trước khi ngừng viết. Có thể đặc biệt tìm ra dấu vết về nó trong cuộc phỏng vấn sau cùng ông trả lời AFP. Tác phẩm có vẻ là một cuốn tiểu thuyết trường kỳ theo khuynh hướng nhân văn chủ nghĩa, dựa trên một loạt các nhân vật với những bước biến chuyển suốt gần bốn năm diễn ra cuộc vây hãm Sarajevo. Những gì tôi được đọc chỉ là phần mở đầu - một bản văn thô mộc, không sửa chữa, không trau chuốt -, nhưng là sự nhen nhóm một ngọn lửa sáng rực, thừa sức xứng tầm những gì Fawles từng viết cho tới thời điểm đó.

Trong những ngày tiếp theo, mỗi sáng tôi đều thức dậy với cảm giác mạnh mẽ trong tâm thức, thầm nhắc đi nhắc lại với bản thân rằng tôi có đặc quyền trở thành người có lẽ là duy nhất trên thế giới được tiếp cận bản văn ấy. Nhưng khi cơn ngây ngất đó tiêu tan, tôi lại thắc mắc lý do Fawles bỏ dở bản thảo giữa chừng. Phiên bản mà tôi đọc đề tháng Mười năm 1998. Cuốn tiểu thuyết đã được triển khai rất tuyệt.

Fawles hẳn là hài lòng với tác phẩm của mình. Dĩ nhiên đã bất ngờ xảy ra điều gì đó trong cuộc đời ông để ông đột ngột từ bỏ việc viết văn như vậy. Một cơn trầm cảm nặng? Một chuyện tình thui chột từ trong trứng nước? Mất đi một người thân yêu? Quyết định này có liên quan gì tới những mảnh xương mà tôi tìm thấy trong tường của nhà kho chứa tàu không?

Để tìm hiểu rõ ngọn ngành, tôi quyết tâm giao chúng cho một chuyên gia. Vài năm trước, khi tiến hành các nghiên cứu cho một cuốn tiểu thuyết trinh thám, tôi đã gặp Frédérique Foucault, một nhà nhân chủng học tư pháp chuyên phân tích hiện trường tội ác. Bà đề nghị tôi qua gặp bà tại phòng làm việc riêng thuộc Inrap⁽²⁶⁾ tại Paris. Tôi tới phố Alésia với một chiếc va li nhỏ bằng nhôm trong đó tập hợp một bộ mẫu các mảnh xương. Nhưng đến phút cuối, trong đại sảnh rộng lớn, tôi đã từ bỏ ý định và rời khỏi đó. Tôi sẽ nhân danh cái gì đây để chuốc lấy nguy cơ bôi nhọ cuộc

sống của Fawles? Tôi không phải thẩm phán cũng chẳng phải phóng viên. Tôi là tiểu thuyết gia. Tôi cũng là một độc giả của Fawles, và ngay cả khi điều này thật ngây thơ, tôi vẫn tin chắc tác giả của *Lorelei Strange* và *Những kẻ bị sét đánh* không phải một gã đều cáng hay một tên sát nhân.

*

Tôi vứt bỏ những mảnh xương rời tới New York gặp Jasper Van Wyck, trong phòng làm việc nhỏ ngập bản thảo của ông tại tòa nhà Flatiron. Bốn mặt tường giăng kín những bản tranh khắc bằng mực màu nâu đen tái hiện cảnh giao đấu giữa những con rồng gớm ghiếc và hăm dọa lẫn nhau.

“Một phúng dụ về thế giới xuất bản chẳng?” tôi hỏi.

“Hay là thế giới của các nhà văn”, ông lập tức phản công.

Bấy giờ, chỉ còn một tuần nữa là đến Giáng sinh. Tâm trạng đang vui nên ông mời tôi cùng ăn hàu tại nhà hàng *Pearl Oyster Bar* trên phố Cornelia.

“Tôi hy vọng ông vẫn hài lòng với ngôi nhà? ông hỏi tôi. Tôi gật đầu, nhưng cũng nói cho ông biết về công việc sửa sang và những mảnh xương tôi đã tìm thấy khi phá một bức tường của nhà kho chứa tàu. Đang ngồi chống khuỷu tay xuống quầy, Jasper khẽ nhíu mày, mặc dù phần còn lại của gương mặt ông vẫn kín như bưng. Ông rót cho tôi một cốc vang Sancerre đoạn bảo tôi rằng ông biết tường tận kiến trúc của *Nam Thập Tự*, nó được xây dựng từ thập niên 1950 đến 1960, nghĩa là rất lâu trước khi Fawles mua nó, và những mảnh xương này chắc chắn là xương bò hay xương chó gì đó thôi.

“Đó không phải khám phá duy nhất của tôi,” tôi nói đoạn kể với ông về mấy trăm trang của *Một mùa hè bất khả chiến bại*. Thoạt tiên, Jasper còn ngỡ tôi đùa, rồi ông có chút ngờ vực. Bấy giờ tôi lấy từ trong cặp của mình ra mười trang bản thảo đầu tiên. Van Wyck đọc lướt qua, mắt sáng rỡ. “Cái gã điên khùng đó lúc nào cũng bảo với tôi là gã đã đốt mất đoạn đầu của bản thảo!”

“Anh muốn đổi phần tiếp theo lấy gì nào?” ông hỏi. “Chẳng gì hết, tôi nói đoạn chừa cho ông phần còn lại, tôi không phải một kẻ tổng tiền.” Ông nhìn tôi với vẻ biết ơn, đoạn vờ lấy chùng trăm trang bản thảo kia như thể đó là một thánh tích. Khi rời khỏi quán bar chuyên phục vụ hầu, tôi hỏi Jasper lần nữa xem ông có tin tức gì về Fawles không, nhưng ông lẩn tránh.

Tôi đổi chủ đề bằng cách nói với ông rằng tôi đang tìm một đại diện văn học ở Mỹ cho dự án sách mới: tôi muốn kể những ngày cuối cùng của Nathan Fawles trên đảo Beaumont dưới dạng tiểu thuyết hóa. “Đó là một ý tưởng vô cùng tệ hại,” Jasper lo lắng. “Đây không phải tiểu sử cũng không phải một tác phẩm xâm phạm đời tư, tôi cố gắng trấn an ông, chỉ là một hư cấu lấy cảm hứng từ nhân vật Fawles. Tôi đã có nhan đề rồi: *Cuộc sống bí mật của các nhà văn.*”

Jasper vẫn không hề động lòng. Tôi không tới để tìm lời chúc phúc của ông, nhưng vẫn cảm thấy bối rối khi chia tay ông mà ông giữ thái độ lạnh nhạt. “Tôi không muốn viết về bất cứ thứ gì khác, tôi nói thêm. Đối với một tiểu thuyết gia, không gì đau đớn hơn là mang trong mình một câu chuyện mà không thể kể nó ra.” Lần này, Jasper gật đầu. “Tôi hiểu,” ông nói trước khi tuôn ra câu thoại mà ông chuyên dùng để trả lời báo chí: “Bí ẩn Nathan Fawles, đó là chẳng có bí ẩn nào hết.”

“Ông đừng lo, tôi đáp. Tôi sẽ sáng tạo ra một bí ẩn, đó là công việc của tôi.”

*

Trước khi rời New York, tôi đã mua nhiều dải mực tại tiệm của một tay chuyên bán máy chữ cũ tại Brooklyn.

Tôi về tới *Nam Thập Tự* vào đầu giờ tối một ngày thứ Sáu, hai ngày trước Giáng sinh. Trời lạnh nhưng quang cảnh thì vẫn khiến người ta kinh ngạc, gần như vô thực, khi mặt trời lặn cuối chân trời. Lần đầu tiên tôi có cảm giác trở về nhà mình.

Tôi đặt lên mâm quay chiếc đĩa than của bản gốc *Khẩu súng cổ*, vật lộn nhóm một ngọn lửa trong lò sưởi rồi rót cho mình một cốc Bara No Niwa.

Rồi tôi ngồi bên bàn phòng khách trước cái máy chữ hiệu Olivetti chất liệu nhựa bakelite vừa được tôi lắp một dải mực.

Tôi hít một hơi dài. Thật khoan khoái khi được quay trở lại ngồi sau một: bàn phím. Đó là chỗ của tôi. Đó là nơi tôi luôn cảm thấy mình đỡ tệ hại nhất. Để khởi động, tôi gõ câu đầu tiên lướt qua tâm trí.

Phẩm chất; hàng đầu qua một nhà văn, đó là sở hữu một cặp móng rắn chắc.

Tiếng phím lách cách dưới những ngón tay khiến tôi thoáng rùng mình. Tôi gõ tiếp:

Chương 1.

Thứ Ba ngày 11 tháng Chín năm 2018

Gió thổi khiến những cánh buồm đập phành phạch dưới một vòm trời chói chang! Quá một giờ chiều đôi chút, chiếc thuyền buồm đã rời bờ biển xứ Var và lúc này đang lướt với tốc độ năm hải lý trên giờ nhằm hướng đảo Beaumont.

Xong rồi, thế là đã bắt đầu, nhưng ngay từ những câu đầu tiên tôi đã bị cắt ngang bởi một tin nhắn dài từ Jasper Van Wyck. Trước tiên ông thông báo với tôi rằng ông nhận lời đọc cuốn tiểu thuyết của tôi chừng nào nó hoàn thành. (Làm vậy là để giám sát trông chừng, tôi đâu có dễ bị gạt.) Sau đó ông đảm bảo với tôi rằng Fawles ổn và nhà văn nhờ ông cảm ơn tôi vì đã hoàn trả lại một trăm trang bản thảo kia, nhà văn khẳng định đã quên khuấy sự tồn tại của chúng. Để làm tin, Jasper đính kèm tin nhắn của ông một bức ảnh do một du khách chụp được tuần trước tại Marrakech. Laurent Laforêt, bút danh của một phóng viên người Pháp, đã nhận ra Fawles trong khu Ả Rập nên chụp ảnh ông lia lịa. Sau khi ửng biến thành paparazzi, gã phóng viên xoàng cố gắng bán những bức ảnh của mình cho các website hoặc các tạp chí ngồi lê đôi mách, nhưng Jasper đã kịp thu hồi trước khi chúng được đăng tải.

Tò mò, tôi xem kỹ hình ảnh hiển thị trên màn hình điện thoại. Tôi nhận ra địa điểm, bởi tôi từng thăm nơi này khi tới nghỉ tại Maroc: chợ Ả Rập Haddadine, khu phố của phường thợ sắt và thợ rèn. Tôi còn nhớ về nó như

một mê cung những con phố chật hẹp nằm lộ thiên, nơi tập trung quầy quán và gian hàng trong đó các nghệ nhân trang bị đồ dùng dụng cụ và que hàn vẫn quai búa, đục và gia công kim loại để biến chúng thành đèn bàn, đèn lồng, bình phong và các đồ đạc khác bằng sắt rèn.

Giữa các chùm tia lửa, có thể thấy rõ ràng ba người: Nathan Fawles, cô Mathilde đã nhắc trên kia, cùng một đứa trẻ khoảng một tuổi, ngồi trong xe đẩy.

Trên ảnh, Mathilde mặc váy ngắn vải Jacquard, áo khoác da dáng ngắn và đi đôi xăng đan cao gót. Tay cô đặt trên vai Fawles. Một vẻ gì đó nhạy cảm, hết sức dịu dàng, cương nghị và rạng rỡ tựa mặt trời lan tỏa từ gương mặt cô. Fawles đứng ở tiền cảnh, mặc quần jean, áo sơ mi vải lanh màu xanh da trời nhạt và áo khoác phi công dáng ngắn. Làn da rám nắng, đôi mắt sáng, ông vẫn phong độ ngời ngời. Cặp kính râm của ông hất ngược lên trán. Người ta hiểu rằng ông đã phát hiện ra tay thợ ảnh, ông ném cho gã ánh mắt gần như muốn nói: mau rút xéo đi, cậu sẽ không bao giờ động được đến chúng tôi. Hai tay ông để trên tay cầm chiếc xe đẩy. Tôi nhìn khuôn mặt đứa trẻ và đâm bối rối, bởi nó khiến tôi nghĩ đến chính mình khi còn nhỏ. Mái tóc vàng, cặp kính tròn và màu sắc, mấy chiếc răng thưa. Dầu xâm phạm đời sống riêng tư, bức ảnh rõ ràng vẫn nắm bắt được điều gì đó: một sự đồng lõa, một khoảnh khắc thư thái, sự cân bằng hoàn hảo của một cuộc đời.

*

Tại Nam Thập Tự, đêm đã buông. Bỗng nhiên, tôi cảm thấy vô cùng cô độc và có chút buồn bã giữa bóng tối. Tôi đứng dậy để bật đèn và để có thể tiếp tục viết.

Khi quay trở lại bàn làm việc, tôi xem bức ảnh lần nữa. Tôi chưa bao giờ gặp Nathan Fawles, nhưng tôi có cảm giác quen biết ông bởi tôi từng đọc và yêu thích những cuốn sách ông viết và tôi lại đang sống tại nhà ông. Toàn bộ ánh sáng trong bức ảnh được hấp thụ bởi gương mặt và ánh cười rạng rỡ của cậu nhóc. Và tôi bỗng tin chắc rằng không phải những cuốn sách cũng chẳng phải việc viết văn đã cứu vớt Fawles. Nhà văn bám víu

vào chính tia sáng lấp lánh trong mắt cậu nhóc. Để tìm lại tự chủ và tái đầu tư cuộc sống.

Vậy nên, tôi nâng cốc whisky về phía Fawles để cụng ly cùng ông.

Tôi nhẹ lòng khi biết ông hạnh phúc.

Lorelei Strange

Nathan Fawles

Tặng Mathilde

Nathan Fawles

10 tháng Ba 1998



Little, Brown and Company
New York Boston London

Cái thật của cái giả

Cảm hứng đến từ đâu?

Câu hỏi này luôn xuất hiện vào thời điểm này hoặc thời điểm khác, trong những cuộc gặp gỡ của tôi với các độc giả, các chủ hiệu sách hay các phóng viên. Thế nhưng câu hỏi này lại không hề tầm thường vô vị như vẻ bề ngoài của nó. Cuốn tiểu thuyết này, *Cuộc sống bí mật của các nhà văn* là một hình thức trả lời khá dĩ, minh họa quá trình bí hiểm dẫn đến sự ra đời của việc viết: mọi thứ đều có khả năng là nguồn cảm hứng và chất liệu của hư cấu, nhưng không gì được tái hiện trong một cuốn tiểu thuyết đúng như những gì ta đã nhìn thấy, trải nghiệm hay học được. Giống như trong một giấc mơ kỳ lạ, mỗi chi tiết của thực tế có thể biến dạng và trở thành yếu tố căn bản của một câu chuyện được thai nghén. Vậy nên, chi tiết này trở nên mang tính tiểu thuyết. Luôn thật, nhưng hiện thực hơn.

Thí dụ, chiếc máy ảnh này, chiếc máy ảnh vì nó mà Mathilde ngỡ sẽ vạch mặt được tên sát nhân, là chi tiết lấy cảm hứng từ một mẫu tin rao vặt. Một chiếc Canon PowerShot được tìm thấy trên một bãi biển ở Đài Loan sau khi trôi dạt suốt sáu năm trời từ Hawaii. Chiếc máy ảnh thật chỉ chứa những bức ảnh chụp kỳ nghỉ. Chiếc máy ảnh trong tiểu thuyết thì nguy hiểm hơn nhiều...

Một thí dụ khác, “Thiên thần tóc vàng”, nhan đề phần thứ hai của tiểu thuyết, là biệt danh ngọt ngào mà Vladimir Nabokov đặt cho người vợ yêu Vera của ông, trong một trong vô số những bức thư ông gửi cho bà. Chính vẻ đẹp của những lá thư này, cũng như những thư đi tin lại khiến người ta xáo trộn giữa Albert Camus và Maria Casarès, là thứ mà tôi nghĩ tới khi viết phần trao đổi thư tín giữa S. và Nathan Fawles.

Về phần đảo Beaumont, đây là một hòn đảo hư cấu lấy cảm hứng một phần từ thành phố Atherton lạ lùng của California, phần khác - hấp dẫn hơn nhiều - từ Porquerolles, cũng như từ những chuyến đi của tôi tới Hydra, Corse hay Skye. Những cái tên quán xá trên đảo, với trò chơi chữ đầy sáng tạo (*Les Fleurs du Malt, Bread Pit...*), đến từ tên các quán xá tôi từng gặp ở một khúc ngoặt lúc đang di chuyển hay đang tìm tòi nghiên cứu.

Sự vỡ mộng của chủ hiệu sách, Grégoire Audibert, lấy cảm hứng từ Philip Roth và thái độ bi quan của ông về tương lai của việc đọc.

Cuối cùng, Nathan Fawles, nhân vật mà tôi thích thú được đồng hành suốt những trang viết này, đã lên đường tìm kiếm nhu cầu cô lập, thái độ từ chối viết, rút lui khỏi thế giới truyền thông cùng những ứng xử cục cằn lúc thì ở Milan Kundera và J.D. Salinger, khi lại ở Philip Roth, lại là tác giả này, và Elena Ferrante... Từ đây, tôi có cảm tưởng Nathan Fawles tồn tại độc lập, và giống như Guillaume Musso hư cấu trong Đoạn kết, tôi hạnh phúc khi biết ông đã lấy lại được niềm ham thích với cuộc sống, tại một nơi chốn khác trên thế giới.

Tham khảo

Đĩa 4: Gabriel Garcia Marquez, Gerald Martin trích dân, trong *Gabriel Garcia Marquez: một cuộc đời*, Bloomsbury, 2008; trang 7: Umberto Eco, *Hòn đảo ngày xưa*, Grasset, 1996; trang 18: Shakespeare, *Vua Lear*, khoảng 1606; trang 23: Dany Laferrière, *Nhật ký một nhà văn mặc pyjama*. Grasset, 2013; trang 40: Margaret Atwood, *Đàm phán với người chết: một nhà văn viết về việc viết*, Cambridge University Press, 2002; trang 41: John Steinbeck, *Một cuộc đời văn chương*, Viking Press, 1975; trang 51 : Umberto Eco, *Tự thú của một tiểu thuyết gia trẻ*, François Rosso dịch từ tiếng Anh, Grasset, 2013; trang 64: Gustave Flaubert, *Giáo dục tình cảm*, 1869; trang 75: Milan Kundera, *Nghệ thuật tiểu thuyết*, Gallimard, 1986; trang 95: Philip Roth, *Chiến dịch Shylock*, Gallimard, 1995; trang 97: Zora Neale Hurston, *Vết bụi trên đường*, J.B. Lippincott, 1942, “Không đâu đón nào lớn bằng việc phải mang trong mình một câu chuyện không được kể ra.”; trang 112: Raymond Queneau, *Những bài tập phong cách*, Gallimard, 1947; Emmanuel Levinas, “Nhân danh một con chó hay quyền tự nhiên”, trong *Tự do khó nhọc*, Albin Michel, 1963; trang 113: được gán cho Eugène Ionesco; trang 129: Françoise Sagan, *Tôi không bác bỏ điều gì, Phòng vấn*, 1954-1992, Stock, 2014; trang 146: Paul Féval, *Thăng gù*, 1858; trang 155: Marcel Proust, *Bên phía Guermantes*, Gallimard, 1920; trang 169: Elena Ferrante, *Frantumaglia*, Gallimard, *Du monde entier*, 2019; trang 191: Virgile, *Aeneid*, trang 199: Arthème Fayard, Bernard de Fallois trích dẫn khi nói về nhân vật của Simenon; trang 201: Henry Miller, “Đọc hay không đọc”, tạp chí *Esprit*, tháng Tư 1960; trang 205: John Irving, *Phòng vấn*, tạp chí *America*, số 6, mùa hè 2018; trang 215: Franz Kafka, *Thư gửi Milena*, Gallimard, 1956; trang 233: Georges Simenon,

Căn phòng màu xanh, Presses de la Cité, 1964; trang 234: Henri Bergson, *Tiếng cười*, Félix Alcan, 1900; trang 251: William Shakespeare, *Cơn bão*.

Các tác giả và tác phẩm khác được nhắc đến

Bắt trẻ đồng xanh, J.D. Salinger; *Carrie*, Stephen King; *Xê ri Harry Potter*, J.K. Rowling; *Xứ cát*, Frank Herbert; *Khu phố xa xôi*, Jiro Taniguchi; *Những kẻ tự sát*, *Người đàn ông nhìn những chuyến tàu qua*, Georges Simenon; *Finnegans Wake*, James Joyce; *Hòn đảo đen tối*, Hergé; *Thi sĩ*, Michael Connelly; *Ngàn lẻ một đêm*, truyện kể của Scheherazade; *Kẻ bung xung*, René Girard; *Cuốn tiểu thuyết dang dở*, Louis Aragon; *Kỵ binh trên mái nhà*, Jean Giono; *Người đẹp của lãnh chúa*, Albert Cohen; *Thư Bồ Đào Nha*, Gabriel de Guilleragues; “*Nếu tôi chết ở nơi đó...*”, tuyển tập thơ, Guillaume Apollinaire; *Ba chàng lính ngự lâm*, Alexandre Dumas; *Anh Meaules*, Alain-Fournier; *Hoàng tử thủy triều*, Pat Conroy; *Les Fleurs du Malt: Les Fleurs du Mal* (Ác hoa), Baudelaire; *Un Saint Jean Hiver: Un Singe en hiver* (Một con khỉ vào mùa đông), Antoine Blondin; Salman Rushdie, Mario Vargas Llosa, Francis Scott Fitzgerald, Michel Tournier, J.M.G. Le Clézio, Jean d’Ormesson, John Le Carré, Marguerite Duras, André Malraux, Arthur Rimbaud, Ernest Hemingway, Pablo Neruda, Cormac McCarthy. Các phim: *Trưa tím*, *Công dân Kane*, *Cỗ máy tội phạm*.

Chú Thích

⁽¹⁾ Nhà tâm lý học, dược sĩ người Pháp Émile Coué (1857-1926) đã đề xướng phương pháp tư tưởng tích cực nhằm cải thiện sức khỏe. (Mọi chú thích không lưu ý gì thêm đều là của dịch giả.) ⁽²⁾ Tên hiệu sách (tạm dịch: *Đóa hồng Đỏ thắm*) lấy từ xê ri truyện tranh nổi tiếng cùng tên của Patricia Lyfoung và Philippe Ogaki. ⁽³⁾ Tên quán đọc trại đi từ tên tác phẩm *Un singe en hiver* (Một con khỉ vào mùa đông) của nhà văn Antoine Blondin. Tên đọc trại có nghĩa là: Thánh Jean vào mùa đông. ⁽⁴⁾ Tên quán lấy từ quán ngữ của người Pháp: “C’est fort de café!”, nghĩa là “quá đáng, không thể chịu được”. ⁽⁵⁾ Tiếng Ý trong nguyên bản: Đường Chính. ⁽⁶⁾ Vừa là đọc trại tên nam diễn viên nổi tiếng Brad Pitt vừa là tên một trò chơi điện tử, trong đó, lát bánh mì phải tìm cách vượt qua chướng ngại vật để đến được với lò nướng. ⁽⁷⁾ Vừa là đọc trại tên tập thơ nổi tiếng của nhà văn Pháp Charles Baudelaire, *Fleurs du mal* (Ác hoa), vừa có nghĩa là “hoa mạch nha”, với mạch nha là nguyên liệu chính để làm bia, rượu. ⁽⁸⁾ “Hòn đảo Đen tối” cũng là nhan đề tập thứ bảy trong loạt truyện tranh *Những cuộc phiêu lưu của Tintin* do Hergé sáng tác. ⁽⁹⁾ Tiếng Anh trong nguyên bản: quản lý cộng đồng. ⁽¹⁰⁾ (1932-1982): nghệ sĩ dương cầm người Canada, một trong những nghệ sĩ dương cầm nổi tiếng nhất thế giới, gương mặt tiêu biểu của thế kỷ XX. ⁽¹¹⁾ Gió bắc thổi từ hướng Tây. ⁽¹²⁾ Nhân vật chính trong phim *Mặt sẹo* của đạo diễn Brian de Palma kể về hành trình của một tên du côn đầu đường xó chợ xuất thân từ một thanh niên Cuba di cư tị nạn nhưng tham vọng đến mức có thể làm mọi việc để kiếm tiền và vươn lên thành ông trùm xã hội đen của Mỹ vào thập niên 1980. ⁽¹³⁾ Tiếng Anh trong nguyên bản: công khai thiên hướng tình dục. (thành ngữ đầy đủ là *Coming out of the closet*). ⁽¹⁴⁾ Thành ngữ Latin được sử dụng trong môn bản đồ học thời Trung

đại để chỉ những vùng đất xa lạ hoặc hiểm nguy. (Chú thích của tác giả.) ⁽¹⁵⁾ Công ty thiết kế thời trang và nội thất nổi tiếng thế giới, thành lập năm 19 tại Anh. ⁽¹⁶⁾ “Dụ ngôn hang động” nằm trong tập 7 của Cộng hòa, tác phẩm nổi tiếng nhất của Plato. ⁽¹⁷⁾ (1908-1989) Nhạc trưởng người Áo, chỉ huy chính của dàn nhạc Berlin Philharmonic trong vòng 35 năm, một trong những nhạc trưởng vĩ đại nhất thế kỷ XX. ⁽¹⁸⁾ Quentin Tarantino (sinh ngày 27 tháng Ba năm 1963): nhà làm phim người Mỹ nổi tiếng với những bộ phim đậm chất bạo lực. ⁽¹⁹⁾ (1930-2010): nhà làm phim người Pháp nổi tiếng, một trong những người sáng lập trào lưu Làn Sóng Mới, phim của ông thường gay cấn, hồi hộp và chỉ trích gay gắt giới nhà giàu. ⁽²⁰⁾ ⁽³⁾ Michel Rocard (1930-2016): quan chức cao cấp kiêm chính khách Pháp, gia nhập đảng Xã hội từ năm 1949. ⁽²¹⁾ (1884-1947): biên tập viên văn học người Mỹ, có công khám phá các tác giả nổi tiếng như Ernest Hemingway, F. Scott Fitzgerald và Thomas Wolfe... ⁽²²⁾ (sinh năm 1934): nhà văn kiêm biên tập viên văn học người Mỹ, có công khám phá các tác giả nổi tiếng như Raymond Carver, Rick Bass và Richard Ford... ⁽²³⁾ A Clockwork Orange, bộ phim viễn tưởng sản xuất năm 1971 của đạo diễn Stanley Kubrick phỏng theo tiểu thuyết cùng tên của Anthony Burgess. ⁽²⁴⁾ (1921-2004): nghệ sĩ đa tài cả trong lĩnh vực điện ảnh, sân khấu và truyền hình Anh quốc. ⁽²⁵⁾ Nhân vật giả tưởng từng xuất hiện nhiều lần trong các tác phẩm trinh thám của Agatha Christie. ⁽²⁶⁾ Viện quốc gia Pháp về các nghiên cứu khảo cổ giam cứu. (*Institut national de recherches archéologiques préventives*).

1. [LỜI MỞ ĐẦU Bí ẩn Nathan Fawles](#)
2. [1 Phẩm chất hàng đầu của một nhà văn](#)
3. [2 Học cách viết](#)
4. [3 Danh sách đồ cần mua của các nhà văn](#)
5. [4 Phòng vấn một nhà văn](#)
6. [5 Cô gái mang câu chuyện](#)
7. [6 Kỳ nghỉ của nhà văn](#)
8. [7 Trưa tím](#)
9. [8 Mỗi người là một bóng tối](#)
10. [9 Cái chết của người thân chúng ta](#)
11. [10 Các nhà văn chống lại phần còn lại của thế giới](#)
12. [11 Và thế là đêm tối](#)
13. [12 Một khuôn mặt biến đổi](#)
14. [13 Hoa khô Sarajevo](#)
15. [14 Hai kẻ thoát nạn từ hư vô](#)
16. [ĐOẠN KẾT “Cảm hứng đến từ đâu?”](#)
17. [Tham khảo](#)
18. [Chú Thích](#)

Landmarks

1. [Cover](#)

Table of Contents

[LỜI MỞ ĐẦU Bí ẩn Nathan Fawles](#)

[1 Phẩm chất hàng đầu của một nhà văn](#)

[2 Học cách viết](#)

[3 Danh sách đồ cần mua của các nhà văn](#)

[4 Phòng văn một nhà văn](#)

[5 Cô gái mang câu chuyện](#)

[6 Kỳ nghỉ của nhà văn](#)

[7 Trưa tím](#)

[8 Mỗi người là một bóng tối](#)

[9 Cái chết của người thân chúng ta](#)

[10 Các nhà văn chống lại phần còn lại của thế giới](#)

[11 Và thế là đêm tối](#)

[12 Một khuôn mặt biển đổi](#)

[13 Hoa khô Sarajevo](#)

[14 Hai kẻ thoát nạn từ hư vô](#)

[ĐOẠN KẾT “Cảm hứng đến từ đâu?”](#)

[Tham khảo](#)

[Chú Thích](#)